

Thành Kính Tưởng Niệm

60 năm

BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

vị pháp thiếu thân

QUẢNG ĐỨC

ẤN PHẨM - BAN VĂN HÓA PHẬT GIÁO TỈNH KHÁNH HÒA

BTS GHPGVN TỈNH KHÁNH HÒA

CHỦ BIÊN

HT. Thích Minh Thông

PHÓ CHỦ BIÊN KIỂM THƯ KÝ

Thanh Tri

THIẾT KẾ BÌA & TRÌNH BÀY

Giang Phong

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

VP BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hòa

Chùa Long Sơn

20 đường 23/10, Tp. Nha Trang,

tỉnh Khánh Hòa

Email:

tapsanvanhoaquangduc@gmail.com

Điện thoại: 091 6958459

Bìa 1: Bồ tát Quảng Đức
tự thiêu năm 1963

Ảnh: Tác giả Malcolm W. Browne

TRONG TẬP NÀY

03. Lời nói đầu
04. Tiểu sử Bồ tát Thích Quảng Đức
09. Niên biểu Bồ tát Thích Quảng Đức
10. 14 ngôi chùa liên quan đến Bồ tát Quảng Đức...
32. Ngọn lửa Quảng Đức
35. Hồi ký vụ tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức
43. Kế hoạch nước lũ
50. Một thiên thu tuyệt tác
53. Nhớ lại 60 năm Bồ tát Quảng Đức...
56. Tưởng niệm Ngọn Đuốc 1963
60. Những năm tháng khó quên
64. Hy hữu Việt Nam Tăng
67. Ngọn lửa Bồ tát Quảng Đức trong mắt ...
75. Tinh thần vô ngã vị tha của Bồ tát Quảng Đức...
81. Từ kinh điển Phật giáo đến tâm thư...
90. Công đức và hạnh nguyện...
96. Bồ tát Quảng Đức qua bản "Hộ Giới Điệp"
100. Ngàn đời sáng ngời mặt hạnh
104. Cà sa vương khói
112. Nha Trang những ngày giông bão
116. Ký sự ảnh
124. Viếng tượng đài sư cô Diệu Quang
128. Tổng hợp những thông tin về...
134. 60 năm ngọn lửa vẫn sáng
141. Trang thơ
152. Tiểu sử chư Thánh tử đạo
158. Ký sự ảnh
194. Tổng hợp chuỗi sự kiện...

Lời nói đầu

Bồ tát Quảng Đức, người con linh thiêng của “Non Nước Khánh Hòa” đã đi vào lịch sử như một huyền thoại với trái tim bất diệt.

Hơn hai ngàn năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, có lẽ Ngài Quảng Đức là trường hợp hy hữu được tôn xưng lên hàng Bồ tát, điều đó nói lên vị trí độc sáng của Ngài trong thiên sử.

Nhớ lại những ngày này cách đây 60 năm về trước tại miền Nam Việt Nam, Phật giáo đang trong cơn nguy khốn cùng cực vì sự bức hại tàn bạo của “Ngô triều”, khiến cho cơ đồ ngàn năm của lịch đại Tổ sư có nguy cơ bị tiêu vong. Giữa hoàn cảnh điều linh đó, một “nhục thân Bồ tát” đã bước ra ngòi giữa ngã tư đường Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt của đô thành Sài Gòn (nay là Nguyễn Đình Chiểu - Cách Mạng Tháng Tám, quận 3, TP. Hồ Chí Minh) điềm nhiên tự tại chàm lửa thiêu đốt thân mình để bảo tồn nền đạo pháp - dân tộc. Đó chính là Bồ tát Quảng Đức.

Điều màu nhiệm đã xảy ra, là sau khi lửa tắt tro tàn, trái tim Ngài vẫn còn đó như một minh chứng hùng vĩ rằng, tình yêu thương của người con Phật vẫn luôn hiện hữu, dù có đi qua bao lửa đỏ hung tàn.

60 năm đã trôi qua, cho một chu kỳ Hoa giáp khép lại hành trình với bao lớp phé hưng đắp đổi, nhưng tấm gương đại hùng - đại lực - đại từ bi của Bồ tát vẫn rực sáng giữa cuộc đời, soi đường cho nhân thế đi về hướng của hiểu biết và yêu thương.

Để tưởng nhớ 60 năm ngày Bồ tát vị pháp thiêu thân, Tập san văn hóa Quảng Đức thực hiện số đặc biệt chuyên đề: Bồ tát Quảng Đức - Sáu Mươi Năm Ngọn Lửa Vẫn Sáng, với những bài viết của chư tôn đức, các nhà nghiên cứu, học giả và chứng nhân lịch sử về những ngày tháng bi hùng không thể nào quên đó, như một lễ phẩm dâng lên cúng dường Bồ tát.

Ban biên soạn xin chân thành cảm niệm công đức quý tác giả đã góp bài, tư liệu trong “ấn phẩm” này, trong đó có một vài trường hợp do không thể liên hệ được với tác giả, cũng như chưa thể tập thành tất cả những tư liệu, bút tích... liên quan đến cuộc đời Bồ tát. Chúng tôi xin chân thành cáo lỗi và kính mong chư vị thức giả niệm tình hỷ xả cho.

NAM MÔ ĐẠI HÙNG ĐẠI LỰC QUẢNG ĐỨC BỒ TÁT

Chủ biên

HT. Thích Minh Thông



TIỂU SỬ
BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC
(1898 - 1963)

Hòa thượng Thích Quảng Đức, thế danh là Lâm Văn Tuất, sinh năm 1898 (Mậu Tuất) tại thôn Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Ngài là con út trong một gia đình có 7 anh chị em, thân sinh là cụ ông Lâm Hữu Ứng và cụ bà Nguyễn Thị Nương.

Lên 7 tuổi, Ngài được song thân gửi đến chùa Long Sơn ở Phú Cang, Vạn Ninh cho xuất gia thọ giáo với Hòa thượng Như Đạt - Giải Nghĩa, hiệu Hoằng Thâm, thuộc dòng thiền Chúc Thánh, là cậu ruột, được Hòa thượng nhận làm con nuôi và đặt tên là Nguyễn Văn Khiết.

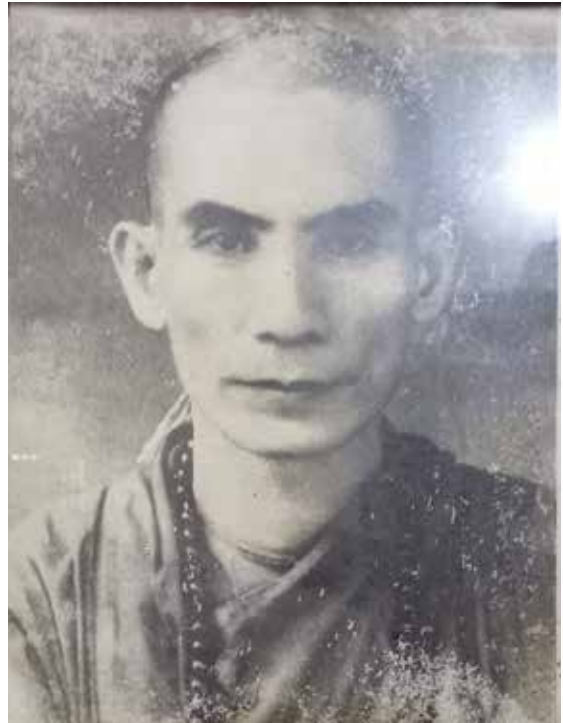
Năm 15 tuổi, Ngài thọ giới Sa Di, năm 20 tuổi thọ giới Tỳ Kheo và Bồ Tát, được ban pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hạnh Pháp, pháp hiệu Quảng Đức.

Trong khoảng thời gian từ năm 1914-1917 Ngài được gửi vào Cam Ranh thọ học với HT Thiện Tường chùa Linh Sơn (nay là chùa Phước Long), và có thời gian trông coi chùa này khi HT Thiện Tường viên tịch. Năm 1921, bổn sư là Ngài Hoằng Thâm viên tịch, sau một thời gian cư tang, năm 1925 Bồ tát đến chùa Thiên Bửu thượng ở Diêm Tịnh, Ninh Hòa lạy Tổ Thanh Chánh - Phước Tường cầu y chỉ sư nên được ban pháp hiệu là Nhơn Tri. Từ đây Ngài cùng với chư tôn đức ở huyện Ninh Hòa tạo dựng được nhiều Phật sự quan trọng tại địa phương này.

Năm 1927, Ngài phát nguyện nhập thất tu ba năm trên một ngọn núi có tên là núi Đất ở Ninh Hòa. Về sau Ngài có lập trên núi này một ngôi chùa lấy hiệu là Thiên Lộc Tự.

Rời núi, Ngài vân du hóa đạo một mình với chiếc bình bát theo hạnh đầu đà khát thực. Hai năm mãn nguyện, Ngài được cung thỉnh làm trụ trì chùa Sắc Tứ Thiên Ân ở Ninh Hòa. Tại đây Ngài tiếp tục hạnh nguyện tịch cốc chuyên tu.

Năm 1932, hội An Nam Phật Học ra đời tại Huế, tiếp đó mở rộng cơ sở ra khắp nơi. Năm 1936 chi hội An Nam Phật học Ninh

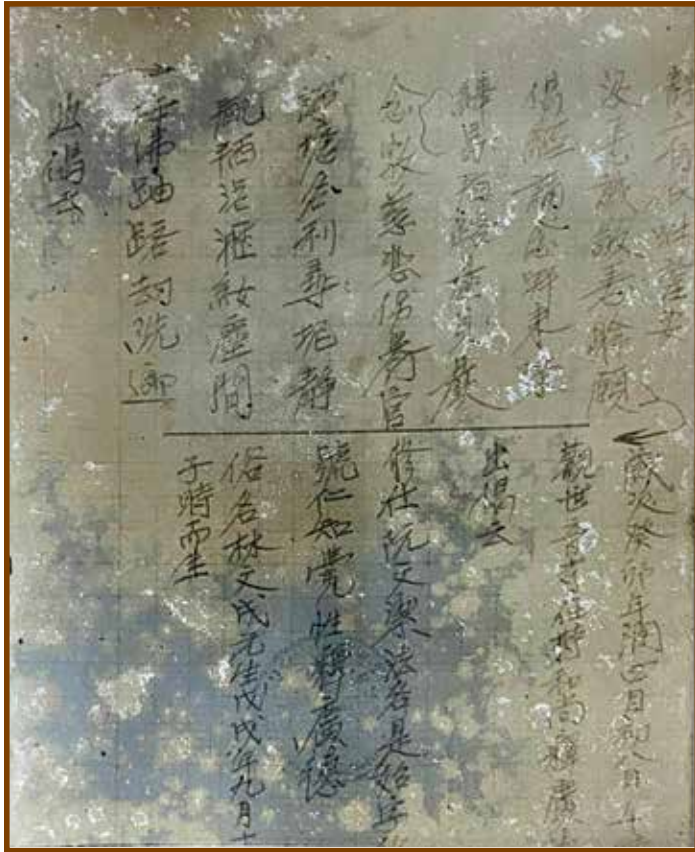


Hòa được thành lập. Đại lão Hòa thượng Phước Huệ chùa Hải Đức - Nha Trang đã đến chùa Thiên Ân thăm viếng, đàm đạo với Ngài và mời Ngài nhận chức Chứng minh Đạo sư cho Chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa. Ba năm sau, Ngài được thỉnh cử giữ chức Kiểm Tăng cho Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa.

Năm 1940, Ngài đã cùng với Bác sỹ Tâm Minh - Lê Đình Thám đứng ra vận động thành lập cơ sở cho hội An Nam Phật học, tức là chùa Đức Hòa ngày nay.

Năm 1945, Ngài rời Khánh Hòa vào Nam hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa xuống đến Hà Tiên. Ngài cũng đã từng sang Nam Vang lưu trú ba năm, vừa giáo hóa các Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu kinh điển Pali và Phật giáo Nam Tông.

Từ khi rời đất Khánh Hòa vào Nam hành đạo, Ngài đã gắn bó với vùng đất này đến ngày vị pháp thiêu thân, nhưng tấm lòng của Ngài đối với quê hương bản quán luôn nhất quán chứa chan. Nên mỗi dịp giỗ Tổ hay Phật sự quan trọng của quê nhà Ngài đều trở về tham dự, chứng minh... và mỗi lần như



Thủ bút Xuất Kệ vân của Bồ tát Quảng Đức. Trong đó Ngài cho biết các tên và ngày tháng năm sinh của Ngài

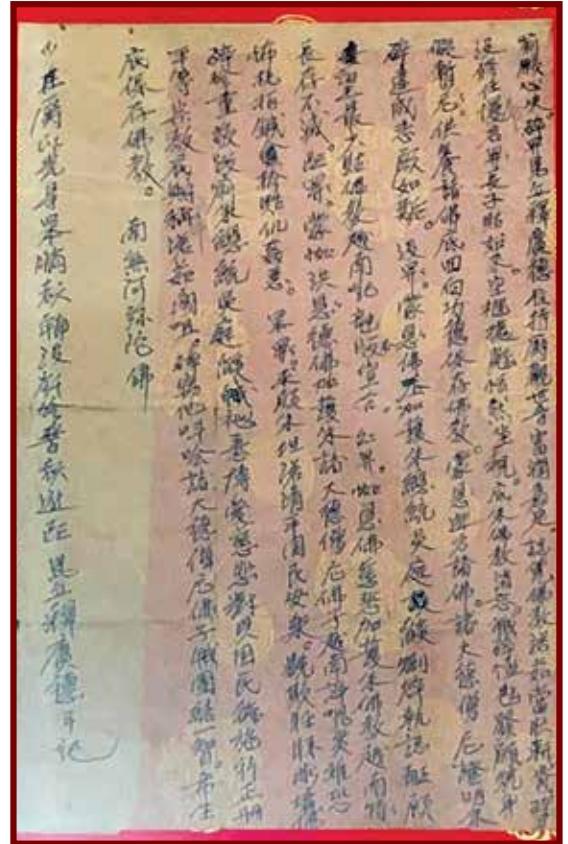
vậy Ngài lại có dịp trùng kiến, khai sơn thêm những ngôi chùa khác nữa cho quê hương.

Trong suốt cuộc đời hành đạo của mình, Ngài đã kiến tạo và trùng tu cho quê hương Khánh Hòa tất cả 14 ngôi chùa.

Tại miền Nam, lúc mới vào Ngài lưu trú tại chùa Long Vĩnh (quận 3 - Sài Gòn) một thời gian dài, nên dân chúng quen gọi Ngài là Hòa thượng Long Vĩnh. Suốt thời gian hóa độ chúng sinh, bất cứ nơi nào, Ngài cũng dốc lòng làm tròn nhiệm vụ của một sứ giả Như Lai, kể tục các thế hệ Tổ sư truyền giáo, chăm lo tô bồi công đức, hoàng dương chánh pháp.

Năm 1953, Ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trị Sự và Trưởng ban Nghi lễ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, đồng thời lãnh nhiệm vụ trụ trì chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ, là nơi đặt trụ sở đầu tiên của Hội Phật Học Nam Việt.

Năm 1958, khi trụ sở của Hội dời về chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi già sức yếu,



Thủ bút lời nguyện tâm quyết của Bồ tát Quảng Đức.

và với bản nguyện “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, Ngài xin thôi mọi chức vụ để có đủ thì giờ an tâm tu niệm. Tuy nhiên, vốn có tâm từ bi, Ngài vẫn để cho gót chân vân du hành đạo ghi dấu nhiều nơi, khi thì chùa Quan Thế Âm ở Gia Định, lúc lại tới chùa Long Phước, Pháp Hải huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, lúc khác về chùa Thiên Phước ở Cai Lậy, Tiền Giang dùng mọi phương tiện thích ứng hướng dẫn hậu sinh mê mờ quay về chánh đạo.

Trong phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam vào năm 1963 đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, tuy tuổi đã già, Ngài vẫn tích cực tham gia. Chính sách kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử của Ngô Đình Diệm ngày một nặng nề và khốc liệt. Máu Phật tử đã đổ ở Đài Phát Thanh Huế. Chùa chiền bị phong tỏa, Phật tử bị bắt bớ khắp nơi. Để thức tỉnh ông Ngô Đình Diệm và tập đoàn của ông đang đắm chìm trong vô minh sớm thỏa mãn 5 nguyện vọng của

Phật giáo đồ, đồng thời để cho thế giới nhận thấy cuộc đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng của Phật tử Việt Nam là chính đáng, Ngài đã quyết định thực hiện tâm nguyện của mình là được thiêu đốt nhục thân để cúng dường chư Phật và bảo vệ Đạo pháp, bởi Ngài nhận ra rằng thân ngũ uẩn này chỉ là giả tạm, chỉ có làm sao cho Chánh pháp được trường tồn mới là hạnh nguyện cao cả để Ngài phục vụ chân lý bất diệt.

Ngày 20 tháng 4 năm Quý Mão, tức ngày 11-6-1963, cuộc diễu hành rước di ảnh các Thánh tử đạo của trên 800 vị Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và Phật tử từ chùa Phật Bửu đến chùa Xá Lợi, khi đoàn diễu hành tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám), Ngài từ trên xe hơi bước xuống, tấm xăng thấm ướt mấy lớp cà sa, ngồi kiết già trên mặt đường, tự châm lửa giữa hàng mấy trăm Tăng Ni đang vây quanh chấp tay cầu nguyện. Ngọn lửa bốc cao, phủ kín thân mình, Ngài vẫn an nhiên chấp tay tĩnh tọa.

Gần 15 phút sau, lửa tàn và Ngài ngã xuống, tay vẫn còn quyết ấn tam muội.

Nhục thân của Ngài được rước về quán tại chùa Xá Lợi hơn một tuần lễ. Đến ngày 20/06/1963, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, cùng tất cả chư Tăng Ni và Phật tử tổ chức lễ rước đưa về An dưỡng địa, cử hành trọng thể lễ Trà tỷ.



Nhà thờ tổ phụ của Bồ tát ở làng Hội Khánh

Sau khi hỏa thiêu suốt ngày, trong lò điện thiêu đến 4.000 độ - xương thịt cháy tiêu hết. Duy chỉ có trái tim của Ngài vẫn còn nguyên, được thiêu lần thứ hai vẫn không cháy.

Cái chết phi phạm của Bồ Tát Quảng Đức đã làm chấn động dư luận khắp hoàn cầu. Báo chí thế giới đăng tin lên trang đầu cùng hình ảnh tự thiêu của Ngài. Việc Ngài tự thiêu, được đồng bào cả nước biết ngay chiều hôm đó, và đã gây xúc động sâu xa trong mọi tầng lớp, không phân biệt tôn giáo. Sự hy sinh vì đạo của Ngài đã làm cho Ngô Đình Diệm vô cùng hoảng hốt và lo sợ, tìm mọi cách đối phó với Phật giáo bằng những thủ đoạn thâm độc hơn, đồng thời nó cũng đẩy mạnh phong trào đấu tranh của Phật giáo cuộn cuộn như sóng thần để đi đến kết thúc là ngày 01-11-1963 chế độ độc tài, gia đình trị của họ Ngô sụp đổ, Phật giáo Việt Nam thoát qua một pháp nạn.

Trước khi tự thiêu, Ngài có để lại một bức thư gọi là “Lời nguyện tâm quyết”, nói rõ chủ định và nguyện vọng của Ngài. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào, mà trái lại còn toát lên tình thương và hy vọng: **“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui**



Cổng dẫn vào làng của Bồ tát

lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

1/ Mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.

2/ Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3/ Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khùng bố, bất bố, giam cầm của kẻ ác gian.

4/ Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với Quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo toàn Phật giáo.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Tỳ Kheo Thích Quảng Đức thủ ký”.

Ngoài ra, Ngài còn để lại năm bài kệ, dặn dò môn đồ và đệ tử sống theo Bát chánh đạo và Lục hòa, đoàn kết và giữ vững niềm tin trong đạo pháp.

Cũng như ở miền Trung, gần hai mươi năm hành đạo ở miền Nam, Ngài đã khai sơn và đại trùng tu được 17 ngôi chùa. Cảnh chùa cuối cùng Ngài trụ trì là chùa Quan Thế Âm, tại Gia Định, Sài Gòn. Như vậy, Ngài đã có công xây dựng và trùng tu cả thảy 31 ngôi chùa ở miền Trung và miền Nam Việt Nam.

Để ghi nhớ công hạnh của Ngài, sau khi



Quả tim bất diệt của Bồ tát Quảng Đức.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời, Hội đồng Lương viện Tăng Thống và Hóa Đạo trong một phiên họp trước ngày Phật Đản năm 1964, đã đồng thanh quyết nghị suy tôn Ngài pháp vị BỒ TÁT. Sau ngày đất nước thống nhất. Nhà nước dùng pháp hiệu của Ngài đặt tên cho đường Nguyễn Huệ cũ chạy qua trước chùa Quan Thế Âm là đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận.

Quả tim Bồ Tát Quảng Đức là một minh chứng cụ thể cho tấm lòng của muôn người con Phật luôn yêu chuộng hòa bình tự do và bình đẳng nhưng cũng bất khuất trước nạn cường quyền và áp bức. Trái tim ấy trở thành biểu tượng tinh thần của Phật giáo Việt Nam và là trái tim của nhân loại đã và đang đấu tranh mãi cho tự do hòa bình, hạnh phúc nhân sinh. ○

**Nha Trang, năm Quý Mão - 2023
Ban Biên soạn Ấn phẩm Quảng Đức
Tập thành**

NIÊN BIỂU BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

(Giai đoạn ở Khánh Hòa)

1898: Bồ tát chào đời

1904: Bồ tát xuất gia với Tổ Hoằng Thâm tại chùa Long Sơn (Phú Cang - Vạn Ninh) và được đặt tên là Nguyễn Văn Khiết

1912: Bồ tát thọ giới Sa Di

1914 - 1917: Được gửi vào chùa Linh Sơn ở Cam Ranh (nay là chùa Phước Long) theo học với HT. Thiện Tường

1917: Thọ giới Tỳ Kheo. Cũng trong năm này Bồ tát trở về làm tri sự chùa Long Sơn ở Phú Cang

1921: Tổ Hoằng Thâm viên tịch

1925: Bồ tát vào chùa Thiên Bửu thượng ở Diêm Tịnh, Ninh Hòa cầu pháp với Tổ Thanh Chánh - Phước Tường và được ban pháp hiệu là Nhơn Tri. Từ đây mở ra thời kỳ hành đạo nơi vùng đất Ninh Hòa

1927 - 1930: Bồ tát nhập thất tại núi Đát ở Ninh Hòa

1930 - 1932: Bồ tát tu hạnh đầu đà vân du

1933: Bồ tát nhận làm trụ trì chùa Thiên Ân ở Ninh Đông, Ninh Hòa. Cũng tại đây vào năm 1936, khi Ngài vừa ra thất sau một thời gian dài tịch cốc chuyên tu, Đại lão Hòa thượng Phước Huệ chùa Hải Đức ở Nha Trang ra thăm và mời Bồ tát đảm nhận chức vụ chứng minh cho chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa. Làm Kiểm Tăng cho Hội Phật giáo Ninh Hòa

1935: Bồ tát dựng chùa Thiên Lộc trên núi Đát.

1936: Bồ tát làm chứng minh cho chi hội An Nam Phật Học Ninh Hòa. Lúc này văn phòng hội được đặt tạm thời tại chùa Khánh Long ở Phước Đa, nên cũng trong khoảng thời gian này Bồ tát đảm nhiệm tọa

chủ chùa Khánh Long, kiêm nhiệm trụ trì chùa Thiên Tứ dưới chân núi Đát.

1937: Bồ tát khai sơn chùa Long Hà ở Ninh Thủy, Ninh Hòa

1938: Bồ tát đón nhận bằng Sắc tứ cho chùa Thiên Ân

1939: Làm Kiểm tăng cho Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa

1940: Bồ tát cùng Bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám đứng ra vận động xây dựng cơ sở mới cho chi hội An Nam Phật Học Ninh Hòa, tức chùa Đức Hòa ngày nay. Cũng trong năm này Bồ tát về trụ trì chùa Linh Sơn ở Hiền Lương, Vạn Ninh. Tiếp đó Bồ tát khai sơn chùa Pháp Hải ở Ngọc Sơn, Ninh Hòa

1941: Bồ tát trùng tu chùa Linh Sơn và chứng minh cho chùa Bảo Sơn dựng lại.

1942: Bồ tát chủ trì đón nhận bằng sắc tứ chùa Linh Sơn

1944: Bồ tát trùng tu Chánh điện, Tổ đường chùa Linh Sơn và mở rộng đất chùa.

1945: Bồ tát bắt đầu vào miền Nam hành đạo

1946: Bồ tát dời chùa Pháp Hải về Lạc Bình sau khi chùa bị Pháp ném bom

1950: Bồ tát khai sơn chùa Lạc Sơn ở Ninh An, Ninh Hòa.

1957: Bồ tát từ miền Nam trở về trùng tu chùa Pháp Hải lần 2 sau khi tiếp tục bị ném bom. Cũng trong năm này Bồ tát khai sơn chùa Phước Hòa

1959: Bồ tát từ miền Nam về chùa Thiên Bửu thượng cúng Tổ, được dân làng Thạch Thành cung thỉnh nên Ngài Nhận lời trụ trì chùa Long Phước. ○ (BST)

14 ngôi chùa liên quan đến BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC ở Khánh Hòa

✓ Thanh Tri (Tổng hợp)



1. Chùa Long Sơn - Phú Cang, Vạn Ninh, nơi Bồ tát xuất gia nhập đạo.

2. Chùa Linh Sơn (chùa Phước Long) - TP Cam Ranh, nơi Bồ tát từng được gửi vào tu học trong thời gian còn Sa di

3. Chùa Thiên Bửu (thượng) - Diêm Tịnh, Ninh Hòa, nơi Bồ tát cầu pháp với tổ Phước Tường và được ban pháp tự Nhơn Tri

4. Chùa Thiên Ân - Ninh Đông, Ninh Hòa, nơi Bồ tát tiếp tục nhập thất chuyên tu sau thời gian vân du theo hạnh đầu đà. Tại đây Bồ tát đón nhận bằng sắc tứ vua ban.

5. Chùa Thiên Lộc - Núi Đất, Ninh Hòa, nơi Bồ tát nhập thất ẩn tu 3 năm, sau đó Bồ tát dựng lên ngôi chùa tại đây.

6. Chùa Thiên Từ - Mỹ Trạch, Ninh Hòa, dưới chân núi đất, nơi Bồ tát giảng dạy Phật pháp cho tứ chúng, sau thời gian ẩn tu trên núi Đất.

7. Chùa Khánh Long - Ninh Đa, nơi Bồ tát có thời gian làm tọa chủ Chứng minh cho Chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa.

8. Chùa Long Hà - Bá Hà, Ninh Hòa do Bồ tát khai sơn năm 1937.

9. Chùa Đức Hòa (chùa chi hội Ninh Hòa) do Bồ tát khai sơn năm 1940.

10. Chùa Pháp Hải - Lạc Bình, Ninh Hòa – do Bồ tát khai sơn năm 1941 và hiện còn bảo tồn di tích Bồ tát xây dựng

11. Chùa Linh Sơn - Hiền Lương, Vạn Ninh, nơi Bồ tát từng trụ trì, hiện còn di tích do Bồ tát Xây dựng, và đón nhận bằng sắc tứ.

12. Chùa Lạc Sơn - Ninh An, Ninh Hòa do Bồ tát khai sơn năm 1952.

13. Chùa Phước Hòa - Ninh An, Ninh Hòa do Bồ tát khai sơn năm 1957

14. Chùa Long Phước - Thạch Thành, Ninh Hòa, nơi Bồ tát đảm nhận trụ trì sau khi từ miền nam về thăm quê 1959.

1. Chùa Long Sơn

Nơi BỒ tát xuất gia nhập đạo



Chùa Long Sơn, có khi còn được gọi là chùa Long Sơn Phú Cang để phân biệt với chùa Long Sơn - Nha Trang.

Chùa tọa lạc trên ngọn núi Một, có diện tích gần 7.000m², thuộc địa phận thôn Phú Cang 1, xã Vạn Phú, huyện Vạn Ninh.

Chùa nguyên là một cổ tích, tạo lập từ thời nào không rõ được, chỉ biết vào năm 1902, đời vua Thành Thái năm thứ 13, Hoà thượng Thích Như Đạt, tự là Giải Nghĩa, hiệu Hoàng Thâm - tức cậu ruột của Bồ tát Quảng Đức đã cùng bốn xã và quan cửu phẩm Võ Trung, Ngô Hữu Lộc góp công, của, trùng tu lại ngôi chùa vốn đang hoang phế điêu tàn. Sau khi xây dựng xong, dân làng giao cho Hoà thượng Hoàng Thâm trụ trì.



Tổ Hoàng Thâm - Bốn sư của Bồ tát Quảng Đức

Trên bảng công đức ghi tên người cúng dường trùng tu chùa Long Hòa lập năm Giáp Thìn (1904) hiện tàng trữ tại chùa Long Hòa, có ghi nhận là: “Hòa thượng Hoằng Thâm chùa Thánh Kinh”. Như vậy, Hoà thượng Hoằng Thâm trụ trì chùa Thánh Kinh, được thỉnh về trùng tu chùa Long Sơn, rồi trụ trì thêm ngôi già lam này.

Về chùa Thánh Kinh, dựa theo cuốn “Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức”, phần tư liệu về Tổ Hoằng Thâm, tại văn kiện số 22 do Ngài Hoằng Thâm lập năm Duy Tân thứ 2 (1908), cho biết chùa do Ngài khai sơn trước năm 1898, và đã tạo mãi cho chùa này 22 mẫu ruộng ở làng Vinh Huê.

Đến năm 1908, sau khi nhận trụ trì chùa Long Sơn, Tổ Hoằng Thâm đã sáp nhập chùa Thánh Kinh vào chùa Long Sơn, đem 22 mẫu ruộng của chùa Thánh Kinh cúng cho chùa Long Sơn 16 mẫu, chùa Linh Sơn - Hiền Lương 3 mẫu và chùa Long Hòa 3 mẫu.

Chùa là di tích lưu niệm Bồ tát Quảng Đức khi Ngài nhập đạo, thể phát quy y với Hòa thượng Thích Hoằng Thâm vào năm 1904. Theo như lời truyền lại thì Bồ tát từ nhỏ vốn người ốm yếu, đau bệnh liên miên, sợ Ngài không qua khỏi, nên bố mẹ mới đưa Ngài vào chùa “ký bán” cho Phật, với mong ước là nương oai lực của chư Phật chư Tổ mà hết bệnh, sống lâu. Tổ Hoằng Thâm đã thể phát cho Ngài và nhận làm con nuôi, đặt tên cho Ngài là Nguyễn Văn Khiết. Như vậy tổ Hoằng Thâm vừa là bổn sư, vừa là cậu ruột và cha nuôi. Cũng theo lời truyền lại, thì kể từ khi vào chùa, Bồ tát không còn ốm đau nữa mà hết sức khỏe mạnh cường tráng cao lớn.

Ngoài Bồ tát ra thì song thân của Ngài cũng quy y tại chùa này, anh của Bồ tát là Ngài Thị Cảnh - Hành Phước - Viên Minh cũng xuất gia tại đây. Chùa được Vua ban biên sắc tứ vào năm Bảo Đại thứ 14 (1938).



Xá lợi của Bồ tát Quảng Đức còn lưu tại chùa Long Sơn

Năm 2010, chùa đã kiến tạo tượng đài và công viên Bồ tát Quảng Đức trong khuôn viên theo nguyên mẫu lấy từ tượng đài nơi ngã tư đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, TP.Hồ Chí Minh.

Trước cổng chùa còn lưu lại một lô cốt đen sùi của thực dân Pháp như chứng tích của một thời đất nước điêu linh và thảm nạn của chùa.

Chùa còn lưu giữ được những kỷ vật thiêng liêng của Bồ-tát Thích Quảng Đức gồm ấn triện, thủ bút, pháp khí, y mão, bình bát...

Hàng năm, chùa tổ chức lễ tưởng niệm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân vào ngày 19 tháng Tư âm lịch.

Với những giá trị lịch sử văn hoá Phật giáo, chùa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2732/QĐCT-UBND, ngày 30/9/2015 xếp hạng là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Tỉnh. ○



Bảng Sắc tứ chùa Long Sơn (Vạn Ninh)



Y, mao, Bình bát và ấn triện của Bồ tát Quảng Đức còn lưu tại chùa Long Sơn (Vạn Ninh)



2. Chùa Phước Long

Nơi Bồ tát Quảng Đức từng tu học



Chùa Phước Long tọa lạc tại khóm 10, phường Cam Linh, Thị trấn Ba Ngòi, Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa do Hòa Thượng Thích Thiện Tường khai sơn vào năm 1910. Lúc này chùa mang tên là Linh Sơn, tọa lạc ngay trên bán đảo Cam Ranh.

Trong khoảng thời gian từ năm 1914-1917 Bồ tát Thích Quảng Đức được bổn sư gửi vào đây theo học mật chú với Hòa thượng Thiện Tường. Được một thời gian thì Hòa thượng Thiện Tường viên tịch, nên Bồ tát đứng ra trông coi, sửa sang chùa cảnh.

Năm 1935, Pháp chiếm bán đảo Cam Ranh, ra lệnh giải tỏa chùa và bồi thường tám mươi lăm đồng bạc Đông Dương. Hòa thượng Thích Nhơn Hưng cùng một số Phật tử dời chùa về vùng đá Giới thuộc



Nhà tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức

phường Cam Linh, nay là khóm 10, thị trấn Ba Ngòi, TP. Cam Ranh, và đổi thành tên chùa Phước Long cho đến ngày hôm nay.

Hiện tại chùa có một ngôi nhà lưu niệm Bồ tát cạnh ngôi Chánh điện, được cất bằng đá san hô, bên trong tôn trí pho tượng Bồ tát ngồi tự thiêu bằng gỗ cao khoảng 80cm trong rất uy nghiêm mỹ thuật. ○

3. Tổ đình Thiên Bửu

Nơi Bồ tát Quảng Đức cầu y chỉ sư



Tổ đình Thiên Bửu hay chùa Tổ, chùa Kỳ Lân tọa lạc tại thôn Diêm Tịnh, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Tại Ninh Hòa có hai ngôi Tổ đình đều mang tên Thiên Bửu, nên để phân biệt với chùa Thiên Bửu ở thôn Bình Thành, người dân thường gọi nơi đây là Thiên Bửu thượng, hoặc gọi theo tên làng là chùa Diêm Tịnh.

Chùa Thiên Bửu do Tổ Tế Hiển - Bửu Dương, đời thứ 36 tông Lâm Tế Liễu Quán, khai sơn vào khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, là một trong những ngôi cổ tự tại thị xã Ninh Hòa, và là ngôi Tổ đình của nhánh Lâm Tế Liễu Quán ở đất Khánh Hòa.

Bảng sắc tứ chùa Thiên Bửu hạ lập năm Minh Mạng thứ 16 (1835) cho biết chùa Thiên Bửu hạ được kiến tạo vào năm Tân Mão (1711). Như vậy chùa Thiên Bửu thượng phải được kiến tạo trước đó nữa.

Tổ Tế Hiển - Bửu Dương là một trong những người đầu tiên mang Phật pháp



Tổ Thanh Chánh - Phước Tường - vị Y chỉ sư của Bồ tát Quảng Đức

truyền đến vùng đất Khánh Hòa này mà dấu tích còn lưu lại hết sức đậm nét.

Tổ đình Thiên Bửu xưa kia là một trung tâm hoằng pháp lớn của xứ Khánh Hòa nói

riêng và toàn cõi Đàng Trong nói chung. Nơi đây đã đào tạo được nhiều bậc cao Tăng thạc đức và gửi đi hoằng pháp khắp vùng, thậm chí có vị còn được hoàng triều cung kính, thỉnh mời ra kinh đô.

Gần đây nhất là hơn 50 vị Tổ lớp chữ “Nhon” môn hạ của Tổ Thanh Chánh - Phước Tường, trong đó có Bồ tát Quảng Đức.

Năm 1921, sau khi bốn sư là ngài Hoàng Thâm viên tịch, sau ba năm cư tang thầy, năm 1925 Bồ tát vào chùa Thiên Bửu thượng lạy Tổ Thanh Chánh - Phước Tường cầu y chỉ sư, và được ban pháp hiệu là Nhon Tri. Đây chính là cơ duyên mở ra thời kỳ hành đạo nơi vùng đất Ninh Hòa. Trong 14 ngôi chùa mà Bồ tát từng trụ trì, trùng kiến, khai sơn ở Khánh Hòa thì Ninh Hòa có tới 11 ngôi. Điều đó nói lên vị trí quan trọng của vùng đất Ninh Hòa trong sự nghiệp hoằng pháp của Bồ tát.

Năm 2014, chùa được công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Tỉnh. ○

4. Chùa Thiên Ân

Nơi Bồ tát Quảng Đức hành đạo



Bồ tát Quảng Đức (ngồi) và Đại chúng chùa Thiên Ân (lúc này Bồ tát mới vừa ra thất nên trông thân tướng rất gầy)

Chùa Sắc Tứ Thiên Ân tọa lạc trên một vùng đất rộng khoảng 4.000m², dọc theo tả ngạn con sông Chò thuộc thôn Phước Thuận, xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa Thiên Ân do Tổ Thiên Phước - Chương Chí, hiệu Bửu Tịnh, thuộc phái Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 38, khai sơn tạo lập vào năm 1802. Ngài là một danh Tăng lỗi lạc, xa gần đều biết tiếng, nên được vua Minh Mạng mời về kinh đô Huế dự đại lễ siêu độ “Thủy lục đàn tràng” vào năm 1835 và được sắc ban “Giới đao, Độ điệp”.



Từ khi khai sơn tạo tự đến nay, chùa Thiên Ân đã trải qua nhiều đời trụ trì kế thế và trùng hưng lại ngôi Tam Bảo. Đến năm 1933, Bồ tát Thích Quảng Đức được bốn đạo cung thỉnh về trụ trì chùa. Trong thời gian này, Ngài đã vận động Nhân dân, Phật tử trùng tu ngôi Chánh điện, công tam quan. Đồng thời, Ngài cũng mở lớp đào tạo Tăng chúng, tổ chức điều hành theo quy củ thiền môn. Chư Tăng vào thời này nhập chúng tu học tại chùa Thiên Ân khoảng 20 vị. Năm 1936, Bồ tát Quảng Đức phát nguyện nhập thất tịnh khâu, tịnh tu 100 ngày, sau khi ra thất, Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ chùa Hải Đức Nha Trang có về đây thăm viếng và trao đổi Phật sự với Ngài, và mời Ngài đảm nhiệm chức vụ Chứng minh đạo sư cho chi hội An Nam Phật Học Ninh Hòa.

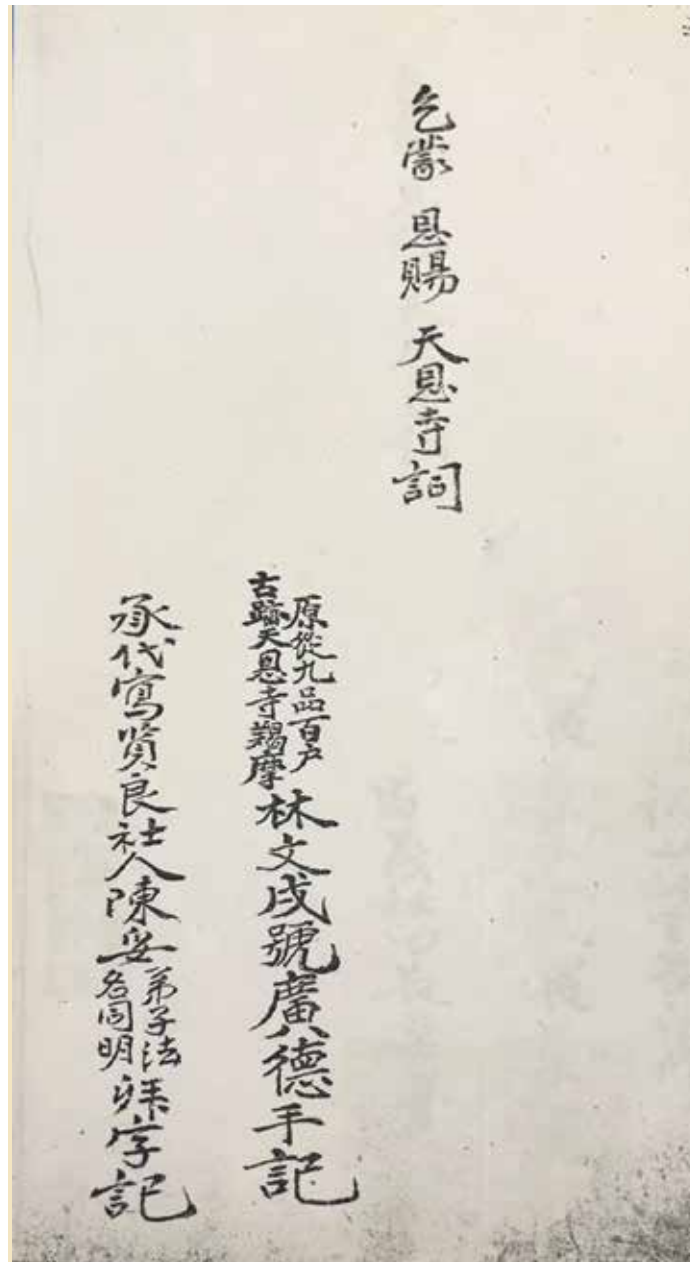
Năm Bảo Đại thứ 13 (1938), chùa Thiên Ân được triều đình Huế ban biểu hiệu Sắc tứ Thiên Ân Tự, dưới thời Bồ tát Thích Quảng Đức làm trụ trì. Đến năm 1943, Ngài giao trách nhiệm kế thế trụ trì cho sư Đồng Trí - Thủ Thiên, còn mình tiếp tục hạnh vân du.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chùa Thiên Ân là nơi che giấu, nuôi dưỡng và trạm liên lạc của cán bộ chiến sĩ cách mạng hoạt động tại vùng Bắc Ninh Hòa.

Năm 1945, chùa Thiên Ân là cơ sở bệnh viện dã chiến hậu phương của mặt trận Ninh Hòa và Buôn Ma Thuột. Chùa còn là trụ sở Ủy ban kháng chiến, nơi bầu cử Quốc hội khóa I năm 1946.

Năm 1948, Pháp về đóng quân nơi làng Thuận Phước, bắn phá khắp nơi, chùa Thiên Ân chỉ còn là đồng gạch vụn. Dân làng phải đem tượng Phật, đồ thờ tự chôn giấu khắp nơi trong vườn chùa. Mãi đến năm 1951, chùa mới từng bước được khôi phục lại.

Sau năm 1975, đời sống kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn, nên sinh hoạt của chùa có nhiều hạn chế. Đến năm 1983, sau một thời gian dài không có người trông coi hương khói, nên chùa bị trưng dụng làm sân phơi, nhà kho của Hợp tác xã, nhà đông



Thủ bút của Bồ tát lưu tại chùa Thiên Ân

làm trường học, đất chùa sung vào Hợp tác xã Ninh Đông, mãi đến năm 1990, chính quyền mới bàn giao lại cho chùa.

Bên trái Chánh điện hiện còn một gian phòng lưu niệm Bồ tát Thích Quảng Đức.

Với nhiều đóng góp cho sự nghiệp giải phóng quê hương đất nước, đặc biệt là nơi lưu dấu của Bồ tát Quảng Đức, nên năm 2016, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định công nhận chùa Thiên Ân là Di tích Lịch sử cấp tỉnh. ○

5. Chùa Thiên Lộc

Nơi BỒ tát Quảng Đức ẩn tu



Hòn núi Đất còn gọi là “Địa Sơn”, thuộc thôn Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, có cao độ khoảng 25m. Nếu ở ngay đường quốc lộ 1A nhìn ngược lên vách đá núi lởm chởm về hướng Đông thì núi Đất tựa như bức tường đá hoặc tấm bình phong gò ghề. Nếu đứng cách xa khoảng 1km từ hướng Đông nhìn lên thì núi Đất tựa như hình thù của một con ốc hút. Tiếc thay, vào đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, một hòn Cùm nhỏ lẻ loi từ Núi Đất nhòai ra ngoài theo hướng Đông Bắc, được xem như phần chót đuôi của con ốc hút, đã bị san bằng để làm trạm máy kéo.

Thuở ban sơ, có một nhà sư hiệu Đạo Minh - Pháp Thân trên đường tìm nơi tu hành, đã chọn núi Đất để dựng một ngôi Chùa nhỏ tên là Thiên Tứ. Khi đắc đạo, Ngài đã viên tịch trên đỉnh núi Đất với tư thế kiết già. Nhục thân của Ngài yên vị giữa đất trời không biết bao lâu, cho đến khi được nhìn thấy, người dân trong vùng đã che chắn chung quanh Ngài bằng đất đá.

Năm 1927, Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng trong quá trình tìm kiếm một nơi để ẩn tu, đã đến núi Đất làng Mỹ Trạch. Cảm phục vị chân tu đã viên tịch, nên Ngài

chọn đỉnh núi Đất làm nơi ẩn tu 3 năm. Rồi sau đó vào năm 1935 ngài đã dựng ngay tại nơi này một ngôi chùa tên là Thiên Lộc. Lúc bấy giờ, dưới chân núi đã có chùa Thiên Tứ rồi, cho nên Ngài tu hành ở chùa Thiên Lộc, còn chùa Thiên Tứ là nơi Ngài truyền đạo giảng pháp cho tứ chúng.

Năm 1946, chùa Thiên Lộc bị tàn phá bởi chiến tranh, cư dân trong vùng đã chuyển tất cả pháp khí, thánh tượng từ ngôi chùa này xuống chùa Thiên Tứ để bảo quản. Trong số những di vật còn lưu lại đến nay, các thế hệ hậu sinh còn nhìn thấy được như: tấm bảng “Thiên Lộc Tự”, cùng chuông gia trì, di vật của Bồ tát Quảng Đức. ○



Tháp cổ bên cạnh nền móng cũ của chùa Thiên Lộc

6. Chùa Thiên Tứ

Nơi Bồ tát mở trường đào tạo Tăng chúng



Chùa Thiên Tứ còn gọi là Chùa Mỹ Trạch, tọa lạc trên một vùng đất rộng hơn 3.000m² tại thôn Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Chùa nằm dưới chân núi Đất - một địa danh nổi tiếng ở Ninh Hòa.

Tư liệu lịch sử Chùa Thiên Tứ hiện nay cho rằng, Chùa do Tổ Đạo Minh - Pháp Thân dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 36 khai sơn vào năm 1744. Tuy nhiên, không có bằng chứng gì giúp khẳng định điều đó, ngoại trừ những tư liệu được tạo dựng sau này, nên ít có giá trị tham khảo. Riêng bản tư liệu chép tay của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo huyện Ninh Hòa thực hiện năm 1994 thì cho rằng Chùa được khai sơn vào năm 1793.



Hình Bồ tát trong y pháp Nam Tông lưu tại chùa Thiên Tử

Chùa được bao quanh bởi rất nhiều cổ thụ, trong đó có cây trôm cổ thụ đã được công nhận là Cây di sản Việt Nam.

Sau khi Tổ Đạo Minh viên tịch, Chùa thiếu người trông nom một quãng thời gian dài. Sau đó, thể theo nguyện vọng của Phật tử nơi đây, Bồ tát Thích Quảng Đức đã nhận lời về đảm nhiệm trụ trì từ năm 1936. Trong suốt thời gian hoằng hóa tại đây, đáng kể nhất là từ năm 1937-1942, Ngài đã hợp lực với các bậc cao Tăng nổi tiếng như Hòa thượng Thích Hưng Từ mở nhiều khóa hạ và Phật học để đào tạo Tăng tài với gần 100 vị từ miền Trung cho đến miền Nam về tham học.

Có thể nói, công hạnh của Bồ tát Thích Quảng Đức đã nhiếp hóa đông đảo người dân vùng này trở về với Chánh pháp. ○

7. Chùa Khánh Long

Nơi Bồ tát làm tọa chủ chứng minh Chi Hội An Nam Phật Học Ninh Hòa



Bảng Sắc tứ chùa Khánh Long



Chùa Khánh Long tọa lạc tại tổ dân phố 14, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, trên quy mô đất rộng hơn 2.300m². Chùa ngày xưa nằm ở thôn Phước Đa, xã Ninh Đa, do huyện Ninh Hòa có đến 3 ngôi chùa mang tên Khánh Long, nên để phân biệt, người dân thường gọi đây là chùa Khánh Long Phước Đa.

Chùa do Tổ Liễu Thành - Kính Tín, đời thứ 37 dòng Lâm Tế, người gốc Thanh Hóa, vào Nam du hóa và khai sơn năm Minh Mạng thứ nhất (1820). Chùa được vua Bảo Đại sắc phong năm 1939.

Năm 1936, Hội An Nam Phật Học huyện Ninh Hòa thành lập, cung thỉnh Bồ tát Quảng Đức làm chứng minh, văn phòng mượn đặt tạm tại chùa Khánh Long. Do đó Bồ tát có thời gian làm tọa chủ ngôi chùa này. Sau đó, Bồ tát và chư vị cư sĩ hội viên xúc tiến vận động mua đất xây dựng cơ sở Chi hội Phật giáo Ninh Hòa.

Được biết, để tạo dựng ảnh hưởng cho Hội, cũng như gây quỹ xây dựng cơ sở mới, năm 1940, trước ngày động thổ xây dựng cơ sở mới (tức chùa Đức Hòa ngày nay) khoảng 2 tháng, Bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Hội trưởng An Nam Phật Học Hội đã vào ở tại chùa Khánh Long một tuần lễ để diễn thuyết cho đại chúng nơi đây. Có thể nói hình ảnh Bác sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám trong bộ trang phục truyền thống là khăn đóng, áo dài đen, kính Phật, trọng Tăng, yên thâm vô kể, tận tụy với công việc, gần gũi với mọi người... đã để lại ấn tượng khó quên trong lòng Tăng Ni và Phật tử Ninh Hòa thời ấy.

8. Chùa Long Hà

Nơi Bồ tát chứng minh khai sơn

Chùa Long Hà, tọa lạc thôn Bá Hà, xã Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Diện tích đất khoảng 1000m².

Năm 1936, chi hội An Nam Phật Học Ninh Hòa được thành lập, với tư cách là chứng minh đạo sư của hội, Bồ tát Quảng Đức đã đi khắp nơi tích cực vận động thành lập các chi nhánh của hội ra khắp vùng Ninh Hòa.

Năm 1937, có Phật tử cúng cho Bồ tát một tư thất ở vùng Bá Hà, Ngài liền cải tạo nơi đây thành một ngôi chùa trực thuộc chi hội An Nam Phật Ninh Hòa, và an danh là Long Hà.

Hiện tại chùa còn lưu giữ một di vật có liên quan đến Bồ-tát Quảng Đức, đó là đại hồng chung đúc năm Bảo Đại thứ 16 (1941) do Bồ tát và Hòa thượng Vạn Phước chùa Kim Ấn ở Phú Gia đồng chứng minh, trên chung có những thông tin cho biết về lai lịch của ngôi chùa.

“Thuộc Ninh Hòa An Nam Phật học Hội Bá Hà chi hội, chánh phó tri sự tịnh nam nữ hội viên cập đàn việt nhơn đẳng, đồng phát tâm chú tạo”.

Ngoài khuôn hội Long Hà ra, Bồ tát còn thành lập nhiều khuôn hội nữa trực thuộc chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa như: khuôn hội Phước Thuận (chùa Thiên Ân), Mỹ Trạch (chùa Thiên Tứ), Nhĩ Sự (chùa Thanh Lương), Lạc Bình (chùa Pháp Hải), Tuân Thừa (chùa Khánh Long ở Tuân Thừa)... ○



Đại hồng chung do Bồ tát Quảng Đức chú tạo

9. Chùa Đức Hòa

Nơi BỒ tát chứng minh khai sơn



Chùa Đức Hòa nguyên là chùa Chi hội Phật giáo Ninh Hòa, địa chỉ số 128 đường Trần Quý Cáp, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Trước đây, chùa nằm trên tuyến QL1A, sau này Nhà nước mở thêm tuyến tránh, nên con đường này trở thành phố Trần Quý Cáp, đi vào trung tâm thị xã Ninh Hòa.

Vào những năm thập niên 30 của thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam diễn ra sôi nổi trên khắp các miền đất nước. Hưởng ứng phong trào đó, năm 1936, tại huyện Ninh Hòa cũng thành lập một Chi hội thuộc An Nam Phật Học Hội do các vị quan chức địa phương mộ đạo và cư sĩ trí thức đứng ra vận động thành lập, hội đã cung thỉnh Bồ-tát Quảng Đức làm chứng minh. Lúc bấy giờ, trụ sở đầu tiên của Chi hội được đặt tạm tại chùa Khánh Long (phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa). Nhận thấy cần có một cơ sở riêng biệt để làm trụ sở hoạt động cho hội, năm 1940, Bồ-tát Quảng Đức và Ban trị sự Chi hội đã đứng ra vận động mua đất và thành lập cơ sở, lấy tên là Chùa Chi hội Phật giáo Ninh

Hòa. Năm 1942, chùa khánh thành dưới sự chứng minh của Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ (chùa Hải Đức - Nha Trang). Sau khi xây dựng xong Bồ tát giao cho đệ tử là ngài Đồng Trí - Thông Huệ làm trụ trì.

Hiện tại chùa còn lưu giữ những giấy tờ mua đất ngày xưa.

Sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981, chùa cũng trở thành trụ sở của Phật giáo huyện Ninh Hòa.

Năm 2005, lúc bấy giờ Hòa thượng Quảng Thường - Ngô Tấn đương vị Chánh đại diện Phật giáo huyện Ninh Hòa, kiêm trụ trì chùa Chi Hội, đã tiến hành đại trùng tu và đổi tên thành chùa Đức Hòa. Chữ Đức trong tôn hiệu của Bồ-tát Quảng Đức, Hòa là thị xã Ninh Hòa.

Năm 2012, Ngài xây dựng bảo tháp Báo Ân 9 tầng, đây được xem là ngôi tháp quy mô nhất tỉnh Khánh Hòa, để tưởng niệm Bồ-tát Quảng Đức, chứng minh khai sáng chùa Đức Hòa, và chư vị Thánh tử đạo vị pháp thiêu thân, bảo vệ sự trường tồn của Đạo pháp và Dân tộc. ○

10. Chùa Pháp Hải

Nơi BỒ tát chứng minh khai sơn



Ngôi Chánh điện cũ do Bồ tát xây dựng hiện đang được bảo tồn

Chùa Pháp Hải, còn có tên gọi khác là chùa Lạc Bình, tọa lạc trên vùng đất rộng 5.600m² tại thôn Lạc Bình, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Chùa nằm cách Quốc lộ 1A khoảng 200m về phía Đông.

Chùa do Bồ tát Thích Quảng Đức khai sơn vào năm 1940. Ban đầu chùa tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, trên Quốc lộ 1A. Năm 1946, bị giặc Pháp đốt phá, chùa được dời về tại thôn Lạc Bình, xã Ninh Thọ, đối diện với vị trí chùa hiện nay. Đến năm 1947, chùa tiếp tục bị giặc bắn cháy. Năm 1957, Bồ tát từ miền nam trở về thấy chùa cảnh tiêu điều đổ nát nên mới dời về vị trí hiện tại.

Đất chùa do cụ Nguyễn Văn Chát, pháp danh Đồng Trực, một Phật tử thân cận với Bồ tát Quảng Đức phát tâm hiến cúng. Sau khi xây dựng xong ngôi Tam Bảo, Bồ tát giao lại cho bào huynh là sư Viên Minh trụ trì, còn Ngài lại tiếp tục du phương hành đạo.

Hiện nay, ngôi Chánh điện do Bồ tát Quảng Đức xây dựng ngày xưa được giữ nguyên trạng để bảo tồn di tích.

Cạnh đó là ngôi Chánh điện mới xây khang trang cao rộng để làm nơi tu tập lễ bái cho tứ chúng Phật tử.



Bức tranh Bồ tát Quán Thế Âm do Ngài Quảng Đức chú tạo (tranh bị đốt 2 lần nhưng không cháy)

Ngôi chùa cũ được xây theo lối kiến trúc đơn giản, tiền đường năm gian hai tầng mái ngấn, vách xông thẳng. Bên trong, chính giữa thờ Đức Phật Bổn Sư, bên phải thờ Bồ tát Quán Âm, bên trái thờ Bồ tát Địa Tạng, đối lưng Chánh điện là nhà Tổ. Phía trước Chánh điện là đài Bồ tát Quán Thế Âm, bên cạnh là bia di tích Lịch sử - Văn hóa.

Chùa hiện vẫn còn lưu giữ nhiều tượng pháp, pháp khí do Bồ tát Thích Quảng Đức tạo dựng như Đại hồng chung, bình bát, âm chén, linh vị thờ song thân của Bồ tát... đặc biệt là bức tranh lụa họa tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm do họa sĩ Phi Hùng vẽ đang được thờ bên chùa cũ. Chùa bị cháy 2 lần nhưng bức tranh lụa vẫn còn nguyên vẹn cho đến nay. Dân làng kể rằng, năm 1946, giặc Pháp tấn công vùng Ninh Hòa, đốt phá chùa Pháp Hải vì nghi rằng đây là nơi hoạt động của Việt Minh. Chùa chỉ còn lại đồng tro tàn đổ nát, nhưng lạ thay, chen lẫn trong đồng đổ nát tro bụi đó là bức tranh lụa Đức Bồ tát Quán Thế Âm còn nguyên vẹn. Đến năm 1947, chùa lại bị đạn pháo bắn cháy một lần nữa, nhưng bức tranh lụa ấy vẫn nguyên vẹn. Đây là một di vật linh thiêng cần được bảo tồn chu đáo.

Chùa hiện đang thờ một phần di cốt của Bồ tát Thích Quảng Đức. Sau khi nghe tin Bồ tát tự thiêu ở Sài Gòn để bảo vệ Đạo pháp - Dân tộc năm 1963, sư Viên Minh đã vào Sài Gòn xin thỉnh một phần tro cốt của Bồ tát đem về tôn trí tại chùa.

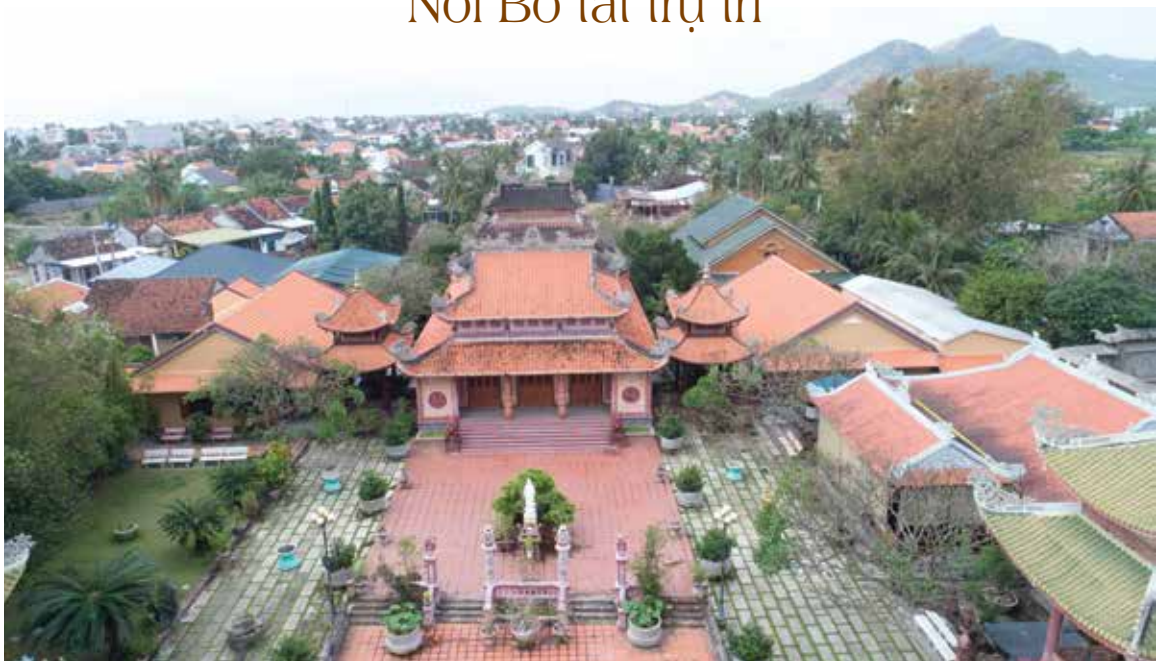


Xá lợi của Bồ tát Quảng Đức còn lưu tại chùa Pháp Hải

Là một trong những ngôi chùa gắn liền với cuộc đời hoàng pháp vĩ đại của Bồ tát Quảng Đức, cũng như bảo tồn được kiến trúc của Bồ tát, nên năm 2009, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định công nhận chùa là di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh. ○

11. Chùa Linh Sơn

Nơi Bồ tát trụ trì



Tổ đình Linh Sơn, còn được gọi là chùa Sắc tứ Linh Sơn Hiền Lương, tọa lạc trên một vùng đất rộng khoảng 2 Hecta, tại thôn Hiền Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa Linh Sơn, nguyên sơ là Sa Long Tự, do Hòa thượng Đại Bửu - Kim Cang thuộc dòng Lâm Tế Liễu Quán thứ đời 37 khai sơn tạo lập vào năm Tân Tỵ - 1761, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 22 nhà hậu Lê.

Đến đời Tổ thứ hai là Ngài Ngộ Thuận - Phước Minh, nhận thấy cuộc đất nơi Gò Hoàng (có nơi gọi là Gò Hoàn - vị trí chùa Pháp Hoa ngày nay) cao ráo, thoáng đãng, nên Ngài đã dựng chùa nơi đây.

Vào thời Tự Đức, năm 1867, chùa bị hỏa hoạn, đến đời Tổ thứ tư là Ngài Chơn Hương - Thiên Quang, đã đưa chùa về lại vị trí cũ, bên bờ sông Hiền Lương, và đổi tên là Linh Sơn Tự cho đến ngày hôm nay.

Ngài Chơn Hương - Thiên Quang (1862 - 1939), nối dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 40, đã trùng tu xây dựng Tổ đình thành ngôi đại già lam trang nghiêm, thanh tịnh, đào tạo nhiều tăng tăng tài, kiến lập giới đàn truyền trao giới pháp, chú tạo nhiều pháp khí...

Đệ tử đặc pháp của Tổ như các ngài Hoàng Nguyễn, Hoàng Chất, Hoàng Thọ, Hoàng Đạo... trong đó, nổi danh nhất là Hòa thượng Như Đạt - Hoàng Thâm - người đã tác thành nên Bồ tát Thích Quảng Đức, mà sau này làm rạng rỡ ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam và thế giới với trái tim bất diệt.

Bồ tát Thích Quảng Đức là vị trụ trì đời thứ sáu của Tổ đình Linh Sơn. Trong 4 năm trụ trì (1940 - 1944), Ngài đóng góp nhiều Phật sự lớn lao, cũng như đón nhận Sắc tứ (1940), xác nhận bằng khoán đất đai và tái thiết trùng tu ngôi Tổ đình, hiện còn lưu nhiều di tích đáng kể. Khi vào chùa Thiên Chơn ở Bình Dương thăm viếng Thiền sư Chơn Phổ - Minh Tịnh từng tham học ở Ấn Độ và Tây Tạng về, Bồ tát hội ngộ Hòa thượng Tâm Thanh - Tịch Tràng đang



Nhà tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức tại chùa Linh Sơn



Cổng chùa Linh Sơn do Bồ tát xây dựng

cầu pháp tu học ở đây. Bồ tát đã mời về Tổ đình, bàn giao chức vụ trụ trì, còn Ngài tiếp tục hành nguyện du phương hoằng hóa.

Bên trái sân chùa về phía trước, là nhà ngôi tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức dựng bằng gỗ rất mỹ thuật, bên trong tôn trí pho tượng Bồ tát bằng đồng hết sức uy nghiêm, tồ hảo.

Trước sân chùa là dãy tường vôi với hàng trụ biểu và cổng tam quan cổ kính được bảo tồn rất chu đáo. Đây là những di tích kiến trúc của Bồ tát Quảng Đức. Hiện nay, Tổ đình Linh Sơn còn lưu giữ y mào, một số văn bản... của Bồ tát Quảng Đức khi Ngài trụ trì. ○

12. Chùa Lạc Sơn

Nơi Bồ tát Chứng Minh khai sơn



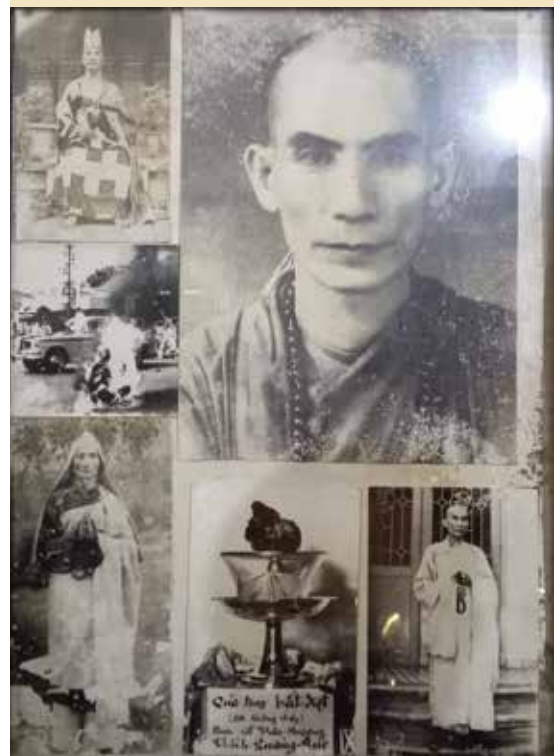
Chùa Lạc Sơn tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất khoảng 2.000m².

Căn cứ vào giấy cúng đất cũng như xin phép xây chùa cho biết, chùa được khai sơn vào năm 1950.

Nguyên trước đây tại vùng này, vào năm 1940 Bồ tát Quảng Đức đã lập một ngôi chùa có tên là Pháp Hải, nhưng rồi do giặc già chiến tranh, chùa bị đốt cháy, nên Ngài đã dời về vùng Lạc Bình. Do vậy, vùng này thiếu vắng một ngôi chùa để Phật tử tu tập.

Thấu hiểu điều đó, nên vào năm 1950, khi tình hình tương đối ổn định, Bồ tát đã về đây lập một ngôi chùa mới an danh là Lạc Sơn, và chỉ đạo cho đệ tử của mình là ngài Đồng Trí - Thông Huệ - Từ Ân (lúc này ngài Từ Ân cũng đã được Bồ tát giao đảm nhiệm trụ trì chùa Chi hội - Đức Hòa) thay mặt Ngài trong coi xây dựng và kiêm nhiệm trụ trì.

Hiện tại nơi nhà Tổ của chùa còn lưu giữ



Hình Bồ tát và bào huynh của Ngài được thờ tại chùa

những bức ảnh chân dung của Bồ tát, cũng như quá trình tự thiêu, trái tim bất diệt. Hiện nay chùa Lạc Sơn đang trong quá trình trùng tu tôn tạo. ○

13. Chùa Phước Hòa

Nơi BỒ tát khai sơn



Chùa Phước Hòa tọa lạc trên khu đất rộng khoảng 2.000m² tại thôn Lạc Hòa, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa do Bồ tát khai sơn vào năm 1957.

Từ năm 1945, Bồ tát đã bắt đầu vào miền Nam hành đạo. Tuy nhiên Ngài vẫn thỉnh thoảng về thăm lại quê hương, chung tay góp sức cho Phật sự địa phương. Nên trong một lần về thăm quê, được dân làng Lạc Hòa kiến thỉnh, Ngài đã đứng ra khai sơn chùa Phước Hòa làm nơi tu tập cho người dân nơi đây.

Sở dĩ Ngài an danh Phước Hòa là để kỷ niệm ngôi chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ - Sài Gòn của Hội Phật Học Nam Việt mà Ngài có thời gian làm trụ trì khi vào Nam hành đạo.



Đến năm 1964, do chiến tranh tàn phá nên chùa sụp đổ tiêu điều, chỉ còn là nền móng rêu phong. Mãi đến năm 1994, bà con Phật tử mới lần hồi phục dựng lại ngôi chùa. ○

14. Chùa Long Phước

Ngôi chùa cuối cùng Bồ tát trùng kiến trên đất Khánh Hòa



Chùa Long Phước tọa lạc trên vùng đất rộng khoảng 3.900m² tại thôn Thạch Thành, xã Ninh Quang, cách trung tâm thị xã Ninh Hòa khoảng 3km về hướng Nam. Để phân biệt với chùa Long Phước ở Ninh Giang, người dân gọi chung với tên làng là chùa Long Phước Thạch Thành.

Chùa do Ngài Từ Tại, húy Tô Trụ, dòng thiền Lâm Tế Thiên Đông đời thứ 36 khai sơn. Hiện chùa còn lưu giữ tấm biển đề “Long Phước Tự” treo ngay tiền đường. Trên biển hiệu có hai dòng lạc khoản: “Cảnh Hưng thập thất niên tuê tại Bính Tý Trung Thu cát nhật; Gia Long thập nhất niên tái tạo”. Nghĩa là “năm Cảnh Hưng thứ 17 - trung thu Bính Tý (1756); tái tạo vào năm Gia Long thứ 11 (1812)”. Như vậy chùa được Tổ khai sơn kiến tạo vào năm 1756 và trùng tu vào năm 1812. Lúc đầu, chùa được xây dựng tại khu ruộng chùa (Gò Quýt) giáp ranh thôn Quang Vinh, sau một trận bão lụt lớn, chùa được dời về địa điểm hiện nay vào năm 1812.

Đây là ngôi chùa cuối cùng Bồ tát Quảng Đức đã đảm nhiệm trụ trì, trùng kiến trong hành trình hoằng hóa độ sanh ở Khánh Hòa.

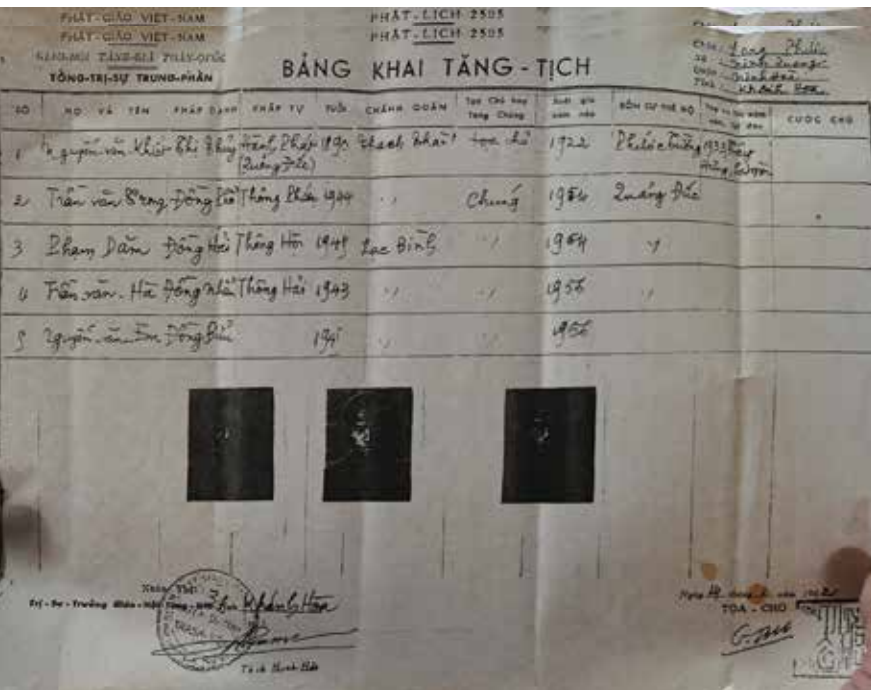


Ấn triện của Bồ tát Quảng Đức còn lưu tại chùa Long Phước





Phái Quy y do Bồ tát làm Bốn sư truyền giới



Bảng khai Tặng tịch của Bồ tát Quảng Đức

Năm 1959, Bồ tát Quảng Đức từ Sài Gòn về chùa Thiên Bửu Thượng dự lễ hỷ nhật Tổ Phước Tường (lúc này Ngài đã vào Nam hoằng hóa), hương chức thôn Thạch Thành đến cung thỉnh Ngài về trụ trì chùa Long Phước, và Ngài đã nhận lời.

Thời gian Bồ tát Quảng Đức trụ trì, Ngài có tâm nguyện dời chùa lên núi Cầm đầu làng, nơi đó núi cao đồng rộng cho quang cảnh thoáng đãng. Vật liệu xây dựng, thô mộc

đã chuẩn bị sẵn sàng, nhưng chưa kịp thực hiện việc dời thì tình hình Phật giáo ngày càng bị đàn áp bi thảm, Ngài phải vào lại Sài Gòn để bảo vệ Chánh pháp. Khi Ngài tự thiêu vào ngày 11 tháng 06 năm 1963, dân làng Thạch Thành nghe tin kính tiếc vô cùng, lấy chiếc áo hậu vàng của Ngài cắt thành nhiều mảnh nhỏ may lên áo để tang. Ngài còn để lại một con dấu ấn bằng đồng đề hàng chữ: “Chùa Kim Cang Hòa thượng Quảng Đức”. “Chùa Kim Cang” đề trong con dấu ấn không biết có phải là chùa Kim Cang tại Đồng Nai?

Trước khi tự thiêu, Bồ tát Thích Quảng Đức để lại 5 bài thơ, trong đó có bài lưu dấu tích của Ngài với đệ tử:

*Thầy đã đến lúc biệt các con
Ba mươi năm hạnh nguyện
đã tròn*

*Những gì đáng độ Thầy đã
độ*

*Thầy tranh Chánh Pháp lúc
mất còn.*

*Gia Định, Sài Gòn, hỡi các
con!*

*Hà Tiên, Cai Lậy, Thầy vẫn
còn,*

*Nam Vang, Núi Lớn, Thầy
ghi dấu*

Khánh Hòa đệ tử giữ ấn son.

“Khánh Hòa đệ tử giữ ấn son”, phải chăng là nói đến chùa Long Phước ở thôn Thạch Thành, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; một trong những nơi in đậm dấu chân hoằng hóa của Bồ tát, cũng như lưu giữ ấn tích của Ngài.

Ngoài ra chùa hiện tại còn lưu giữ bảng khai tặng tịch của Bồ tát Quảng Đức và Tặng chúng tại chùa cùng một số di vật khác. ○

Ngon lửa QUẢNG ĐỨC^①

HT. Thích Trí Quang



“Thân người khó được”, đó là lời dạy toàn bộ Phật giáo. Chỉ trong Phật giáo đại thừa mới nói đến sự tự thiêu. Nói ít nhưng trang trọng là Pháp Hoa. Đặc biệt Bồ tát giới Phạm Võng cấm đi và ở những nơi nguy hiểm, tai nạn, nhưng cũng nói đến sự tự thiêu. Cả hai xuất xứ trên đây đều nói tự thiêu là khổ hạnh. Khổ hạnh này xuất từ ý thức và tâm nguyện có hai đặc thái: xót xa Phật pháp điều đứng và xót thương quần chúng đau khổ. Khổ hạnh tự thiêu tuyệt đối phải là không phải tự sát. Khổ hạnh tự thiêu cũng không phải chỉ tự đốt thân thể, mà phụ thuộc việc này còn có những sự tự đốt một phần thân thể. Sự tự đốt một phần thân thể là vì muốn tự thử nghiệm nội lực, thử chịu khổ hạnh.

Phía người ngoài thì không ai được yêu cầu hay khuyến khích sự tự thiêu, được chăng chỉ có sự không trở ngại mà thôi. Chỉ có vị thầy truyền thọ Bồ tát giới mới có thể có lúc nói đến sự tự thiêu một phần thân thể để xét nghiệm người xin thọ Bồ tát giới có thể hay không thể có cái chí nguyện dũng mãnh. Không thể có thì vị Thầy phải đào luyện cho họ có thể có cái chí nguyện ấy mới truyền thọ Bồ tát giới. Tự thiêu một phần hay toàn thân thể, như vậy, là xuất từ nguyện lực, một trong những sức mạnh mà Phật giáo nói đến...

Nay xin nói về Ngài Quảng Đức.

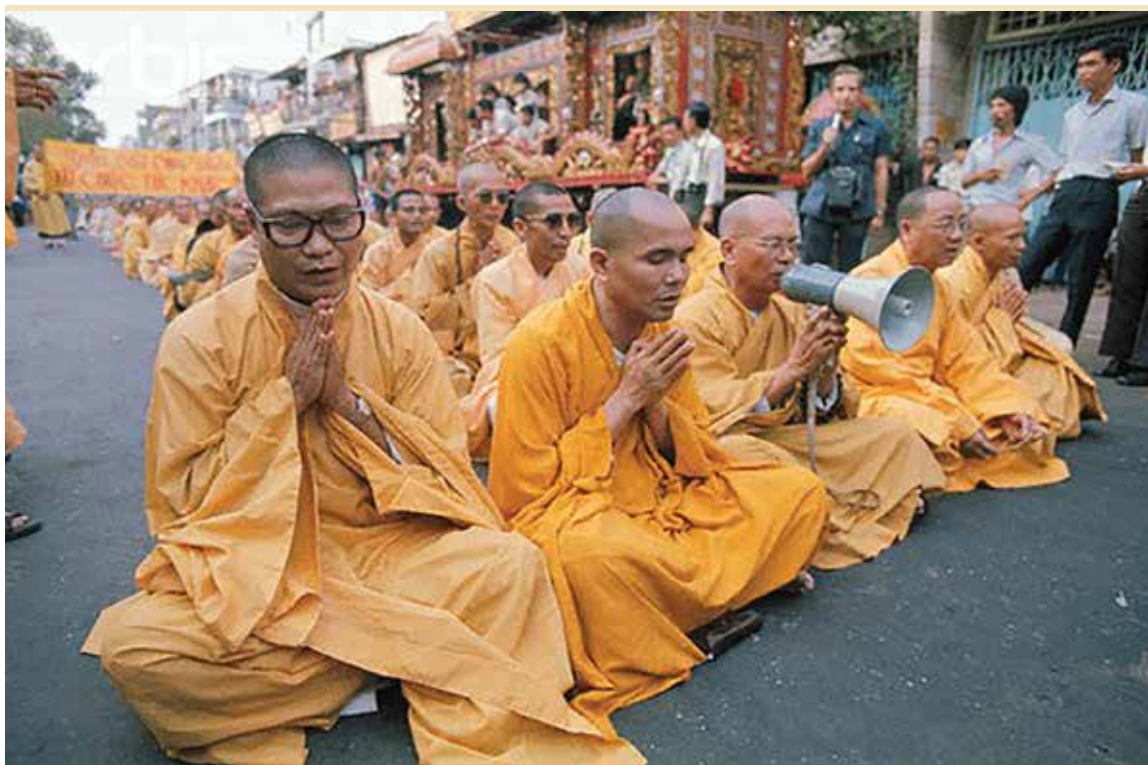
Chính trong những ngày quyết liệt nhất mà tôi nhận được thư của Ngài. Thư viết trên miếng giấy nhỏ, dĩ nhiên dễ dễ mang đi cho kín đáo. Thư do một ký giả người Việt làm cho một hãng thông tấn ngoại quốc cẩn trọng đưa tận tay tôi. Thư viết chữ nghiêm trang. Rằng đạo pháp trong cơn nguy khốn mà tôi tuổi già sức mọn, không làm gì được. Nên tôi xin học đức Dược Vương, nguyện thiêu thân mình để cầu cho đạo pháp trường tồn. Ngưỡng mong liệt vị trưởng thượng tôn túc từ bi hứa khả, và quyết định cho lúc nào thực hiện.

Xét đây là việc trọng đại nên tôi không dám quyết định. Một cuộc họp được mở ra khẩn cấp, với sự hiện diện của ngài Hội chủ, các thầy Trí Thủ, Thiện Siêu, Thiện Minh và tôi.

Ai cũng xúc động nhưng không quyết định gì, chỉ giao cho tôi xét kỹ nên chấp nhận ý nguyện của Ngài hay không, chấp nhận thì nên thực hiện vào lúc nào, dĩ

nhiên là ở Sài Gòn. Được giao như vậy, nhưng tôi trang trọng cất giữ trong người bức thư của Ngài mà chưa quyết định gì, kể cả việc phúc đáp cho Ngài. Thế rồi trong lúc Từ Đàm bị bao vây dữ dằn thì tin Ngài tự thiêu được ông Đăng mật báo liền cho tôi. Liền hôm sau ông Diệm mời Phật giáo thương thuyết. Sự tự thiêu của Ngài như vậy là cái mốc của giai đoạn mới trong cuộc vận động năm 1963.

Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trụ trì chùa Phước Hòa, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Pháp Hoa. Giai đoạn trước khi Ngài tự thiêu tôi cũng chỉ biết mỗi một bức thư nói trên. Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hằng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân Tỷ kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được ý nguyện và bản di chúc ấy.



HT. Trí Quang và chư Tăng đang ngồi biểu tình giữa đường phố Sài Gòn.



Bản di chúc ấy bình dị, chân thành, quan trọng nhất là ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ tát của Ngài. Không oán trách đến cả ông Diệm, Ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt...Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Bức ảnh này được giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào Tăng Ni Phật tử, rồi nhẹ nhàng bật ngửa người ra. Ngài tự thiêu mấy hôm rồi tôi mới vào Sài Gòn. Tình trạng khi Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu.

Về đám tang của Ngài, tôi sẽ nói đến sau. Nay hãy nói đến sự kiện quan trọng nhất là quả tim của Ngài, “quả tim Quảng Đức”. Việc hỏa thiêu nhục thân của Ngài là do thầy Thiện Hòa chủ trì. Thiêu rồi lấy ra, trong đồng tro tàn còn một khối thịt mà vị trí cho biết đó là quả tim. Thầy Thiện Hòa cho vào lò thiêu lại cũng vẫn không cháy. Lại thiêu nữa nhưng xăng hết. Bấy giờ rất đông ký giả hiện diện. Họ chạy kiếm xăng giúp. Bấy giờ chỉ họ mới đi lại được dễ dàng. Họ kiếm được mấy can xăng super, đem thiêu kỹ, nhưng lấy ra vẫn không cháy. Việc này làm cho tôi tin, xưa, ngài La Thập sau khi hỏa thiêu cái lưới vẫn còn. Nhưng ở đây mọi thắc mắc dị nghị hoàn toàn không có được nữa. Vì đây là việc mà trên dưới 50 ký giả, đa số là ký giả quốc tế, không những cũng chứng kiến mà còn dự vào.

Về quả tim của Ngài, tôi vẫn nói đến vào gần cuối bản tự ghi này. Ở đây chỉ nói khi hỏa thiêu Ngài rồi, tôi thảo để Ngài Hội chủ ký một thông bạch. Cuối thông bạch ấy tôi viết “cầu nguyện vị nhục thân Bồ tát gia hộ cho cuộc vận động của Phật giáo được thành tựu”. Và niệm “Nam mô Đại hùng Đại lực Quảng Đức Bồ tát”; Hồng danh Bồ tát Quảng Đức khởi đầu từ đó. Hồng danh ấy, và Bồ tát Quảng Đức, cho đến nay chính những người duy vật cũng không thể không công nhận.

Một trong những sự bất diệt của cuộc vận động năm 1963 là sản sinh một vị Bồ tát.

Sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức ngay khi mới xảy ra đã làm cho ông Diệm rụng rời. Rồi mấy giờ sau, cả thế giới, nhất là ở Mỹ, ngọn lửa tự thiêu của Ngài rực lên trên máy truyền hình, đốt cháy tan tành hình ảnh ông Diệm và chế độ của ông. Ngọn lửa Quảng Đức chung đúc và làm sáng lên cái khí thế cao độ mà ông Diệm với thái độ và chính sách của ông không còn giữ được gì.

Dân tộc Việt Nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức không chỉ là vĩ nhân mà còn là siêu nhân. ○

①. Theo “*Bồ tát Quảng Đức - Ngọn Lửa và Trái Tim*”

Hồi ký vụ tự thiêu của HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC^①

HT. Thích Đức Nghiệp

Với mục đích nêu gương Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi của Phật giáo Việt Nam mà Hòa thượng Thích Quảng Đức đã quên mình vì đạo, vì dân, đồng thời ghi lại tất cả sự thật về vụ tự thiêu này để các Phật tử chúng ta ở trong và ngoài nước, hiện tại và tương lai phải nghĩ gì, và làm gì cụ thể trên tiến trình hoàng pháp, lợi sinh và góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới chung của Dân tộc và Đạo Pháp. Tôi viết hồi ký đặc biệt này với tư cách là chứng nhân Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam tại Sài Gòn, trong suốt cuộc vận động của Phật giáo năm 1963 đối với chính quyền Ngô Đình Diệm.

Sở dĩ có công cuộc vận động này, là phát xuất từ chính sách kỳ thị tôn giáo và gia đình trị của chế độ ông Diệm từ cuối năm 1954 đến cuối năm 1963, từ vĩ tuyến 17 tới Cà Mau Việt Nam. Lý do phong trào Phật Giáo Việt Nam năm 1963 được thành công rực rỡ, có một không hai, là vì có chính nghĩa, đáp ứng được nguyện vọng của toàn dân và phù hợp với xu thế tiến bộ, dân chủ và bình đẳng chung của toàn thế giới. Thêm vào đó, bấy giờ Phật giáo lại áp dụng phương pháp bất bạo động để giác ngộ cho đối phương. Nói chung, biến cố lịch sử năm 1963 xảy ra, được như sau và chỉ đặc biệt chú trọng riêng về vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức.



15 phút sau khi tự thiêu, Bồ tát Quảng Đức ngã ra sau nhưng tay vẫn còn bắt ấn

Xuyên qua những dữ kiện lịch sử, thì việc cố tình kỳ thị tôn giáo của chế độ ông Diệm đã tiềm phục từ lâu, cụ thể thì từ năm 1957 tới 1963 qua những bản phúc trình của Phật giáo Trung Việt. Đặc biệt vào lễ khánh thành nhà thờ Đức Mẹ La Vang tại Quảng Trị, trùng hợp với đại lễ Phật Đản hàng năm, từ ngày 8-4 đến 15-4 Âm lịch trên toàn quốc. Vào dịp lễ khánh thành này, ông Diệm, ông Nhu, ông Cần, Giám Mục Ngô Đình Thục cùng đi dự lễ. Trên đường tới nhà thờ tại Quảng Trị, phải đi qua thành phố Huế, thấy trang hoàng công chào nhà thờ và cờ Phật giáo rợp trời, ông Diệm mới hỏi người tùy tùng và được trả lời: Đây là cờ Phật giáo. Do đó, ông Diệm liền hạ lệnh cho Quách Tòng Đức, Đồng lý văn phòng phủ Tổng Thống, cùng đi theo: “Hãy gọi gấp công điện, khắp nơi phải hạ cờ Phật giáo xuống!” Đó là nguyên nhân chính xảy ra cuộc tranh đấu Phật giáo chống chính quyền ông Diệm vào mùa Phật Đản, năm 1963.

Tiếp đến là vụ thăm sát các hàng Phật tử hồi 9 giờ tối, đêm ngày 15- 4 âm lịch (8/ 5/ 1963) trước đài phát thanh Huế để nghe tin tức về đại lễ Phật Đản, do các công lực của chính quyền gây ra.

Kết quả là tám (8) Phật tử chết tại chỗ; và bốn Phật tử bị thương phải mang vào bệnh viện cấp cứu!

Sáng hôm sau, Hòa thượng Hội Chủ, Thích Tịnh Khiết, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, khẩn cấp triệu tập một phiên họp bất thường, gồm các vị lãnh đạo cao cấp Phật giáo, tại chùa Từ Đàm, Huế để tìm phương tiện đối phó với chính quyền và chính thức soạn thảo một bản Tuyên Ngôn gồm 5 điểm như sau để gửi tới Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong đạo dụ số 10.

3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt trình trạng bất bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.

4. Yêu cầu cho Tăng Ni Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.

5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bù xứng đáng.

Đến ngày 10-5-1963, bản tuyên ngôn gồm năm nguyện vọng nêu trên đã được gửi đi khắp nước. Riêng tại Sài Gòn, đã được một sĩ quan Đại úy, người Phật tử, đích thân từ Huế mang vào chùa Ấn Quang và Xá Lợi đầy đủ bản Tuyên Ngôn nói trên cùng những hình ảnh về vụ thăm sát các Phật tử và chính quyền Huế.

Ngay sau đó, theo văn thư chỉ thị của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, đã thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam, gồm tất cả 11 tập đoàn giáo phái Phật giáo, dưới sự lãnh đạo tối cao của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, để trực tiếp gặp Tổng Thống Diệm hầu mong giải quyết đẹp đẽ mọi vấn đề giữa Phật giáo và chính phủ. Song, không đạt được bất cứ việc gì cho Phật giáo. Bởi vậy, Ủy Ban Liên Phái bắt buộc phải hành động theo phương pháp bất bạo động.

Ở Sài Gòn, hành động đầu tiên là cử Thầy Thích Thanh Minh ra Huế để kiểm tra mọi biến cố giữa Phật giáo và chính quyền hữu quan.

Tiếp theo Thượng tọa Thiện Minh ở ngoài Huế vào tường trình mọi sự việc đã xảy ra.... Đồng thời cho mời cá nhân tôi đến chùa Ấn Quang dùng cơm trưa với Thượng tọa Tâm Châu và Thượng tọa Thiện Hoa. Sau bữa ăn, Thượng tọa Thiện Minh có mời tôi giữ chức Trưởng ban ngoại giao và điều hành mọi Phật sự trong Ủy Ban Liên Phái.

Bấy giờ, phải nói rằng: Ở Huế thì có chùa Từ Đàm, Báo Quốc, Linh Quang và Diệu Đế; ở Sài Gòn thì có chùa Ấn Quang, Xá Lợi, Giác Minh và Từ Quang. Tất cả đều là trung tâm đầu não để xuất phát những cuộc biểu tình, tuyệt thực, thuyết pháp và

hợp báo để đương đầu có hiệu quả đối với chính quyền. Đặc biệt, lúc đó ở Sài Gòn là thủ đô của ông Diệm và các phái Bộ ngoại giao cũng như các nhà báo quốc tế đều tập trung ở đây, để đương đầu có hiệu quả đối với chính quyền.

Ngày 21-5-1963, giáo lệnh của Hòa thượng Tịnh Khiết ban bố khắp nơi, đều phải tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân Phật tử tại đài phát thanh Huế.

Tại Sài Gòn, chùa Ấn Quang vâng lệnh tổ chức rước linh từ chùa Ấn Quang tới Xá Lợi để làm lễ cầu siêu. Mặc dầu Phật giáo có báo tin trước cho chính quyền Sài Gòn biết, tối hôm trước, ông Quách Tòng Đức, Đại diện Tổng Thống phủ; ông Nguyễn Phú Hải, Đô trưởng Sài Gòn Chợ Lớn và ông Quận Trưởng quận 5, đều đã có mặt tại chùa Ấn Quang để xin ngưng việc rước linh tới chùa Xá Lợi. Nhưng việc rước linh và diễn hành đầu tiên vẫn được tiến hành như đã dự định của Ủy Ban Liên Phái.

Vào 14 giờ, ngày 30-5-1963, đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở Huế đã ra chỉ thị cho các cấp Phật giáo phải tổ chức tuyệt thực đòi hỏi chính quyền thực thi năm nguyện vọng. Tại Sài Gòn, Ủy Ban Liên Phái chúng tôi tuân luyện tổ chức ngay một cuộc biểu tình tại Công trường Lam Sơn trước quốc hội, từ 12 giờ 5 phút tới 5 giờ chiều, rồi diễu hành, căng biểu ngữ, về tới chùa Xá Lợi tuyệt thực suốt 48 giờ. Dịp này có Hòa thượng Thích Quảng Đức tham dự và Ngài có gởi một bức tâm thư xin tự thiêu lên Ủy Ban Liên Phái, để ngày 27-5-1963. Tuy nhiên, Ủy Ban Liên Phái từ chối nguyện vọng tự thiêu này, vì nhận thấy chưa cần thiết.

Sau cuộc tuyệt thực đó, Ủy Ban Liên Phái lại tổ chức rước linh hàng tuần vào mỗi buổi sáng ngày chủ nhật, để luân phiên cầu siêu tại các chùa trong Sài Gòn; Chợ Lớn, Gia Định, là trụ sở chính của mỗi giáo phái trực thuộc Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam.



Chiếc xe đang đưa Bồ tát Quảng Đức đến chỗ tự thiêu vào buổi sáng lịch sử 11-6-1963

Thế nhưng, về phía chính quyền, ông Diệm vẫn cứ trơ trơ trước dư luận lên án gắt gao của Nhân dân Việt Nam và thế giới. Độc ác và bất nhân hơn nữa là ông Diệm lại còn hạ lệnh bắt bớ thêm, phong tỏa thêm các chùa trên toàn quốc, thậm chí ông còn cho những thuộc quyền thẳng tay cắt đứt điện nước và tuyệt đường lương thực của các chùa chủ yếu.

Bởi vậy, vào 8 giờ tối ngày 10-6-1963, hai Thượng tọa Tâm Châu và Thiện Hoa có cho xe vào Ấn Quang, mời tôi ra chùa Xá Lợi bàn Phật sự gấp. Khi tới Xá Lợi, tôi gặp hai vị Thượng tọa đang ngồi phòng khách. Thượng tọa Thiện Hoa nói là:

- Phật giáo mình đương bị lâm nguy quá, nhất là tại Huế hiện nay.... Thượng tọa Tâm Châu nói theo:

- Ngày mai, buổi sáng chủ nhật, tới phiên tôi rước linh và cầu siêu tại chùa Phật Bửu Tự, do Hòa thượng Thích Minh Trực tổ chức, tại đường Cao Thắng, Quận 3.

Vậy Thầy về hỏi lại ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, hiện đang tụng kinh Pháp Hoa tại Ấn Quang. Nếu Hòa thượng đồng ý, thì ngay sau khóa lễ ở Phật Bửu Tự, trên đường về Xá Lợi, Thầy tìm mọi cách có hiệu quả nhất, để Hòa thượng Quảng Đức được tự nguyện tự thiêu, đồng thời để cứu nguy cho Phật giáo hiện nay.

Khi về, tôi gặp ngay Hòa thượng Quảng Đức ở chùa Ấn Quang. Sau khi tôi hỏi:

- Hòa thượng còn giữ nguyện tự thiêu như lá thư Hòa thượng đã gửi cho Liên Phái trước đây không?

Hòa thượng mừng rỡ trả lời: Tôi sẵn sàng tự thiêu để cúng dường Tam Bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn năm nguyện vọng của Phật giáo.

Tôi nói thêm:

-Vậy Hòa thượng hãy đi nghỉ và sáng mai, con sẽ tổ chức cho Hòa thượng tự thiêu cho Hòa thượng được thành tựu viên mãn.

Xong Hòa thượng nói thêm:

- Đại đức cho tôi được lễ tạ Phật và Thượng tọa Thiện Hoa, tôi sẽ nói: Ngày mai tôi phải đi xa vì Phật sự, đồng thời cho tôi viết một lá thư gửi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Tôi trả lời đều được cả, nhưng tuyệt đối Hòa thượng không nên để cho ai biết việc tự thiêu này. Sau đó, tôi đến phòng Thượng tọa Thiện Hoa mới ở Xá Lợi về để xin ít tiền mua sắm xăng để thiêu và vải để viết biểu ngữ cho sáng ngày mai. Tiếp theo tôi gọi anh lái xe ô tô Austin của Phật tử Trần Quang Thuận gửi ở Ấn Quang và nhờ anh ta đi mua xăng và vải, đồng thời tôi nhờ anh ấy chở Hòa thượng Quảng Đức đi dự lễ tạ Phật Bửu Tự.

Kế đó, tôi họp ngay mấy Thầy lại để phân công vào việc sáng mai:

Thầy Chân Ngữ có trách nhiệm đổ hết xăng từ đầu tới chân Hòa thượng Quảng Đức khi cùng ngồi trên xe Austin để đi tới ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trước tòa Đại sứ Cao Mên.

Thầy Trí Minh phải ngồi cùng hàng ghế trước để bảo anh lái xe phải dừng lại ở ngã tư đường nói trên, rồi làm bộ chữa xe để Hòa thượng bước xuống đường và ngồi tự thiêu.

Thầy Hồng Huệ giữ trật tự, Tăng Ni đi thành hai hàng và xe của Hòa thượng từ từ đi ở giữa.

Tôi đi bên cạnh xe của Hòa thượng. Khi xe ngừng lại Hòa thượng bước xuống, tôi trao tay Hòa thượng bao quẹt và bao diêm để Hòa thượng tự bật lửa thiêu.

Bùng cháy! Ngọn lửa ngất trời! Không thể nào tả xiết nỗi bàng hoàng của tất cả Tăng Ni và những người đứng xung quanh! Lẻ rơi! Tiếng khóc vang lên!

Lập tức, tôi yêu cầu hai mươi vị Tăng Ni ra nằm chặn ở bốn đầu đường để xe cứu hỏa không thể vào nơi thiêu của Hòa thượng Quảng Đức. Biết rằng trong lúc tự thiêu này, có cả Simon Mi-chaud, đại diện hãng thông tấn AFP

của Pháp; Malcome Browne, đại diện AP của Mỹ và Neel Shiham, đại diện UPI; đều chứng kiến tận mắt và xe của Đại tướng Hakins Mỹ cũng tới chỗ hỏa thiêu này.

Sau 30 phút, thi hài của Hòa thượng Thích Quảng Đức được rước về chùa Xá Lợi trên một lá cờ Phật giáo. Tới cổng chùa ông Mai Thọ Truyền nằm lãn trên đất dưới thi hài của Hòa thượng từ cổng tới cửa nhà giảng. Rồi những làn sóng người bốn phương tới chùa Xá Lợi để kính viếng một Bồ tát đã thiêu thân. Đài phát thanh trong nước và khắp thế giới đều kính cẩn đưa tin tự thiêu này.

Thật vậy, tin này đã làm rung chuyển lòng người trên khắp địa cầu, năm châu bốn biển, đã làm cho cả một chế độ gia đình trị và kỳ thị tôn giáo của ông Diệm phải lung lay. Vì thế, ông Diệm đã thúc giục hai bên, Ủy Ban Liên Bộ và Ủy Ban Liên Phái, sớm ngồi hội nghị và cùng ký bản thông cáo chung.

Cũng chính nhờ công đức hy sinh cao cả của Hòa thượng Quảng Đức mà ông Diệm ra lệnh phải giải tỏa tất cả các chùa, đồng thời dùng máy bay dân sự đặc biệt để đón Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Mật Nguyễn, Thượng tọa Trí Quang, Thượng tọa Thích Minh, Thượng tọa Huyền Quang và Đại đức Thích Đức Tâm từ Huế vào Sài Gòn, để tiến hành gấp thủ tục và nhân sự cho phái đoàn Đại diện Ủy Ban Liên Phái, đi dự hội nghị cùng Ủy Ban Liên Bộ tại hội trường Diên Hồng, Sài Gòn, từ ngày 14 tới sáng ngày 16-6-1963. Kết quả hội nghị này là hai bên đã nhất trí đưa ra một bản thông báo chung, trong đó có chữ ký của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Bởi vậy, danh sách của hai phái đoàn gồm những thành viên chính thức như sau:

I. Ủy Ban Liên Bộ của chính phủ gồm có:

1. Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ kiêm Bộ Trưởng kinh tế.
2. Ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ Trưởng quốc phòng kiêm B. T. Tổng Thống.

3. Ông Bùi Văn Lương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

II. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam gồm có:

1. Thượng tọa Thích Thiện Minh, Trưởng phái đoàn.
2. Thượng tọa Thích Tâm Châu, Ủy viên.
3. Thượng tọa Thích Thiện Hoa, Ủy viên.
4. Thượng tọa Thích Huyền Quang, thư ký.
5. Đại đức Thích Đức Nghiệp, Phụ tá thư ký.

Sự thật chính phủ ông Ngô Đình Diệm ký thông cáo chung với Phật giáo, chỉ là một kế hoãn binh để tạm thời xoa dịu khí thế của Phật giáo đang lên, được mọi người trong nước và ngoài nước tích cực ủng hộ về mặt ảnh hưởng và công luận.

Chẳng những như vậy, mà sau đám hỏa táng thi hài của Hòa thượng Quảng Đức tại An Dưỡng Địa lại có một hiện tượng phi thường, đó là “Trái tim bất tử” của Ngài không cháy và vẫn tồn tại như một hình thể Bông Sen.

Bên cạnh đó, ngày 7-7-1963, ông Nguyễn Tường Tam, nhà văn Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn, đã tự sát để noi gương vô úy và tử bi của Hòa thượng Quảng Đức. Nhân vụ án này, cô Deepe đại diện tuần báo Newsweek tại Sài Gòn, đã viết một câu đầy ý nghĩa đã báo trước sự sụp đổ của chính phủ ông Diệm.

“Sau vụ tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, cái chết của Nhất Linh sẽ đóng thêm một cái đinh vào quan tài ông Tổng Thống Diệm (After the most Venerable Quảng Đức’s self-immolation, Mr Nhat Linh’s suicide willdrive one more nail into President Diệm’s coffin).” Và chính đám tang ông Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) đã rước tới cổng chùa Xá Lợi, rồi mang di ảnh và bát nhang của ông vào làm lễ Phật và xé khăn tang cho mấy chục ngàn người vào sáng ngày 3-7-1963, bắt chấp sự có mặt của công an và cảnh sát của ông Diệm. Tôi đứng ra điều đình với ông Mai Thọ Truyền để tang gia và bạn bè, hiểu quyền được vào thắp hương và hành lễ tự nhiên.

Về phía Phật giáo, chúng tôi đã kiên nhẫn trông chờ sự thực thi thông cáo chung của chính phủ. Trái lại, sự vi phạm và ngấm ngấm phá hoại thông cáo chung mỗi ngày thêm trầm trọng. Vì thế, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã công khai gửi một văn thư tới ông Diệm chủ ý là, kể từ ngày 14-7-1963, Phật giáo sẽ tái phát cuộc vận động bằng phương pháp bất bạo động để chính phủ mau chóng thực hiện bản thông cáo chung mà hai bên đã ký sáng ngày 16-6-1963.

Tiếp theo, văn thư tái phát động này, vì chính quyền ông Diệm thiếu thiện chí, ngày 17-6-1963, chư Tăng thuộc Ủy Ban Liên Phái tại chùa Xá Lợi đã biểu tình trước tư dinh ông Frederic Nolting, Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, vì ông này đã thiên vị ông Diệm, và tuyên bố với hãng UPI (United Press International) của Mỹ rằng: “Ở Nam Việt Nam không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi các Phật tử.”

Chính vì lời tuyên bố trên, nên ông Frederic Nolting đã bị ông Cabot Lodge thay làm Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn vào ngày 22-8-1963.

Và tiếp đó, ngày 1-8-1963, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, lãnh đạo tối cao của Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam, đã chính thức gửi một văn thư tới Tổng Thống Mỹ John F. Kennedy, để phản nản về lời tuyên bố trên của ông Đại sứ Mỹ Frederic Nolting là hoàn toàn không chính xác.

Cũng nhằm theo xu thế chung, là đòi hỏi chính quyền ông Diệm hãy thực thi nghiêm chỉnh bản thông cáo chung cùng buổi sáng 17-7-1963; tại chùa Giác Minh (hiện nay nằm trên đường Điện Biên Phủ); Thầy Quảng Độ đã tổ chức cuộc biểu tình gồm hàng ngàn Phật tử đi ra chùa Xá Lợi để thăm các vị lãnh đạo Phật giáo đang tuyệt thực để yêu cầu chính phủ áp dụng thực tiễn bản thông cáo chung, trong khi Thầy Chánh Lạc lại hướng dẫn trên ba trăm Tăng Ni từ Xá Lợi ra trước chợ Bến Thành để đòi thực thi bản thông cáo chung. Dĩ nhiên hai cuộc biểu tình này đều bị đàn áp và bắt bớ, giam tù.

Ngày 23/ 7/ 1963, Sư bà Diệu Huệ, thân mẫu của nhà bác học Bửu Hội, cùng Sư bà Diệu Không tổ chức cuộc họp báo vào 8 giờ sáng tại chùa Xá Lợi và tuyên bố rằng:

- Nếu chính quyền Ngô Đình Diệm không thực thi bản thông cáo chung, thì Sư bà sẽ tự thiêu.

Cũng trong cuộc họp báo này, đại diện hãng Thông tấn Reuter hỏi tôi rằng:

- Đại đức nghĩ gì về thái độ của chính phủ đối với bản thông cáo chung?

Tôi trả lời:

- Đó là nụ hôn của Judas (phản bội) đối với Chúa.

Tiếp đến David Halberstam, phóng viên của tờ New York Times anh ta hỏi:

- Ông quan niệm thế nào về lời tuyên bố của bà Ngô Đình Nhu (Trần Lệ Xuân) rằng:

Mấy ông Sư trẻ chích thuốc mê vào Hòa thượng Quảng Đức, rồi nướng sống ông (barbecue) ấy.

Riêng tôi nhận thấy:

- Bà Ngô Đình Nhu là hiện thân của Lady Macbet (âm mưu xúi chông để giết vua anh). Còn việc tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, xin anh Simon Michaud của hãng AFP và anh Malcome Browne của hãng AP vui lòng trả lời giúp tôi, vì việc tự thiêu này hai anh đều thấy tận mắt.

Sau đó hai nhà báo Pháp và Mỹ đều xác nhận là chính xác và thực tế, tuyệt đối không có vấn đề chích thuốc mê, rồi thiêu sống Hòa thượng Quảng Đức. Tất cả mọi người có mặt đều vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt....

Tới đây, tôi phải nói thêm rằng:

“Chính nhờ ngọn lửa tự thiêu đầu tiên của Hòa thượng Quảng Đức, đã vận động thêm sáu vụ tự thiêu khác của Tăng Ni trên toàn quốc, kể cả đầu tháng 8/ 1963 tới cuối tháng 10/ 1963, cộng với những cuộc biểu tình, tuyệt thực, đình công, bãi

khóa của các giáo sư, sinh viên, học sinh và đồng bào Phật tử.”

Thí dụ:

1. Ngày 4/ 8/ 1963, tại đài Chiến sĩ, trước tòa Tỉnh Trưởng Phan Thiết, Thầy Nguyễn Hương đã tự thiêu.

2. Ngày 13/ 8/ 1963, trong khuôn viên chùa Phước Duyên, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, Thầy Thanh Tuệ đã thực hiện tự thiêu rất hào hùng và anh dũng.

3. Ngày 15/ 8/ 1963, tại huyện Ninh Hòa gần thành phố Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa, Ni sư Diệu Quang, người đầu tiên trong Ni bộ, cũng tự thiêu để noi gương của Hòa thượng Quảng Đức.

4. Ngày 16/ 8/ 1963, tại chùa Từ Đàm Huế, Thượng tọa Tiêu Diêu đã tự thiêu để cứu nguy Phật giáo và Dân tộc.

5. Ngày 5/ 10/ 1963, trước chợ Bến Thành Sài Gòn, Thầy Quảng Hương từ Ban Mê Thuật vào đây tự thiêu.

6. Ngày 27/ 10/ 1963, trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, thầy Thiện Mỹ người sau cùng, đã tự thiêu trong khi phái đoàn Liên Hiệp Quốc đang có mặt tại Sài Gòn và trước năm ngày khi có cuộc đảo chính, 1/11/1963.

Đổi lại, chính quyền ông Diệm đã dùng những thủ đoạn thâm độc để triệt hạ Phật giáo.

Thí dụ: “Dùng gậy ông đập lưng ông” như cho thành lập hai tổ chức giáo gian với danh nghĩa:

1. Tổng hội Phật giáo Cổ Sơn Môn Việt Nam.

2. Ủy ban Liên hiệp Phật giáo thuần túy Việt Nam để đánh lừa dư luận quốc nội và quốc tế. Hơn thế nữa, ông Diệm còn cho áp dụng “Kế hoạch nước lũ” và biểu tình của thương phế binh nhằm phá hoại ngầm uy tín các vị lãnh đạo Phật giáo đối với quần chúng đang nhiệt tình ủng hộ Phật giáo.

Và cuối cùng, ông Diệm đã cho lệnh bố ráp các chùa và bắt giam tất cả Tăng Ni trên toàn quốc kể cả các vị lãnh đạo Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam tại

chùa Xá Lợi Sài Gòn vào đêm 20-8-63. Tuy vậy, vào 17 giờ cùng ngày, David Halberstam, ký giả báo New York Times đã đích thân lái xe riêng tới chùa Xá Lợi và cấp báo rằng:

- Đêm nay (20-8-63) ông Diệm sẽ cho quân lính và cảnh sát đặc biệt vào khám chùa và bắt các Tăng Ni đấy. Vậy ông (Thích Đức Nghiệp) có muốn tị nạn thì đi ngay với tôi.

Tôi nói:

- Làm ơn chờ tôi 10 phút để hỏi ý kiến mấy vị lãnh đạo xem sao!

Tôi liền gặp các vị Thượng tọa Tâm Châu, Trí Quang và Thiện Minh hiện cùng ở trong chùa Xá Lợi. Các vị đều cương quyết trả lời: “Không đi đâu hết, cứ ở đây, sống chết cùng Tăng Ni và các Phật tử.”

Ngay sau đó, tôi đi ra gặp lại anh nhà báo nước ngoài:

- Xin cảm ơn anh. Tôi không đi.

Thế rồi, đúng 12 giờ 5 phút đêm 20-8-1963, sự việc khám chùa Xá Lợi và bắt tất cả Tăng Ni về trại giam của công lực ông Diệm xảy ra đúng như lời nhà báo Mỹ đã nói. Duy chỉ có hai Tăng Sĩ là trốn thoát sang sở USOM bên cạnh chùa Xá Lợi và sau đó riêng Thượng tọa Trí Quang xin tị nạn tại tòa Đại sứ Mỹ. Còn chúng tôi Ủy Ban Liên Phái thì bị đưa về trại giam của Đại tá Lê Quang Tung, trên đường nằm giữa tổng tham mưu quân đội và phi cảng Tân Sơn Nhất.

Vì thế sau đó ba ngày, Đại sứ Mỹ ông Cabot Lodge đã sang Sài Gòn thay thế ông Frederic Nolting và tại New York một khối quốc gia gồm 16 nước mà đứng đầu là ông Đại sứ Ceylan (Srilanka) tại Liên Hiệp Quốc, đã ra công bố, lên án: Tại Nam Việt Nam đã vi phạm nhân quyền của Phật giáo. Lúc đó, Thượng tọa Nhất Hạnh đang dạy học tại Đại học Columbia, New York, sau khi Thượng tọa đã học ở Đại học Princeton, New Jersey và tốt nghiệp ở Đại học Columbia về ngành triết học. Nghĩa là, Thượng tọa cũng ngồi tuyệt thực một tuần lễ tại

trụ sở Liên Hiệp Quốc và tích cực vận động Liên Hiệp Quốc công cử một phái đoàn sang điều tra tại Sài Gòn, Nam Việt Nam. Kết quả Liên Hiệp Quốc đã cử một phái đoàn gồm bảy người tới Sài Gòn 12 giờ 30 phút giữa đêm ngày 24-10-1963 và trở về New York vào 6 giờ chiều, ngày 3-11-1963, sau khi có cuộc đảo chính ông Diệm, theo tài liệu bản phúc trình của phái đoàn Liên Hiệp Quốc điều tra sự việc tại Nam Việt Nam (Report of United Nations Fact Finding Mission of South Viet Nam) trang 8 và 21.

Biết rằng: Trước và trong thời gian phái đoàn Liên Hiệp Quốc làm việc tại Sài Gòn, thầy Thích Thanh Nhân (Thích Minh Thông) đã bí mật hoạt động ráo riết cùng quý vị Tăng Ni, sinh viên và Phật tử tổ chức biểu tình và hai vụ tự thiêu, như:

- Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 5-10-1963, thầy Thanh Nhân đã bố trí an toàn và tổ chức chu đáo cho Đại đức Quảng Hương tự thiêu tại chợ Bến Thành Sài Gòn.
- Vào sáng ngày 27-10-1963, Thầy Thanh Nhân tổ chức thành công cho Đại đức Thiện

Mỹ tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, trong khi đó có bốn người của phái đoàn Liên Hiệp Quốc cũng chứng kiến.

Trước ngày đảo chính, phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã gặp riêng Đức Hội Chủ Tịnh Khiết tại chùa Ấn Quang, ngày 27-10-1963 và vào trại giam của Đại tá Lê Quang Tung, ngày 30-10-1963 đến 31-10-1963 và sáng ngày 1-11-1963 để phỏng vấn Hòa thượng Trí Thủ, Thượng tọa Quảng Liên, Thượng tọa Tâm Giác, Thượng tọa Tâm Châu, Đại đức Thích Đức Nghiệp, Thượng tọa Thiện Minh và ông Mai Thọ Truyền.

Sau đó, phái đoàn Liên Hiệp Quốc về khách sạn. Đúng 1 giờ chiều, ngày 1-11-1963, tiếng súng Cách mạng quân đội bắt đầu nổ, chấm dứt chế độ và mạng sống của ông Diệm, ông Nhu.

- 8 giờ sáng, ngày 2-11-1963, tất cả quý vị lãnh đạo Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo Việt Nam và tôi được thả tự do, về chùa Xá Lợi với niềm hân hoan vô tận giữa Phật giáo và Dân tộc, bắt đầu vươn mình lớn mạnh trong xu hướng bình đẳng và tự do.

① Theo “Đạo Phật Việt Nam”



Hòa thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết cùng phái đoàn vào Sài Gòn ngày 12/6/1963 để chỉ đạo cuộc tranh đấu ngay sau khi Bồ tát Quảng Đức tự thiêu.

Kế hoạch “NƯỚC LŨ”^①



(...) Ngày 6/ 8/ 1963, Ủy ban Liên phái lại được mật báo về một kế hoạch của chính quyền nhằm tiêu diệt phong trào Phật giáo, gọi là “kế hoạch nước lũ”⁽¹⁾. Kế hoạch này nhằm phân hóa và cô lập lực lượng Phật tử. Bao vây kinh tế, chặn đứng tất cả guồng máy thông tin của họ và nhất là bôi xấu từng vị lãnh đạo của phong trào bằng cách giả tạo những “bằng cứ phạm pháp” của họ để có thể truy tố họ trực tiếp trước pháp luật. Trong lá thư gửi cho Tổng thống Diệm ngày 7/ 8/ 1963, thiền sư Tịnh Khiết báo tin cho Tổng thống về kế hoạch này, đồng thời lưu ý ông một lần nữa về những âm mưu thâm độc của những người thân tín nhất bên ông.

LỆNH TỔNG ĐÌNH CÔNG TẠI HUẾ

Ngày 16/ 8/ 1963 tại Huế, tất cả mọi chợ búa, trường học, xí nghiệp và công tư sở đều nhất loạt tổng đình công theo lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo. Chính quyền thị xã ban hành lệnh giới nghiêm và thiết quân luật toàn diện. Tất cả các chùa lớn đều bị phong tỏa, hàng ngàn người bị cô lập trong các chùa Linh Quang, Từ Đàm và Diệu Đế.

GIÁO CHỨC ĐẠI HỌC TỪ CHỨC

Các giới chức Viện Đại học Huế, trong đó có ông Lê Khắc Quyến (Khoa trưởng Y khoa), Bùi Tường Huân (Khoa trưởng Luật khoa), Tôn Thất Hạnh (Khoa trưởng Khoa học), Nguyễn Văn Tường (Giám đốc Học vụ Đại học Sư phạm), Lê Tuyên (Giám đốc Học vụ Văn khoa) và ba mươi nhân viên giảng huấn của trường đại học này ra thông cáo từ chức. Đồng thời toàn thể giảng viên Viện Hán học Huế cũng ra tuyên cáo phản đối chính quyền và tuyên bố từ bỏ chức vụ.

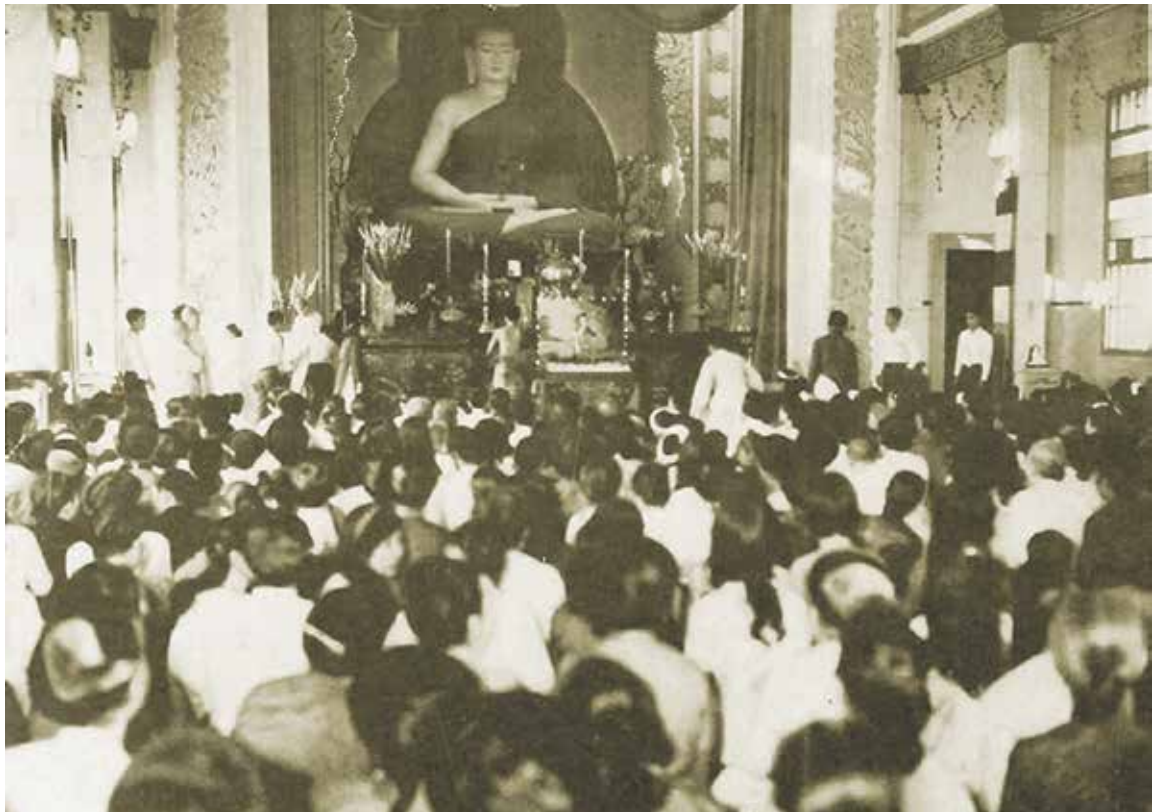
Các giới đều đã có mặt trong cuộc tranh đấu. Sự bất hợp tác trở nên toàn diện và từ

Huế, phong trào bất hợp tác bắt đầu chuyển về Sài Gòn và các tỉnh.

Tại Huế, mọi guồng máy xã hội đều tê liệt. Ngoài lực lượng cảnh sát, lực lượng đặc biệt, công an và mật vụ, không còn ai theo lệnh chính quyền nữa. Chính quyền lâm vào một tình trạng nguy ngập đến nỗi đã phải chuyên chở từ Sài Gòn ra Huế trước ngày 16/ 8/ 1963 nhiều đơn vị cảnh sát chiến đấu và lực lượng đặc biệt. Trên đường, không còn một ai qua lại.

Tại Sài Gòn ngày 16/ 8/ 1963, Ủy ban Liên phái gửi một điện tín cấp báo cho tổng thư ký Liên Hiệp Quốc và cho các tổ chức Phật giáo bạn như Thái Lan, Nhật Bản, Đại Hàn, Tân Gia Ba, Tích Lan, Miến Điện, Đài Loan và Ấn Độ. Điện tín nói đến tình trạng bị thiệt của Phật giáo Việt Nam và kêu gọi cấp cứu: “Chúng tôi gửi đến Thế Giới Tự Do, các tổ chức Phật giáo ngoại quốc lời kêu cứu thiết tha này và thành thật tri ân mọi sự can thiệp, nhân danh dân quyền, để chấm dứt một sự ngược đãi đã trở thành dã man”.

Trong khi đó quân đội Cộng hòa được lệnh cấm trại 100%. Đường phố đầy cảnh sát võ trang. Dây thép gai từng đống lớn chằng trên vỉa hè xung quanh các chùa.





LỄ CẦU SIÊU TẠI CHÙA XÁ LỢI

Ngày 17/ 8/ 1963, lệnh tập hợp để cầu siêu cho tất cả những thiền sư đã thiêu thân vì bảo vệ Phật giáo được Ủy ban Liên phái truyền ra. Trên ba mươi ngàn người đã đến chùa Xá Lợi vào sáng ngày 18/ 8/ 1963. Sau khi bài diễn văn đã được tuyên đọc, đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn kêu gọi quần chúng tham dự một cuộc tuyệt thực tại chỗ. Khoảng mười ngàn người hưởng ứng ngồi xuống. Chủ lực của cuộc tuyệt thực này là thanh niên thuộc các đoàn thể Sinh viên Phật tử, Học sinh Phật tử và đoàn Thanh niên Bảo vệ Phật giáo. Rất nhiều đồng bào không tuyệt thực cũng ở lại yểm trợ.

Suốt ngày hôm ấy, quần chúng thủ đô thay nhau, hết lớp này đến lớp khác, kéo đến chùa để ủng hộ cuộc tuyệt thực. Cảnh sát Chiến đấu túc trực quanh vùng để đề phòng cuộc tuyệt thực biến thành cuộc biểu tình diễn hành. Thiền sư Giác Đức lại lên máy vi âm để đàm đạo với đại chúng.

Dùng những lý luận sắc bén, ông diễn bày tính cách phi nhân của chế độ. Ông lại lên

án gắt gao bà Ngô Đình Nhu về những lời nhục mạ Phật giáo của bà. Sẵn thù ghét chế độ, quần chúng hoan hô ông từng chặp. Ông lên diễn đàn nhiều lần trong một ngày và giữ cho cuộc tuyệt thực luôn luôn linh động.

Từ ngã tư các đường Bà Huyện Thanh Quan và Ngô Thời Nhiệm đến đường Phan Thanh Giản, quần chúng đứng ngồi chật ních. Thế đấu tranh của quần chúng càng lúc càng mãnh liệt.

ĐÒN ÁC LIỆT CUỐI CÙNG CỦA CHÍNH QUYỀN

Chính quyền Ngô Đình Diệm không lùi bước. Ngày 21/ 8/ 1963 chính quyền này đánh một đòn ác liệt cuối cùng: Tất cả các ngôi chùa làm căn cứ cho cuộc tranh đấu của Phật tử trên toàn quốc đều bị tấn công một lần và tất cả các vị lãnh đạo của cuộc tranh đấu, tăng ni cũng như cư sĩ, đều bị tống vào ngục tối.

Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tại chùa Xá Lợi được mật báo về cuộc đánh úp này vào lúc 5 giờ chiều ngày 20/ 8/ 1963. Một

buổi họp thu hẹp của Ủy ban Liên phái được tổ chức ngay sau đó để bàn định kế hoạch đối phó với cuộc tấn công này mà các vị lãnh đạo Phật giáo cho là lá bài chốt của chế độ. Sau buổi lễ Phật vào tám giờ rưỡi tối, các Phật tử đến hành lễ tại chùa Xá Lợi được yêu cầu ra về vào lúc chín giờ thay vì mười một giờ như thường nhật. Vào khoảng mười giờ đêm thì cảnh chùa đã trở lại yên tĩnh. Tam quan chùa và các cửa hông đều được đóng lại kỹ lưỡng. Đèn ngoài sân chùa được để sáng chứ không tắt như mọi hôm. Các tiểu ban của Ủy ban Liên phái vẫn im lặng làm việc. Một số thanh niên tăng ngồi canh gác sau các cổng chùa. Vào lúc mười lăm phút sau nửa đêm, Ủy ban Liên phái nhận được một tin nữa bằng điện thoại do một người không xưng danh tin cho biết chùa Xá Lợi sắp bị tấn công và các vị lãnh đạo Phật giáo sẽ bị bắt cóc. Tất cả tăng ni trong chùa đều im lặng niệm Phật để chờ đợi. Đúng ba mươi phút sau nửa đêm, một hồi còi ré lên phía ngoài và xe cảnh sát đổ đến vây quanh chùa. Khoảng 200 người của Lực lượng Đặc biệt ào tới tấn công chùa. Dây điện thoại và dây đèn bị cắt đứt. Các vị lãnh đạo cao cấp của Phật giáo lúc này đã rút lên chánh điện, bao bọc bởi chư tăng ni. Một số thanh niên tăng trấn ở cầu thang để ngăn không cho bọn người hung dữ tiến lên xâm phạm vào các bậc trường thượng của họ. Những cuộc đập phá đã bắt đầu. Bàn thờ thiền sư Quảng Đức bị lật đổ, các cánh cửa và hương đài bị đập phá. Một số chư tăng đánh trống và động chuông để báo hiệu nguy cấp cho dân cư trong khu phố. Nhiều vị khác gõ vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào việc báo hiệu. Sau khi phá phách bên dưới xong xuôi, những người tấn công bắt đầu leo lên thượng điện. Tại đây, thanh niên tăng đã chất ghế và bàn đầy cầu thang khiến họ không tiến lên ngay được. Những người tấn công tung lựu đạn cay lên. Bị khói cay, các tăng ni ho sặc sụa, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Họ dùng khăn ướt bịt mặt lại và tiếp tục liệng thêm bàn ghế xuống để chặn đường cầu thang. Thanh niên, tăng in

cầm cự được khoảng gần một giờ rưỡi thì kiệt lực. Nhiều vị ngã lăn bất tỉnh. Lựu đạn cay ném lên chánh điện nhiều quá khiến họ không còn không khí để thở. Áo quần họ cháy sém. Những người tấn công đã lên tới chánh điện, dùng súng và lưỡi lê dồn tất cả tăng ni vào một góc. Họ còng tay từng người rồi dẫn ra trước sân thượng điện. Những ai kháng cự đều bị đánh đập không nương tay. Những người mệt mỏi không đi nhanh đều bị họ tống báng súng vào lưng. Nhiều tăng ni mặt mày bị đập, máu tuôn ướt áo.

Trong khi đó, một số trong những người tấn công đi lùng soát các phòng ốc khác trong chùa. Họ phá cửa một căn phòng khóa kín trên tầng xá và tìm thấy gần mười vị thiền sư đang tĩnh tọa. Đại lão thiền sư Tịnh Khiết có mặt trong số này. Ông bị những người tấn công xô ngã sấp và bị một vết thương nơi mắt trái.

Trong lúc cuộc đàn áp đang diễn ra trên thượng điện, một số tăng sĩ ở bên dưới tìm cách leo lên bức tường sau chùa Xá Lợi để thoát ra bên ngoài. Bốn vị trong số đó bị bắn rơi trở lại dưới chân tường. Hai vị trèo thoát được sang địa phận của cơ quan USOM của Hoa Kỳ và xin tị nạn ở đây.

Ngót hai trăm năm mươi vị tăng ni bị bắt. Những người tấn công được lệnh áp giải các thiền sư Tịnh Khiết, Tâm Châu, Thiện Minh, Quảng Độ, Giác Đức và các vị quan trọng khác trong Ủy ban Liên phái đi trước. Các vị tăng ni khác được lần lượt áp giải ra xe. Năm chiếc xe cam nhông lớn chất đầy các vị tăng ni, người thì bị thương, người còn bất tỉnh, rời chùa Xá Lợi. Cuộc tấn công chùa chấm dứt vào lúc 2 giờ 15 phút sáng ngày 21/ 8/ 1963.

Chùa Xá Lợi bị tàn phá tang hoang. Tượng Phật Thích Ca tại Chánh Điện cũng bị xâm phạm. Những người tấn công đã móc mắt tượng Phật để chiếm lấy hai hạt kim cương trong hai mắt tượng.

Trong khi chùa Xá Lợi ở Sài Gòn bị tấn công thì trong toàn miền Nam Việt Nam các chùa lớn làm căn cứ cho cuộc tranh đấu

của Phật giáo cũng đều bị tấn công nhất loạt. Cuộc tấn công chùa Từ Đàm ở Huế gặp sức kháng cự của khoảng năm ngàn Phật tử trong chùa, đã phải kéo dài từ một giờ khuya tới tám giờ sáng. Lực lượng tấn công là hai ngàn rưỡi, tất cả đều thuộc Lực lượng Đặc biệt. Các chùa Diệu Đế, Linh Quang, Ân Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc và các chùa hội quán các tỉnh hội Phật giáo trong nước đều bị đánh úp cùng một ngày một giờ. Khắp nơi, tăng sĩ và cư sĩ đều bị đánh đập và bắt trói trước khi dẫn đi. Số lượng những tăng sĩ và cư sĩ toàn quốc bị bắt nhốt đêm đó, theo tài liệu của chính quyền là 1.400 vị, nhưng có thể cao hơn nhiều. Tài liệu mật của Ngũ Giác Đài về cuộc chiến tại Việt Nam cũng nói đến 1.400 vị bị bắt trong đêm đó.

Theo sách Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam của Quốc Tuệ, ngoài số tăng ni và cư sĩ lãnh đạo cuộc tranh đấu bị bắt vào đêm 20.8.1963, chính quyền đã cho người đi bắt thêm khoảng hai ngàn người khác tại tư gia của họ trong đêm đó và những ngày kế tiếp. Bác sĩ Lê Khắc Quyến, Khoa trưởng trường Y khoa Huế và thi sĩ Vũ Hoàng Chương tác giả bài Lửa Từ Bi

cũng bị giam giữ trong dịp này. Trong số những người bị bắt sau này, có nhiều giáo sư, luật sư và sinh viên nhất là ở Sài Gòn và Huế. Tất cả các nhân viên của Ban Chấp hành Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn và Huế cũng đều bị bắt tại tư gia của họ.

Sáng tinh sương ngày 21/ 8/ 1963 trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa, sắc lệnh thiết quân luật đã được dán đầy trên thành phố. Xe phóng thanh của chính quyền chạy khắp phố phường và thôn, xã để loan tin “chính phủ đã diệt xong bọn phản động”. Truyền đơn và hiệu triệu của chính quyền bay đầy đường.

Các chùa chiền trong toàn quốc hoang tàn và vắng lạnh đến nao nùng. Một sự im lặng nặng nề và tang tóc bao trùm lên đời sống của toàn dân chúng. Tất cả các vị lãnh đạo Phật giáo đều đã bị bắt. Sóng gió do phong trào Phật tử gây ra hình như không còn nữa. Nhưng sóng gió bắt đầu nổi dậy trong lòng mọi người. Những đợt sóng ngầm vĩ đại trong lòng đại dương không còn ai ngăn chặn và không có cách nào ngăn chặn được nữa. Đêm 20/ 8/ 1963 chính quyền của tổng thống Diệm đã chọn cho chính mình một tuyệt lộ.





SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY

Sáng ngày 21/ 8/ 1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ “bọn tăng ni làm loạn”.

Bộ trưởng bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường của mình và gửi thư từ chức Bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập Phong trào Trí thức chống độc tài. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ bãi khóa ngay trong buổi chiều 21/ 8/ 1963. Giáo sư Lê Sĩ Ngạc của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.

Chiều ngày 22/ 8/ 1963 Khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ Phạm Biểu Tâm gửi đơn từ chức. Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23/ 8/ 1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn luận kế hoạch vận động thành lập một Ủy ban

Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa. Chiều hôm ấy, Ủy ban này được thành lập, do sinh viên Tô Lai Chánh làm Chủ tịch. Ủy ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô Lê Thị Hạnh; Y khoa: Đường Thiệu Đồng; Văn khoa: Lâm Tường Vũ; Kiến trúc: Nguyễn Hữu Đồng; Công chánh: Nguyễn Thanh; Sư phạm: Nguyễn Văn Vĩnh; Luật khoa: Tô Lai Chánh. Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa phát động phong trào bãi khóa: Sinh viên các trường Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật, v.v... theo gót sinh viên Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24/ 8/ 1963, trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy ban Chỉ đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23/ 8/ 1963, yêu cầu chính quyền:

- 1- Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.
- 2 - Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.
- 3 - Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ, hành hạ tín đồ Phật giáo.
- 4 - Giải tỏa chùa chiền, ban bố tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: “Sinh viên và học sinh Việt Nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc”.

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên Liên khoa được đổi thành Ủy ban Chỉ đạo Sinh viên và Học sinh.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn.

Ngày 25/ 8/ 1963, ba trăm sinh viên và học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị võ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng nhóm nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngã đường đi tới. Vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình hình thành. Các trung đội Cảnh sát Chiến đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên Quách Thị Trang bị trúng đạn tử thương^[1]. Một số sinh viên học sinh trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó, chính quyền đô thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25/ 8/ 1963, sinh viên và học sinh trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được dây thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức.

Ngày 7/ 9/ 1963, học sinh các trường trung học công lập Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn ngoài sân để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ liền bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng

trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trường Kỹ thuật Cao Thắng, trường Mỹ thuật Gia Định và các trường trung học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn liên tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát^[2]. Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại Sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

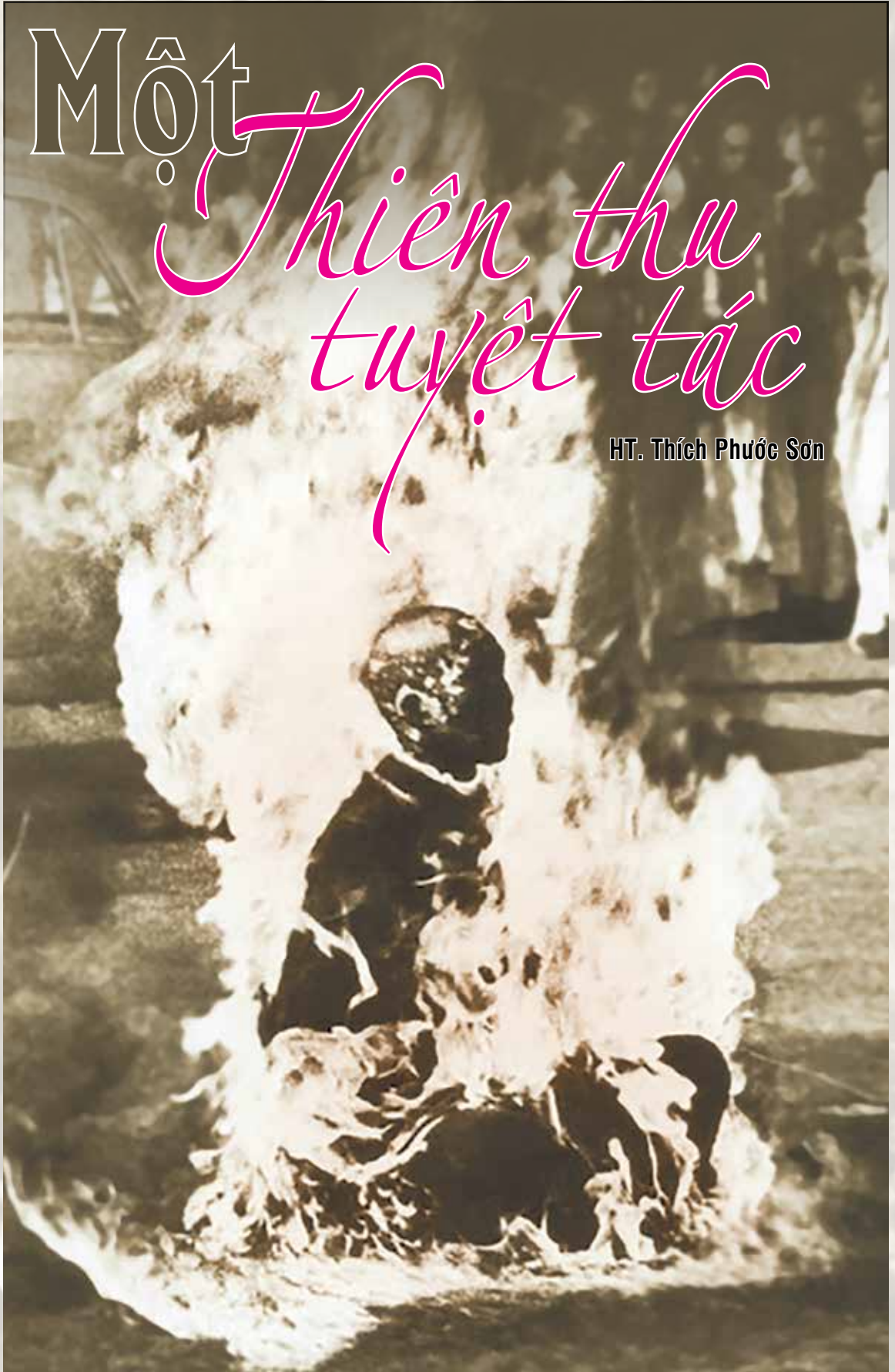
Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình, đừng cho chúng “mắc mưu Cộng sản”. Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông Tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15 và 16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng sản xúi giục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong thâm tâm, các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu. Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng nề trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng cảm thấy áp lực nặng nề và u uất đó. (...)

(cuối cùng là cuộc đảo chánh của quân đội Sài Gòn vào ngày 01/11/1963 chấm dứt chế độ Ngô Đình Diệm, chấm dứt cơn Pháp nạn của Phật giáo như lịch sử đã ghi nhận). ○

Ghi chú: [1]. Theo Nguyễn Lang - Việt Nam Phật Giáo Sử Luận

Một *Thiên thu tuyệt tác*

HT. Thích Phước Sơn



Người xưa nói: “*Vật cùng tắc biến, biến tắc thông*”. Điều đó khẳng định một chân lý: Muôn vật trong vũ trụ luôn luôn vận động theo một chiều hướng đảo thái cái ác và thăng hoa cái thiện.

Nhớ lại tại miền Nam nước ta vào năm 1963, chính phủ Ngô Đình Diệm đã đang tâm vi phạm nhân quyền, chà đạp tự do, đàn áp tôn giáo, ngang nhiên ra lệnh triệt hạ cờ Phật giáo ngay trong dịp đại lễ Phật đản Phật lịch 2507.

Trước hành vi coi thường đạo lý của một chế độ thất nhân tâm, khiến từng từng lớp lớp Phật tử vô cùng phẫn nộ đồng lòng đứng lên đòi lại quyền sống, quyền tự do tôn giáo.

Tuy tình hình sôi động như vậy, nhưng các nhà lãnh đạo Phật giáo vẫn giữ thái độ ôn hòa, kêu gọi Phật tử bình tĩnh, đứng ra tiếp xúc với chính quyền, yêu cầu chính phủ rút lại lệnh hạ cờ Phật giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng. Vì tự do tín ngưỡng là một trong những quyền làm người mà Hiến pháp lúc bấy giờ đã quy định và công pháp Quốc tế cũng minh nhiên thừa nhận.

Thế nhưng, chính quyền lúc ấy vẫn ngoan cố, một mặt tìm kế hoãn binh, mặt khác quyết tâm tiến hành kế hoạch triệt hạ Phật giáo cho kỳ được. Như một giọt nước làm tràn ly nước, không còn cách nào khác, Tăng Ni, Phật tử cả nước đã đồng lòng tổ chức các cuộc biểu tình, bày tỏ nguyện vọng, đòi lại quyền sống, quyền tự do tôn giáo.

Không những giới trẻ nhiệt liệt hưởng ứng, mà ngay cả các bậc trưởng lão Hòa Thượng tám, chín mươi tuổi cũng chống tích trượng xuống đường, hòa mình cùng dòng chảy của những người con Phật, với một tinh thần vô úy và kiên cường.

Cảm động trước mối ưu tư cho sự tồn vong của Đạo pháp mà các bậc Trưởng lão đã thể hiện, Hòa thượng Thích Quảng Đức quyết định dấn thân vào công cuộc đấu tranh bảo vệ đạo pháp, phát nguyện đem thân huyễn hóa làm ngọn đuốc soi đường, thức tỉnh lương tâm của nhà cầm quyền và đánh thức

lương tri của nhân loại. Thế là, ngọn đuốc đại hùng, đại lực của Bồ-tát được thắp lên tại ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt vào ngày 11 tháng 6 năm 1963.

Từ đây, các phương tiện truyền thanh, truyền hình đưa tin đi khắp nước, rồi lan khắp năm châu. Hình ảnh Bồ-tát ngồi bất động trong ngọn lửa thiêu, thực sự làm chấn động muôn triệu con tim của nhân loại. Vì vậy, không những Phật tử trên khắp thế giới đồng lòng chia xẻ nỗi khổ đau của Phật tử Việt Nam đang gặp cơn Pháp nạn, mà các chính khách quốc tế, các nhà tranh đấu cho nhân quyền, các giới trí thức, nói chung là mọi người có lương tri trên toàn thế giới đều đồng thanh lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Phật giáo Việt Nam.

Điều kỳ diệu hơn nữa là khi nhục thân của Bồ-tát được đem đi hỏa thiêu, thì trái tim đã trở thành bất diệt, không có bất cứ một thứ lửa nào có thể đốt cháy dù đã thiêu đi thiêu lại nhiều lần. Chứng kiến trước sự kiện hi hữu ấy, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã cảm tác ca ngợi:

Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác,

Trong vô hình sáng chói nét từ bi.

Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?

Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát,

Với thời gian lê vết máu qua đi.

Còn mãi chứ! Còn trái tim Bồ tát,

Gọi hào quang xuống tận ngục A-tỳ.

Vì lẽ, quả tim đó không phải là loại nhục thể bình thường mà là kết tinh của đại hùng đại lực, là biểu tượng của tinh thần vô úy bất khuất, khẳng định chân lý cái thiện thắng cái ác, từ bi xóa bỏ hận thù.

Qua sự kiện ấy, một vị giảng sư lúc bấy giờ đã diễn tả:

Lửa, lửa cháy hết y phục,

Thiêu đốt tất cả thịt xương,

Nhưng có một cái không cháy.

Đó là quả tim.

Vì quả tim là tượng trưng cho tình thương,

Lấy tình thương phủ lên sắt máu.

(Thích Giác Đức)

Đúng như vậy, theo tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật, các Phật tử luôn luôn chủ trương dùng tình thương để hóa giải hận thù theo lời Phật dạy:

***“Từ bi diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu”.***

Hơn nữa, người Phật tử cũng ý thức rất rõ kẻ thù đích thực của con người là ba độc tham, sân, si. Chính ba độc này thường gây ra biết bao tai họa mà ít ai nhận diện được chúng. Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng không ra ngoài công lệ ấy, vì thế ông đã phải trả giá cho tham vọng bất chính trong âm mưu đàn áp Phật giáo để tôn vinh tôn giáo của mình. Bởi lẽ, phủ nhận sự tồn tại này để thăng hoa sự tồn tại khác, tiêu diệt sự sống này để phát triển sự sống khác là một điều nghịch lý, trái với quy luật tự nhiên và đi ngược lại truyền thống đạo lý của dân tộc.

Truyền thống của dân tộc ta là quý trọng sự sống của mình và tôn trọng sự sống của kẻ khác, nói chung là: sống và để mọi người cùng sống. Vì đời sống của cá nhân liên hệ mật thiết với đời sống của tập thể; đời sống của tập thể tương quan khăng khít với đời sống của cộng đồng và đời sống của cộng đồng bao hàm trọn vẹn trong đời sống của toàn thể nhân loại.

Theo quy luật đó, nhìn lại thực trạng Phật giáo của nước ta, một nhà trí thức đã viết:

*Nhớ nước Việt ta xưa,
Từ Đình, Lý, Trần, Lê,
Nền Đạo thống đã vang lừng rạng rỡ.
Trải bao thế cuộc đổi thay,
Dù cường bạo cũng khó thủ tiêu nền
Chánh pháp.*

(Nguyễn Hồng)

Thật thế, Phật giáo Việt Nam đã đồng hành với dân tộc gần 2000 năm lịch sử, trải qua bao cuộc biến thiên, từng gặp biết bao thăng trầm vinh nhục; dù có lúc Phật giáo phải chịu đựng những thử thách khắc nghiệt, nhưng chung cục, đều vượt qua trở

ngại, khắc phục ma chướng, phục hồi sinh lực để vươn lên, và chu toàn sứ mệnh cứu khổ chúng sinh.

Chính quyền Ngô Đình Diệm đã không học được bài học lịch sử, tưởng có thể dùng sức mạnh xe tăng đại bác bắt hàng giáo phẩm Phật giáo - những người không có một tác sất trong tay - phải khuất phục trước tham vọng đen tối của mình. Thế nhưng, ông đã lầm, rốt cuộc gây ông đã đập lưng ông: Không phải giới Phật giáo mà chính là các Tướng lĩnh đã đứng lên lật đổ chế độ độc tài gia đình trị phân lại quyền lợi của nhân dân.

Tại sao họ làm như vậy? Đó là mệnh lệnh của lương tâm, chính mệnh lệnh ấy đã kêu gọi họ đứng về phía lẽ phải, bênh vực những người bị áp bức, đòi lại sự công bằng.

Do vậy ta có thể nói, sự chiến thắng của cuộc cách mạng năm 1963 chính là sự chiến thắng của công lý trước bạo lực, mà quả tim bất diệt của Bồ tát là một lời hiệu triệu hùng hồn, đầy uy lực, kết hợp những tâm hồn đồng cảm, tạo nên một sức mạnh phi thường.

Điều này cũng khẳng định một chân lý khác nữa là vũ khí tinh thần có một sức mạnh vô địch mà không có bất cứ một loại vũ khí vật chất nào sánh kịp. Vì đó là một loại vũ khí thiêng liêng, như vị thức giả vừa dẫn ở trên đã đúc kết:

*Tinh thần ấy thiêng liêng bất diệt,
Quyển vàng giáo sử ghi danh.
Công đức kia truyền lại nghìn sau,
Đạo hạnh nêu gương chói lọi.*

(Nguyễn Hồng)

Kỷ niệm sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, chúng ta chỉ nhắm đến mục đích hóa giải mọi hận thù; người người sống với nhau trong tình huynh đệ bao la, luôn luôn tinh táo suy gẫm về những bài học lịch sử, thường xuyên cảnh giác đề phòng những hành vi thiếu ý thức của mình để khỏi dẫm lại những vết xe đau thương của quá khứ. ○

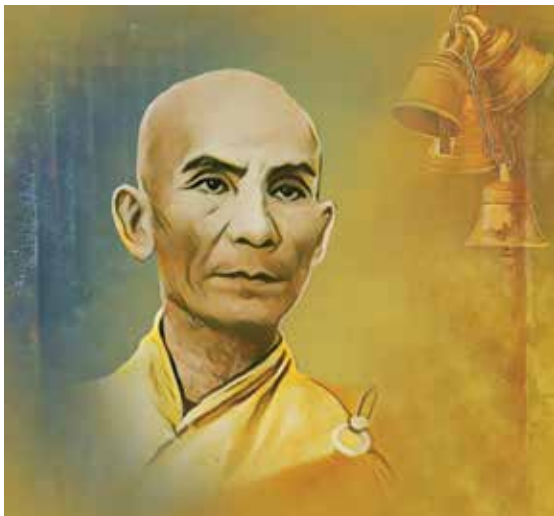
Nhớ lại 60 năm HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC vị pháp thiêu thân

Thích Phước An



Mỗi khi có dịp gặp và ngồi nói chuyện về tỉnh Khánh Hòa, Quách Tấn đều nhắc cho tôi biết là, Khánh Hòa có 2 người tiếng tăm đã vượt biên giới là Hòa thượng Thích Quảng Đức và Bác sĩ Yersin.

Trong Xứ Trầm Hương, tác phẩm viết về đất Khánh Hòa nổi tiếng nhất trong những tác phẩm viết về tỉnh Khánh Hòa. Nơi phần năm, tức là phần viết về các nhân vật lịch sử, thì ngoài Trịnh Phong, Trần Đường và Nguyễn Khanh mà Quách Tấn gọi là “Khánh Hòa tam kiệt”, tức là những sĩ phu đã hưởng ứng phong trào Cần Vương nổi dậy chống Pháp, thì còn có 2 nhân vật kiệt xuất nữa là Hòa thượng Quảng Đức và Bác sĩ Yersin, mà tiếng tăm đã lừng lẫy khắp thế giới ở đầu và giữa thế kỷ XX. Nhưng Bác sĩ Yersin sinh 1883 dù sao cũng là người Thụy Sĩ gốc Pháp, chỉ đến ở rồi mất trên đất Khánh Hòa, chỉ có Hòa thượng Thích Quảng Đức sinh năm 1898 tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh ngày nay mới đích thực là người Khánh Hòa.



Nhưng tôi bắt đầu biết đến con người Khánh Hòa tiếng tăm lừng lẫy khắp thế giới này từ khi nào?

Từ khi xảy ra cuộc đàn áp đẫm máu tại đài Phát thanh Huế làm 8 em gia đình Phật tử chết, thì nhóm 20 học Tăng từ Phật học viện Hải Đức Nha Trang lên tu học ở chi nhánh chùa Linh Sơn Đà Lạt, hễ cứ khoảng 6h30 chiều đều tập trung bên chiếc radio để nghe tin tức. Hôm ấy là chiều 20/04 âm lịch, đài BBC loan báo Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tẩm xăng tự thiêu tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng (nay là ngã tư đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP.HCM), tức là ngày 11/06/1963.

Từ ngày ấy đến nay đã đúng 60 năm trôi qua. 60 năm biết bao nhiêu là đổi thay, chẳng những cho quê hương đất nước mà còn cho cả thế giới nữa. Vậy mà tôi vẫn thấy mình vẫn là chú đệ tử học lớp đệ lục (lớp 7 ngày nay) há hốc mồm ngồi nghe một biến cố trọng đại đã xảy ra cho Phật giáo Việt Nam làm chấn động dư luận thế giới. Đặc biệt là khi xem được bức ảnh do nhà báo Mỹ Malcolm Browne chụp Hòa thượng Quảng Đức ngồi thiền định trong biển lửa. Bức ảnh này được thế giới báo chí tôn vinh là bức ảnh của năm 1963. Cùng với bài thơ Lửa từ bi nổi tiếng của thi sĩ Vũ Hoàng Chương qua giọng ngâm của ca sĩ Hoàng Oanh:

*Ngọc hay đá tượng chẳng cần ai tạc
Lúa hay tre nào khiến bút ai ghi
Chỗ Người ngồi một thiền thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi.*

Đúng là “Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi”. Kể từ khi ngọn lửa thiêng bùng lên trong đêm dài tối tăm của dân tộc và Phật giáo, thì tình thương, thì từ bi không chỉ trong thi ca của Vũ Hoàng Chương mà cả trong âm nhạc nữa. Chẳng hạn, nhạc sĩ tài hoa hàng đầu của Việt Nam thời đó là Phạm Duy đã cho ra đời bản Trường ca Mẹ Việt Nam, đầy tình yêu thương dân tộc. Cứ theo lời được ghi bản Trường ca thì Phạm Duy đã bắt đầu khởi soạn vào tháng 11/1963, tức là những ngày cuối của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Xin được trích 4 câu trong bản trường ca:

*Lửa thiêng soi toàn thế giới
Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho đời
Tình yêu đây là khí giới
Tình thương đem về muôn lối.*

Điều bất ngờ nhất là trường hợp văn hào đồng thời cũng là nhà hoạt động chính trị Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, người đã thành lập ra Tự Lực Văn Đoàn, với nhiều tác phẩm mà trước năm 1975 đã đem vào sách giáo khoa ở bậc Trung học như: Đoạn Tuyệt, Nắng Thu, Bướm Trắng, Dòng Sông Thanh Thủy... trước khi tự kết thúc đời mình để phản đối chế độ độc tài gia đình trị này cũng lấy cảm hứng từ ngọn lửa thiêng của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Trong lá thư tuyệt mệnh để lại, có đoạn cố nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam viết:

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả.

Vì thế tôi tự hủy mình cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những ai đã chà đạp mọi thứ tự do”.

Quan tài của nhà văn được đưa đến chùa Xá Lợi, nơi đặt đại bản doanh tranh đấu đòi bình đẳng tôn giáo của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo làm lễ cầu siêu trước khi đưa đến nghĩa trang chôn cất.

Buổi lễ cầu siêu cho nhà văn tiếng tăm lừng lẫy này được hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử, các nhà văn, giáo sư các trường đại học và trung học tham dự như là một thách thức lớn cho chế độ.

Trong khi đó, trên diễn đàn quốc tế, các lãnh tụ thế giới đặc biệt là các nguyên thủ châu Á theo Phật giáo như cố Thủ tướng Ấn Độ Nehru, Quốc vương Shihanuk của Campuchia, nữ Thủ tướng Bandaranaike của Sri Lanka và đặc biệt là ông U Thant đương kiêm Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc người Myanmar đã đồng loạt phản đối sự đàn áp Phật giáo của chế độ Sài Gòn, và cuối cùng Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc đã họp khẩn để cử một phái đoàn đến Việt Nam để điều tra vụ Phật giáo này.

Vậy là đúng như Wikipe đã nhận định: *“Việc tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức được xem như một bước ngoặt trong cuộc khủng hoảng Phật giáo dẫn tới việc xóa bỏ nền Đệ nhất Cộng hòa miền Nam Việt Nam”*.

Vào ngày 01/11/1963, Hội đồng Quân nhân Cách mạng đã đứng lên lật đổ nền Đệ nhất Cộng hòa, và tất nhiên Phật giáo Việt Nam cũng mở ra một vận hội mới.

Đầu năm 1964, một đại hội Phật giáo được triệu tập tại chùa Xá Lợi. Đại hội đã quyết định lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, hai hệ thống lớn nhất là Bắc tông và Nam tông (hay Đại thừa và Tiểu thừa) chính thức hợp nhất để Tăng Ni và Phật tử cùng nhau tu tập, nên mới gọi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất.

Các bậc thiền sư danh tiếng của Phật giáo Việt Nam đang hoằng pháp ở hải ngoại như Nhất Hạnh, đang giảng dạy tại đại học Princeton cũng được mời về nước để bắt tay vào việc xây dựng lại Phật giáo sau gần một thế kỷ bị chính quyền bảo hộ Pháp và chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị.

Trước tiên, thiền sư Nhất Hạnh mở viện Cao đẳng Phật học tại chùa Pháp Hội (tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh).

Vào khoảng đầu năm 1965 thì Hòa thượng Minh Châu đang giảng dạy tại Nalanda, Viện đại học lừng lẫy tiếng tăm từ thời Pháp sư Huyền Trang cũng đã được mời về nước. Lúc bấy giờ viện Cao đẳng Pháp Hội được dời về khu đất mới ở đường Trương Minh Giảng, Quận 3, Sài Gòn, và cũng đã chính thức đổi thành Đại học Vạn Hạnh. Chỉ trong khoảng 10 năm mà Đại học Vạn Hạnh đã nổi tiếng không phải chỉ trong nước mà cả thế giới nữa. Đặc biệt là Phạm Công Thiện từ Pháp trở về điều hành tạp chí Tư Tưởng, cơ quan luận thuyết của Đại học Vạn Hạnh quy tụ những cây bút nổi tiếng trong và ngoài nước thời bấy giờ như Trần Ngọc Ninh, Lê Tôn Nghiêm, Phạm Công Thiện, Lê Mạnh Thát, Tuệ Sỹ... Tôi còn nhớ rất rõ tạp chí Tư Tưởng này có những chủ đề vô cùng hấp dẫn cho giới trẻ trí thức, chẳng hạn như Phật giáo với tư tưởng Heidegger, Phật giáo với Nietzsche, Phật giáo với Nguyễn Du, Thiền sư Vạn Hạnh với quốc học Việt Nam...

Vậy là từ khi có Đại học Vạn Hạnh, có Nhà xuất bản Lá Bối và sau đó là An Tiêm thì những bài viết xuyên tạc Phật giáo và văn học văn hóa dân tộc đã bị giới trẻ thời bấy giờ xem thường và cuối cùng là đi vào quên lãng.

Mùa Phật đản năm nay, Phật giáo Việt Nam kỷ niệm 60 năm ngày Hòa thượng Quảng Đức vị pháp thiêu thân, thì Phật tử, đặc biệt là Phật tử Khánh Hòa chúng ta, nơi quê Cha đất Tổ của Ngài, phải hãnh diện mà nhớ lại rằng, cũng ngày này cách đây 60 năm nói theo cổ thi sĩ Vũ Hoàng Chương trong bài thơ Lửa từ bi là thế giới văn minh của loài người “đã chấp tay đón một mặt trời mới mọc”. Đó là thứ mặt trời gì vậy? Mặt trời của hận thù, của ganh tỵ chằng? Chắc chắn là không phải.

*Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau tình huynh đệ bao la*

Vậy là mặt trời của từ bi, của tình yêu thương đã tỏa ra từ sự hy sinh cao cả của Ngài. ○

Nha Trang, mùa Phật đản 2567

Tưởng niệm NGỌN ĐUỐC 1963

Cao Huy Thuần



Đức Pháp chủ - Trưởng lão HT. Thích Trí Quang cùng chư tôn Trưởng lão HDCM, HĐTS GHPGVN
dành lễ tôn tượng và Xá lợi xương của Bồ tát Quảng Đức tại bảo tháp Việt Nam Quốc Tự

Trong lịch sử Phật giáo, cũng như trong lịch sử Việt Nam, 1963 là một niên biểu trọng đại. Một đỉnh cao, một mốc thời gian trong đó máu và nước mắt của Phật tử chan hòa và tiếp nối máu và nước mắt oai hùng của cả một dân tộc đã đổ ra trong hơn một thế kỷ để giành lại độc lập toàn vẹn cho đất nước. Người Việt Nam phải thuộc sử Việt Nam. Và người Phật tử thì không phải chỉ 50 năm một lần, 60 năm một lần đọc lại trang sử 1963, mà đọc lại hàng năm, mỗi ngày Phật đản, đọc thâm cũng được, để thấy máu và nước mắt của một thời thấm vào tim mình. Bài học 1963 không những còn nguyên giá trị, mà còn sáng rực ngọn đuốc Quảng Đức trong vô minh của mọi đêm tối.

Trong vô minh ấy của chính chúng ta, 1963 để lại những bài học gì? Nhiều lắm. Nhưng hãy tạm hạn chế trong bốn yếu tố căn bản:

1. Thứ nhất là yếu tố quần chúng. Tuyệt đẹp, tuyệt hảo là tình cảm gắn bó thiết tha giữa quần chúng và Phật tử, giữa một tầng lớp quần chúng với chùa chiền trong suốt thời gian pháp nạn. Không có quần chúng thì chắc chắn không có 1963, chắc chắn không có Phật giáo ngày nay, chắc chắn lịch sử chiến tranh sẽ khác. Ngay từ đầu, ngay sau vụ thảm sát ở Đài Phát thanh Huế, biểu tình là tự phát, quần chúng đổ ra đường cùng với Phật tử. Đâu có đàn áp, lập tức đây có tự phát biểu tình. Càng về sau, càng đàn áp khủng bố, quần chúng lại càng đồng hóa với Phật tử, chính dùi cui cũng không biết phân biệt đâu nào là đầu dân, đâu nào là đầu thầy chùa: pháp nạn với dân nạn, quốc nạn là một. Vì vậy mà dù Từ Đàm bị bao vây, chim bay tưởng khó lọt, quần chúng vẫn vô ra mà không cần địa đạo. Cứ tưởng tượng lại quang cảnh bi hùng ấy mà thương quần chúng: cảnh sát, quân đội, chiến xa bao vây ba vòng, máy bay uy hiếp trên không, Từ Đàm bị phong tỏa như một chiến khu, bằng cách nào bên ngoài tiếp tế lương thực, áo quần, thuốc men cho các thầy và hàng chục Phật tử luân phiên tuyệt thực, cầu nguyện ở bên trong? Trả lời: Ban đêm, tìm lối sau, xuyên qua nhà dân, từ nhà này qua nhà khác, vườn nọ tiếp vườn kia, không ai tố giác, tin tức trao qua đổi lại không lộ bí mật, một lời phóng ra từ bên trong, bên ngoài chấn động cả thành phố.

Có quần chúng, chưa đủ, nếu quần chúng ấy vô kỷ luật. Vô kỷ luật thì càng đông càng ô hợp. Quần chúng của 1963 là quần chúng biết nghe, nghe theo kỷ luật, nghe theo phải trái. Và bởi vì phải trái đã quá phân minh, chỉ cần nghe theo lẽ phải của chính lòng mình là không cần ai bắt buộc cũng thành kỷ luật. Cho nên, ở Huế cũng như ở Sài Gòn về sau, hàng hàng lớp lớp biểu tình mà

bạo loạn không xảy ra. Chúng ta tự hào đã là một tấm gương kỷ luật để quần chúng noi theo. Mít-ting trước chùa hay biểu tình ngoài phố, đi, đứng, ngồi xuống đường, chấp tay cầu nguyện mặc đánh đập, tiến, thoái, khẩu hiệu, biểu ngữ, hiệu lệnh truyền ra, nhất nhất Tăng Ni, Phật tử hành động đồng loạt, mà Tăng Ni trở là hình ảnh nổi bật hàng đầu trong tấm gương. Hòa thượng Trí Quang đặc biệt tán dương các vị Tăng Ni trẻ trong hồi ký, dành những lời thiết tha nhất để nhắc lại dũng khí của kỷ luật và giới đức trang nghiêm như một tấm gương để quần chúng soi hình ảnh của Phật giáo bây giờ và mãi mãi. Xin trích:

“Áy vạy, Tăng Ni tương lai của Phật pháp phải nhìn đạo và nhìn đời, nhìn mình và nhìn người (...) để rồi tự ý thức cái nghĩa vụ của Phật giáo mà các vị là biểu tượng. Các vị phải bồi dưỡng trước và suốt đời về giới đức và tâm đức. Chính giới đức, và chỉ giới đức, mới làm cho các vị và Phật giáo của các vị thành hoa sen trong bùn. Nên giới đức mới cảm hóa được ma quân, chế ngự được ngoại đạo...”. Xin đọc tiếp hồi ký để nghe lại lời của Người Lãnh Đạo vang vọng lại từ 1963. Và như vậy, xin bước qua yếu tố thứ hai.

2. Yếu tố thứ hai là lãnh đạo. Có quần chúng mà không có lãnh đạo thì mọi chuyện bất thành. Phước báu mà chư Phật mang đến cho Phật tử trong pháp nạn 1963 là sự xuất hiện của một nhà lãnh đạo xuất chúng hiếm thấy trong lịch sử Phật giáo cận đại. Khi thầy Trí Quang hô hào Phật tử đứng dậy, không ai có thể tưởng tượng chế độ kia sẽ tan rã. Chính thầy cũng thấy cái chết của chính mình, một thách đố mạng đổi mạng. Hòn đá đổi mạng với cái núi. Châu chấu đổi mạng với cỗ xe. Nhưng đừng tưởng đây là manh động. Đừng tưởng đây là tự tử. Ai ở gần thầy đều biết: mọi chuyện bắt đầu từ lòng tin. Và lòng tin nơi thầy phải nói là kỷ lạ, sắt đá không lay chuyển. Tin ở sức mạnh



Tôn tượng Bồ-tát Thích Quảng Đức và Xả-lợi xương được tôn thờ trang nghiêm nơi tầng tháp cao nhất tại Việt Nam Quốc Tự (Q.10, TP.Hồ Chí Minh)

trong chính mình. Ở sức mạnh trong mỗi con người. Trong con người trước lẽ phải. Hai sức mạnh ấy gộp lại trong một bàn tay điều khiển sáng suốt, sách lược.

Khi mở đầu, khó tưởng tượng tranh đấu sẽ thành công. Cũng khó tưởng tượng sức mạnh ấy có thể mãnh liệt đến mức ấy, sẽ là nước vỡ bờ. Cái mà mọi đối thủ từng sợ nơi người lãnh đạo ấy của chúng ta là đức tin nơi con đường phải đi: Chỉ có một con đường ấy mà thôi để Phật giáo còn sống. 1963 không phải là một nước cờ liều. Đó là chuyện tất nhiên phải thế. Chúng ta bái

lạy cái thấy “tất nhiên phải thế” bùng lên từ người lãnh đạo qua quần chúng Phật tử, biến những con người vốn hiền hòa trong một thành phố vốn hiền hòa thành thủy triều lan ra cả nước.

3.Yếu tố thứ ba là mục tiêu. Từ đầu, khi một ký giả ngoại quốc hỏi “Thầy muốn gì?”. Thầy của chúng ta trả lời: “Chỉ muốn dịch kinh sách”. Câu nói biểu trưng cho lý tưởng và mục tiêu trong suốt của Phật giáo. Từ trong lịch sử, Phật giáo đã chọn cho mình một chỗ đứng, một tư thế xa lánh quyền hành, tranh chấp chính trị. Văn hóa - hay dùng chữ của Nguyễn Trãi, văn hiến - là chỗ đứng muôn đời của Phật giáo. Đứng với dân. Chan hòa trong buồn vui của dân tộc. Bởi vậy, khi Phật giáo đứng lên để “bảo vệ đạo pháp”, quần chúng thấy rõ mục tiêu “dân tộc” mà cao trào tranh đấu nhắm đến. Đây không phải là tranh giành quyền lực: Đây là bảo vệ phần hồn của dân tộc, nghĩa là văn hiến, mà chế độ Ngô Đình Diệm muốn quật chết trong chính sách. Quần chúng thấy rõ, thấy quá rõ: Chính sách thực dân là diệt phần hồn, chính

sách Ngô Đình Diệm là tiếp nối. Dù số 10 mà Phật tử đứng lên đòi hủy bỏ là cây cầu tiếp nối giữa Ngô Đình Diệm với thực dân. Quần chúng thấy rõ đâu là cái hồn phải giữ. Chỉ có một con đường ấy thôi. Cùng đi! Cho nên sức nước vỡ bờ. 1963 là vậy.

4.Yếu tố thứ tư là phương pháp: Bất bạo động. Bất bạo động nằm trong bản chất của Phật giáo. Cho nên nằm ngay trong câu nói mở đầu tranh đấu của thầy Trí Quang, câu nói chắc nịch như đinh đóng cột:

“Bất bạo động. Phương pháp này thích đáng với Phật giáo. Dẫu biết bất bạo động

thì rất khó. Phải có cái *Dũng* ngay từ bên trong con người của mình mới bất bạo động được. Gandhi đã nói: “Nhát gan mà bất bạo động thì thà bạo động. Chính tôi cũng thấy bạo động dễ hơn. Dầu vậy, Phật giáo sẽ không bao giờ từ bỏ bất bạo động. Lý do chỉ vì Phật giáo thì phải là như vậy”.

Phật giáo thì phải là như vậy, không thể khác. Phải trích thêm một câu nữa:

“Ông Diệm đã gây hấn, sinh sự, dồn Phật giáo vào cái thế phải kháng cự, tự vệ. Tôi lại dự liệu, nếu chúng tôi chết thì cái chết ấy như chân lý chết vì bạo lực, không phải chết vì bạo lực này kém bạo lực khác”.

Cho nên quang cảnh Phật tử ngồi xếp bằng, chấp tay trước cảnh sát, quân đội, xe tăng, và cả chó trận, là thường xuyên, làm chấn động lương tâm của quần chúng, bắt đầu từ Huế trước khi lan đến Sài Gòn. Mặc đàn áp, mít-ting, tuyệt thực trước các chùa ở Sài Gòn, nhất là chùa Xá Lợi, vẫn diễn ra vào mỗi buổi sáng và trước tối, với sự tham gia của học sinh. Dưới mắt của các ký giả ngoại quốc, bây giờ mới được tận mắt chứng kiến, quang cảnh ấy được mô tả là “kỳ diệu”. Mà kỳ diệu thật, báo đăng hai tấm hình song song, một tấm chụp đoàn Thanh nữ Cộng hòa của bà Nhu đứng thị uy, một tấm chụp các em nữ sinh bạn đồng phục quỳ gối chấp tay cầu nguyện. Quần chúng nhìn vào tấm gương bất bạo động ấy mà giữ kỷ luật về sau, trong các cuộc biểu tình lớn giữa đường phố, tránh bạo loạn mà chính quyền muốn xảy ra.

1963 dạy ta gì qua những hình ảnh bất bạo động tiếp nối nhau từ đầu đến cuối? Dạy: Không sợ! Chúng ta đã không sợ. Chính đội quân tàn bạo đã sợ chúng ta. Cho nên hàng ngũ của chúng lung lay. Lung lay từ trong cảnh sát. Lung lay đến tận quân đội. Đến khi ngài Quảng Đức tự thiêu thì cả bộ máy chiến tranh đỡ đầu cũng lung lay. 60

năm nhìn lại, ôi, lịch sử nhiệm màu, hãy nhìn lại ngọn đuốc Quảng Đức còn rực cháy trong lòng:

“Lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt của Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến khi lửa tắt, Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào Tăng Ni”.

Phật giáo Việt Nam đã cống hiến cho đất nước một vị Bồ tát. Phật giáo Việt Nam thừa sức hộ quốc như vậy trong hiện tại và tương lai với ngọn đuốc Quảng Đức soi đường và soi tâm. ○



Những năm tháng KHÓ QUÊN

HT. Thích Thiện Hạnh



Chư Tăng nằm cản đường xe Cảnh sát vào cướp nhục thân của Bồ tát tại nơi Ngài tự thiêu

Tôi sinh ra nơi một vùng quê nghèo của miền Trung bạt ngàn đồng xanh lúa mạ. Xứ Hòa Thịnh - Phú Yên nuôi dưỡng hạt giống Bồ Đề trong tôi lớn lên cùng tiếng mõ sớm chuông chiều của Cha và câu niệm Phật thành tâm của Mẹ.

Năm 16 tuổi, ước mong bao ngày được Cha Mẹ thỏa ý cho, tôi được cô Đại lão Hòa thượng Thích Vạn Ân, Tổ sư trú trì Tổ đình Hương Tích - Phú Yên, cho thể phát xuất gia đầu Phật. 2 năm sau, Hòa thượng cho tấn đàn phương trượng thọ giới Sa Di tại Tổ đình. Tuổi trẻ tráng chí hùng tâm, niên hạn chưa tròn đôi mươi, nhưng cũng đã cùng một số huynh đệ xin phép Thầy vào Nam theo các khóa an cư tu học.

Đầu mùa Kiết hạ an cư năm 1963, chúng tôi nhóm 4 người (cùng thầy Nguyên Lợi,

Tâm Huyền, Nguyên Tước đều đã viên tịch ở Phú Yên) vào Sài Gòn xin nhập chúng tụng học tại Phật học đường chùa Giác Nguyên. Có biết đâu rằng, đó cũng là năm mà thế cuộc bắt đầu biến động, Phật giáo lâm vào cơn nguy cùng khôn đoán do các thế lực vô minh, bảo thủ gây ra. Sau này, khi thời cuộc qua đi tôi mới biết là cuộc tranh đấu năm 1963 khởi nguồn từ sự cố triệt hạ cờ Phật giáo và tàn sát các em thiếu nhi Gia đình Phật tử tại đài phát thanh Huế, chứ thật tình lúc ấy thông tin nghèo nàn, nhịp tranh đấu hồi hả tận cùng, nên chúng tôi cũng không nắm hết được vấn đề.

Khi có lời kêu gọi tranh đấu gửi về Phật học đường Giác Nguyên, 3 vị đi cùng từ Phú Yên thì chọn phương án tiếp tục ở lại hạ trường tu học, còn tôi một mình qua nhập chúng Xá Lợi. Nói thật là lúc này với một người trẻ tuổi sơ tu từ nhà quê mới đặt chân vào Sài Gòn, ngu ngơ xa lạ với tất cả mọi điều, nên tôi cũng chưa xác định rõ ràng cái gì là tranh đấu bảo vệ Đạo pháp; chỉ tin chắc một điều là các bậc tôn túc đã kêu gọi thì nó phải là một việc làm có ý nghĩa thiêng liêng. Vậy là đi thôi.

Sài Gòn có bao nhiêu con đường còn chưa biết, chùa này qua chùa kia bao xa cũng chẳng rõ, thế mà kêu đi biểu tình là đi ngay. Lúc này, đọc các băng rôn biểu ngữ rồi nghe qua loa cầm tay của quý thầy Tâm Châu ... mới dần nhận ra vấn đề. Nhưng khi vừa nhận ra thì người cũng hoàn toàn kiệt lực vì một trận đòn đánh đập như từ của cảnh sát. Lúc đó, người thì đau đớn mắt lờ mờ, không biết mình đang ở đâu, chỉ thấy cảnh đánh người, máu đổ, thầy tu từng người một bị đánh đập bầm dập rồi bẻ quặp người quăng lên xe, nói xin lỗi không khác gì quăng một con lợn.

Sau trận đòn tàn bạo đó, một phần thì thương tích đầy mình, và nói thật là một phần cũng hơi sợ, nên tôi chuyển qua ban trật tự tại chùa Xá Lợi cho đến ngày lịch sử diễn ra, ngày 20/ 4 nhuận năm Quý Mão 1963. Thông tin từ trên quý Ngài đưa xuống

là hôm nay có cuộc diễu hành rước lễ gì đó, chỉ biết như vậy, và huy động Tăng Ni tham dự. Sau này mới biết, đây là sự xấp xếp hết sức bí mật của Hòa thượng Đức Nghiệp, người đứng ra tổ chức thành công cuộc tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức.

Sáng hôm đó, tôi cùng tất cả quý thầy ở chùa Xá Lợi tập trung tại chùa Phật Bửu. Cuộc diễu hành bắt đầu. Mọi người xếp thành 4 hàng dọc đi 2 bên đường, mỗi bên 2 hàng. Thầy Đức Nghiệp (sau này tôi mới biết) cũng đi bộ, cầm loa điều hành. Đi khoảng hơn 1 cây số qua các con đường, thú thật lúc ấy tôi cũng không biết là đường gì luôn, đến ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt thì thấy 1 chiếc xe ô tô xuất hiện. Mọi người được lệnh xếp hàng thành vòng tròn, cả thầy 4 lớp, quanh chiếc xe đó.

Trên xe có một ông Sư bước xuống, ngồi kiết già giữa đường, quay lưng về phía tôi đang ngồi. Thịnh linh từ xa, xe cứu hỏa của cảnh sát xuất hiện. Không rõ từ đâu mà thông tin họ nhanh thật. Thầy Đức Nghiệp và quý thầy còn nhanh hơn, ngay lập tức những khẩu lệnh truyền miệng nhau vang lên “chặn đường” “chặn xe cứu hỏa”... Thấy xe cứu hỏa đi về hướng của mình, mọi người đều nằm xuống đường “lấy thịt làm vật cản”, thì tôi cũng cứ thế mà nằm xuống. Ban đầu tôi cũng rất sợ, chết mà sao không sợ, nhưng nằm xuống một hồi thì thấy không sợ nữa và một lúc lâu cũng không thấy xe đâu. Thì ra xe cứu hỏa đã bị chặn từ xa, không vào được, như vậy là mình không chết. Cũng vừa lúc ấy, khi tôi đang nằm dưới đất thì ở giữa vòng tròn, ngọn lửa bùng lên. Đó chính là ngọn lửa Bồ tát Quảng Đức năm 1963.

Mãi đến một lúc sau lửa tàn, tôi thấy có 4 vị thầy cầm 4 góc tấm y ca sa, luồn xuống dưới nhục thể của Bồ tát để khiêng lên xe chuyển về chùa Xá Lợi. Tôi chỉ thấy từ xa thôi chứ không nhìn được tận tường.

Tôi lại tiếp tục làm ban trật tự của chùa Xá Lợi. Những ngày quản nhục thân Bồ tát tại

đây thì công tác trật tự càng nghiêm hơn. Chùa có tổng cộng khoảng 70 người, chia thành 7 chúng mỗi chúng 10 người thay phiên nhau trực cả ngày lẫn đêm. Hôm rước nhục thân đến An Dưỡng Địa để hỏa táng thì tôi không có đi. Sau mới thấy tiếc là không chứng kiến được khoảnh khắc rung động thiêng liêng khi nghe kể lại: sau 2 lần thiêu mà trái tim của Ngài vẫn không cháy.

Những ngày tháng sau đó, các cuộc tự thiêu tiếp tục diễn ra, những cuộc biểu tình tranh đấu càng ngày càng lên cao trào, lan rộng vào nhiều tầng lớp trong xã hội. Nào là bắt bớ đánh đập giam cầm, nào là giới nghiêm... tôi không nghĩ là mình đi vào Nam để “an cư” mà lại phải sống trong những ngày đầy biến động như thế. Những gì xảy ra xung quanh mà tôi nghe biết được cũng do huynh đệ trong chùa kể lại, chứ cá nhân mình chỉ cố thủ trong vai trò trật tự tại chùa mà thôi.

Công cuộc tranh đấu kéo dài rồi cũng đến ngày xoay chuyển. Xoay chuyển trong đau đớn, mất mát, tang thương. Đó là cuộc tổng tấn công vào tất cả các chùa chiền ở Sài Gòn ngày 20/ 8/ 1963 của chế độ Ngô Đình Diệm. Hôm đó, chùa Xá Lợi vẫn như mọi ngày, nhưng không khí căng thẳng bao trùm. Không biết từ đâu có mà thông tin là tối nay chùa sẽ bị tấn công. Thế là, mỗi người đều tự chuẩn bị nào là khăn ướt, nào là chanh tươi. Thấy mọi người chuẩn bị thì mình cũng chuẩn bị chứ không biết để làm gì. Chiều tối, sau thời kinh đêm thì tất cả đều thức và hồi hộp chờ đợi, chứ hôm đó không nói tới phiên chúng nào trực nữa. Nghe nói trong đêm đó không riêng Xá Lợi, mà cả 21 chùa trong thành phố đều bị tấn công bắt bớ. Hình như chính phủ ông Diệm muốn làm một lần sạch gọn, tróc nã mấy “ông Sư cầm đầu” gì hay sao đó.

Gần nửa đêm thì cổng chùa bắt đầu bị đánh phá. Phá được cổng ngoài, thì họ tấn công vào trong, ở tầng dưới, chư Tăng thì cố thủ tầng trên. Họ là những cảnh sát quân phục trang bị súng ống, lựu đạn cay và đeo mặt

nạ. Lúc này mới thấy khăn ướt và chanh tươi hiệu quả. Bình thường mà vắt chanh lờ văng vào mắt thì khó chịu, nhưng khi mắt bị khói của lựu đạn cay ám vào mà vắt chanh tươi trực tiếp, thì cảm giác mát rượi, rồi đắp khăn ướt lên nữa là mắt bình thường lại ngay. Mắt sáng rồi thì tấn công trở lại. Nói chung mình không có khí giới, nhưng trên lầu có vật gì nặng thì cứ vẩy thả xuống để chống cự. Nào đỉnh lư hương, rồi là chày đại hồng chung, lu sành, chậu kiếng... đều được biến thành vật chống cự hết. Không biết ở đâu mà lon sữa còn nguyên hộp tung ra quá trời. Vừa tay ném lăm, cứ vẩy mà quăng xuống, rồi miếng sành, mảnh vỡ... cứ vẩy mà ném. Anh cảnh sát nào bị ném trúng văng mặt nạ thì chạy ra đeo mặt nạ khác rồi vào chơi lựu đạn cay tiếp.

Đợt chống cự kéo dài khoảng hơn 1 tiếng đồng hồ thì chính thức bị thúc thủ. Vì cảnh sát, ban đầu không dám, nhưng sau đó được phép quăng lựu đạn nổ. “Vũ khí” đất đá của thời thơ ấu mà làm sao chống lại súng đạn có tính sát thương lớn. Đang còn loay hoay ném đồ, thì bỗng nghe một tiếng nổ ĐÙNG, rồi xong, không gian im lìm, tôi như hết thở nổi, một miếng sắt găm trúng vào chân, (hiện giờ vẫn còn sẹo). Ráng lê lét ngòai tựa vào tường, thở hổn hển, thì tiếng chân thỉnh thoảng bắt đầu dưới lầu chạy lên, từng người từng người bị bắt lôi đi, tổng lên xe bị bùng. Tôi cũng cùng chung số phận. Khi bị lôi đi ngang phòng thầy Tâm Châu, tôi thoáng thấy Ngài vẫn còn ngồi đó, có lẽ chút nữa cũng bị bắt thôi, nhưng không biết thế nào?!

Trên xe bị bùng, tối thui, tối như tương lai của mình trong suy nghĩ lúc ấy, tôi không biết mình bị đưa đi đâu. Ban đầu thì tưởng đi về phía biển hay sông, vì nghe xe chạy qua đoạn có nhiều nước, “có khi nào mình bị chìm chết không ta?”. Sau đó thì xác định là không phải, vì trời mưa, nên đường còn đọng nước. Cứ vậy mà tưởng tượng cho đến khi xe dừng thì mới biết: Toàn bộ Sư Tăng của 21 chùa đều bị xe bị bùng tha hết về đồn cảnh sát quận 7. Mấy cô, mấy bà nhà

bếp với nồi niêu xoong chảo cũng bị bắt tha đi trên một chiếc xe riêng chở đến trại tập trung. Phía cảnh sát họ “chơi” cũng đẹp. Trong đêm đó, họ dựng bạt dù, trại dã chiến cho “tù nhân” ở, ban hậu cần bị bắt mang theo thì lo phân cơm nước cho quý Thầy.

Sáng hôm sau, ngày 21.8, có một cuộc thanh lọc và lùng sục ai đó. Lúc ấy, tôi thấy 2 vị Tăng lớn đôi y phục cho nhau mà sau này mới biết là thầy Trí Quang và sư Hộ Giác. Trong nhóm mấy thầy lớn đó có thầy Giác Đức nữa. Thầy Trí Quang thì quần y Nam Tông của sư Hộ Giác, ngược lại sư Hộ Giác thì mặc áo nhứt bình lam của thầy Trí Quang. Không biết là do hóa trang thành công, hay là khả năng nghiệp vụ của cảnh sát quá dở, hay là có một sự sắp xếp nào đó; mà khi cảnh sát điều tra lùng sục từng người, họ lại không phát hiện 2 thầy đang ngồi đánh cờ trong chuồng thỏ.

Vài ngày sau, khi điều tra danh tính xong xuôi, không biết lý do gì, họ trả tự do, cho tôi nhận một tờ giấy phóng thích, được xe đưa về lại chùa Xá Lợi. Mỗi người được cho tiền xe và bắt phải trở về quê hương của mình. Lúc đó, chùa chiền điêu tàn, đóng cửa, những người lãnh đạo công cuộc tranh đấu bị bắt giam hay điều chuyển đi đâu hết rồi. Một vị thanh niên tăng ngơ ngáo, vô định, biết đi đâu đây ngoài việc lên xe trở về Phú Yên.

Khi Phật Giáo bị tấn công, thì mỗi cá nhân đứng lên tranh đấu theo khả năng của mình. Người có đầu óc thì lãnh đạo, tổ chức; người có nguyện lực thì làm công việc lớn lao như chư vị Thánh tử đạo; người quê mùa không biết gì như tôi thì theo sự sắp xếp của quý Ngài mà tham gia góp phần. Tôi luôn tâm niệm như vậy trong suốt hành trình tham gia tranh đấu của mình. Nhưng Phật Giáo cũng chỉ làm công việc của Phật giáo. Ra ngoài sức vóc tầm tay, hay thủ đoạn chính trị ... gì đó thì là việc

của bộ phận khác. Cuối cùng thì việc gì đến cũng đến. Lỗi cây vẫn tồn tại, có điều phải trải qua một tao đoạn chuyển mình hết sức đốn đau mà vô cùng hào hùng, bi tráng. Và tôi tự hào vì đã có mặt trong thời điểm hào hùng, bi tráng đó.

Năm 1964, thanh bình lập lại cho Phật giáo Việt Nam, giới đàn được tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự. Tôi cùng quý huynh đệ trong nhóm 4 người lần trước được Hòa thượng Bổn sư cho vào Nam để thọ giới. Đây cũng là một nhân duyên có phần “hy hữu” trong đời người tu của tôi. Thật tình thì tôi cũng chưa chuẩn bị tư lương gì cho việc đăng đàn thọ cụ túc giới, nhưng có lẽ mình là một thành viên của nhóm “thanh niên Tăng bảo vệ Đạo pháp” năm ngoái, nên được “ưu ái” khá nhiều. Hiện tại, tôi chỉ nhớ giới đàn năm đó, ngài Hải Tràng làm Hòa thượng Đường Đầu, ngài Thiện Hòa làm Yết ma, ngài Thiện Hoa làm Giáo thọ. Không phải trải qua các kỳ thi Phật Pháp hay tụng Kinh, Luật gì cả, tôi được quý Thầy ban khảo hạch (cũng không nhớ thầy nào) hỏi hai, ba câu đơn giản, vậy là cho đậu và thọ giới thôi.

Kể từ đó, tôi chính thức được làm người Tăng sĩ, kể ra cũng nhờ ân đức lớn của quý Ngài đã thương xót. Giờ đây, đã 60 năm trôi qua, đời người nhiều biến cố thăng trầm, tôi còn được sống trong ân đức của chư Phật, nhìn lại những gì đã trải qua, thì ký ức của 6 thập kỷ trước vẫn còn in đậm trong tâm thức, có muốn quên đi cũng khó. Tuy vậy, trí lực của một ông già 80 tuổi thì có cái nhớ có cái quên, tôi kể lại đôi dòng về một quãng đời sơ cơ xuất gia hành đạo của mình, mà ở đó nó gắn liền với khoảnh khắc thiên thu bất diệt của ngọn lửa Bồ tát Quảng Đức. Nếu có gì không chính xác hay lệch lạc thông tin, cũng mong quý Ngài hoan hỷ thông cảm cho. ○

Phổ Hóa, mùa Phật Đản năm 2023

Hy hữu VIỆT NAM TẶNG

Thích Quảng Kiến



Bồ tát Quảng Đức tọa thiền tại chùa Xá Lợi

H“y hữu Việt Nam Tặng” là lời xưng tán của HT.Thích Trí Quang đối với Bồ tát Thích Quảng Đức - người đã tự thiêu trên đường phố chính tại Sài Gòn ngày 11- 6 - 1963, làm chấn động thế giới.

Hy hữu, bởi vì, “đây là một hiện tượng độc nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng và lịch sử Phật giáo thế giới nói chung. Chỉ vì ngọn lửa thiêng này mà từ

đây chúng ta có quyền đứng ưỡn ngực, đồng dục, mạnh bạo, hãnh diện mà nói với thế giới: TÔI LÀ NGƯỜI VIỆT NAM”¹.

Nguyên lời xưng tán là một bài thơ ngắn, vồn vện bốn câu, song gói trọn tâm nguyện, mục đích, ý nghĩa cũng như tấm lòng của người con Phật Việt Nam đối với Bồ tát:

*“Thập phương thế giới trung
Thiêu thân cúng dường Phật
Thành tựu đệ nhất Pháp
Hy hữu Việt Nam Tặng”².*

Mặc dù HT.Thích Trí Quang có vai trò rất lớn trong phong trào tranh đấu của Phật giáo phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo năm 1963, song, trong lời xưng tụng này, Hòa thượng không nhắc đến hành động tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức như là hành vi “tranh đấu, phản kháng”, mà là một cách “cúng dường Phật”. Sự cúng dường ấy như tiếp nối tâm nguyện cúng dường Phật của ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hy Kiến - vị đã dùng ngũ phần tâm hương thanh tịnh hóa thân tâm, phòng hộ tam nghiệp, thiêu đốt sắc ấm, đốt tan pháp chấp, ngã chấp, thành tựu Pháp Hoa, tức thành tựu “Đệ nhất Pháp” - Chánh đẳng Chánh giác. Như thế cũng chính là tâm nguyện của Bồ tát Thích Quảng Đức.

Trong Lời nguyện tâm quyết, Bồ tát Thích Quảng Đức đã nêu rõ việc tự thiêu của mình rằng: *“Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc giữa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai*

không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo”.

Bức tâm thư của một người, nói theo ngôn ngữ thông thường, quyết định chấm dứt mạng sống của mình không có bất kỳ từ nào ẩn chứa nỗi oán hận. Sự tự thiêu ấy, theo Ngài, là sự “vui lòng phát nguyện”. Tất cả những chí nguyện mà Bồ tát Thích Quảng Đức nêu ra cũng cho thấy Ngài đều vì Phật pháp, vì mong muốn chuyển hóa được sự tham ác của con người. Thậm chí, Ngài còn “mong ơn Phật Tổ gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm...” - người gây ra nỗi thống khổ cho người con Phật Việt Nam.

Tấm lòng từ bi, dũng mãnh của vị tu sĩ Phật giáo Việt Nam “*đã mang Phật giáo đến với nhiều sự chú ý của phương Tây, đánh thức nỗi tò mò về một tôn giáo với những tín đồ có thể hành động một cách thuyết phục như thế, đồng thời bày tỏ cảm thức sâu sắc về*

*sự an lạc, thanh thản nội tâm và rõ ràng với sức tự chủ của một con người siêu việt đã tự chế phục được bản thân”*³.

Một nhà báo người Mỹ, David Halberstam, chứng kiến hình ảnh bi hùng này, đã phải thốt lên: “*Ngọn lửa đã đến từ một nhân thể sống (...). Tôi quá sốc để có thể bật khóc, quá lúng túng để có thể ghi chép hay đặt những câu hỏi, quá hoang mang để có thể thậm chí nghĩ một điều gì”*⁴.

Và, “*vị tu sĩ tĩnh tọa trong khi thân thể Ngài rực cháy, đã trở thành một trong những hình ảnh tiêu biểu của thập niên 1960”*⁵.

Biểu tượng Thích Quảng Đức, ngọn lửa Thích Quảng Đức, đặc biệt là trái tim của Bồ-tát Thích Quảng Đức là minh chứng cho sự trường tồn bất diệt của tinh thần Đại hùng - Đại lực - Đại từ bi, chính là sự trường tồn của Phật giáo. Ngài xứng danh là vị Bồ tát Việt Nam thời hiện đại.

Trái tim Bồ tát và việc xưng danh vị đã được tác giả của Trí Quang tự truyện kể lại như sau:



“Hòa thượng Thiện Hòa trông coi việc hóa táng kim quan của ngài Quảng Đức. Tro tàn rồi, quả tim còn lại. Bấy giờ chỉ có ký giả quốc tế đi lại, và có xăng tốt. Thiêu lần thứ 2, quả tim ấy vẫn không cháy. Ký giả quốc tế thông báo cho thế giới biết như vậy.

Khi rước về Xá Lợi, Ủy ban Liên phái thông báo Tăng Ni Phật tử đến hành đại lễ. Tôi thảo lời ngài Hội chủ gửi điệp văn cho các miền và các tỉnh. Điệp văn viết, “Tôi chỉ thành đánh lễ vị nhục thân Bồ tát, xin Ngài hộ trì cho nguyện vọng cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam”. Điệp văn chấm dứt bằng cách niệm “Nam-mô Đại hùng Đại lực Quảng Đức Bồ tát”.

Từ đó danh hiệu Bồ-tát Quảng Đức đi vào lịch sử Phật giáo Việt Nam”⁶.

Một năm sau, khi chiêm ngưỡng lại hình ảnh Bồ-tát Thích Quảng Đức, HT.Thích Trí Quang đã viết:

“Trong cương vị dân tộc, ngài Quảng Đức xuất hiện như một vĩ nhân chói vót, với những hào quang chói tỏa từ cái chết của Ngài, từ tác dụng của cái chết ấy. Trong cương vị tín ngưỡng của dân tộc, Ngài là vị Bồ tát mà con người chúng ta có thể thấy và đã thấy được. Chúng ta tự hào một cách không quá đáng, rằng dân tộc ta có được một vị Bồ tát như vậy.

Lịch sử cận đại của con người, thực chưa có cái chết nào oai linh, ảnh hưởng rộng lớn và bất tử như cái chết Quảng Đức. Ngài Quảng Đức chết nhưng Bồ tát Quảng Đức xuất hiện, tạo nên một sức mạnh Đại hùng lực mà Đại từ bi. Sức mạnh Quảng Đức đó, mãi mãi là lời cảnh cáo cho bất cứ ai, cá nhân hay tập thể muốn đối lập và tuyên chiến với đau khổ và thiện chí của dân chúng.

Do đó mà tốt hơn hết là chúng ta, tất cả mọi thành phần của dân tộc, hãy thắng tự ái, tương thân và tương nhượng nhau trong

hào quang Quảng Đức và cũng trong hào quang đó, hãy phối hợp mọi nỗ lực của chúng ta để bảo vệ lấy sự sinh tồn của tổ quốc và tín ngưỡng: đó là sự chiêm ngưỡng mà ta nên có khi ta nhìn vào hình ảnh Quảng Đức”⁷.

Khi nhắc đến những tác phẩm viết về Bồ-tát Thích Quảng Đức, chúng ta thường nghĩ về tác phẩm Lửa Từ Bi bất hủ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Thế nhưng, đọc kỹ những gì mà HT.Trí Quang viết về Bồ tát Quảng Đức, chúng ta có thể thấy không ai hiểu rõ tâm nguyện - chí nguyện của Bồ tát hơn HT. Trí Quang.

Sáu mươi năm qua, ngọn lửa Thích Quảng Đức vẫn còn rực sáng. Và, ngàn năm sau, thậm chí hơn thế nữa, lịch sử Phật giáo Việt Nam vẫn nhắc đến đạo hiệu Ngài. Chúng con chí thành đánh lễ vị “Hy hữu Việt Nam Tăng”. ○

Nam-mô Đại hùng Đại lực Quảng Đức Bồ tát.

1. Quốc Oai, Phật giáo tranh đấu, NXB. Tân Sanh, Sài Gòn, 1963, tr.36.
2. Bài thơ này từng được chúng tôi giới thiệu trên nguyệt san Giác Ngộ số 140, tháng 11-2007 với một vài sai sót, sau được đính chính lại trên số báo 141, tháng 12-2007.
- 3, 4, 5. Damien Leown, Buddhist Ethics - A very short Introduction, Oxford University Press, 2005.
6. Theo Trí Quang tự truyện, NXB. Tổng Hợp TP.HCM, 2011, tr.149-150.
7. Viết để gửi tuần báo Lập Trường, đặc san kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày Bồ tát Quảng Đức tự thiêu thân vì Phật pháp. (Dẫn theo Tâm ảnh lục, NXB.Văn hóa Sài Gòn, 2009, tr.887-888).

Ngon lửa

BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

trong mắt bạn bè quốc tế

Sư cô Nhuận Bình

Sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu để lại quả tim bất diệt, phản đối chế độ độc tài, kỳ thị tôn giáo của chế độ Ngô Đình Diệm đã trải qua 60 năm, nhưng đó là cuộc cách mạng mang tính quyết định và nhiều thách thức. Ngon lửa Bồ tát Thích Quảng Đức đã làm dậy sóng giới truyền thông trong nước lẫn quốc tế. Là cơ hội để Washington phải suy nghĩ lại việc đưa ông Diệm lên nắm quyền Việt Nam Cộng Hòa. Công cuộc đòi lại tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo và tự do dân chủ của Tăng Ni, Phật tử diễn ra suốt nhiều năm, nhưng phải đợi đến sự bùng cháy của ngọn lửa Thích Quảng Đức mới thật sự khiến giới lãnh đạo cấp cao, truyền thông, tầng lớp tri thức trong nước và quốc tế chú ý và có cái nhìn toàn diện về những hành động của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm.

Ông Robert S. McNamara, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ từ năm 1961 đến năm 1967, trong cuốn “Trong dòng hồi ức - Bi kịch và những bài học Việt Nam”, xuất bản năm 1995, đã viết ở cuối chương hai như sau: “*Khoảng thời gian đó, một cuộc khủng hoảng chính trị và tôn giáo đã nổ ra khắp miền Nam Việt Nam. Những người Phật giáo tức giận chế độ Diệm hạn chế tự do tôn giáo, đã tiến hành những cuộc phản đối dẫn đến việc lực lượng an ninh của Diệm trả đũa mạnh mẽ. Phản ứng tàn bạo này đã kích động những cuộc phản đối ngày càng nhiều kể cả việc những tu sĩ Phật giáo hy sinh thân mình gây chấn động. Những sự cố này khiến tôi và những người khác ở Washington (tức các giới chức cao cấp của Mỹ tại Washington - người viết) phải kinh hoàng, khiếp đảm, và khiến cho sự thống trị của Diệm trở nên rối loạn hơn bao giờ hết.*

Cuối tháng Tám (người viết nhấn mạnh), khi Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân trình bày kế hoạch rút lui theo yêu cầu của tôi, tình hình vẫn còn hỗn loạn. Tuy nhiên, họ cho rằng theo sự tin tưởng của riêng họ thì không nên rút lực lượng Mỹ nào đi cho đến khi cuộc khủng hoảng lắng xuống (người viết nhấn mạnh). Họ đã gợi ý rằng, không một quyết định nào được phê chuẩn nhằm tiến hành kế hoạch rút lui cho đến cuối tháng Mười”¹.

Robert S. McNamara đã có cái nhìn khách quan về sự tàn bạo của chính quyền ông Diệm dành cho Phật giáo, ông phải thốt lên khi nhìn thấy ngọn lửa của Bồ tát Thích Quảng Đức bùng cháy trong sự khủng khiếp kinh hoàng, đồng thời tiên liệu về một sự hỗn loạn dưới chính sách thống trị của ông Diệm. Bởi chứng kiến cảnh đối xử bất công, những cuộc đàn áp đẫm máu Phật giáo này nên McNamara đã đề xuất rút lực lượng Mỹ khỏi cuộc chiến tranh tại Việt Nam Cộng hòa.

1. *Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, Nxb Phương Đông, tr. 74.*

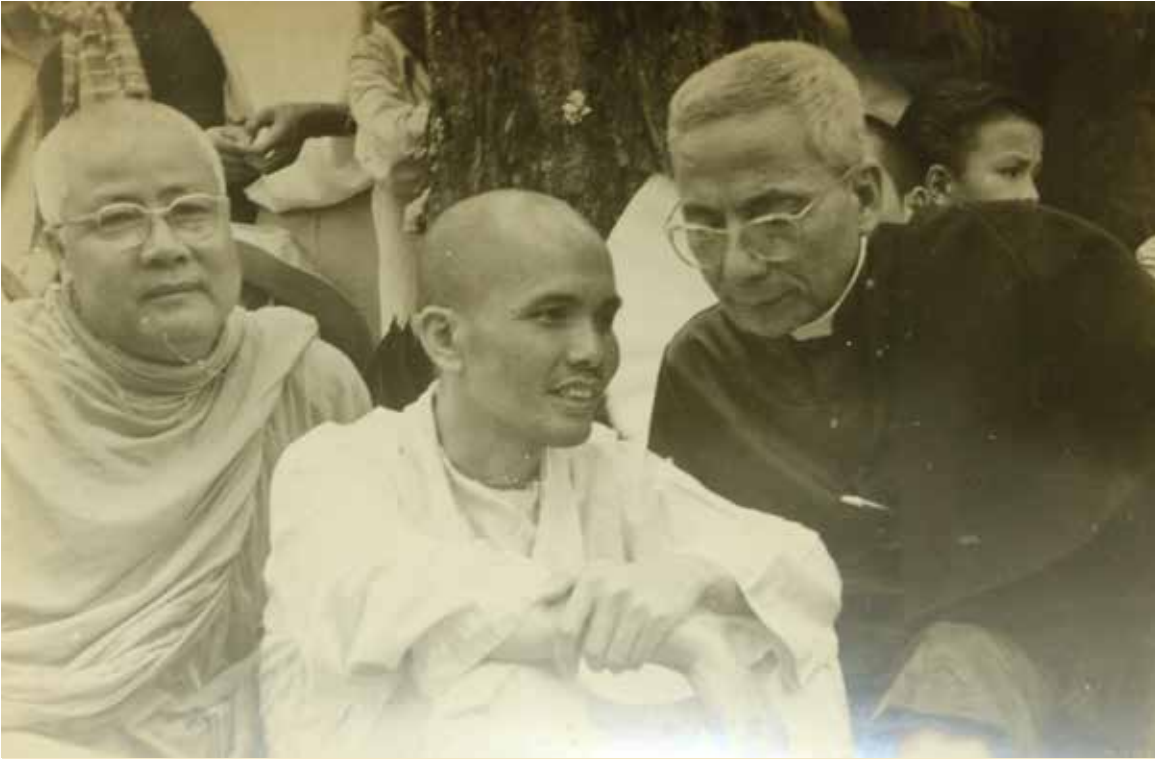
Tuy nhiên, khi chính quyền Mỹ vẫn chưa có động thái nào đối với ông Diệm, ông tiếp tục đối xử tàn nhẫn với Phật giáo, với Tăng Ni, Phật tử, bằng cách bắt bớ, ngược đãi, bỏ tù và đập phá chùa chiền khắp nơi. Robert S. McNamara tiếp tục viết trong tác phẩm của mình vào đầu chương ba: “*Mâu thuẫn vẫn âm ỉ suốt mùa hè giữa những người Phật giáo và chính quyền miền Nam Việt Nam. Bất ngờ (người viết nhấn mạnh), ngày 21 tháng 8, chính quyền đàn áp thẳng tay. Sau khi Diệm phê chuẩn, Nhu ra lệnh cho một đơn vị quân đội tinh nhuệ bố ráp chùa chiền vào sáng sớm ngày 21-8-1963. Họ đập phá cửa vào đã được dùng làm các chướng ngại vật phòng thủ và ngược đãi những vị tu sĩ phản đối. Nhiều vị tu sĩ bị lôi vào tù”².*

Ngày 14-6-1963, Chính phủ Kennedy đã đăng tải trên tờ New York Times như sau: “*Nếu Diệm không thực hiện những biện pháp nhanh chóng và hiệu quả nhằm tái lập niềm tin của Phật giáo đối với ông ta, chúng ta sẽ phải xem xét lại toàn bộ mối quan hệ của chúng ta với chế độ của ông ta” (Rusk), và chính phủ Kennedy hẳn là “công khai kết án sự hành xử của Diệm đối với tín đồ Phật giáo trừ phi ông ta có hành động nhanh chóng tiếp nhận, đáp ứng những bất bình của họ”³.*

Như vậy, ngoài ngọn lửa của Bồ tát Thích Quảng Đức gây phẫn nộ, bức xúc dư luận trong và ngoài nước, Tổng thống Ngô Đình Diệm còn bị Mỹ và thế giới lên án vì những động thái độc đoán, tàn bạo sau đó. Chính cuộc bố ráp chùa chiền, ngược đãi đánh đập, bắt bớ, bỏ tù Tăng Ni, Phật tử, dùng mọi thủ đoạn để triệt tiêu Phật giáo của ông Diệm suốt một thời gian dài không những không làm cho Phật giáo bị lung lay mà qua đó gây ra sự căm phẫn ở trong nước và thế giới. Đặc biệt, phía Mỹ khi biết được điều đó đã ngghiêm túc xem xét lại con người

2. *Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 75.*

3. *Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 82.*



HT. Trí Quang và chư Tăng ngồi biểu tình trước dinh Độc Lập

này. Đây chính là lý do trọng yếu dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Diệm.

Có thể nói, ngọn lửa Bồ tát Thích Quảng Đức đã tạo tiếng vang lớn, sự căm phẫn và quay lưng lại với chế độ độc tài Ngô Đình Diệm của đại đa số các bộ phận, các giới cả trong và ngoài nước. Đặc biệt trong đó là sự đồng loạt lên tiếng phản đối mạnh mẽ của nhiều nhân vật tên tuổi trong nước lẫn quốc tế.

Ngày 30-8-1963, sau khi biết được thông tin tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức để đòi lại tự do tôn giáo, Giáo hoàng Phao Lô Đệ Lục đã gửi đến nhân dân Việt Nam bức tâm thư, trong đó có đoạn: *“Giáo hoàng đã biểu lộ sự chú tâm và đau đớn theo dõi các biến cố bi thảm đương dày vò nhân dân Việt Nam và sự lo âu của Giáo hoàng ngày càng thêm sâu sắc... Giáo hoàng cầu nguyện để cho tất cả mọi người, trong mỗi hợp tác khoan dung và trong sự tương kính các quyền tự do chân chính, đoàn kết với nhau để tái lập tương thân và tình huynh đệ”*⁴.

4. Nhiều tác giả, “1963-2003, bốn mươi năm nhìn lại”, *Giao Điểm* 2003, tr.126.

Đoạn văn đã mô tả sự đồng cảm, thương tâm của Giáo hoàng đối với Tăng Ni, tín đồ Phật tử khi bị chế độ Ngô Đình Diệm đàn áp. Ông còn gửi lời cầu nguyện để Tăng Ni, tín đồ Phật tử Việt Nam sớm đòi lại được quyền tự do tôn giáo vốn có của mình.

Bên cạnh Giáo hoàng Phao Lô Đệ Lục, Linh mục Lê Quang Oánh cũng bày tỏ thái độ bất bình khi biết được sự ngược đãi Phật giáo của chính quyền độc tài họ Ngô. Ông nói: *“Chúng tôi lên án “Tội bất công” đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt Nam, một nước văn hiến trên bốn nghìn năm lịch sử. “Dám quả quyết rằng: “Nhân nghĩa sẽ thắng”*⁵.

Mục sư Donald Harrington tại New York khi biết được tâm nguyện của Hòa thượng Thích Quảng Đức, phát nguyện tự thiêu - hy sinh chính bản thân mình để phản đối chế độ của Ngô Đình Diệm, trong một buổi

5. Trương Văn Chung và tác giả khác (*Chủ biên*) (2013), *sđd*, tr. 96.

giảng vào ngày 30-6-1963, ông đã bày tỏ sự cảm phục, kính mến của mình giành cho Hòa thượng Thích Quảng Đức như sau:

“Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11-6-1963, vị Sư tên Thích Quảng Đức đã ngồi theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay Người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và bắt đầu niệm Phật, còn trên chiếc áo cà sa của Người thì đã tẩm ướt đầy xăng. Tất cả Tăng Ni lùi lại, kính cẩn, kính sợ. Khách bộ hành nhận thấy một biến cố phi thường gì sắp xảy ra nên tất cả đều dừng lại chờ đợi.

Với vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt. Ngài Quảng Đức niệm lớn: “ Nam Mô A Di Đà Phật”. Rồi người bật một que diêm và ngọn lửa phừng phực bốc lên phủ kín thân thể nhưng Người không hề rên la hay lay động. Người ngồi thẳng trong mười phút, thân hình chìm trong lửa, và khi lửa tàn, Người nằm xuống bất động...

Người ta có thể hỏi sự khùng khiếp và niềm phần hận nào đã có thể khiến cho một người của “Tình thương” của “Hòa bình”, quyết chí tự thiêu?...

Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người trên đời này đến chỗ tự tử, thì một lý tưởng cao cả nhất và lòng yêu đời nồng nàn nhất đôi khi cũng đã sản xuất những người tử đạo quả cảm nhất trong lịch sử...

Hòa thượng Thích Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng thống Diệm và lưu ý cho toàn thế giới...

Người đã chịu đựng sự đau đớn của tia lửa hồng đang đốt da thịt nhưng không một lời kêu than. Người gởi mấy lời cho Tổng thống Diệm, và cho đến nay ông Diệm vẫn chưa chịu nghe hay chú ý. Nhưng dù sao tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của tình thương, tiếng nói mà trong thâm tâm của nó chứa đựng sự giải thoát của miền Nam Việt Nam. Người đã để lại một bóng đen si nhục lên sự huy hoàng của Giáo hoàng Gioan đã mang lại cho Giáo hội Thiên Chúa. Người

đã làm và Người phải làm, cho mỗi người Hoa Kỳ tìm linh hồn của Người và cho chính phủ Hoa Kỳ biết rằng, trừ phi chính phủ Sài Gòn thực thi ngay quyền bình đẳng tôn giáo cho Phật giáo đồ và tự do dân chủ Việt Nam, tất cả mọi viện trợ của Hoa Kỳ phải chấm dứt ngay...

Ngọn lửa ấy có thể thành một tia hy vọng cho những người từ lâu bị áp bức bởi người ngoại quốc hay bởi ngay chính đồng bào của họ...”⁶.

Sự mô tả chân thực, tỉ mỉ và vô cùng khách quan của vị Mục sư về sự kiện Bò tát Thích Quảng Đức tự thiêu đã cho chúng ta thấy được bức tranh vô cùng âm đạm của Phật giáo dưới thời thống trị của Ngô Đình Diệm. Nếu như tình trạng này kéo dài, có khả năng Phật giáo sẽ bị xóa sổ tại Việt Nam. Và nếu không có ngọn lửa của Bò tát Thích Quảng Đức và sự hy sinh anh dũng của rất nhiều Tăng Ni, tín đồ Phật tử đương thời, người Mỹ và thế giới đã không thể hiểu hết được những đau thương, mất mát mà Phật giáo phải gánh chịu trong nhiều năm qua, kể từ khi chính quyền Ngô Đình Diệm lên điều hành ở miền Nam. Ngọn lửa vào ngày 11-6-1963 theo Mục sư Donald Harrington chính là tia hy vọng cho Phật giáo đồ Việt Nam và sự tự do của người dân Việt Nam. Ngọn lửa và sự hy sinh này còn để thức tỉnh lương tâm của Ngô Đình Diệm, cũng là lời nhắn gửi đến loài người tiến bộ trên thế giới.

Trước sự xôn xao của dư luận trong nước và quốc tế về những hành động sai trái của Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo, thì một thành viên trong gia đình ông, bà Nhu (Trần Lệ Xuân) đã trả lời phỏng vấn báo giới, truyền hình với thái độ khinh thường, kệt cớm:

“Tất cả những việc mà Phật giáo đóng góp cho đất nước từ trước đến nay không có gì

6. Minh Không Vũ Văn Mẫu (1984), “Sáu tháng pháp nạn, 1963”, bản Ronéo, tr:322-324.

ngoài việc thiêu sống một nhà Sư”⁷... Còn khi nói về cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức, bà cho rằng: “Ông Thích Quảng Đức bị chích thuốc và bị cưỡng bách thiêu sống”⁸. Chồng bà là ông Ngô Đình Nhu còn phụ họa rằng: “Nếu Phật giáo muốn có một vụ nướng thịt khác thì tôi rất vui lòng cung cấp xăng”⁹. Dù gia đình Tổng thống Ngô Đình Diệm có phát biểu với thái độ thế nào cũng không che giấu được tội ác họ đã gây ra cho Phật giáo.

Nói về nghi vấn Bồ tát Thích Quảng Đức tự tử, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã phát biểu như sau: “Báo chí gọi đó là một hành động tự tử, nhưng thực chất không phải. Ngay cả đó không phải là một hành động phản đối. Điều mà những vị Sư đã viết trong những bức thư để lại trước lúc tự thiêu là nhằm cảnh tỉnh, là để chuyển đổi tâm tư của những nhà cầm quyền, và để kêu gọi thế giới quan tâm đến những nỗi thống khổ triền miên của người dân Việt Nam. Người tự thiêu là để chứng tỏ rằng nguyện vọng mà họ đề cập là rất tối ưu quan trọng... Tu sĩ Việt Nam tự thiêu là để nói lên với tất cả sức mạnh và quyết chí rằng tôi có thể chịu đựng sự khổ đau cùng cực nhất để bảo vệ cho đồng bào của tôi... để bày tỏ ước vọng bằng cách tự thiêu của một người, vì thế, không phải là một hành động hủy diệt mà là một hành động tạo dựng, đó là, để đau khổ và để chết cho người khác. Như thế, tự thiêu không phải là một hành động tự tử”¹⁰. Theo đó có thể thấy, tâm nguyện tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức chính là mong nhận được sự quan tâm, hỗ trợ để bảo vệ người dân và đạo Phật. Mong nhận được tiếng nói công tâm, khách quan và bình đẳng từ các giới về vấn đề tôn giáo mà

7. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 92.

8. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 92.

9. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 93.

10. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 94-95.

chính xác ở đây là Phật giáo đang bị kỳ thị và đàn áp một cách tàn nhẫn.

Xét theo những gì Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nêu, Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu vì mục đích cao cả, với mong muốn sự hy sinh của Ngài sẽ mang đến cho Tăng Ni, Phật tử, đạo pháp và dân tộc một tương lai ngời sáng, một đất nước an lành, hạnh phúc và tự do chọn lựa tín ngưỡng của riêng mình. Đoạn trích trong văn bản về tâm nguyện của Ngài trước lúc tự thiêu như sau:

“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quán Thế Âm Phú Nhuận (Gia Định).

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

1. Mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.
2. Nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường cửu bất diệt.
3. Mong nhờ hồng ân chư Phật gia hộ cho chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.
4. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi tha thiết kêu gọi chư Đại đức Tăng Ni và Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam Mô A Di Đà Phật!



Tác giả Malcolm W. Browne bên bức ảnh gây chấn động thế giới

Làm tại chùa Ân Quang, ngày mùng 8 tháng 4 nhuận năm Quý Mão Tỳ kheo Thích Quảng Đức Kính bạch”¹¹.

Sự kiện tử vì đạo của Bồ tát Thích Quảng Đức làm chấn động dư luận khắp nơi. Giới truyền thông trong nước và quốc tế đồng loạt đưa tin, như các trang: Washington Post & New York Times, báo Le Monde, báo La Gazette de Lausanne, báo Journal de Genève, La Croix... Đặc biệt, bức hình tự thiêu sống động của Bồ tát Thích Quảng Đức được truyền thông Trung Quốc - Hoa Lục in ra hàng triệu bản.¹² Trong đó, tờ New York Times (Nữ Ước thời báo), số ra ngày 8-8-1963 có đoạn: “... Chính phủ Hoa Kỳ đã tìm đủ mọi cách để buộc ông Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Nhưng người ta hết sức kinh ngạc khi nghe bà Ngô Đình Nhu, em dâu của Tổng thống Diệm, vu

11. Xem: https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Qu%E1%BA%A3ng_%C4%90%E1%B%A9c (Truy cập ngày 11/5/2021).

12. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), sđd, tr. 90.

không các lãnh tụ Phật giáo là phiến loạn, sát nhân, và áp dụng chiến dịch cộng sản. Có tin cho biết, chồng bà Nhu, em của Tổng thống Diệm, có thể cầm đầu một cuộc đảo chính đã làm cho Hoa Kỳ lo ngại. Có nhiều người cho rằng những tin đồn về cuộc đảo chính như vậy là một phần trong chiến tranh tâm lý chống Phật giáo, và cũng là một sự hăm dọa đối với Hoa Kỳ”¹³

Hình tự thiêu của HT. Thích Quảng Đức cũng là một ấn tượng ảnh hưởng đến Tòa Bạch Ốc. “Tôi (Browne) được biết rằng lúc ông Henry Cabot Lodge đến gặp cố Tổng thống Kennedy về việc được bổ nhiệm chức đại sứ tại Việt Nam, Kennedy cũng đã có một bức hình tự thiêu của HT. Thích Quảng Đức trên bàn giấy. Cái chết của ngài Quảng Đức có lẽ là một trong những yếu tố chính cuối cùng Bộ Ngoại giao và Tòa Bạch Ốc chống ông Diệm, và thay đổi một vài chính sách lớn ảnh hưởng đến lịch sử Việt Nam”¹⁴.

13. Nhiều tác giả, sđd, tr. 147.

14. Malcolm W. Browne, “The New Face of War”, p.263.

Sự hy sinh của Bồ tát Thích Quảng Đức thật sự đã để lại dấu ấn khó phai trong lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng. Bởi sau khi truyền thông các nước đồng loạt đưa tin về vụ việc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức, chính phủ các nước bắt đầu lên tiếng để bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng của con người.

Bộ Ngoại giao Đài Loan tuyên bố, rất lo ngại về cuộc khủng hoảng tôn giáo tại Việt Nam và mong mỗi Chính phủ Việt Nam cộng hòa sớm có giải pháp thích hợp để chấm dứt cuộc khủng hoảng¹⁵.

Bên cạnh đó, đất nước Tích Lan - nơi Phật giáo là quốc giáo - đã yêu cầu các đoàn thể Phật giáo ở trong cả nước treo cờ rủ để tang, nhằm chia sẻ, an ủi, động viên những mất mát, hy sinh mà Tăng Ni và tín đồ Phật tử Việt Nam đã tử vì đạo. Sự chia sẻ từ Thủ tướng Tích Lan: *“Ngọn lửa bi hùng của Thích Quảng Đức và sự ngược đãi Phật tử tại Việt Nam khiến bà Sirimavo Bandaranaike, Thủ tướng Tích Lan, vô cùng xúc động. Bà kêu gọi các nước theo Phật giáo tại Á châu ủng hộ Tích Lan trong việc yêu cầu Liên Hiệp Quốc can thiệp vấn đề đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Ngày 26-8-63, Hội nghị Phật giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật giáo trên toàn quốc treo cờ rủ để tang các Phật tử hy sinh vì tín ngưỡng”*¹⁶. Động thái của Tích Lan vô cùng quyết liệt, kêu gọi các nước Phật giáo ở Á châu lên tiếng nhờ đến sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc trước những chính sách và hành động thô bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo Việt Nam.

Thủ tướng Thái Lan, trong ngày 22-8-1963 cũng đề nghị triệu tập hội nghị nhằm đưa vấn đề căng thẳng của Phật giáo Việt Nam ra Liên Hiệp Quốc. Đại tá Mutukhan nhấn mạnh: *“Vì đã đàn áp Phật tử Việt Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ hứng chịu hết những tai họa dưới đủ mọi hình thức,*

15. Trương Văn Chung và tác giả khác (Chủ biên) (2013), *sđđ*, tr. 98.

16. Nhiều tác giả, *sđđ*, tr. 136.

*hiểu theo giáo lý nhà Phật, kể cả diệt vong và đọa địa ngục...”*¹⁷

Tờ báo “Guandiantai” tại thủ đô Miến Điện đã đăng tải bài viết, trong đó có đoạn: *“Mỹ sẽ làm khi nghĩ rằng tiếp tục ủng hộ một chính phủ đang ngự trị trên thân xác đau thương của những Phật tử Việt Nam mà có thể giữ được nguyên vẹn tình cảm ngoại giao với các quốc gia trong vùng Đông Nam Á”*¹⁸. Qua đó có thể thấy, chính phủ Miến Điện rất căm phẫn và cực lực lên án sự cai trị bạo ngược của chính quyền Ngô Đình Diệm dành cho Phật giáo Việt Nam.

Ngày 23-8-1963, chính phủ Cao Miên ra thông cáo, nhằm lên án, phản đối chính sách bạo ngược của Tổng thống Diệm và bộ máy chính phủ đương thời. Thông cáo viết: *“Chính phủ hoàng gia Cam Bốt kính hãi khi nhận được tin chính phủ Sài Gòn đã đàn áp dã man tín đồ Phật giáo... Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt hoàn toàn ủng hộ các Tăng Ni, Phật tử Việt Nam”*¹⁹.

Tiếp đó, đến ngày 27-8-1963, sau khi biết thêm nhiều thông tin về những sự đàn áp Phật giáo của Diệm, nhiều chùa tiếp tục bị bóc rập, chính phủ Cam Bốt tiếp tục gửi văn bản như sau: *“Toàn thể dân tộc Cam Bốt cũng như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều công phẫn và ghê tởm trước những hành động đàn áp dã man tín đồ Phật giáo Việt Nam...”*²⁰.

Tại Ấn Độ, Tổng Thư ký Đảng Quốc gia Ấn cảm nhận nỗi đau thương, mất mát mà Phật giáo Việt Nam phải gánh chịu, cũng như bày tỏ sự công phẫn về các hành động ngược đãi Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm vào ngày 25-8-1963 như sau: *“Những tin tức loan đi từ Sài Gòn đã làm chấn động dư luận tại Ấn Độ, quê hương của Phật giáo. Những sự tàn bạo mà các đạo hữu Việt Nam là nạn nhân càng làm cho ta phẫn nộ khi nhớ*

17. Nhiều tác giả, *sđđ*, tr. 141.

18. Nhiều tác giả, *sđđ*, tr. 138.

19. Nhiều tác giả, *sđđ*, tr. 133.

20. Nhiều tác giả, *sđđ*, tr. 134.

rằng Phật giáo chủ trương bất bạo động”²¹.

Tại Hoa Kỳ: Sau cuộc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức làm chấn động dư luận khắp nơi trên thế giới, tiếp đó, nhiều chùa tại miền Nam Việt Nam liên tục bị chính quyền tấn công tàn phá dã man, bắt bớ, ngược đãi, giam cầm Tăng Ni... Lúc này, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chính thức lên tiếng: “Căn cứ vào các tin loan đi từ Sài Gòn, rõ ràng chính phủ Việt Nam cộng hòa đã có những biện pháp đàn áp nghiêm khắc các lãnh tụ Phật giáo Việt Nam. Hành động này là một vi phạm trực tiếp của chính phủ Việt Nam vào lời cam kết theo đuổi một chính sách hòa giải với tín đồ Phật giáo. Hoa Kỳ phiến trách các hành động đàn áp này”²²

Bên cạnh đó, Thứ trưởng Ngoại giao Nhật Bản,²³ ông Shigenobu, khi tiếp xúc với Đại sứ quán Việt Nam Cộng Hòa tại Nhật đã bày tỏ sự đồng cảm, âu lo về sự bất công của chính phủ đối với Phật giáo Việt Nam. Đại đức Kapchong, Hội chủ Tổng hội Phật giáo và tướng Chang Chung Son, nhân viên trong Hội đồng Quân nhân cách mạng tại Nam Hàn,²⁴ đã gửi thư đến Chính phủ Việt Nam cộng hòa lên án việc đàn áp Phật giáo và yêu cầu chấm dứt những hành động tàn ác đối với Tăng Ni, Phật tử Việt Nam. Trước làn sóng phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm dữ dội từ phía truyền thông, nhiều nhân vật nổi tiếng đến các chính phủ quốc gia, Liên Hợp Quốc²⁵ chính thức vào cuộc. Họ tổ chức phái đoàn đặc biệt đến Việt Nam điều tra việc chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo vào ngày 24/9/1963. Mặc

21. Nhiều tác giả, *sđd*, tr. 138.

22. Trương Văn Chung và các tác giả khác *Chủ biên* (2013), *sđd*, tr. 99.

23. Trương Văn Chung và các tác giả khác *Chủ biên* (2013), *sđd*, tr. 99.

24. Trương Văn Chung và các tác giả khác *Chủ biên* (2013), *sđd*, tr. 99.

25. Trương Văn Chung và các tác giả khác *Chủ biên* (2013), *sđd*, tr. 99.

dù bị Diệm ngăn chặn, không để phái đoàn Liên Hợp Quốc đi lại tự do điều tra nhưng họ cũng đã thu thập được nhiều bằng chứng xác đáng và đi đến kết luận rằng: “Phật tử Việt Nam bị chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị, khủng bố, tra tấn, tù đày, giết hại và cải đạo trong nhiều năm qua.”²⁶ Với tất cả những tội ác mà chính quyền gia đình trị của Diệm đã gây ra cho Phật giáo và nhân dân Việt Nam, chỉ sau đó không lâu họ đã nhận lại bài học thích đáng cho dã tâm của mình.

Nhìn lại chặng đường đã đi qua, Phật giáo Việt Nam đã chịu không ít những thăng trầm, biến đổi và cả những đấu tranh để sinh tồn. Qua đó mới thấu hết tấm lòng, sự hy sinh cao cả của những bậc tôn túc, những Phật tử thuần thành đã một lòng vì đạo pháp, vì quê hương dân tộc. Họ đã nằm xuống, chấp nhận quyết tử cho đạo pháp, Tổ quốc tồn sinh. Chư vị ấy là những tấm gương sáng ngời nhân cách cao cả mà thế hệ hậu lai luôn tri ân và ngưỡng vọng tôn thờ.

Ngọn lửa bi hùng của Bồ tát Thích Quảng Đức cũng như những ngọn lửa thiêng tiếp nối bùng cháy năm 1963 không chỉ để đòi lại sự công bằng bình đẳng và tự do cho Phật giáo, mà còn giành lại quyền được sống an lành, hạnh phúc và bình yên trong một quốc gia. Cuộc đấu tranh bất bạo động này của Phật giáo được sự ủng hộ, đồng tình của toàn dân và sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của toàn thế giới, khiến Ngô Đình Diệm và chính quyền của ông không thể không thức tỉnh và e dè. Sự kiện lịch sử năm 1963 trở thành tiền đề, cũng là cơ duyên để chư vị tôn túc đẩy mạnh công cuộc chấn hưng Phật giáo, để đạo Phật phát triển rực rỡ như ngày hôm nay. ○

26. Trương Văn Chung và các tác giả khác *Chủ Biên* (2013), *sđd*, tr. 99.

Tinh thần vô ngã vị tha CỦA BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC trong pháp nạn 1963

PGS.TS. Nguyễn Công Lý



Bồ tát Quảng Đức chuẩn bị châm lửa tự thiêu

Bồ tát Thích Quảng Đức, thế danh là Lâm Văn Tuất, sinh năm Mậu Tuất (1898) tại làng Hội Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, trong một gia đình mộ Phật, thân phụ là Lâm Hữu Ứng và thân mẫu là Nguyễn Thị Nương. Năm lên bảy tuổi, Ngài xuất gia tu học với hòa thượng Thích Hoàng Tâm, vừa là bổn sư, vừa là cậu ruột, được hòa thượng Hoàng Tâm nhận làm con chính thức, nên lấy tên là Nguyễn Văn Khiết, năm mười lăm tuổi thọ giới Sa di, năm hai mươi tuổi (1917) thọ giới Tỳ kheo, pháp hiệu là Quảng Đức, thuộc dòng Thiên Lâm Tế Chúc Thánh. Từ đó, Ngài bắt đầu hoằng dương chánh pháp, hoá độ chúng sinh. Sau nhiều năm vân du ở miền Trung, sau năm 1945 Ngài vào Nam để giáo hoá, từng đến Campuchia và Lào vài năm để học tập và nghiên cứu kinh điển theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Theravada). Khoảng năm 1960-1961, Ngài về lại quê hương Khánh Hoà hành đạo, sau đó mới vào lại Sài Gòn trụ trì chùa Quan Thế Âm ở Phú Nhuận. Cả một đời hành đạo, Ngài đã từng nhận nhiều trọng trách của Giáo hội như Kiểm tăng Chi

hội Phật giáo huyện Ninh Hòa, Kiểm tăng Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, Phó trị sự và Trưởng ban Nghi lễ của Giáo hội Tăng già Nam Việt. Ngài đã khai sơn, kiến tạo và trùng tu 31 ngôi chùa (14 ngôi chùa ở miền Trung và 17 ngôi chùa ở miền Nam). Ngôi chùa cuối cùng Ngài xây dựng và trụ trì lúc phát nguyện thiêu thân là chùa Quan Thế Âm ở Phú Nhuận, Gia Định (nay là số 90 đường Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh).

Từ sau năm 1954, Ngô Đình Diệm và anh em của ông cầm quyền nhiếp chính ở miền Nam Việt Nam đã có chủ trương đưa Thiên Chúa giáo làm quốc giáo, rồi tiến hành chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo, mà đỉnh điểm là vụ đàn áp Phật giáo bằng súng, tạc đạn và xe tăng tại Đài Phát thanh Huế vào tối ngày 8 tháng 5 năm 1963, khi quân chúng Phật tử và Tăng Ni biểu tình chống lại lệnh của chính quyền họ Ngô cấm treo cờ Phật giáo nhân Lễ Phật đản. Bảy giờ, Ngài đã thỉnh cầu lãnh đạo Giáo hội Phật giáo để được thiêu thân cúng dường bảo vệ chính pháp. Được sự đồng ý của Giáo hội, vào sáng thứ Ba ngày 11/6/1963 (nhằm ngày 20 tháng 4 nhuận năm Quý Mão), Ngài đã tự thiêu tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (nay là ngã tư Cách mạng Tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu) trước sự chứng kiến của hàng ngàn Tăng Ni và Phật tử cùng nhiều quan sát viên, các nhà báo quốc tế và trong nước.

Hành động “Vị Pháp thiêu thân” của Hòa thượng trước đó đã có một vài Tăng Ni tự nguyện thỉnh cầu, trong đó có Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không (1905-1997), song ban đầu các vị lãnh đạo Phật giáo không đồng tình, bởi nghĩ rằng với tinh thần đấu tranh bất bạo động của mình thì thế nào chính quyền họ Ngô cũng sẽ chấp nhận hòa giải, nhưng sau đó đứng trước hiện tình chính quyền họ Ngô đàn áp ngày càng gia tăng nên các vị lãnh đạo Phật giáo đã đồng ý với lời tâm nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Toàn văn lời nguyện tâm quyết được Ngài viết bằng

tiếng Việt chữ Nôm vào ngày 04 tháng 6 (nhằm ngày 13 tháng 4 nhuận Quý Mão) tại chùa Ân Quang, Sài Gòn (nay là số 243 đường Sư Vạn Hạnh, quận 10, TP. HCM):

Xin được phiên âm sang chữ Quốc ngữ (bởi trong rất nhiều tư liệu sách và báo xuất bản từ 1963 đến nay không hiểu tại sao lại phiên âm bài văn này không chính xác đến tám chữ so với nguyên tác, vì thế nay tôi phiên âm lại):

LỜI NGUYỆN TÂM QUYẾT

Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định.

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang ngã nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là Trưởng tử của Như lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng, Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam, ghi trong bản Tuyên ngôn.

Hai là nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại đức, Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn, khủng bố bắt bớ, giam cầm của kẻ gian ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xứng yên muôn thủa.

Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng, Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo. Nam mô A Di Đà Phật.



Từ phải qua: HT. Giác Hạnh, HT. Vĩnh Thừa, HT. Giác Nhiên, HT. Giác Nguyên
 xuống đường phản đối sự đàn áp Phật giáo của chế độ Ngô Đình Diệm

Làm tại chùa Ân Quang, ngày 04 tháng 6 năm 1963.

Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký.

Theo tư tưởng nhà Phật, “Vô ngã” (無我 Anātman) còn gọi “Phi ngã” (非我) là “không có cái ngã (ta)”, “không có cái ngã thể thường nhất”. Đối lập với “Vô ngã” là “Ngã” (我 Ātman), tức cái thể thường nhất. Cái dụng có chủ thể gọi là Ngã; khi chấp có thân người, gọi là Nhân ngã; khi chấp có pháp (tất cả hiện tượng trong thế giới hiện thực) gọi là Pháp ngã; khi chấp có bản thân mình, gọi là Tự ngã; khi chấp có kẻ khác, gọi là Tha ngã. Nhưng thân thể con người chỉ là giả tạm, nó có đây nhưng không thật như nó vốn có, nó không thường hằng, nó hiện diện chẳng qua là do sự giả hợp của Ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), của Tứ đại (đất, nước, gió, lửa) cùng Thập nhị nhân duyên mà có; bởi tất cả các pháp đều do nhân duyên mà sinh ra, nhờ duyên tụ lại mà thành, hết duyên thì chúng sẽ tan

rã rồi trở về với cái thể tính ban đầu, nên không có cái ngã thể thường nhất; đã không có Nhân ngã, không có Pháp ngã, thì cũng không có Tự ngã và Tha ngã. Như vậy, cuối cùng là không có cái Ngã. Đây là chân lý rốt ráo. Cho nên “Vô ngã” tức là không có cái Ta chân thật.

Còn “Vị tha” (為他) là “vì người khác”, người có lòng vị tha là người có tâm lòng chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác, có thể vì người khác mà hy sinh lợi ích của mình, kể cả hy sinh bản thân cá nhân mình. Đây là một tư tưởng thể hiện tinh thần từ bi, bao dung, độ lượng vô bờ của nhà Phật, một trong những hạnh của Bồ tát. Theo cách hiểu của dân gian, “vô ngã vị tha” là tinh thần “quên mình vì người”.

Lời nguyện tâm quyết của Hoà thượng Quảng Đức đã thể hiện tinh thần Vô ngã vị tha, lợi lạc quần sanh của nhà Phật một cách rốt ráo viên mãn. Ngài sẵn sàng tự nguyện hy sinh thân giả tạm của mình để



Bồ tát Quảng Đức chuẩn bị quệt lửa tự thiêu

bảo tồn đạo pháp, để cảnh tỉnh nhà cầm quyền và kêu gọi họ hãy vì đất nước, vì dân tộc mà hồi tâm hướng thiện, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo. Lời tâm nguyện này được Hòa thượng viết bằng một ngôn ngữ trong sáng giản dị, lời lẽ ôn hoà, thể hiện tinh thần Bi, Trí, Dũng của một vị Bồ tát.

Tiếp theo, ngài nêu lên 4 chí nguyện, với nội dung cầu nguyện cho “Phật giáo trường tồn”, “đất nước thanh bình, quốc dân an lạc”. Ngài cầu mong “Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam”, có ghi trong bản Tuyên ngôn ngày 10 tháng 5 năm 1963, đó là:

1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dự số 10.
3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. Yêu cầu cho Tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.

5. Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức”.

Trước khi về cõi Phật, Hoà thượng còn “trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo” có như thế thì nước nhà mới “vững yên muôn thủa”; đồng thời Ngài còn nhắc nhủ Tăng, Ni, Phật tử “nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo”. Chỉ có tấm lòng của bậc Bồ tát mới có suy nghĩ và phát biểu như thế.

Cùng với lời nguyện tâm quyết, trước đó 5 ngày, tức ngày mùng 8 tháng 4 nhuận năm Quý Mão (thứ Năm ngày 30 tháng 5 năm 1963), Hoà thượng đã viết bốn bài Kệ thiêu thân cúng dường Chánh pháp bằng tiếng Việt chữ quốc ngữ với phong cách dung dị, lời lẽ trong sáng, dễ hiểu, mà 60 năm trước, trong mùa Pháp nạn 1963, lúc mới 10 tuổi, tôi có may mắn được đọc được biết. Giờ đây đọc lại, vẫn còn xúc động và thấy thấm sâu hơn. Trong bốn bài thi kệ thì có ba bài đầu được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, còn bài thứ tư thì viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt gồm hai bài liền nhau. Bài thứ nhất viết đề kính dâng chư Phật mười phương; Bài thứ hai đề dâng chư Hiền Thánh Tăng; Bài thứ ba và thứ tư là lời dăn dò của Ngài đối với toàn thể tín đồ Phật tử cùng các đệ tử xuất gia, tại gia mà Ngài đã hóa độ. Tất cả đều thể hiện cái tâm độ lượng, khoan dung, vị tha của bậc Bồ tát. Xin được chép lại toàn văn bốn bài thi kệ này, dù rất nhiều người đã biết, đã thuộc từ lâu:

Bài thứ nhất:

Kính dâng thập phương chư Phật
 Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình,
 Làm đèn soi sáng nẻo vô minh.
 Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác,
 Tro trắng phẳng san hố bất bình.
 Thân cháy nát tan ra tro trắng,
 Thân thức nương nhờ giúp sinh linh.
 Hỡi ai mộng ảo đang còn mộng,
 Hãy gấp tỉnh đi kéo giạt mình.

Ngày 8 tháng 4 nhuận Quý Mão

Bài thứ hai:**Dâng chư Hiền Thánh Tăng**

*Phật giáo sử vàng máu thay son,
Than ôi! Quý kẻ họ vẫn còn.
Quyết diệt suy tàn nền Chánh pháp,
Làm cho Tăng, Tín phải chết mòn.
Vì sự bất công tôi thiêu xác,
Khói hồng nguyện độ kẻ hàm oan.
Kính chúc Tăng, Ni tâm dũng tiến,
Chánh pháp ngày mai phải trường tồn.*

Ngày 8 tháng 4 nhuận Quý Mão

Bài thứ ba:**Cùng toàn thể tín đồ Phật giáo**

*Cùng hàng Phật tử ở tại gia,
Hãy quên bản ngã, bỏ cái ta.
Gấp sửa thân tâm vì đại cuộc,
Ngàn năm sử Việt vẫn Phật gia.
Thân tôi dù cháy linh thiêng máu,
Thần thức tôi luôn giúp đạo nhà.
Đã mang danh thể con dòng Thích,
Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra.*

Ngày 8 tháng 4 nhuận Quý Mão

Bài thứ tư:**Cùng hàng Phật tử quy y, thế độ và xuất gia**

*Thầy đã đến lúc biệt các con,
Ba mươi năm hạnh nguyện đã tròn.
Những gì đáng độ, Thầy đã độ,
Thầy tranh Chánh pháp lúc mắt còn.*

* * *

*Gia Định, Sài Gòn hồi các con,
Hà Tiên, Cai Lậy, Thầy vẫn còn.
Nam Vang, Núi Lớn, Thầy ghi dấu,
Khánh Hòa đệ tử vẫn ân son.*

Ngày 8 tháng 4 nhuận Quý Mão

Bài thứ nhất, hai câu đề theo lối trực khởi, Hoà thượng nói rõ mục đích việc Ngài tự nguyện thiêu thân là để “soi sáng nẻo vô minh”, tức soi sáng cái thế giới tăm tối, mê muội mà chính quyền họ Ngô đang gây ra cho đất nước, dân tộc. Hai cặp thực và luận thể hiện việc tự thiêu của Hoà thượng là nhằm “cảnh tỉnh” những “người ác”, những người đang gieo rắc đau thương cho dân tộc đạo pháp và cũng là để san bằng những “hố bất bình” mà nhà cầm quyền đương thời đã

tạo nên. Cái thân giả tạm dù có tan thành “tro trắng”, nhưng thần thức của Ngài vẫn sống mãi để phù hộ độ trì cho tất cả con dân Việt Nam, cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam thoát khỏi cơn pháp nạn. Hai câu kết là lời kêu gọi nhà cầm quyền hãy gấp thức tỉnh, không nên mộng ảo mà gây tội ác nữa.

Sang bài thứ hai, như có nêu ở trên, từ khi lên cầm quyền, họ Ngô có chủ trương muốn đưa Thiên Chúa giáo làm quốc giáo, nên quyết tâm tiêu diệt Phật giáo, mà năm 1963 là đỉnh điểm của cao trào, cho dù Phật giáo Việt Nam là một đạo Phật nhập thế, hộ quốc an dân, đã đồng hành cùng dân tộc và đất nước đã hai mươi thế kỷ. Khác với Phật giáo Trung Quốc nhiều lần gặp nạn dưới thời phong kiến với “Tam Võ nhất tông chi ách”, trong khi đó thì Phật giáo Việt Nam từ lúc mới du nhập cho đến trước 1963, chưa bao giờ bị kỳ thị, bị chính quyền đàn áp. Dù hồi cuối thế kỷ XIV, vào thời văn Trần, lúc Hồ Quý Ly làm Tể tướng phụ chính đại thần có chủ trương bài xích Phật giáo, có bắt ép một số Sư tăng dưới 50 tuổi phải hoàn tục. Có chuyện này là bởi hồi ấy vào năm 1389 có một nhà Sư tên là Phạm Sư Ôn đã nổi dậy ở lộ Quốc Oai thượng chống lại Hồ Quý Ly chuyên quyền. Việc này sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép ở Kỷ nhà Trần: Thuận Tông hoàng đế . Nhưng hồi ấy chưa phải là “Pháp nạn”. Đến năm 1963, lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam bị tai ương, mà Phật giáo sử gọi đó là “Mùa Pháp nạn”: “Quyết diệt suy tàn nền Chánh pháp/ Làm cho Tăng, Tín phải chết mòn”. Để chống lại sự bất công đó, với tinh thần đấu tranh bất bạo động, Hoà thượng đã tự thiêu thân mình để “nguyện độ kẻ hàm oan” và mong toàn thể Tăng Ni cần dũng tiến, có như thế thì Chánh pháp mới mãi mãi trường tồn cùng dân tộc.

Ở bài thứ ba, Ngài khuyên các tín đồ Phật tử “Hãy quên bản ngã, bỏ cái ta / Gấp sửa thân tâm vì đại cuộc/ Ngàn năm sử Việt vẫn Phật gia” bởi đã là con Phật thì hãy noi gương Bí Trí Hùng của Phật: “Đã mang danh thể con dòng Thích / Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra.

Bài cuối cùng là lời Ngài nhấn nhủ các đệ tử ở trong miền Nam, ngoài miền Trung. Cho dù thân xác Ngài không còn nhưng bóng hình của Ngài, hạnh nguyện của Ngài vẫn mãi lưu dấu dù đó là Gia Định, Sài Gòn hay Hà Tiên, Cai Lậy hoặc Nam Vang, Núi Lớn, và đặc biệt là ở nơi quê hương: Khánh Hoà đệ tử vẫn ân son. Hạnh nguyện Ngài đến đây đã viên mãn. Theo Ngài, suốt một đời hoằng dương Chánh pháp những gì đáng độ cho đệ tử thì ngài đã độ cả rồi. Ngài đã về cõi Niết bàn trong thanh thân, tự tại.

Chỉ có người tu hành chứng quả bồ đề, đạt cái hạnh Bát nhã ba la mật (Trí tuệ đáo bỉ ngạn) của bậc Bồ tát mới có được thần thái như thế. Ngài Thích Quảng Đức chính là bậc Bồ tát hoá thân để hoằng dương đạo Phật trong thời mạt pháp. Lời nguyện tâm quyết của Ngài, tấm lòng vô ngã vị tha và đức Bi, Trí, Dũng của Ngài đã được Phật Tổ ấn chứng, vì thế trái tim của Ngài sau bao nhiêu lần nung đốt vẫn nguyên vẹn và càng đốt càng rắn như kim cương. Đó là Trái Tim vĩ đại, Trái Tim Bất Diệt. Để giải đáp cho vấn đề này, xin được mượn lời của thầy Đức Nghiệp (nay là Hoà thượng Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam) trả lời câu hỏi của một phóng viên quốc tế trong một cuộc họp báo lúc bấy giờ: “Đó là do ngài Thích Quảng Đức phát đại thế nguyện, nung nấu một ý chí phi thường vì đạo pháp và hòa bình cho dân tộc nên đã biến thành một năng lượng đặc biệt làm trái tim bất hoại”. ○

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập 3*, Nxb Văn học, Hà Nội, tái bản, 1994.
2. Vân Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam, không ghi Nxb*, Sài Gòn, *Phật lịch 2518 (năm 1975)*.

3. Lê Mạnh Thát, *Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005.

4. Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý, Thích Nhật Từ (Đồng chủ biên), *Nhìn lại phong trào Phật giáo Miền Nam 1963*, Nxb Phương Đông, TP. HCM, 2013.

5. Thích Nhật Từ, Nguyễn Kha (Đồng chủ biên), *Pháp nạn Phật giáo 1963: Nguyên nhân, bản chất và tiến trình*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2013.

1. Về năm sinh của Ngài, hiện có nhiều tài liệu ghi khác nhau: Đinh Dậu (1897), Mậu Tuất (1898). Căn cứ vào giấy tờ căn cước và lời nói của Ngài với Sư Bà (Ni Trưởng) Thích Nữ Diệu Không tại chùa Ấn Quang vào năm 1963 “Tôi nay đã 72 tuổi”, thì suy ra Ngài sinh năm 1892; trong khi đó, tại một vài văn bản do Ngài viết vào năm 1962, 72 tuổi, từ đó suy ra Ngài sinh năm 1891. Xin ghi lại tất cả để tra cứu sau. Nhiều tư liệu trước đây đều ghi là “năm 1943, rời Khánh Hoà vào Nam, Ngài hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định...”. Ở đây chúng tôi căn cứ vào “Một số tư liệu mới về Bồ tát Quảng Đức” của Lê Mạnh Thát, dịch, giới thiệu, Nxb Tổng hợp, TP. HCM, 2005.

1. Chữ này đọc là “quyết” (決), nhiều tài liệu trước đây phiên âm “huyết” là không đúng.

2. Chữ này đọc là “ngá” hay “ngừa” đều được, ở đây chúng tôi đọc là “ngá nghiêng”.

3. Chữ này đọc là “giáo” (教), không thể là “pháp” như trong các sách báo trước đây.

4. Chữ này đọc là “vê”, không thể đọc là “lòng”, trong văn bản này có chữ “lòng” với tự dạng khác.

5. Chữ này phải đọc là “Trời”, một số tài liệu trước đây đã phiên âm chữ này “Tổ” là không đúng.

6. Chữ này đọc là “xưng”, không thể đọc là “vững” như trong các sách báo trước đây.

7. Chữ này đọc là “thiết tha”, chứ không thể là “tha thiết” như trong các sách báo trước đây.



Từ Kinh Tạng Phật Giáo Đến Tâm Thư BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

Bhikkhu Đạo Nhãn

I. DẪN NHẬP

Cách đây trên 2567 năm, vào thời đức Phật Gotama còn trụ thế, trong Tăng đoàn có một số tôn giả nhập diệt có mối quan hệ tương đồng với sự viên tịch của Bồ tát Thích Quảng Đức ở Việt Nam, đã tìm thấy trong Ngũ bộ kinh (Pañcanikāyapāli). Những trường hợp đó đều được đức Thế Tôn xác chứng đã đoạn tận tham ái, diệt trừ khổ ưu, chứng ngộ Niết bàn (Nibbāna).

II. SỰ NHẬP DIỆT CỦA TỶ-KHEO VAKKALI

1. Đức Phật thăm hỏi bệnh tình tôn giả Vakkali¹

Khi đức Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veḷuvana, tại Kalandakanivāpa. Tôn giả Vakkali bị bệnh trầm trọng, Thế Tôn thăm hỏi tôn giả Vakkali có kham nhẫn, chịu đựng được không, cảm giác khó chịu đau khổ có giảm hay tăng? Vakkali trả lời con không thể kham nhẫn và chịu đựng nổi, cảm giác đau khổ ngày

1. Kinh số 5, kinh Vakkali, phẩm IV (9): Trưởng lão, chương I: Tương Ưng Uẩn, tập III: Thiên uẩn, Tương Ưng Bộ.

càng nặng. Đức Phật giúp Vakkali giải tỏa những nỗi kết phiền muộn dính mắc trong lòng nên hỏi Vakkali có tự trách mình về đạo đức giới luật không? Con không có gì tự trách mình về giới luật. Vakkali có phân vân lo lắng việc gì chưa làm không, hối hận tiếc nuối gì không? Dạ con có nhiều phân vân và hối hận. Đã từ lâu, con mong đến gặp Thế Tôn nhưng thân thể con vì đau ốm không đủ sức để đến gặp đức Thế Tôn.

2. Ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta

Đức Phật dạy tôn giả rằng: *“Thôi được rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp?”*

“Này Vakkali, ông nghĩ thế nào, sắc (thọ, tưởng, hành, thức) là thường hay vô thường?

Là vô thường, bạch Thế Tôn. Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc? - Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là:

“Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi”? - Thừa không, bạch Thế Tôn³.”

Đức Phật giáo giới tôn giả quán ngũ uẩn là vô thường, khổ, vô ngã, nhằm nhắc nhở tôn giả dù cho sắc thân của đức Thế Tôn

2. *Alaṃ, Vakkali, kim te iminā pūtikāyena dīṭṭhena? Yo kho, Vakkali, dhammaṃ passati so maṃ passati; yo maṃ passati so dhammaṃ passati. Dhammañhi, Vakkali, passanto maṃ passati; maṃ Passanto dhammaṃ passati.*

3. *Taṃ kim maññasi, Vakkali, rūpaṃ (vedanā, saññā, saṅkhārā, viññānaṃ) niccaṃ vā aniccaṃ vā”ti? “Aniccaṃ, bhante”. “Yaṃ paṇāniccaṃ dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā”ti? “Dukkhaṃ, bhante”. “Yaṃ paṇāniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāmadhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitaṃ – ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā”ti? “No hetuṃ, bhante”. “Tasmātiha...pe...evaṃ passaṃ...pe..nāparaṃ itthatāyāti pajānāti”ti..*

có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nhưng không tránh khỏi quy luật biến hoại, khổ và vô ngã. Như vậy mới thật sự thấy Ngài.

Đức Phật dạy tiếp: *“Do vậy, ở đây bậc đa văn Thánh đệ tử nhằm chán (yếm ly) đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết “sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”. Rồi Thế Tôn đi đến núi Gijjhakūṭa.*

3. Đức Phật xác nhận sự nhập diệt của tôn giả Vakkali

Thị giả khiêng Vakkali đến Kālasilā, tại sườn núi Isigili để mệnh chung, có hai vị Thiên bạch Thế Tôn: Tỷ-kheo Vakkali muốn giải thoát. Thế Tôn bảo Vakkali rằng: *“Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! Cái chết của ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!”* Và Vakkali đánh lễ Thế Tôn, bạch rằng: *“Sắc (thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường, bạch Thế Tôn. Con không có ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này”⁵*

Thế Tôn đi đến sườn núi Isigili, chỗ kālasilā. Ở đấy, Vakkali đem lại con dao. Thế Tôn và các Tỷ-kheo thấy một đám khói đen, một luồng ám khí đi về mười phương, đó là Ác ma đang đi tìm thức (viññāṇa, thức tái sinh: paṭisandhi) của Vakkali và nói: «thức của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?» Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn⁵!

4. *Mā bhāyi, Vakkali; mā bhāyi, Vakkali! Apāpakaṃ te maraṇaṃ bhavissati, apāpikā kālakiriyā.*

5. *‘Eso kho, bhikkhave, Māro pāpimā Vak-*

III. SỰ NHẬP DIỆT CỦA TÔN GIẢ GODHIKA

Godhika sáu lần thôi thất Nhất thời Tâm giải thoát⁶

Khi đức Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veḷuvana, tại Kalandakanivā. Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại Kāḷasilā. Trong bảy lần hành trì, Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhất thời tâm giải thoát, nhưng thất bại đến sáu lần, nên tôn giả quyết định kết liễu mạng sống của mình bằng cách xẻ rạch cổ tay. Ác ma đi đến bạch Thế Tôn: “Đệ tử Ngài muốn chết, đang suy nghĩ đến chết”.

Đức Phật đã xác nhận tôn giả Godhika đã nhập diệt

Thế Tôn nói bài kệ với Ác ma: “*Như vậy là sở hành; Của bậc Đại Anh hùng; Không còn nuôi ước vọng; Tạo thêm dòng sinh mạng; Đoạn tận ái, ái căn; Godhika nhập diệt*”.

Thế Tôn đến sườn núi Isigili, Kāḷasilā thấy một làn khói đen đi về mười phương, đó là Ác ma đang đi tìm thức tái sinh của Godhika an trú ở đâu. Đức Phật tuyên bố Godhika là bậc trí, đã nhập diệt với thức không an trú ở đâu cả⁸ và không thể tìm thấy sự sống khác, tôn giả đã nỗ lực tận gốc phiền não tham ái, không còn trở lại tái sinh đời này nữa. Thế Tôn nói:

kalissa kulaputtassa viññāṇaṃ sam’annesi (seek) – ‘kattha Vakkalissa kulaputtassa viññāṇaṃ patitthita’nti (stayed)? Appatitthitena ca, bhikkhave, viññāṇena Vakkali kulaputto parinibbuto’ti. [attained nibbāna].

6 Kinh Godhika, phẩm 3, chương IV: Tương ưng Ác ma (Mārasamyuttam), tập 1: Thiên có kệ (Sagāthāvagga), Tương Ưng Bộ

7. Atha kho Bhagavā “Māro ayaṃ pāpimā” itī veditvā Māraṃ pāpimantaṃ gāthāya ajjhabhāsi - “Evañhi dhīrā (wise) kubbanti (karoti: do), nāvakaṅkhanti (na+ava+kaṅkhati: wish) jīvitaṃ (life); Samūlaṃ (sa+mūla) taṇhamabbuyha, Godhiko parinibbuto’ti.

8. Appatitthitena ca, bhikkhave, viññāṇena Godhiko kulaputto parinibbuto’ti, (空識再生 paṭisandhi hay bhavaṅga hữu phần)

“*Vì Anh hùng kiên chí; Thường Thiên lạc, Thiên tư; Ngày đêm đầy nhiệt tình;*

Nhưng sự sống, không tham; Chiến thắng quân thần chết; Tái sanh không đi đến,

Chinh phục ái, ái căn; Godhika nhập diệt”.

IV. SỰ NHẬP DIỆT CỦA TỶ-KHEO CHANNA

Kinh giáo giới Channa (Channovāda sutta, advice to channa)¹⁰

Thế Tôn ở Rājagaha, Veḷuvane, tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Các tôn giả Sāriputta, Mahācunda và Channa (Xa-nặc) cùng trú ở Gijjhakūṭa. Tôn giả Channa bị trọng bệnh, được hai tôn giả Sāriputta và Mahācunda đến thăm và giáo giới. Tôn giả Channa sẽ cầm dao tự vẫn, không muốn sống nữa. (Sattham, āvuso Sāriputta, āharissāmi, n’āvakaṅkhāmi jīvita), vì không thể kham nhẫn sự thống khổ. Tôn giả Sāriputta khuyên can, song Channa nói đã hết lòng hầu hạ và làm đẹp lòng đấng Đạo sư, cho nên không phạm tội nếu tự kết liễu thân mình.

Sāriputta hỏi Channa: Hiền giả có xem lục căn, lục thức và lục trần là: “*Cái này là của tôi, cái này là tôi, là tự ngã của tôi?*”

Channa trả lời: Tôi xem 18 giới là: “*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi*” (netam mama, nesohamasmi, na meso attā).

Sāriputta hỏi: Do thấy gì và chứng tri gì trong 18 giới này mà hiền giả nói như vậy?

Channa trả lời: Do vì tôi thấy và chứng tri sự diệt vong (nirodha) trong 18 giới này.

9 “*Yo (so) dhīro (firm) dhitisampanno (dhitī: energy+sampanna: succeeded). Jhāyī (mediated) jhānarato (thiền lạc) sadā (always); Ahorattaṃ (day night) anuyuñjaṃ (anu+yuñjati=pratise, be zealous), jīvitaṃ ani-kāmayam. “Jetvā (having conquered) na maccuno (bhetvā namucino) senam (army), anāgantvā punabbhavam; Sa-mūlam taṇhamabbuyha, Godhiko parinibbuto’ti.*

10. Kinh số 144 (2) Kinh giáo giới Channa, phẩm 5: lục xứ (品六處 Salāyatanavagga), tập 3: Uparipannāsapāḷi, Trung Bộ.

Sau đó, tôn giả Mahācunda nhắc lại cho Channa lời dạy của đức Thế Tôn: “*Ai có chấp trước là có dao động. Ai không chấp trước là không có dao động. Không có dao động, thì có khinh an; có khinh an thì không có hy cầu; không có hy cầu thì không có khứ lai; không có khứ lai thì không có sinh tử; không có sinh tử thì không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là sự đoạn tận đau khổ*”¹¹.

Đức Phật xác nhận sự nhập diệt của tôn giả Channa.

Sau khi hai tôn giả thăm bệnh ra về, Channa tự sát bằng con dao. Sāriputta bèn hỏi Phật về chỗ tái sanh của vị ấy¹². Phật hỏi có phải Tỷ kheo Channa tuyên bố trước mặt Sāriputta rằng mình đã không phạm tội hay không¹³? Sāriputta bạch Phật rằng lúc sinh thời, Channa thường lui tới những gia đình đáng chê trách trong làng Pubba-jira của dòng họ Vajji. Phật dạy việc đó không khiến ông ta phạm tội.

Đức Phật dạy: “*Này Sāriputta, cho đến nay, Ta không nói rằng Tỷ-kheo Channa có phạm tội. Này Sāriputta, ai quăng bỏ thân này, và chấp thủ thân khác, Ta nói rằng người ấy có phạm tội. Tỷ kheo Channa không có (chấp thủ) như vậy. Tỷ kheo Channa đem con dao lại (cho mình), không có phạm tội*”¹⁴.

11. *Nissitassa calitaṃ, anissitassa calitaṃ natthi. Calite asati passaddhi, passaddhiyā sati nati na hoti. Natiyā asati āgatigati na hoti. Āgatigatiyā asati cutūpapāto na hoti. Cutūpapāte asati nevidha na huraṃ na ubhayaman-tarena. Esevanto dukkhassā.*

12. *Āyasmatā, bhante, Channena satthaṃ āharitaṃ. Tassa kā gati, ko abhisamparāyo?*

13. “*Nanu te, Sāriputta, Channena bhikkhunā sammukhāyeva anupavajjāṭā byākatā*”ti?

14. “*Nāhaṃ, Sāriputta, Channassa bhikkhuno, ettāvatā ‘saupavajjo’ti vadāmi. Yo kho, Sāriputta, imaṅca kāyaṃ nikkhipati aññaṅca kāyaṃ upādiyati tamahaṃ ‘saupavajjo’ti vadāmi. Taṃ Channassa bhikkhuno natthi. ‘Anupavajjo Channo bhikkhu satthaṃ āhasesī’ti evametaṃ, Sāriputta, dhārehi*”ti.

Người đời tự sát là vì ham sống một đời sống tốt đẹp hơn nhưng chưa thỏa mãn, nên họ tự sát trong tâm trạng ám ức và đương nhiên không thoát khỏi nhập thai trở lại, vì tái sinh là để thỏa mãn những mong cầu ham muốn chưa được thỏa mãn.

V. TƯƠNG QUAN KINH TẠNG VÀ TÂM THƯ BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

1. Tâm thư Hòa thượng Thích Quảng Đức

Vào năm Quý Mão (1963) cách đây vừa tròn sáu mươi năm, một sự kiện chấn động địa cầu là Hòa thượng Thích Quảng Đức đã vào cõi Niết bàn để đánh thức lương tâm của chính quyền Ngô Đình Diệm bằng ngọn lửa thiêng đầy từ bi và trí tuệ. Tâm thư ngài viết:

“*Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hòa thượng trụ trì Chùa Quán Âm, Phú Nhuận (Gia Định). Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:*

1. Mong ơn Phật tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.

2. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường cửu bất diệt.

3. Mong nhờ hồng ân chư Phật gia hộ cho chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.

4. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng

tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa.

Tôi tha thiết kêu gọi chư Đại đức Tăng Ni và Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam-mô A-di-đà Phật

Làm tại chùa Ân Quang, ngày mùng 8 tháng 4 nhuận năm Quý Mão

Tỳ-kheo Thích Quảng Đức

Kính bạch”.

Trong tâm thư này cho thấy rằng Hòa thượng không hề khởi tâm sân (dosa) đối với chính quyền đàn áp Phật giáo, cũng không có tham ái (lobha) hay si mê (moha) sắc thân ngũ uẩn này. Khi cần dùng thân giả tạm này để bảo tồn Phật pháp cứu trụ thế gian, thì sẵn sàng phát nguyện tự thiêu, Ngài là bậc vô úy Bồ tát (Abhayabodhisatta).

2. Hành Bồ tát đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức

Bồ-tát (菩薩), phiên âm từ Phạn ngữ là Bodhisattva, Pāli ngữ là Bodhisatta, là một chúng sinh (薩埵 tát-đòa, sattva/satta, hữu tình) giác ngộ (菩提 bodhi, bồ-đề), dịch nghĩa là giác hữu tình (覺有情), ngài đã thấu triệt được pháp ngũ uẩn là vô thường (anicca), khổ (dukkha), vô ngã (anatta). Thân ngũ uẩn chỉ là tổ hợp của danh tâm và sắc pháp, vốn là giả tạm do các duyên hợp lại, nên sẵn sàng thiêu thân để cứu khổ chúng sanh vì Ngài không chấp ngũ thủ uẩn (pañcupādānakkhandha) này là của ta, là ta, là tự ngã của ta nên ngài tự giác ngộ mà viết tâm thư nhập Niết bàn như vậy: “tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo.”

Ngài rải thiên tâm từ (mettabhāvanā) đối với chính quyền ông Diệm còn vô minh tật đố kỳ thị Phật giáo: “Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa.” Bồ tát không dùng

tâm hận thù diệt hận thù, mà dùng nước cam lồ từ bi để rửa tâm bất thiện, chính là tư tưởng bất bạo động, không làm tổn thương hay hãm hại ai (ahimsā).

3. Tư tưởng Bồ tát đạo trong kinh tạng Mahāyāna

Trong phẩm 22, phẩm Dược Vương (Bhaiṣajya-rāja varga) của Kinh Pháp Hoa hay Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (Saddharma-puṇḍarīka sūtra, the wonderful law lotus flower sūtra), Bồ tát Dược Vương xưa kia bố thí lương dược cứu độ chúng sinh, phát tâm thiêu thân để cúng dường chư Phật: “Trong vô lượng quá khứ, trước khi đức Thích-ca Mâu-ni thị hiện ra nơi đời tại Ấn Độ, có vị Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến (priyadarśana) ưa tu tập khổ hạnh, đã dùng y báu cõi Trời, tự quấn vào thân, rưới các thứ dầu thơm, rồi tự đốt thân mình, để cúng dường lên đức Phật Nhật Nguyệt Minh Đức (Candra-vimala-surya-prabhasa-sri) tại bốn quốc; kiếp sau, cũng được sanh lại bốn quốc của đức Phật này. Lần này cũng tu khổ hạnh, cho nên đã lấy gỗ chiên-đàn (旃檀 candana) làm giàn hỏa (citaka) rồi ngồi trên đó tự thiêu thân, để cúng dường, báo ân đức Phật này đã vào Niết-bàn (Nirvāna)”.

Bồ-tát đã diệt được hết các tham dục và sẽ không bị trở lại cõi Ta-bà (Sa-bà 娑婆 saḥā: kham nhân) này nữa, không tham đắm sắc thân ngũ uẩn, tâm không còn kiết sử, tự phát nguyện thiêu thân giả tạm cầu đạo giác ngộ, cứu khổ độ sanh.

4. Hành Bồ-tát đạo trong Jātaka (Bổn Sinh) của Tiểu Bộ (Khuddhakanikāya)

Bồ-tát đều thực hành đầy đủ mười Pāramī, để thành tựu đạo quả Chánh đẳng chánh giác: bố thí, tri giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, tâm từ và tâm xả.

Theo Aṭṭhakathā Cariyāpiṭaka, Pāramī là những phẩm hạnh không vị kỷ, tà kiến, ngã mạn, có trí tuệ và từ bi dẫn dắt, với tâm vị tha vô lượng qua nhiều kiếp sống.

Bồ-tát sẵn sàng hy sinh tất cả các vật sở hữu quý báu nhất, cho đến mạng không tiếc, trong truyện Bôn Sinh (Vyāghrī Jātaka), bồ thí ba-la-mật nói về một vị tu sĩ sẵn sàng và vui vẻ hy sinh mạng sống cứu cạp mẹ và bày con, đem lại hạnh phúc cho kẻ khác.

Theo Nepāla Bāshā kể về câu chuyện Hoàng tử Mahāsattva hiền lành con vua Mahāratthā đã hy sinh mạng sống phù du này để cứu cạp mẹ và bày con. Bồ tát nghĩ rằng thân tứ đại chỉ là một đồng ô trược đã gây cho ta bao nhiêu phiền não và phải chết một ngày nào. Ngài nhặt lấy tre rồi tạt cửa cổ đến chết. Ngài té ngã nằm trên vũng máu. Cạp vừa đói vừa khát, thấy vậy đi lần đến, liếm vũng máu và xé thịt Bồ-tát ra ăn, chỉ còn lại xương tàn.

Lúc Bồ tát tự sát để hiến thân cho cạp, trời đất chuyển động, nước biển nổi sóng to, ánh sáng mặt trời bỗng ngưng tối sầm lại, cảnh vật trở nên lờ mờ, tất cả chư Thiên đồng thanh reo to và từ trên không trung rải hoa pārijāta (san hô). Vua hạ lệnh xây bảo tháp thờ xá-lợi của Bồ-tát Mahāsattva có tên là “Om Namō Buddhā”, hay “Namurā” (tôn kính đức Phật).

Trong Vessantara Jātaka, tiền thân đức Phật có kể lại Hoàng tử, lúc tám tuổi đã nghĩ rằng: “Nếu một ngày kia có người cần đến trái tim của ta, ta sẽ tự tay mổ ngực, moi tim ra cho. Nếu có người cần đến mắt, ta sẽ tự móc lấy mắt ra biếu. Nếu có người cần đến thịt ta, ta sẽ tự tay cắt ra một miếng để tặng.” Là gương hy sinh cao cả và hoàn toàn vị tha của Bồ tát...

Cariyāpīṭaka¹⁵ mô tả: Khi Bồ tát bồ thí vật thực, đều mong người nhận được sống lâu, có sắc đẹp, an vui, khoẻ mạnh, có trí tuệ đặc quả Niết-bàn. Ngài ban thức uống với nguyện rằng giải cơn khát của cơ thể và làm giảm lòng dục vọng khát ái. Giúp ánh sáng, Ngài chú nguyện người nhận có được ngũ nhãn.

Tinh thần can đảm, chịu đựng và vô úy khi

15. 所行藏 *treasury of conduct*, 15th last of *Khuddakanikāya*, a brief account of Buddha's meritorious actions when a Bodhisatta.

hoàng pháp của tôn giả Puṇṇa¹⁶

Khi Thế Tôn ở Sāvattthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika, tôn giả Puṇṇa (富樓那 Pūrṇa) đến xin Thế Tôn giáo giới để có thể sống độc cư nhàn tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho tôn giả về thái độ của một vị Tỷ-kheo khi lục căn tiếp xúc với lục trần, nếu có hân hoan thì có đau khổ, không hân hoan đối với các sắc thanh hương vị xúc pháp, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn thì không đau khổ. Diệt tận hân hoan là diệt tận đau khổ.

Phú-lâu-na hoàng pháp ở Sunāparanta (nước Suna ở tây Ấn). Phật nói dân ở đó rất hung ác. Puṇṇa có thể bị chúng mắng nhiếc, vậy thì sẽ làm sao?

Puṇṇa trả lời: “Chúng còn hiền thiện, không đánh con bằng tay”. Phật hỏi, nếu chúng đánh bằng tay? Puṇṇa đáp: “Chúng còn tốt không đánh con bằng cục đất”. Phật hỏi, nếu bị đánh bằng những cục đất? Puṇṇa đáp: “Chúng còn tốt, không đánh con bằng gậy”. Phật hỏi, nếu chúng dùng gậy đánh? - “Chúng vẫn còn tốt, không lấy dao đâm con”. Phật hỏi, nếu chúng lấy dao đâm? - “Chúng còn tốt vì chưa chém con đến nỗi chết”. Còn nếu chém chết thì sao? - “Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, có người nhàm chán thân thể và sinh mạng, đi tìm con dao để tự sát. Nay con không cần tim, đã được con dao, con sẽ nghĩ như vậy”.

Khi ấy Thế Tôn khen tôn giả đã đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh, có thể đi đến nước ấy. Tôn giả Puṇṇa đến nước Sunāparanta chỉ trong khoảng mùa mưa đã nhiếp độ được 1000 nam nữ cư sĩ và chúng tam minh (ti vijjā). Sau đó tôn giả mệnh chung. Đức Thế Tôn cho biết tôn giả đã nhập Niết bàn, không trở lui đời này nữa.

Sanh thú (生趣 gati) của Puṇṇa là gì? Đời sau (abhisamparāya) của vị ấy là thế nào? Puṇṇa là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với

16. Kinh số 145 (3) Kinh giáo giới Phú-lâu-na (Puovāda), phẩm V, phẩm lục xír (Salāyatana), tập III: Uparipaāsa, Trung Bộ

những câu hỏi về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Thiên nam tử Puṇṇa đã nhập Niết bàn¹⁷.

Theo Aṭṭhakathā thì do có hân hoan mới có khổ; không hân hoan thì không khổ, không phải chán đời mà là hỷ túc: vui với bất cứ hoàn cảnh nào gặp phải; giải thoát mọi ham muốn.

Nhiệt tâm đắc Thiên nhãn thông của Anuruddha¹⁸

Vua Suddhodana có em trai là Amitodana, vị ngự đệ này sanh năm người con: Mahānāma, nối ngôi vua tộc Thích-ca (Sakya), Anuruddha đắc Thiên nhãn thông, Ānanda thị giả đức Phật, Pandu là hoàng tử nhất nhất, Rohini là công chúa bị phong cùi; và hai cháu là: Bhagu là hoàng tử trầm lặng, kiên nhẫn, Kimbila là hoàng tử khỏe mạnh, vui tính.

Anuruddha đến rừng xoài ở Anupiyā xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa. Sau khi thọ đại giới trong khi nghe pháp ngủ gục, bị Phật khuyến giáo, ngài ăn năn phát nguyện không ngủ, nên mắt ngài bị mù, nên Trưởng lão Tăng kể có câu: “Suốt năm mươi lăm năm, Ta không bao giờ nằm, Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngủ nghỉ.”

Tuy mắt bị mù, Ngài vẫn nỗ lực hành thiền chỉ trên mười đề mục kasiṇa-kammaṭṭhāna đắc tứ thiền và Thiên nhãn thông (dibba-cakkhu abhiññā). Tại rừng trúc ở phương Đông, Ngài tiếp tục hành thiền quán, và chứng quả Arahanta cùng với thắng trí và vô ngại giải thù thắng. Thế Tôn xác nhận ngài là bậc Thiên nhãn đệ nhất, sống trong an lạc giải thoát nhờ tu thiền:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc; Hấp dẫn, rất thích ý; Vượt qua tất cả chúng; A-na-luật tu thiền.”

17. Paṇḍito, bhikkhave, Puṇṇo kulaputto paccapādi (saccavādī dhammavādī) dhammass-ānudhammaṃ, na ca maṃ dhammādhikaraṇaṃ viheṭhesi. Parinibbuto, bhikkhave, Puṇṇo kulaputto”ti.

18. HT. Thích Minh Châu dịch, Trưởng lão Tăng kể, Tiểu Bộ, tập III

Một số Tỷ-kheo an cư kiết hạ, tụ tập trong rừng Gosinga nêu lên: “Ai sẽ là bậc xứng đáng lấy khả năng độc đáo của mình, để làm cho ngôi rừng Gosinga này trở nên rạng rỡ, trang nghiêm và thanh thoát, khiến cho Phật tử mười phương mỗi khi nghe đến là hân hoan ngưỡng mộ?” Anuruddha nói: “Sa-môn nào là người có Thiên nhãn thông tuyệt diệu nhất, là bậc quan sát và nhìn thấy thật dễ dàng muôn ức triệu thế giới và vũ trụ, phân biệt từng tinh tú hệ riêng rẽ..., như một người đứng trên tháp cao nhìn xuống những ranh giới nhà nông”.¹⁹

VI. ĐỊNH LUẬT PAṬICCASAMUPPĀDA HAY AI THẤY PHÁP THẤY TA

Kinh Duyên Khởi²⁰ hay ai thấy duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Ta.

Khi Thế Tôn ở Sāvatti, tại Jetavana, trong vườn ông Anāthapiṇḍika. Thế Tôn thuyết lý Duyên khởi như sau: “Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tập khởi.”

Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là đoạn diệt.

19. Majjhimanikāya, kinh 32 (2) Đại kinh rừng sùng bò (Mahā Gosinga sutta), phẩm 4, Mahāyamakavagga, tập I

20. Kinh số 1, Kinh Duyên Khởi (Paicca’sam’uppāda sutta, dependent origination), phẩm I: Phật-đà, chương I, Tương Ưng Nhân Duyên, tập II: Thiên Nhân Duyên, Tương Ưng Bộ.

Chính đức Thế Tôn ngồi dưới cội Bồ-đề chứng được lý Duyên khởi này, đã đoạn diệt tham ái và tận trừ vô minh, chấp thủ là ba móc xích gây nên phiền não, tạo nhân tái sinh trong luân hồi sinh tử, do đó đức Phật tuyên bố với tôn giả Ānanda, ai thấy duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Như Lai.

Bồ-tát quán thân ngũ uẩn bất tịnh.

Đức Phật dạy Vakkali “Có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này”, Bồ tát Quảng Đức cũng quán thân năm uẩn giả tạm nên không đắm say nó, phát nguyện tự thiêu để thức tỉnh chính quyền ông Diệm. Con người ngũ uẩn có hai phần: Danh pháp và sắc pháp, tức là vật chất và tinh thần. Sắc pháp do đất, nước, gió, lửa hợp lại, còn tâm pháp thì do thọ, tưởng, hành, thức kết hợp mà thành, tánh nó vốn không thực, không vững bền, thay đổi, biến dịch, vô thường. Nếu chấp thủ ngũ uẩn này là của ta, là ta hay là tự ngã của ta, thì khi ngũ uẩn thay đổi, biến hoại, tâm khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não, chính đức Phật gọi là khổ uẩn.

Đối tượng thiền quán là danh sắc (nāmarūpa), đức Phật dạy: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc”.²¹

Quán thân bất tịnh (kāyānupassanā paṭikkūla-manasikāra pabbam) của Kinh Đại Niệm Xứ mô tả như sau: “Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: “Đây là tóc, lông, móng, răng, da; thịt, gân, xương, thận, tủy; tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi; ruột, màng ruột, bụng, phân, mật; đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ; nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch (黏液), nước ở khớp xương; nước tiểu và óc não”.

4. Bồ-tát quán ngũ uẩn trong tam tướng

4.1. Chư hành vô thường (sabbe saṅkhārā

21. Kinh số 2, Kinh Phân biệt (Vibhagāsutta), phẩm I: Phật-đà, chương I: Tương ưng nhân duyên, tập II: Thiên nhân duyên.

aniccā), tất cả các hành là vô thường. Hành là các pháp hữu vi, hiện tượng vật chất tâm lý đều biến hoại, thay đổi, sinh diệt. Thọ lạc hay thọ khổ lâu dài rồi cũng sẽ hoại diệt; khi mong cầu nó diệt, không được toại ý, sinh tâm sân hận, bất mãn. Trong kinh Cái Gì Vô Thường²², đức Phật dạy: ngũ uẩn là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: “Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi”. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với ngũ uẩn. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

4.2. Nhất thiết hành khổ (sabbe saṅkhārā dukkhā): do chấp trước các pháp hữu vi là thường hằng nên có đau khổ. Thọ lạc hay khổ cũng bị vô thường đều bình đẳng với nhau. Khổ thọ là không thỏa mãn, bất toại ý, đau đớn, khổ sở, bức tức, khó chịu là không như ý muốn. Trong kinh Có Nhân Là Khổ (Sahetudukkha sutta), Tương Ưng Bộ, đức Phật dạy: “ngũ uẩn là khổ. Cái gì là nhân, cái gì là duyên cho ngũ uẩn sanh khởi; cái ấy cũng khổ. Ngũ uẩn đã được cái khổ làm cho sanh khởi, này các Tỷ-kheo, từ đâu có thể lạc được? Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với ngũ uẩn. Do yếm ly, vị ấy ly tham... không còn trở lui trạng thái này nữa”.

4.3. Chư pháp vô ngã (sabbe dhammā anatā), quán chiếu thấy được thật tính các pháp là vô ngã. Kinh Vô ngã tướng (Anattalakhaṇasuttam) Tương Ưng Bộ mô tả: “Do vậy, này các Tỷ-kheo, phạm sắc (thọ tưởng hành thức) gì quá khứ, vị lai, hiện tại thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc (thọ tưởng hành thức) cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”(netam mama, nesohamasmi, na meso attā)”

22. Kinh số 4: Kinh Cái Gì Vô Thường (Yadaniccāsutta), phẩm 2: Vô thường, chương I: Tương Ưng Uẩn, tập III: Thiên Uẩn, Tương Ưng Bộ,

Thân ngũ uẩn không có gì là của ta do các duyên hợp lại mà thành. Nếu của ta, thì ta có quyền sai khiến nó, ở đây ta không thể sai khiến được, ta muốn cái thân này trẻ đẹp, khỏe mạnh, nó không như ý, như Kinh số 35, Cūlasaccakasuttam, Majjhimanikāya mô tả: Như Saccaka nói: “Sắc thọ tưởng hành thức là tự ngã của ta”, vậy ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: “Sắc thọ tưởng hành thức của tôi phải như thế này; Sắc thọ tưởng hành thức của tôi không phải như thế này” được không?-Thưa không, bạch Thế Tôn”.

Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, vô ngã biến hoại, không gì chắc thật là khổ đau nên Bồ-tát Quảng Đức hành sâu trí Bát-nhã (prajñā), thấy năm uẩn là không, nên tâm Ngài tự tại đến đi, không dính mắc một vật gì trên đời, tinh tiến tu tập và tự phát nguyện thiêu thân đánh thức thiện tâm chính quyền hung bạo, thấy rằng thân ngũ uẩn này không phải của ta, là ta, là tự ngã của ta, thì sá chi những vật ngoài thân không thể không chi phối bởi luật vô thường, vô ngã.

VII. KẾT LUẬN

Ba tôn giả Vakkali, Godhika và Channa được đức Phật xác nhận là những bậc A-la-hán, vượt thoát khổ đau, chứng ngộ Niết bàn, tâm hoàn toàn không cấu uế bởi căn bản phiền não (mūla kilesa). Theo tâm thư và hành trạng của Bồ-tát Quảng Đức cũng vậy, ngài là tu sĩ Mahāyāna hành trì theo hạnh nguyện Bồ tát Dược Vương không hề có tâm tham sân si đối thân ngũ uẩn, sống uất ức đau khổ bỏ thân này tìm cầu thân khác hay thức tái sinh khác (paṭisandhi, bhavaṅga), điều này không có trong từng câu chữ của tâm thư.

Bồ-tát Quảng Đức an trú trong định tam-muội (samādhi) nên khi thiêu thân, cảm thọ nóng bức đang cháy rục, Ngài vẫn quán chiếu thật sâu thân ngũ uẩn là vô thường, khổ, vô ngã, dù cho lửa cháy Ngài vẫn an nhiên thiên tọa trong nghịch cảnh, không hề nao núng, sợ hãi. Do đó Tăng Ni Phật tử toàn quốc tôn xưng Ngài là bậc Bồ tát vô

úy (Abhayabodhisatta) không sợ hãi trước cường quyền ác bá và ngọn lửa dữ.

Chính tiền thân của đức Phật Gotama khi Ngài còn là tu sĩ trong Vyāghrī Jātaka, hay hoàng tử Mahāsattva không tham đắm chấp trước, sẵn sàng hành bố thí ba-la-mật cả thân mạng để cứu cọp mẹ và cọp con. Bồ-tát Quảng Đức đã hành trì đúng hạnh nguyện Bồ-tát đạo của chư Phật đã làm được ghi chép trong Jātaka. Bồ tát là bậc giác hữu tình đã tự giác ngộ và làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm thức tỉnh không cai trị bằng ác bất thiện pháp đối với Phật giáo và dân tộc Việt.

Về mặt hoàng pháp, Bồ tát hành trì theo hạnh nguyện tôn giả Phú-lâu-na, sẵn sàng dấn thân vào đất nước hung ác như Sunāparanta, Ngài không hề sợ hãi, vượt qua sáu loại nguy hiểm can đảm, chịu đựng giữ tâm xả với sự công kích đến tính mạng, không hề có sân tâm.

Bồ tát Quảng Đức khánh sinh tại huyện Vạn Ninh, khai sơn tạo tự nhiều ngôi Già-lam để tiếp Tăng độ chúng tu học theo lời Phật dạy từ thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đến Sài Gòn-Gia Định. Trên bước đường hoàng pháp gặp rất nhiều chướng duyên nhưng Ngài vẫn quyết tâm bền chí tu trì bảo vệ đạo pháp, dân tộc, không khác gì hạnh nhiệt tâm tinh cần, không phóng dật của tôn giả Anuruddha chứng đắc Thiên nhãn thông dù mắt đã mù. Trước sự tồn vong của Phật giáo, Ngài tự nguyện thiêu thân giả tạm cúng dường chư Phật, hồi hướng cho Phật giáo Việt Nam trường tồn, bạo lực đàn áp xua tan.

Bồ-tát quán chiếu các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, không còn vô minh tham ái chấp thủ, Ngài đã dứt khoát không xem ngũ uẩn “là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta”. Bồ tát Quảng Đức đã thấy như thật chúng đang là, tức thấy Pháp duyên khởi, mà “thấy Pháp duyên khởi tức là thấy Phật, thấy Phật tức là thấy Pháp” vậy. Ngài đã nhập Niết bàn, là bậc Thầy của trời người, được xưng tán đánh lễ. ○

CÔNG ĐỨC & HẠNH NGUYỆN CỦA BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

Bài học giáo dục cho thế hệ Tăng Ni, Phật tử trẻ hôm nay

Thích Nhật Hiếu



Phật giáo luôn nhắc đến lẽ sống và cái chết¹ là một thực tại, không phải để quay đầu trốn chạy mà là nhắc nhở cho chúng ta, sống cho ra sống và chết cho ra chết². Có những cái chết đi vào huyền thoại, sống mãi trong lòng nhân thế.

*“Chết nhân tiếng để vang nghìn thừa,
Chết nghĩa danh thơm vọng mấy đời.”³*

Cũng vậy, sự ra đi của Bồ tát Thích Quảng.

1. *Sanh tử sự đại*
2. *Phụng sự chúng sanh, cúng dường chư Phật*
3. *Mai Xuân Thường, Nghĩa sỹ Cần Vương chống Pháp*

Đức trong mùa Pháp nạn 1963 đã làm rung động tâm tư của muôn triệu trái tim người dân Việt Nam, tạo thành một hiệu ứng tâm chấn đến toàn thế giới.

Kỷ niệm 60 năm (1963-2023) Bồ tát Quảng Đức vị Pháp thiêu thân được long trọng tổ chức trên khắp 3 miền đất nước. Đặc biệt, ở Khánh Hoà, quê hương của Ngài, Giáo hội Phật giáo tỉnh nhà chuẩn bị long trọng tổ chức sự kiện kỷ niệm này; nhằm giáo dục đến các thế hệ Tăng Ni, Phật tử hôm nay không quên bài học lịch sử; đồng thời cũng gọi nhắc cho chúng ta lòng tri ân và báo ân, biết trân trọng và gìn giữ những giá trị mà chư vị tiền nhân để lại.

Trên tinh thần đó, các thế hệ Phật tử trẻ hiện tại cũng nên tìm hiểu sâu về những gì mà các bậc tiền nhân, tiêu biểu là Bồ tát Quảng Đức, vị Pháp thiêu thân đã để lại những công đức và hạnh nguyện cho Đạo pháp và Đất nước mà chúng ta được thừa hưởng hôm nay, qua đó nỗ lực tu tập nhiều hơn nữa theo gương sáng của Ngài. Có như thế mới có thể đền đáp phần nào thâm ân mà Ngài đã dành cho chúng ta.

Tuổi trẻ với tinh thần đầy nhiệt huyết học đạo và huân tu miên mật

Bồ tát Thích Quảng Đức sinh năm 1898, sinh quán tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh. Ngài nhập đạo rất sớm, 7 tuổi đã xuất gia. Bôn sư là Hòa thượng Như Đạt, hiệu Giải Nghĩa, tự Hoằng Thâm, Chùa Long Sơn, Phú Cang, Vạn Ninh. 8 năm đầu luôn bên cạnh Bôn sư, hầu thầy và dùi mài kinh sử. Và rồi năm 15 tuổi, Ngài được cho thọ Sa-di và gởi đi cầu học với Hoà thượng Thiên Tường chùa Linh Sơn (nay là chùa Phước Long), Cam Ranh. Tiếp đó cầu học với Tổ Thanh Chánh, Phước Tường, chùa Thiên Bửu thượng, Diêm Tịnh, Ninh Hòa, được ban pháp tự là Nhơn Tri.

Sau đó, Ngài phát nguyện nhập thất tịnh tu ba năm (1927 - 1930) nơi núi Đất. Rồi núi, Ngài vân du hóa đạo một mình với chiếc bình bát theo hạnh Đầu đà. Ngài được cung thỉnh làm Trụ trì Chùa Sắc Tứ Thiên Ân, Ninh Hòa. Tại đây Ngài tiếp tục phát nguyện nhập thất tịnh tu.

Có thể nói, Ngài đã để lại dấu ấn sâu đậm nhất trong việc dành cả một thời xuân trẻ cho việc huân tu miên mật.

Công đức hoằng hoá, kiến lập đạo tràng và vai trò Tông Lâm thạch trụ:

Với tinh thần ý thức thoát khỏi nô dịch của chế độ thực dân, nhiều trí thức trẻ Phật giáo bấy giờ đã phát động phong trào chấn hưng Phật giáo như một công cụ cách mạng dân trí đối phó với chính sách ngu dân của ngoại bang. Năm 1932, Hội An Nam Phật Học tại Huế ra đời, nhanh chóng lan rộng khắp mọi miền Đất nước. Năm 1936, chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa được thành lập. Đại lão Hòa thượng Phước Huệ chùa Hải Đức - Nha Trang đã đến chùa Thiên

Ân thăm viếng, đàm đạo và mời Ngài nhận chức Chứng minh Đạo sư cho Chi hội An Nam Phật học Ninh Hòa. Ba năm sau, Ngài được thỉnh cử giữ chức Kiểm Tăng cho Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa.

Năm 1940, Ngài đã cùng với Bác sỹ Tâm Minh - Lê Đình Thám đứng ra vận động thành lập trụ sở cho Hội An Nam Phật học ở Chùa Chi Hội Ninh Hoà (Chùa Đức Hòa ngày nay). Tại đây, Ngài đồng hành cùng chư tôn đức thực hiện nhiều Phật sự trọng đại cho địa phương. Trong đó đáng ghi nhận, Ngài trùng tu và kiến tạo tất cả 14 ngôi chùa cho quê hương Khánh Hoà.

Đỉnh điểm của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam ở thập niên 30 lan toả, chư thạch đức Kỳ túc như Ngài lại càng phải bôn ba khắp nước, làm Sứ giả cho các Hội đoàn Phật giáo như Hội An Nam Phật học, An Nam Nghiên cứu Phật học Hội, Lương Xuyên Phật học Hội (Hội Phật học Nam Việt), Gia đình Phật Hóa Phổ, Tăng già Học Đường, trường Bồ Đề... đề ra truyền thông điệp hoằng pháp lợi sinh. Với sứ mạng này đã thôi thúc bước chân hành cước của Ngài rảo khắp Trung Nam.

Năm 1945, hành trình rời Khánh Hòa, Ngài đã vân du khắp các tỉnh thành như Sài Gòn, Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa xuống tận Hà Tiên. Ngài cũng đã từng sang Nam Vang lưu trú ba năm, vừa giáo hóa các Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu Kinh tạng Pāli và Phật giáo Nam Truyền.

Năm 1953, Ngài được thỉnh cử vào chức vụ Phó Trụ Sự và Trưởng ban Nghi lễ Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, đồng thời lãnh nhiệm vụ trụ trì chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ, nơi đặt trụ sở của Hội Phật Học Nam Việt.

Năm 1958, khi Trụ sở của Hội dời về chùa Xá Lợi, Ngài nhận thấy tuổi già sức yếu, xin thôi mọi chức vụ để dành thì giờ chuyên tâm tu niệm. Dù vậy, vì lòng từ mẫn, Ngài vẫn vân du hành đạo nhiều nơi, khi thì Chùa Quan Thế Âm ở Gia Định, lúc lại Chùa Long Phước và Pháp Hải, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có lúc về chùa Thiên Phước, Cai Lậy, Tiền Giang, để hoằng truyền Phật pháp cho nhân thế.

Gần 20 năm hành đạo ở miền Nam, Ngài đã khai sơn và đại trùng tu được 17 ngôi chùa.

Ngôi chùa cuối cùng Ngài trú trì là chùa Quan Thế Âm, tại Gia Định, Sài Gòn. Như vậy, Ngài đã có công kiến tạo và trùng tu cả thấy 31 ngôi chùa ở khắp cả Trung Nam.

Hạnh nguyện và đạo phong ngút ngàn

Suốt nửa năm đầu 1963, biến cố Phật giáo lan rộng khắp miền Nam Việt Nam. Cuộc xung đột giữa Phật giáo và Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Sự cố này chỉ là giọt nước tràn ly từ những vấn đề chính trị xã hội bất ổn có từ trước khi Ngô Đình Diệm thành lập Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.⁴

Phong trào đấu tranh Phật giáo miền Nam năm 1963 là một phong trào mang màu sắc tôn giáo và dân sự với quy mô rộng lớn. Sau khi bùng nổ tại Huế, phong trào đã nhanh chóng lan vào Sài Gòn và rộng ra khắp miền Nam, từ thành thị đến nông thôn, thu hút hàng triệu người không phân biệt xu hướng chính kiến, từ các nhà tư sản dân tộc đến các trí thức, sinh viên, nhân dân lao động đến cả những tín đồ Thiên Chúa giáo cấp tiến. Ngay cả một số đông công chức, sĩ quan, binh sĩ trong bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm cũng tích cực tham gia đấu tranh. Có thể nói, cuộc khủng hoảng này đã làm chính phủ Ngô Đình Diệm mất hết uy tín trong và ngoài nước, các tầng lớp người dân miền Nam nhằm vùng lên xoá bỏ chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm.⁵

Theo Malcolm Browne: “Trong thời kỳ đấu tranh quyết liệt này, những tu sĩ Phật giáo đã chọn cách tự thiêu để phát động phong trào đấu tranh bất bạo động chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền.”⁶

Ngày 27/5/1963, Thích Quảng Đức viết một lá thư cho Giáo hội Tăng già Toàn quốc tình nguyện tự thiêu để phản đối chính quyền. Ý định này của ông đã bị Giáo hội từ chối.⁷ Sau đó, chư Tăng họp tại Chùa Ấn Quang đã quyết định để Hòa thượng Thích

Quảng Đức lãnh sứ mệnh quan trọng này”⁸.

Sáng ngày 11/6/1963, trước khi tự thiêu, Ngài đã viết lại một bức thư Lời Nguyện Tâm Quyết, nói rõ chủ định và nguyện vọng của mình⁹:

Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trú trì Chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nguy hiêng giữa. Tôi là một Tu sĩ, mệnh danh là trưởng tử Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xung yên muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

*“Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình
Làm đèn soi sáng ngõ vô minh
Khỏi thom cảnh tình bạo người ác
Tro trắng phẳng san hố bất bình
Thân cháy nát tan ra tro trắng
Thần thức nương về giúp sinh linh*

8. Từ Quận chúa Hồ Thị Hạnh đến Sư bà Diệu Không, Đường thiền sen nở, Hồi ký của Thích nữ Diệu Không

9. Chùa Ấn Quang, Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký, ngày 4/6/1963

4. Nguyên nhân dẫn đến phong trào Phật giáo 1963 ở miền Nam Việt Nam

5. Ibid

6. Sứ luận PGVN, Nguyễn Lang 2000, trang 1058 - 1059

7. Ibid

*Hỡi ai mộng ảo đang còn mộng
Hãy gấp tỉnh đi kéo giạt mình.*¹⁰

Ánh lửa bi hùng lan toả yêu thương

Ngày 11/6/1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, đúng 10 giờ sáng, Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu trong tư thế kiết già trước sự chứng kiến của hàng ngàn quân chúng, Tăng Ni và Phật tử.

Hình ảnh một Hoà thượng trong ngọn lửa bốc cao vẫn ngồi kiết già im lặng tay chấp trước ngực đã tạo ấn tượng mạnh gây xúc động lớn cho hàng triệu người dân trong nước và toàn thế giới.¹¹

Thật là một điều dị thường đang diễn ra trong cuộc sống đời thường, một con người bằng xương bằng thịt lại bình thản tự tay châm lửa đốt mình. Đặc biệt ngọn lửa bùng cháy ngút trời vẫn bình thản thiền định trong khi y áo, da thịt bén lửa...

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã khắc hoạ đầy đủ giây phút thiêng liêng bi hùng này trong dòng thơ *Lửa từ bi*¹²:

*Lửa, lửa cháy ngát tòa sen,
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện
thành thơ, quỳ cả xuống .
Hai vàng sáng rung rung, Đông Tây nhòa
lệ ngọc.
Chấp tay đón một mặt trời mới mọc
Ánh Đạo vàng phơi phơi đang bừng lên,
dâng lên...*

Lửa thiêng đầy lùi vô minh thù hận

Là con dân Việt Nam, không thể không biết kiến thức cơ bản lịch sử về dân tộc mình. Hình ảnh uy hùng của Bồ tát Quảng Đức đã bùng cháy sáng ngày 11/6/1963 được bao quanh bởi hàng ngàn Tăng tín đồ, tạo cơn địa chấn rung động khắp thế giới. Làm sụp đổ chế độ độc tài Đệ nhất Cộng hòa.

Chiều 11/6/1963, một buổi chiều đầy sát khí, tạo nên không khí u buồn đau thương

10. *Thơ di bút của Bồ tát Quảng Đức bằng chữ Nôm*

11. *Sử luận PGVN, Nguyễn Lang 2000, trang 1057*

12. *Lửa từ bi, Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, Sài Gòn ngày 15/7/1963*

bao trùm khắp cả Sài Gòn. Chính quyền ra lệnh phong tỏa chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nơi an trí di thể của Hoà thượng Thích Quảng Đức. Bất chấp lực lượng cảnh sát, khoảng 15.000 người có mặt tại chùa Xá Lợi khiến chính quyền phải ra lệnh giải tán dân chúng tụ tập tại chùa Xá Lợi.¹³

Bất chấp cảnh bố ráp của cảnh sát và quân đội, trong nhiều ngày liền, quần chúng vẫn ồ ạt tới chùa Xá Lợi viếng di thể Hoà thượng Thích Quảng Đức. Lễ rước di thể Ngài được định vào ngày 16/6/1963. Giới lãnh đạo Phật giáo đã dự tính tổ chức vào dịp này một cuộc biểu dương đoàn kết lớn.¹⁴

Ngoài hành động phi thường ngồi kiết già trong lửa hồng, khiến cho muôn triệu trái tim con dân Việt Nam và thế giới kính ngưỡng và sụp lạy. Một hiện tượng phi thường khác cũng đã diễn ra, với lửa nóng đến 4.000°C, xương thịt cháy tiêu hết, chỉ có trái tim của Ngài vẫn còn nguyên vẹn, được thiêu lần thứ hai vẫn không cháy. **Một Trái tim bất diệt!** Điều đó đã minh chứng cho sự siêu phàm và bất tử hiện hữu giữa cõi đời. Sự hiện thân của một bậc Thánh giữa dòng nhân thế đầy biến động, nghiệt ngã và đau thương. Các Ngài đã hiện hữu để tạo dựng thêm động lực và niềm tin bất hoại của Phật tử đối với Giáo Pháp Phật-đà. Niềm tin ấy đã được hun đúc bằng chất liệu yêu thương - hiểu biết - dũng khí (bi - trí - dũng), giúp cho Phật giáo đồ lúc này vượt qua bao nhiêu sóng gió của thời cuộc, hướng đến mục tiêu sông lý tưởng an lạc và chân hạnh phúc ngay trong đời thường.

Qua bao cuộc đàn áp khốc liệt, giết chóc, bắt bớ, giam cầm... không thể làm suy sụp niềm tin của Phật giáo đồ. Nhiều Tăng Ni và Phật tử đã bằng nhiều hành động quyết liệt như tự thiêu, chặt tay, tuyệt thực... bất chấp cảnh giết chóc, giam cầm... để phản đối chính sách bất công và tàn bạo của chính phủ đương thời. Từ đó phong trào đấu tranh bất bạo động của Phật giáo đã lan toả khắp tầng lớp xã hội, sự xuống đường của công nhân, viên chức, học sinh, sinh viên... Còn nữa, các cuộc bãi khoá ở học đường, bãi chợ, đình công... tung bùng diễn ra khắp

13. *Ibid, trang 1062*

14. *Ibid*

Miền Nam.

Phần uất xã hội đã đến đỉnh điểm, ngày 1/11/1963, quân đội đã thực hiện cuộc đảo chính lật đổ chính phủ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Cuộc đảo chính này chấm dứt nền Đệ Nhất Cộng hoà, và khép lại một thời kỳ đen tối Pháp nạn Phật giáo tại Nam Việt.

Lửa thiêng soi đường cho thống nhất Phật giáo Việt Nam, giải giáp chiến tranh và hoà giải dân tộc.

Sau Pháp nạn không bao lâu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất chính thức khai sinh vào tháng 01 năm 1964, nhằm quy tụ các Hội đoàn, Tông phái Phật giáo về một mối. Dù rằng, trước đó vẫn có Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập từ năm 1951, gồm các thành phần Phật giáo Đại thừa khắp ba miền đất nước, nhưng việc điều hành Tổng hội vẫn chưa chặt chẽ, nhất quán. Phật giáo Nam tông thì lại có tổ chức riêng, với tên Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy, trụ sở ở chùa Kỳ Viên, Sài Gòn. Cuộc chính biến này đã thúc đẩy các tổ chức Phật giáo miền Nam và miền Trung thuộc Phật giáo Đại thừa (Bắc tông) lẫn Phật giáo nguyên thủy (Nam tông) đoàn kết gia nhập dưới một Hiến chương thành một Giáo hội, lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Ở cuộc họp vào ngày 31/12/1963 tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, họp nhất 13 Hội đoàn Phật giáo¹⁵, nhất trí cung thỉnh và suy tôn đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tăng thống. Thượng tọa Thích Tâm Châu được bầu vào chức vụ Viện trưởng Viện Hóa đạo và Thượng tọa Thích Trí Quang giữ chức Tổng Thư ký Viện Tăng thống. Chùa Ấn Quang tại Sài Gòn được chọn làm trụ sở sinh hoạt của Giáo hội¹⁶.

Còn nữa, cái chết, sự nằm xuống bằng ngọn lửa bi hùng của Bồ tát Quảng Đức, đã xoá sạch bóng tối bất công, chấm dứt các ngày tháng đen tối của Pháp nạn 1963, đánh thức mọi Tăng tín đồ Phật tử hoà hợp, hình thành một khối đoàn kết, tiến đến thống nhất Phật giáo vào tháng 1 năm 1964 nhằm quy tụ các

hội đoàn, tông phái Phật giáo về một mối.¹⁷

Sau Pháp nạn Phật giáo 1963, Phật giáo Việt Nam tiếp tục đồng hành cùng dân tộc tiếp tục đấu tranh, và rồi với cả ý chí dân tộc là yếu tố quyết định sống còn của Đất nước, dẫn đến kết thúc chiến tranh vào mùa Xuân 1975. Sau khi Đất nước thống nhất, Phật giáo Việt Nam một lần nữa đi đến Hội nghị đại biểu thống nhất Phật giáo tổ chức tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội từ ngày 4 đến ngày 7/11/1981, với danh hiệu Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Quyết nghị về vấn đề vị pháp thiêu thân

Qua cái chết đầy thiêng liêng của Bồ tát Quảng Đức vì xương minh Phật pháp, vì hoà bình và thịnh vượng cho đất nước, cho dân tộc này. Thế nhưng, đâu đó vẫn còn một số hồ nghi rằng tự thiêu là hành động tự sát, có được hoan nghênh trong triết lý nhân sinh của Phật giáo hay không?

Đành rằng trong Đại phẩm của Luật tạng 18, Đức Phật không chấp nhận việc tự sát, tự hủy hoại, tự chối bỏ sự sống của chính mình một cách đơn thuần; đó là việc cấm kỵ, và được cho là ngang bằng với tội sát sinh. Tuy nhiên, theo tinh thần Bồ tát đạo (Bodhisattvā-yāna) của Phật giáo Đại thừa hay Kinh Bốn sanh (Jātaka) của Phật giáo Nguyên thủy, chúng ta bắt gặp rất nhiều gương hi sinh, bất chấp đến mạng sống của mình trong hoàn cảnh cấp nạn của quần sinh mà mình phải phát nguyện hi sinh để mọi người được sống.

Lịch sử Phật giáo cũng đã ghi nhận trường hợp tương tự, như Thân vương Mahānāma đã tự trầm mình tuần tiết, giúp một số Vương tộc Sākya tránh được nạn thảm sát của Vua Vidūḍabha (Tỳ-lưu-ly)¹⁹. Với trường hợp này, Đức Phật ghi nhận và ca ngợi gương hi sinh cao cả, hạnh nguyện vì chúng sinh chịu mọi đau khổ, giúp cho chúng sinh có nhiều an vui²⁰.

17. *Ibid*, *Tuệ Thiện - Hồ Hồng Phước*

18. *Mahāvagga, Vinayapiṭaka*

19. *Khuddhaka Nikāya vii, Jātaka (iv)*,

Chương xii, Phẩm Mười Hai Bài Kệ, 465.

Chuyện Sāla, Cổ Thu Cát Tường

20. 八大人覺經: 生死熾然, 苦惱無量。發大乘心, 普濟一切; 願代眾生, 受無量

15. *Niên biểu Lịch sử Phật giáo Việt Nam Tuệ Thiện - Hồ Hồng Phước*

16. *Lâm Vĩnh Thế, tr. 190*

Nhìn lại, công đức, hạnh nguyện của Bồ tát Quảng Đức, là bài học giáo dục cho tất cả mọi thế hệ Tăng Ni, Phật tử và Tín đồ Phật giáo Việt Nam. Và lại, mọi công dân Việt Nam cũng nên hiểu rõ về bài học lịch sử có tầm ảnh hưởng đến dân tộc và đất nước này có mối tương quan đến Phật giáo Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện tại này. Hay nói cách khác, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc.

Với 65 năm trụ thế, có tới 47 năm Ngài ở tại đất Khánh Hoà và 18 năm hoằng hoá tại Miền Nam. Qua huân tu công đức, nhập thất, khổ hạnh, hành cước hoằng hóa của Ngài, thật đáng ngưỡng mộ. Đặc biệt cái chết của Ngài, hình ảnh một bậc Thiền sư an nhiên nhập định trong ánh lửa thật bi hùng. Nó tạo nên một hiệu ứng siêu lốc, cuồng xoáy đi tất cả bạo lực, hận thù; đẩy lùi đi bóng tối của tham lam, cừu hận và si mê; nâng cao tinh thần bất bạo động, đem lại tình yêu thương huynh đệ, chung sống trong khối đoàn kết của đồng bào Việt Nam.

Khâm phục, kính trọng trước hành động tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức, nhiều thi sỹ, văn nhân đã không ngớt lời ca ngợi, tiêu biểu như:

“Vị pháp vong thân vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt;

Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà.”²¹

“Thật phi thường, có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hoà thượng Thích Quảng Đức.”²²

Hình tượng Bồ tát vì đại nguyện mà hi sinh ấy một lần nữa khắc hoạ hình bóng Bồ tát điem nhiên thiên toạ trong biển lửa 1963. Không chỉ một Bồ tát Quảng Đức ngồi trong

苦; 令諸眾生, 畢竟大樂。

21. Câu đối cụ Hồ Chí Minh tưởng niệm khi Bồ tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân năm 1963

22. Phong Trào Phật giáo Miền Nam năm 1963, Giáo Trình “Lịch sử Việt Nam hiện đại” ở bậc Đại học và Cao đẳng, GS. Trần Văn Giàu

lửa hồng làm cho cả thế giới tâm phục, mà tiếp đó còn có tới 7 vị thiêu thân, và nhiều Phật giáo đồ khác đã có những hành động như chặt tay, đốt tay để thể hiện ý chí quyết tâm cúng dường để bảo vệ Phật pháp.

Như vậy, không chỉ đơn thuần là giai thoại cổ tích, mà là câu chuyện lịch sử hiện thực được diễn ra đầy trực quan sinh động. Chỉ riêng Khánh Hoà, cũng đã có tới 4 vị pháp thiêu thân như: Bồ tát Quảng Đức, Ni sư Diệu Quang, Ni sư Thông Huệ và Phật tử Yến Phi.

Đọc những trang sử hùng tráng này của Phật giáo Việt Nam trong thời cận đại, chúng ta không khỏi xúc động, cảm xúc trào dâng bất tận, thật tự hào và kiêu hãnh cho những gì mà các bậc tiền nhân Phật giáo đã hi sinh và để lại một sự nghiệp cao cả cho Đạo pháp, và cho cả quê hương Việt Nam thân yêu này.

*“Trang sử Phật cũng là trang sử Việt
Trải bao độ hưng suy,
Có nguy nhưng chẳng mất.”²³*

Đất nước và dân tộc ta đã phải trải qua hơn ngàn năm nô lệ giặc Tàu trong quá khứ, và gần 150 năm đã phải oằn mình chịu đựng cả 2 cuộc chiến tranh bom đạn khốc liệt trong thời cận đại. Chiến tranh lửa đạn giày xéo, gieo rắc TĂNG TỐC đau thương cho quê hương Việt Nam đã qua đi. Giờ này, các thế hệ con dân và Tăng tín đồ Phật giáo chúng ta không thể không ghi nhớ đến chư vị tiền bối đã nằm xuống, lấy xương trắng máu đào, để định hướng cho ý chí dân tộc, chấm dứt chiến tranh hận thù và hoà giải dân tộc, hướng đến xây dựng đất nước hoà bình và thịnh vượng như ngày nay.

Sự hi sinh của Bồ tát Quảng Đức cho Đạo pháp trường tồn, cho Đất nước thái bình. Điều đó đã là một minh chứng, cho thấy Công đức và hạnh nguyện của Bồ tát Thích Quảng Đức đối với Đạo pháp và Dân tộc Việt Nam to lớn biết dường nào!○

23. Nhà thơ Hồ Dzếnh

BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

QUA BẢN “HỘ GIỚI ĐIỆP” GIỚI ĐÀN CHÙA KIM LONG NĂM 1942

Không Nhiên

Trước khi rời Khánh Hòa vào Gia Định hoàng pháp, từ năm 1945 trở về trước, Bồ tát Thích Quảng Đức chủ yếu hoạt động Phật sự tại Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ, đặc biệt là tại địa bàn các huyện Ninh Hòa và Vạn Ninh. Những Phật sự nổi bật của ngài trong giai đoạn này có thể kể đến như khai sáng tự vũ, trùng tu cổ sát, đảm nhận Chứng minh Đạo sư Chi hội Phật học Ninh Hòa năm 1936, sát cánh cùng chư sơn tích cực tham gia hoàng pháp tại địa phương nhằm tiếp tăng độ chúng, hoằng pháp lợi sanh. Đáng chú ý, với uy tín và đạo hạnh của mình, ngài luôn được chư sơn tín nhiệm cung thỉnh vào hội đồng thập sư của nhiều Giới đàn để truyền trao giới pháp cho các hàng hậu học.

Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một văn bản quý hiện được lưu giữ tại chùa Bích Liên, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định có liên quan đến một trong những hoạt động Phật sự quan trọng của Bồ tát Thích Quảng Đức khi ngài còn hoằng pháp tại quê nhà. Đó là bản Hộ giới điệp⁽¹⁾ thuộc Giới đàn chùa Kim Long⁽²⁾, tỉnh Khánh Hòa năm 1942, mà trong Đại giới đàn này Bồ tát Thích Quảng Đức được cung thỉnh vào ngôi vị Yết-ma Hòa thượng.

Bản Hộ giới điệp được in trên giấy xuyên chỉ từ một bản khắc gỗ, có kích thước 120cm x 60cm, tình trạng tương đối xuống cấp với nhiều chỗ mực nát đã được bồi dán lại, nhưng rất may chúng không ảnh hưởng nhiều đến nội dung toàn văn bản.

Về hình thức và nội dung, Hộ giới điệp chùa Kim Long cơ bản vẫn thông nhất với biểu mẫu Hộ giới điệp vốn được lưu hành phổ biến tại Đàng Trong kể từ thời



các chúa Nguyễn: Diềm bốn phía đều được chạm trang trí hình “bát long hí cầu 八龍戲球” (tám con rồng vui đùa cầu lửa trong mây), lòng ván khắc nội dung văn bản. Riêng phần nội dung, phía trên cùng có kẻ ô nhỏ khắc tiêu đề “Hộ Giới Điệp 護戒牒” bằng 3 chữ Hán đại tự theo hàng ngang, phần lòng ván còn lại dành khắc toàn văn nội dung. Nội dung của Hộ giới điệp có thể được chia làm 6 phần như sau: ^[1] Tôn danh của Đại giới đàn; ^[2] Lịch sử khởi nguyên của Đại giới đàn và địa điểm tổ chức Đại giới đàn hiện tại; ^[3] Lý lịch xuất thân của giới tử đăng ký thọ Tam đàn Cụ túc giới; ^[4] Tôn danh Hội đồng Thập sư truyền giới; ^[5] Thời gian tổ chức Đại giới đàn; ^[6] Phương danh của giới tử được cấp Hộ giới điệp.

Về tôn danh Đại giới đàn: Giới đàn này được tổ chức tại chùa Kim Long, lấy tên chùa đặt tên cho Đại giới đàn nên có tên chung là “Kim Long tự Giới đàn 金隆寺戒壇”. Có một số trường hợp người ta sử dụng tôn hiệu các vị tổ sư hoặc một số mỹ hiệu như Hộ Quốc, Tăng Cang... để đặt tên cho giới đàn, theo đó địa điểm tổ chức và tôn hiệu giới đàn không hoàn toàn trùng khít nhau.

Về lịch sử khởi nguyên của Đại giới đàn: Văn bản cho biết, Đại giới đàn lần đầu tiên được tổ chức tại chùa Tịnh Nghiệp ở kinh đô Trường An vào năm Lân Đức thứ 2 [665] đời Đường, do Luật sư Đạo Tuyên ở Chung Nam Sơn phụng chiếu vua Đường Cao Tông (628-683) kiến lập. Trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh - triều đại nào cũng được các vua quan, đại thần gia tâm hộ trì tổ chức nhằm tiếp tăng độ chúng, kẻ vắng khai lai. Đến đời nhà Thanh, tại xứ Đàng Trong của Đại Việt, Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu sau khi lên ngôi [1690] đã không quên lời Phật phó chúc, dốc hết tâm lực hộ trì Chánh pháp, bèn phái Hòa thượng Nguyên Thiều mang thư có đóng dấu ngọc tỳ sang tận trường Thọ Am ở Quảng Đông thiết tha cầu thỉnh Hòa thượng Thạch Liêm Đại Sán sang xứ Đàng Trong kiến lập giới đàn truyền thọ Tam đàn Đại giới. Theo đó, Giới đàn năm 1695 được Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu tổ chức tại chùa Thiên Lâm ở kinh đô Thuận Hóa, do Hòa thượng Thạch Liêm Đại Sán làm Đàn đầu chính là Đại giới đàn đầu tiên

được khai lập tại xứ Đàng Trong của Đại Việt. Trong Giới đàn này, đích thân Quốc chúa ngự giá tham dự và đóng dấu ngọc tỳ vào các Hộ giới điệp ban cấp cho các giới tử. Các tăng sĩ khi được cấp Hộ giới điệp này đều được miễn trừ xâu thuế, được tự do lưu hành khắp nơi để tham phương học đạo mà không bị sách nhiễu hay cản trở bởi quan viên trấn giữ biên ải, cửa sông, cửa bể. Tuân theo giới luật đã định, nay chùa Kim Long ở xã Phú Hòa, tổng Hiệp Trung, phủ Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tổ chức Đại giới đàn nhằm tiếp nối truyền thống, truyền trao Tam đàn Cụ túc giới cho các giới tử.

Giới tử đăng ký thọ Tam đàn Cụ túc (theo Điệp đàn mà chúng tôi đang khảo) là thanh mai Thích tử Lê Nghinh (tức Lê Thái Hưng) pháp danh Ngọc Liên⁽³⁾, tự Tịnh Ý, người tổng Háo Đức Thượng, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hội đồng thập sư truyền giới gồm có:

- Tái thí⁽⁴⁾ Đường đầu Hòa thượng: Hòa thượng đời Lâm Tế thứ 42⁽⁵⁾, húy Ngô Tánh tự Hưng Long hiệu Phước Huệ, Tăng cang chùa Sắc tứ Báo Quốc, Huế.

- Yết-ma A-xà-lê: Hòa thượng Thị Thủy Quảng Đức⁽⁶⁾

- Giáo thọ A-xà-lê: Hòa thượng Thị Hán Nhơn Thọ⁽⁷⁾

- Đệ nhất Tôn chúng: Đại sư Chánh Hạnh

- Đệ nhị Tôn chúng: Đại sư Chánh Hóa

- Đệ tam Tôn chúng: Đại sư Xuân Thành⁽⁸⁾

- Đệ tứ Tôn chúng: Đại sư Từ Hiếu

- Đệ ngũ Tôn chúng: Đại sư Từ Hóa

- Đệ lục Tôn chúng: Đại sư Từ Hạnh

- Đệ thất Tôn chúng: Đại sư Hạnh Giác⁽⁹⁾.

- Dẫn thỉnh: Đại sư Thiện Hạnh, Đại sư Hạnh Hải⁽¹⁰⁾, Đại sư Ân Tâm, Đại sư Từ Vân.

Thời gian tổ chức: Giới đàn chùa Kim Long được tổ chức vào ngày 10 tháng 4 năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Bảo Đại thứ 17 [1942].

Giới tử được cấp Hộ giới điệp: Thích tử Lê Nghinh (tức Lê Thái Hưng) pháp danh Ngọc Liên, tự Tịnh Ý, là đệ tử của Hòa thượng Trí Hải chùa Sắc tứ Bích Liên, Bình Định.

Về tôn xưng “Yết-ma Hòa thượng” của Bồ tát Thích Quảng Đức, chúng ta từng bắt gặp được ghi trên đơn trình của chùa Linh Sơn đề ngày 10 tháng 01 năm Bảo Đại thứ 16 [1941], do chính ngài đứng tên với tư cách trú trì chùa Linh Sơn gửi huyện đường Vạn Ninh trình tâu việc: xin phép được cho mượn ruộng chùa Linh Sơn để lấy tiền trùng tu ngôi cổ tự này. Dòng đầu văn bản ghi: “Tông phái sắc tứ chùa cổ tích Linh Sơn tại xã Hiền Lương, tổng Phước Tường Nội, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Lâm Văn Tuất Yết-ma Hòa thượng sung Kiềm tăng hiệu Quảng Đức kính trình, mong được ân phê làm bằng sự việc như sau...”⁽¹¹⁾.

Như chúng ta đã biết, Bồ-tát Thích Quảng Đức chính thức về trú trì chùa cổ Linh Sơn năm 1940, qua năm sau, năm 1941 ngài đã đứng đơn gửi đến huyện đường Vạn Ninh đề trình bày sự việc như trên. Đến năm 1942, ngài được cung thỉnh làm Yết-ma Hòa thượng của Đại giới đàn chùa Kim Long như nội dung bản Hộ giới điệp cho biết. Đáng chú ý, cả đơn trình của chùa Linh Sơn năm 1941 lẫn Hộ giới điệp chùa Kim Long năm 1942 đều ghi tôn danh của ngài là “Yết-ma Hòa thượng” hoặc “Yết-ma A-xà-lê Quảng Đức Hòa thượng” chứ không chỉ là Yết-ma A-xà-lê. Chiếu theo truyền thống sinh hoạt của sơn môn đương thời, một vị tăng chỉ được tôn xưng là Hòa thượng khi vị đó được sơn môn cung thỉnh làm Đường đầu truyền giới của một Đại giới đàn nào đó. Vậy phải chăng, trước năm 1940, với uy tín và đạo hạnh của một bậc Kiềm tăng Phật giáo Khánh Hòa, Bồ tát Thích Quảng Đức đã từng được sơn môn cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng của Đại giới đàn? Và đó là Đại giới đàn năm nào, được tổ chức ở đâu? Vấn đề này rất cần được tiếp tục quan tâm nghiên cứu, làm rõ qua các nguồn tư liệu khả tín được phát hiện sau này.

Cũng qua văn bản Hộ giới điệp nói trên chúng ta thấy, giữa Bồ-tát Thích Quảng Đức và cố Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ (trụ trì chùa Hải Đức (Nha Trang), khai sơn chùa Hải Đức (Huế) có một mối nhân duyên khá đặc biệt, mặc dù niên tuế của hai ngài cách nhau hơn một thế hệ (Hòa thượng Phước Huệ sinh năm 1875; Bồ tát

Quảng Đức sinh năm 1898). Cụ thể, tiểu sử của Bồ-tát Thích Quảng Đức cho biết, vào năm 1932, sau khi Hội An Nam Phật học ra đời, chính Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ đã đến tận chùa Thiên Ân để thăm hỏi và mời ngài về làm Chứng minh Đạo sư cho Chi hội Phật giáo Ninh Hòa, rồi sau đó đảm nhận Kiềm Tăng của Phật giáo Khánh Hòa. Và 10 năm sau, tại Giới đàn chùa Kim Long năm 1942, trong khi Đại lão Hòa thượng Thích Phước Huệ được chư sơn cung thỉnh tái thí Đường đầu Hòa thượng truyền giới thì Bồ-tát Thích Quảng Đức lại được cung thỉnh làm Yết-ma Hòa thượng của Đại giới đàn này.

Mối nhân duyên ấy có lẽ được khởi nguồn từ năm 1925, khi Bồ-tát Thích Quảng Đức đến chùa Thiên Bửu thượng (thôn Diêm Tịnh, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa) tham học với Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường, rồi về sau đắc pháp với Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường và được ban pháp hiệu là Nhơn Tri. Điều đó có nghĩa, mặc dù Bồ-tát Thích Quảng Đức xuất gia với Hòa thượng Hoàng Thâm, được ban pháp danh Thị Thủy thuộc đời Lâm Tế 42 theo kệ phái Chúc Thánh, nhưng sau khi đắc pháp với Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường thì ngài cũng thuộc tông môn chùa Thiên Bửu. Chùa Thiên Bửu thượng và chùa Thiên Bửu hạ (thôn Bình Thành, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa) đều do Tổ Tế Hiển - Bửu Dương khai sơn, và cũng là chôn tổ của Hòa thượng Ngô Tánh - Phước Huệ. Bởi rằng, Hòa thượng Ngô Tánh - Phước Huệ là đệ tử của ngài Đạt Khương - Viên Giác, tổ khai sơn chùa Hải Đức (Nha Trang); ngài Đạt Khương - Viên Giác lại là đệ tử của ngài Liễu Đức - Huệ Giáo, tổ khai sơn chùa Thiên Đức (Hòn Khói, Ninh Hòa) và trú trì chùa Thiên Bửu hạ; theo pháp quyền hiện lưu tại chùa Hải Đức (Huế) thì ngài Liễu Đức - Huệ Giáo là đệ tử của ngài Tế Hiển Bửu Dương. Vậy rất có thể, Tổ Tế Hiển - Bửu Dương đã truyền xuống cho đệ tử theo cả 2 dòng kệ: theo kệ phái Liễu Quán thì Tổ truyền xuống ngài Đại Trì - Phước Khánh (kê thế trú trì chùa Thiên Bửu thượng); theo kệ phái Tổ Định Tuyết Phong thì Tổ truyền xuống các ngài Liễu Bửu - Huệ Thân và Liễu Đức - Huệ Giáo (trú trì chùa Thiên Bửu hạ).

Sự gắn bó của Hòa thượng Ngô Tánh - Phước Huệ với chùa Thiên Bửu còn được minh xác rõ hơn qua việc vào năm 1951, ngài đã đến hạt Ninh Hòa chung sức với Hòa thượng Ngô Hương - Phổ Nhân vận động trùng tu chùa Thiên Bửu hạ, rồi sau đó vận động tông môn nhượng cúng chùa Thiên Bửu hạ cho Sơn môn Tăng-già Ninh Hòa đặt làm trụ sở hoàng pháp. Có lẽ xuất phát sự cảm phục về đạo hạnh của vị cao tăng trong những năm tháng học đạo và huân tu tại tổ đình Thiên Bửu, nên khi biết Bồ tát Quảng Đức đang nhập thất tại chùa Thiên Ân, Hòa thượng Ngô Tánh - Phước Huệ đã đến tận nơi thăm hỏi và mời ngài về làm Chứng minh Đạo sư cho Chi hội Phật giáo Ninh Hòa, rồi sau đó sơn môn đã cung cử ngài đảm nhận chức Kiểm tăng của Phật giáo Khánh Hòa như tiêu sử của ngài đã ghi. ○

Chú thích:

(1). Cám ơn Thượng tọa Thích Như Tịnh đã cung cấp ảnh bản của bản “Hộ giới điệp” này.

(2). Chùa Kim Long là một ngôi cổ tự tọa lạc tại thôn Phú Hòa, xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa hiện nay, cách trung tâm thị xã Ninh Hòa khoảng 4km về hướng Tây Nam. Chùa do Hòa thượng Ấn Hải Huệ Pháp khai sơn khoảng năm 1801 triều Gia Long.

(3). Pháp danh “Ngọc Liên” của giới tử Lê Thái Hưng được truyền xuống theo kệ phái chùa Bích Liên (Bình Định) do Hòa thượng Chơn Giám Trí Hải (1876-1950) biệt xuất. Nội dung bài kệ gồm 40 chữ như sau:

Chơn Ngọc Hồng Sơn Chiếu
Trùng Châu Bích Hải Viên
Lý Minh Trí Tánh Diệu
Trí Mật Ngộ Tâm Huyền
Tịch Duyên Hoài Túy Liễu
Lạc Quốc Ngự Kim Liên
Thánh Cảnh Quy Lai Nhật
Tông Phong Chấn Cổ Truyền.

Hòa thượng Trí Hải thế danh Nguyễn Trọng Khải, sinh năm Bính Tý [1876], pháp danh Chơn Giám, tự Đạo Quang, hiệu Trí Hải, là Chủ bút tạp chí Từ Bi Âm (năm 1932), khai sơn chùa Bích Liên (năm 1934) tại quê nhà làng Háo Đức, phủ An Nhơn (nay là ấp Háo Đức, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định). Ngài thuộc đời Lâm Tế thứ 40, đồng thời là đời thứ nhất theo kệ phái do chính ngài biệt xuất. Và theo đó, đệ tử ngài có pháp danh “Ngọc Liên”, tức thuộc đời thứ 2 theo kệ phái Bích Liên, đời thứ 41 tông Lâm Tế.

(4). “Tái thí Đường đầu Hòa thượng”: Năm Giáp

Tý [1924], Hòa thượng Ngô Tánh Phước Huệ được chư sơn tỉnh Khánh Hòa cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng sau khi ngài từ Huế trở vào Nha Trang trùng tu chốn tổ Hải Đức và sinh hoạt Phật sự tại đây. Năm 1940, Giáo hội Tăng-già Quảng Trị thỉnh ngài làm Đường đầu Hòa thượng tại Giới đàn Sắc tứ Tịnh Quang sau khi ngài vận động trùng tu ngôi tổ đình này. Có lẽ vì vậy nên khi ngài được cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng tại Giới đàn chùa Kim Long năm 1942, Hộ giới điệp ghi tôn danh ngài là “Tái thí Đường đầu Hòa thượng”. Về sau, vào năm 1951, sau khi cùng ngài Ngô Hương Phổ Nhân vận động trùng tu chùa Thiên Bửu hạ hoàn thành, lần thứ tư ngài được Giáo hội Ninh Hòa cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng tại Giới đàn chùa Thiên Bửu.

(5). Hòa thượng Phước Huệ xuất gia với ngài Đạt Khương Viên Giác chùa Hải Đức (Nha Trang), được ban pháp danh Ngô Tánh, tự Hưng Long, thuộc đời Lâm Tế thứ 39 (theo kệ phái Tổ Đình Tuyết Phong), nhưng về sau ngài đắc pháp với Hòa thượng Thanh Minh Tâm Truyền chùa Báo Quốc (Huế) được ban pháp hiệu Phước Huệ. Ngài Thanh Minh Tâm Truyền thuộc đời Lâm Tế thứ 41 (tính theo kệ phái Liễu Quán), do vậy vẫn bản thường ghi Hòa thượng Ngô Tánh Phước Huệ thuộc đời Lâm Tế thứ 42.

(6). Bồ tát Thích Quảng Đức xuất gia tu học với Hòa thượng Hoàng Thâm, được ban pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp, thuộc đời Lâm Tế thứ 42 theo kệ phái Chúc Thánh. Về sau ngài theo học và đắc pháp với Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường, được ban pháp hiệu là Nhơn Trí (theo long vị của ngài hiện thờ tại tổ đường chùa Thiên Bửu thượng).

(7). Tức Hòa thượng Thị Hán Hạnh An Nhơn Thọ, trú trì chùa Long Sơn, huyện Vạn Ninh, ngài là huynh đệ với Bồ tát Quảng Đức.

(8). Tức Hòa thượng Thủ Thiên Xuân Thành, trú trì chùa Hồ Sơn, Tuy Hòa, Phú Yên.

(9). Tức Hòa thượng Tâm Bình Thiện Đăng Hạnh Giác, trú trì chùa Thiên Quang, Diên Khánh, Khánh Hòa.

(10). Tức Hòa thượng Tâm Phước Hạnh Hải, trú trì chùa Thiên Bửu hạ, Ninh Hòa.

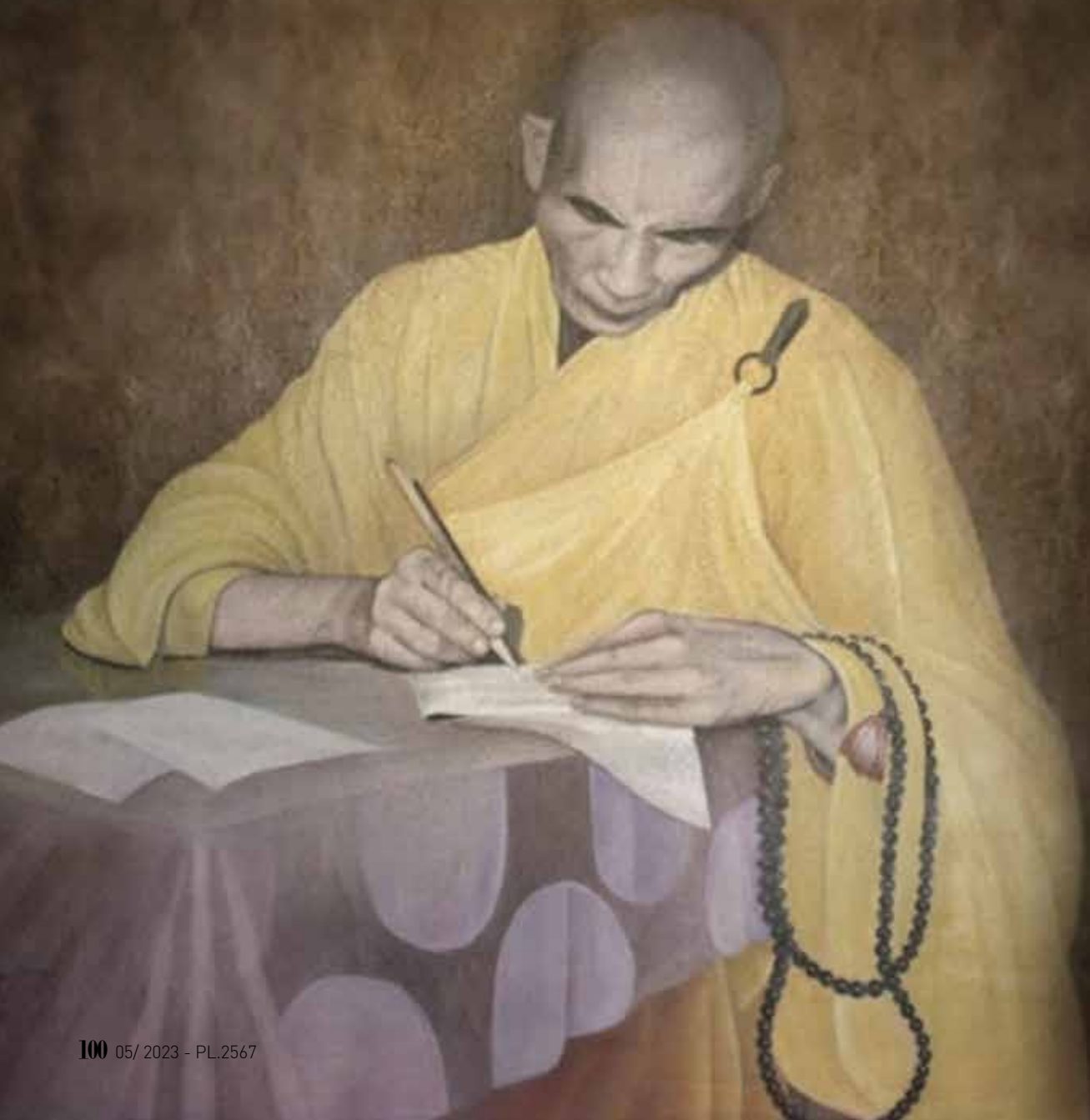
(11). Dẫn theo: Lê Mạnh Thát (Chủ biên), Bồ-tát Thích Quảng Đức - Ngọn lửa và trái tim, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 53-54.

Chú thích ảnh:

“Hộ giới điệp” Đại giới đàn chùa Kim Long (Ninh Hòa) năm Báo Đại thứ 17 [1942], cấp cho giới tử Lê Thái Hưng, pháp danh Ngọc Liên, tự Tịnh Ý - đệ tử Hòa thượng Chơn Giám Trí Hải chùa Sắc tứ Bích Liên, Bình Định - Ảnh: Thích Như Tịnh

Ngàn Đời **SÁNG NGỒI MẬT HẠNH**

Thích Tâm Tôn



Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, điều thứ tám của bậc Đại Nhân Bồ Tát giác ngộ đó là: *“Sanh tử xí nhiên. Khổ não vô lượng, phát đại thừa tâm, phở tế nhất thiết, nguyện đại chúng sanh, thọ vô lượng khổ, linh chư chúng sanh, tất cánh an lạc”*. Đại ý là: *“Ngọn lửa sanh tử/ bốc cháy hừng hực/ thống khổ vô biên/ phát tâm đại thừa/ độ cho tất cả/ nguyện thay chúng sanh/ chịu vô lượng khổ/ khiến cho muôn loài/ hoàn toàn đạt tới/ niềm vui vẹn toàn”*. Bậc Bồ tát luôn ngộ với đời sống để sống tỉnh với từng biểu hiện trong hạnh nguyện. Đó là sự khác biệt với kẻ còn mê về đời sống để rồi bị sống lầm mãi trong từng biểu hiện mà Bùi Giáng gọi là: *“Người điên, cái bóng cũng điên/ Người khùng, cái mộng oan khiên cũng khùng”*.

Bồ Tát Thích Quảng Đức đã đi vào cuộc đời hiện thực như thế nào mà được lịch sử ghi nhận kỳ vĩ đến thế? Câu trả lời chắc chắn đó là: Một vị hành giả nuôi đủ “Bồ đề tâm” trong hành trì mật hạnh đại thừa được kiểm chứng thông qua rất nhiều điều sáng ngời cụ thể biểu hiện qua cuộc đời Ngài.

Cuộc đời vốn dĩ ồn ào và náo nhuyên, phần lớn đối xử những vốn dĩ đó theo tựa như bản chất của chính cuộc đời chứ chưa hơn được. Điều hy hữu nhất trong tất cả những gì hy hữu là sự xuất hiện của những mật hạnh vượt tầm náo nhuyên trong muôn ngàn tác động bởi những thứ tạp âm. Sự nghịch lý của cuộc đời hiện hữu, tạo ra những dòng nghịch kiến. Trong “nghịch kiến” có hai dòng sống lộ diện. Một là sống hỗn loạn ồn ào rồi chết và liền bị xóa dấu bởi quên lãng, hai là sống nhận ra con đường để đi trong thâm trầm định tĩnh nhưng cứ mãi lan tỏa sức sống cho đời. Ở nơi Bồ Tát, nếu quán sát kỹ thì có thể thấy rõ Ngài đi qua một cuộc đời dù phong ba thế nào cũng giữ tánh hạnh sâu lắng, thâm lặng, định tĩnh trong hành trạng, để rồi tự tại vượt ra khỏi những nghịch kiến cuộc đời ồn ào hỗn loạn. Nét một du tăng kiêu của Ngài “non cao, bề thẳm, dặm phong trần”. Bước chân âm thầm của Ngài trong dáng dấp vị hành giả

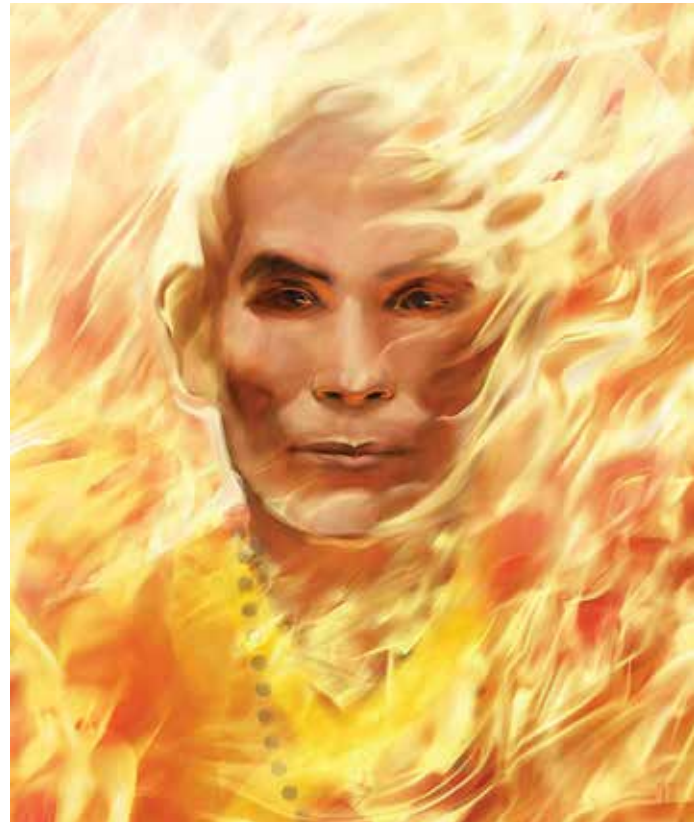
đã quá vững chãi trên hành trình bốn ba hành đạo khắp nơi, cho đến đoạn cuối của những bước chân ấy vẫn vậy mà khoan thai đây nội lực để rời khỏi cỗ xe phượng tiện của cuộc đời và ngời tịnh lặng giữa bao nhiêu sự hỗn loạn của thời cuộc nơi phố xá, cuối cùng bùng sinh ngọn lửa Kim Cang tỏa sáng đến lạ lùng. Phong thái an nhiên sáng bừng hơn cả ngọc trong ngọn lửa phước triền tàn nhẫn như thế, chỉ có nơi phong thái của người đã đi qua bao lần không chết giữa phong ba sấm sét nhiều phiền. Và chỉ những ai đi qua bao lần không chết trong những gì gọi là khói lửa nhất của cuộc đời này rồi mới có được sự an nhiên lòng lộng đến lạ kỳ như thế. Tựa như, khi thế giới bên ngoài càng tán thì sức mạnh của định lực càng trở nên tụ. Sự im lặng của định lực nơi Ngài là sự im lặng của “Sấm nổ” làm vỡ tung mọi thứ nhưng không gì có thể phá vỡ được nó. Đó là tinh thần “Vô sở trụ”... “Sanh kỳ tâm” của kinh Kim Cang (Vajracchedika Sutra)- một bản kinh truyền thống trong tinh thần thiền học Việt Nam. Vô úy là con đường của tất cả Bồ Tát đi qua. Đó là phong thái đi giữa cuộc thế biến động mà vẫn thể hiện trong Vô Úy Ấn. Phong thái của bậc có đủ sức mạnh của Vô Úy Ấn luôn thân nhiên mỉm cười nhìn thẳng vào tất cả sự khùng khiếp giữa cuộc đời mà không tỏ nét sợ hãi, vì ý thức rằng mình không thể bắt lực đồng lõa với những gì đang diễn biến.

Hòa thượng Trí Quang có nói về Bồ Tát: *“Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trụ trì chùa Phước Hòa, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Pháp Hoa... Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hàng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân Tỳ-kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được ý nguyện và bản di chúc ấy. Bản di chúc ấy bình dị, chân thành, quan trọng nhất là*

ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ-tát của Ngài. Không oán trách đến cả ông Diệm, Ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt... Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gấn một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Bức ảnh này được giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến khi lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thế cúi chào Tăng Ni, Phật tử, rồi nhẹ nhàng bước giữa người ra. Ngài tự thiêu mấy hôm rồi tôi mới vào Sài Gòn. Tình trạng khi Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu”.

Ở nơi Ngài, nếu thấy ồn ào thì chỉ thấy một sự ồn ào duy nhất đó là thể tính thiêng liêng. Đó là sự ồn ào của một con người quen sống với im lặng. Và sức mạnh im lặng ở đây khi bắt đầu cất lên tiếng nói thì đó là tiếng nói của những điều vì sự lợi lạc của số đông, vì đó là tình yêu thương duy nhất còn đọng lại trong trái tim của hành giả Chánh Đăng Giác: *“Này các Tỳ Kheo! Một con người phi thường xuất hiện trong cuộc đời này, nhất định, chỉ vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và loài người”*- (Chương Một Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh). Chứ không giống tiếng chim hót thánh thót thật hay ven đường giữa chiều tà hoang vắng, quá lắm chỉ vô tình làm vui đi cảm giác nỗi buồn cô liêu nơi lữ khách qua đường trong khoảnh khắc vân du.

Quả thật, đỉnh siêu tuyệt khí tiết thiên học trong bài thơ Thị Tịch của thiền sư Ngô Ấn thời Lý ở thế kỷ 11 đã thể hiện tất cả nơi Bồ tát: *“Diệu Tĩnh hư vô bất khả phân,*



Hư vô tâm ngộ đắc hà nan. Ngọc phân sơn thượng sắc thường nhuận, Liên phát lô trung thấp vị can”; được Nguyễn Duy dịch thơ: *“Rỗng không diệu tính khó rời, khi lòng rỗng mới hiểu đời rỗng không. Ngọc thiêu trên núi càng trong, Hoa sen giữa lửa sắc hồng vẫn tươi”*.

Quá sáng tỏ, một hiện thực hóa cho tinh thần khai phóng của thiền sư Ngô Ấn nói riêng và của thiền học Việt Nam nói chung đã minh chứng quá sinh động thông qua những gì Bồ tát Quảng Đức đã làm. Ở đây cần phải ý thức hết sức tích cực, giá trị đích thực phải được nhận ra sức sống hiện thực ở sự hy sinh của một vị Bồ tát giáo dục gì cho hậu thế chớ không phải chỉ là kỷ niệm, hay đưa ra những kỷ vật khô cứng để rồi tất cả con người đều trở thành những đồ vật chết khô không khác. Và những hiện thực sức mạnh mà Bồ tát mang đến từ ngọn lửa nhiệt huyết ấy, đã hiện sinh một Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn sau những năm 1963 và đầu những năm 1970 thể hiện rất xứng đáng trong vai trò của mình.

Có ba cái thùng được làm chất liệu và hình dáng như nhau. Thùng chứa nước thì gọi là thùng nước, thùng chứa rượu gọi là thùng rượu, thùng đựng tương thì gọi là thùng tương. Như vậy, những gì của cuộc đời bên ngoài chỉ là cái vỏ, tâm lượng bên trong cư xử như thế nào với cuộc đời mới là chất liệu giá trị nội hàm. Đó là sự khác biệt giữa những hiện hữu trong cộng đồng sống “Ngũ thú tạp cư địa” này. Còn trong cảnh khó phân “phàm thánh đồng cư”, nếu không nhận ra hình ảnh Thường Bất Khinh Bồ Tát trong Kinh Pháp Hoa thì ít ra cũng có thể nhận thức được sự khác biệt ở những cách ứng xử nào của bậc thiện trí với của kẻ khù khờ.

Điểm sáng ở đây với trái tim bất diệt là một hiện tượng thông qua cả một tiến trình thực hành hạnh nguyện phi thường với đủ điều kiện của một hành giả trong dòng chảy của tâm đại thừa, hay một Thánh giả đại thừa. Một điều gọi là hiện tượng đặc biệt khi hiện thực xảy ra đặc biệt sáng tỏ rõ ràng để mang lại sức sống gì đó trong dòng tương tác, sẽ khác biệt rất lớn với những điều đặc biệt xảy ra nhưng vẫn mãi nằm trong khoảng trống mê mông của sự kỳ lạ mà chẳng mang lại điều gì cho dòng sống hiện thực. Như vậy, cuối cùng dù có kỳ lạ đến thế nào đi chăng nữa, thông qua đó một sự sáng tỏ nào đó về thể lý phải được giải quyết.

Hai chữ “thời cuộc” có khi quá lớn trong khi đầu đó chung quanh ta còn những điều nhỏ nhặt xảy ra mà có khi định đoạt cho cả cái gọi là thành bại của cuộc đời. Câu chuyện vị thiên sư hằng ngày ngồi tu dưới gốc cây, lâu ngày có hai con chiến chiến lột ổ trên nhánh cây bên tai. Lúc đầu nghe vợ chồng chiến chiến ríu rít rôm rả thấy vui. Lâu rồi nghe vợ chồng chiến chiến sớm hôm cứ cãi vả lớn tiếng to mồm với nhau. Vị thiên sư dần dần thấy phiền vì không có không gian tịnh niệm. Trong lúc phiền lòng, thiên sư lấy chiếc tổ của vợ chồng chiến chiến vứt đi. Đồng nghĩa, bao năm tháng thiên tập, bao lý tưởng đắc thiên tiêu tan đầu cả. Cuộc đời này là thế, nếu tâm biến động thì hành

động có thể tan biến giữa hồng trần đọa lạc.

Một con người có hạnh nguyện thật sự luôn tin tưởng vào khả năng cải thiện con người, cải tiến xã hội, đầu hoàn cảnh hiện tại thật sự có tội tệ và bi đát thế nào. Điều đó tương ứng vào hai niềm tin: Tin vào trách nhiệm đánh thức sự đen tối của tâm hồn và khả năng phục hồi thần diệu của những gì bị tàn phá do những tâm hồn mông muội gây ra. Năm 2016, dưới thời Tổng thống Mỹ Barack Obama, bảo tàng quốc gia Smithsonian về lịch sử và văn hóa gốc Phi tại Washington DC mở cửa được xem như là công trình kiến trúc đặc sắc mang dấu ấn của vị tổng thống da màu đương nhiệm. Nhưng có rất nhiều người xem đó là ý tưởng khơi gợi từ lịch sử phong trào đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của Martin Luther King, mà rõ ràng nhất là chính ông đã đọc bài diễn văn tại nơi vị trí của bảo tàng này vào năm 1963 làm chấn động cả nước Mỹ lúc bấy giờ. Trở lại, Phật giáo Việt Nam sáng sủa như thế nào với hôm nay, chắc chắn đó là một phản ánh sáng rất lớn từ đóa sen hồng thiêng liêng của Bồ Tát cách đây 60 năm vậy.

Có thể với công trạng của Bồ Tát, thế hệ sau ở nhiều nơi đã thiết trí và tôn vinh hết sức tốt. Nhưng nếu nhìn trở về thực tế một nơi hết sức quan trọng, đó là ngay quê hương của Bồ Tát thì còn thiếu những công trình tưởng niệm và tôn vinh Ngài. Đặc biệt, ngôi Tổ đường - nơi Bồ tát chào đời, hiện có hương án thờ Bồ tát và song thân của Ngài trông khá giản dị đơn sơ, mà hoàn toàn có thể làm tốt hơn.

Cuối cùng, với tinh thần tiến bộ của Phật giáo, những chuyên biến gì dù có bi ai đến đâu cũng cần vượt qua, những trở trở hoài niệm ám ảnh như là bi kịch mà thân phận của mình đã trải qua cũng cần phải đặt xuống, cho những điều tốt đẹp được khơi dậy trong đau thương được nuôi dưỡng, để thăng hoa cho đời sống hiện tại và hướng đến tương lai. ○

Cà Sa

VƯƠNG KHỎI

(Pháp nạn năm 1963 tại Nha Trang)¹

NNC. Nhất Nguyên

Pháp nạn Phật giáo Việt Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm xuất phát từ việc chính phủ, đúng ra là mật lệnh của Giám mục Ngô Đình Thục, bào huynh của ông Diệm, cấm treo cờ Phật giáo trong dịp lễ Phật đản 8-5-1963 tại Huế đến ngày cách mạng thành công 1-11-1963 tại Sài Gòn. Trong 6 tháng Pháp nạn đó đã diễn ra biết bao cảnh tượng bi thương, bi kịch, bi tráng, bi hùng khắp cả miền Nam Việt Nam, đặc biệt là ở Nha Trang, nơi tác giả tuy tuổi vị thành niên nhưng là chứng nhân với những vụ dẫn thân biểu tình, phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo.



Đoàn biểu tình trước dinh Tỉnh trưởng (nay là UBND tỉnh Khánh Hòa trên đường Trần Phú)

I. NHỮNG TÁC NHÂN THỨC ĐẨY CAO TRÀO ĐẤU TRANH NGÀY THÊM SÔI ĐỘNG

Phải nói là ý chí đấu tranh đòi quyền bình đẳng tôn giáo với chính quyền Ngô Đình Diệm cùng với tinh thần hy sinh vì Đạo pháp của Tăng Ni, Phật tử miền Nam nói chung, Nha Trang nói riêng ngày một trở nên quyết liệt kể từ khi Hòa thượng Thích Quảng Đức phát tâm tự thiêu ngày 11/6/1963 tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng Sài Gòn, (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, Thành Phố Hồ Chí Minh), với mục đích cầu nguyện cho Tăng tín đồ Phật giáo miền Nam thoát ách kỳ thị và cũng để cảnh tỉnh sự hẹp hòi, cuồng tín của tập đoàn gia đình trị nhà Ngô. Tinh thần bảo vệ Đạo pháp của Tăng Ni, Phật tử đang ngùn ngụt dâng cao thì, như lửa được đổ thêm dầu, ngày 1/8/1963 bà Trần Lệ Xuân, vợ của Cố vấn Ngô Đình Nhu tố cáo với báo chí tại Hoa Kỳ là các lãnh tụ Phật giáo đang âm mưu lật đổ chính phủ, và tự thiêu chỉ là trò nướng thịt sừ (barbecue a bonze)! Lời tuyên bố xác xược đến nỗi thân phụ bà là Trần Văn Chương, một Phật tử, Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Hoa Kỳ phải lên tiếng than trách là “thiếu lễ độ” (impolite) đối với Phật giáo. Đã vậy, mấy hôm sau bà còn lên giọng ngạo nghễ chế giễu: “Dù cho có thiếu lễ độ với Phật giáo đi nữa thì có lúc cũng cần phải thiếu lễ độ!”. Xúc động và cảm kích hơn nữa, các ngọn đuốc tự thiêu vì công lý và bình đẳng tôn giáo của Đại đức Thích Nguyên Hương 4/8/1963 tại Phan Thiết; Thích Thanh Tuệ 13/8/1963 tại Huế; Thích Nữ Diệu Quang 15/8/1963 tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; nữ sinh Quách Thị Trang bị cảnh sát bắn chết sáng ngày 25/8/1963 trong cuộc biểu tình trước chợ Bến Thành Sài Gòn; rồi Đại đức Thích Quảng Hương cũng phát nguyện tự thiêu ngày

5/10/1963 tại công trường Diên Hồng, bùng binh Chợ Lớn (Sài Gòn), đã góp thêm sức mạnh cho phong trào đấu tranh bảo vệ Đạo pháp và tự do tín ngưỡng.

II. NHỮNG CẢNH TƯỢNG ĐAU THƯƠNG NHUNG KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT

1. Bày tỏ nguyện vọng

Tăng chúng Phật học viện Hải Đức (Nha Trang) sáng nào cũng chia thành từng nhóm, phân đi nhiều ngã xuống phố, cùng với Tăng Ni các tự viện trong thành phố hướng dẫn Phật tử tham gia biểu tình, cuối cùng tập trung trước Tỉnh đường, kêu gọi chính phủ tôn trọng tự do tín ngưỡng và thực thi quyền bình đẳng tôn giáo. Ngày đầu phong trào diễn ra suôn sẻ, nhưng sau đó thì các lực lượng cảnh sát và quân đội ngăn chặn triệt để bằng nhiều hình thức, như giăng dây kẽm gai, đứng dàn hàng ngang, tay ghi cò súng, mặt mày đanh thép, quyết không để một ai lọt xuống phố biểu tình. Ấy vậy mà vẫn có Tăng Ni, Phật tử đông đúc hiện diện trước tòa Tỉnh trưởng với những khẩu hiệu giương cao: “Đả đảo chính sách kỳ thị tôn giáo”; “Thà chết chứ không lùi bước trước cường quyền” v.v..., rồi thì diễn thuyết, bày tỏ nguyện vọng của Giáo hội, hoặc tuyệt thực tại đó.

2. Xung khí ngút trời

Mặc dù các lực lượng vũ trang địa phương bao vây nghiêm ngặt khu vực Phật học viện Hải Đức (Nha Trang) và các ni viện, tự viện khác nhưng Tăng Ni không hề nao núng, vẫn có cách xuống phố hướng dẫn Phật tử và quần chúng biểu tình, phản đối lệnh cấm treo cờ Phật giáo của chính quyền nhà Ngô. Chúng tôi được các bậc tôn túc chia thành hai nhóm: nhóm quý Thầy và các chú Sa-di, từ sáng sớm, bí mật tuột xuống dốc núi sau chùa Hải Đức, theo đường Phương Sài, trực chỉ đến Tỉnh đường với biểu ngữ viết sẵn, giấu trong pháp

phục; Phật tử và quần chúng, nhất là các bà các cô, thấy hình bóng các Thầy các chú là bỏ việc, ùn ùn chạy theo, đưa hai tay xua xua ra hiệu mọi người tiến lên; dân chúng hai bên đường rần rần nổi gót. Còn các điệu thì rải rác đi theo đường mòn đồi Trại Thủy, đón đoàn và nhập cuộc tại ngã ba Phương Sài. Sáng hôm đó thầy Đức Minh, Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa, hướng dẫn cuộc biểu tình, đứng trực diện với Tỉnh đường, tay cầm loa phóng thanh nói oang oang, cực kỳ văn hoa và lưu loát, Tăng Ni, Phật tử hưng phấn, hô vang khẩu hiệu đả đảo chính sách kỳ thị tôn giáo, giương cao Phật kỳ và biểu ngữ rợp cả một góc trời. Bấy giờ các lực lượng vũ trang ập đến, giải tán cuộc biểu tình bằng cách quăng lựu đạn cay và xịt nước vòi rồng, Tăng Ni, Phật tử chạy tán loạn, nhưng rồi lại tụ họp thành đoàn biểu tình trên đường về. Đến ngã ba Mả Vòng, đầu đường Độc Lập thì bị cảnh sát và binh lính chĩa súng dàn hàng ngang chặn lại, mục đích là giải tán cuộc biểu tình và ra tay với những Phật tử nóng cốt. Anh P. Thắng, biệt hiệu là “Trẫm”, vì anh thân hình phốp pháp, đi đứng bệ vệ, cầm cờ đại ngũ sắc đi đầu. Thấy lính và cảnh sát chặn đường, anh tuốt lá cờ ném qua tôi, nói lớn: “Em giữ lá cờ cho anh”, rồi hai tay cầm ngang cán cờ to bằng bắp tay, dài khoảng bốn mét, hạ người theo dạng xuống tấn, từ từ tiến tới, mắt nhìn đối phương đăm đăm. Lạ thay, anh tiến bước nào thì cảnh sát thoái lui bước đó. Bỗng nhiên một mệnh lệnh hô vang: “Tiến lên!... Chặn lại!...”. Thế là hai bên hỗn chiến. Với cán cờ trong tay, anh “Trẫm” quơ loạn xạ theo kiểu “võ rừng”. Bấy giờ gạch đá, gậy gộc, chân bàn, cẳng ghế, guốc dép, giày đinh, kiềng sắt, phả lò...không biết từ đâu mà cứ bay vùn vụt tới tấp vào đám quần nhân, nhất là các bà các cô với hai tay cầm hai chiếc guốc trở đầu, chân guốc bịt đồng nhọn hoắt, vừa xông lên loạn đả theo đòn “linh miêu tấy

diện”, vừa gào thét mắng nhiếc vang trời. Binh lính hình như không được lệnh bắn nên chỉ đỡ gạt cho khỏi bị thương. Tội nghiệp cho một số quần nhân chắc là Phật tử, không nở đánh đập quý thầy và huynh đệ đạo hữu mà đành phải chịu đòn oan ức, lở mặt xẻ mày; còn đám binh sĩ thừa dịp tiến thân thì cứ thẳng tay mà nện báng súng vào giới Tăng Ni và người biểu tình. Sau khoảng nửa giờ ẩu đả với lực lượng vũ trang, đoàn biểu tình cũng phá được vòng vây, vượt qua rào cản; nhưng than ôi, Tăng Ni thì pháp phục te tua, đồng bào Phật tử thì giày dép mất hết, diu nhau cả nhắc cả thọt về tới chùa Tỉnh hội cách xa khoảng nửa cây số và nằm ngòai la liệt giữa chánh điện. Tổng thống Ngô Đình Diệm ơi, nếu ông mục kích cảnh tượng khốn nạn này thì hẳn là đã hủy bỏ lệnh cấm treo cờ Phật giáo!

3. Máu loang pháp phục

Tuy bị ngăn cấm, đánh đập, giam cầm nhưng Tăng Ni, Phật tử ngày nào cũng tìm cách xuống đường biểu tình. Một sáng sớm nọ, chúng điệu khoảng vài chục cùng với nam nữ Phật tử khá đông được thầy Đức Chơn, nay là Hòa thượng Thích Đức Chơn, Viện trưởng tu viện Quảng Hương Già Lam, Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn. Tất cả đều trực chỉ ra quốc lộ trước chùa bằng cách băng qua cánh đồng rau muống. Mới đi được nửa đường thì cảnh sát đã chiến ập đến, vung dùi cui quất thẳng tay, bất kể Tăng Ni đạo tục, già trẻ lớn bé, khiến đoàn biểu tình tháo chạy tán loạn. Biết thầy Đức Chơn là người chỉ huy, vì thầy cầm loa phóng thanh và lên giọng đả đảo cường quyền áp bức. Họ rượt thầy chạy như phi trên bờ ruộng bé nhỏ, trơn trượt nhưng không té, còn họ thì cầm đầu chúi mũi, gượng lên nhào xuống; tội nghiệp chú Thuận, bị đánh đá lăn quay trên thảm cỏ nhưng hai tay vẫn ôm chặt bình acqui để bảo tồn nguồn điện sử dụng cho máy micro. Bi thiết nữa là anh Đức Huy, đã chạy gần tới chùa Núi mà còn bị một



Đoàn biểu tình xuất phát từ chùa Long Sơn (Nha Trang)

phát dùi cui vào đầu, vòi máu đỏ tươi vọt ra, chảy xối xả xuống lưng áo nhật bình nhưng anh chẳng hề hay biết. Thấy cảnh dã man và xúc động đến điếng người, tôi chạy vòng sang bờ khác để khỏi bị đánh, bật khóc và la lên: “Anh Đức Huy ơi, anh bị bẻ đầu rồi, máu chảy nhiều lắm!”. Anh đưa tay bịt vết thương cho cầm máu rồi chạy thẳng lên các bậc thềm chùa Núi. Đứng trên mỏm đá, và chắc là để vơi đi phần nào oan ức, anh ưỡn người, nhìn xuống đám cảnh sát lồ lộ dưới đường, lên giọng thách thức: “Con.. đây Lâm Liêu”. Tội nghiệp, miệng khiêu khích cảnh sát mà tay vẫn bịt vết thương. Sau đó chúng tôi đi đường tắt trên núi qua Tỉnh hội. Chao ôi, một chánh điện ngời nằm la liệt các bậc tôn túc lớn tuổi, đang ho sặc quần quai vì hít phải khói lựu đạn cay khi vừa mới ra khỏi cổng chùa Long Sơn, để tiếp ứng đoàn biểu tình. Rõ là một cảnh tượng bi thương nhưng phi thường vô úy.

Trở lại chuyện Lâm Liêu, nhân vật khét tiếng tại Nha Trang lúc bấy giờ. Ông là chỉ

huy trưởng lực lượng cảnh sát địa phương, hình như mang lon thiếu tá. Mẹ Lâm Liêu là một Phật tử thuần thành, cấm con không được bao vây chùa chiền, đánh đập Tăng Ni Phật tử đi biểu tình. Sau khi cách mạng thành công, một số anh chị em đã từng ném mùi dùi cui của lực lượng cảnh sát định đến nhà chỉ mặt Lâm Liêu hỏi tội, cũng may là ông đã nhanh tay viết một bức thư dài bốn trang giấy khổ lớn, gửi đến Tỉnh hội, nội dung tạ tội, sám hối Tăng Ni và đồng bào Phật tử Nha Trang với lời lẽ vô cùng chân thành thống thiết; đại để là chỉ vì miếng cơm manh áo, bản phận phải làm, chứ thật ra trong lòng ông cũng đau đớn và dằn vặt thâu đêm. Với lòng từ bi lân mẫn, Phật tử Nha Trang, vâng lời Giáo hội, thông cảm và hỷ xả cho ông tất cả. Bây giờ nghĩ lại, thấy lòng nao nao với hương linh anh Đức Huy. Theo thầy học đạo, lập hạnh thanh bần, bị đánh bẻ đầu nhưng chẳng biết lấy gì đổi phỏ, đành phải đem cái “phù trần căn” của mình ra mà đọ với cường quyền bạo chúa cho đỡ tức!

4. Hung thần gõ cửa

Tất cả Tăng Ni dưới thời Pháp nạn đều nhớ cái đêm kinh hoàng 20/8/1963. Chính phủ Ngô Đình Diệm đã tung ra một đòn chí tử, bao vây tất cả chùa chiền miền Nam nhằm tóm gọn các bậc lãnh đạo Phật giáo và làm tê liệt phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài gia đình trị nhà Ngô. Riêng tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang, chúng tôi, còn nhớ như in, mười điệu đang ngủ trong một căn phòng thì bỗng dưng nghe tiếng người rên hừ

hừ, té ra là ông Đông, người làm vườn, giúp việc cho chùa, nghe tiếng giày đinh của quân đội nện còm cộp ngoài hành lang nên sợ quá, từ trai đường, nơi ông ngủ cho mát, bò qua phòng chúng tôi, ngồi rên co ro, không dám lên tiếng. Chúng tôi bật dậy, hỏi chuyện gì thì ông đưa tay chỉ chỉ ra bên ngoài. Bất thần ngỡ

ngạc, chúng tôi rón rén đánh thức nhau dậy, dôi mắt nhìn qua các khe cửa sổ lá sách quanh phòng. Trời ơi... toàn lính là lính, súng ống trên tay, đạn dược quanh người, đi đứng hùng hổ như đang chuẩn bị ăn tươi nuốt sống chúng tôi. Chú Khánh, tay cầm cây cán mừng bằng gỗ, to bằng ngón tay cái, hất hàm ra hiệu tôi làm theo và nghiêm giọng nói: “Họ vô là chơi liền, tới đâu tới!”. Bây giờ nhớ lại, thấy buồn cười và cảm thông cho biện pháp đối phó của chú Khánh làm sao!

Sau đó, cứ chốc chốc thì nghe tiếng nện trên cửa sổ hay đá vào cửa cái ầm ầm. Chúng tôi hoang mang, không đoán được họ muốn làm gì, số phận mình ra sao! Mãi đến 8 giờ sáng, thầy Trưng San, giám tự và thầy Đồng Minh, giáo thọ lên tiếng gọi Tăng chúng ra phòng học. Mừng quá nhưng vẫn tỏ vẻ kiên cường với đám “hung thần”, tôi lên giọng khí khái: “Đề chúng con đánh răng súc miệng đã!”. Đến chín giờ, sau khi nghe vị chỉ huy trình bày lý do gì đó, thầy Đồng

Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Minh nói giọng buồn buồn: “Thôi, các chú ký tên lên tờ giấy này cho họ đi!”. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, bỗng thấy anh Phước Sơn, nay là Hòa thượng Thích Phước Sơn, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, quơ tay nói giọng khảng khái: “Chúng tôi tu hành, có tội tình gì mà phải ký tên, ký tuổi!”, rồi cùng với anh Nhật Châu bỏ đi, xuống hướng chánh điện. Một số binh sĩ làm dữ, đòi bắt hai anh để điều tra, nhưng nhờ thầy Đồng Minh can thiệp, vụ việc rồi cũng qua đi. Riêng chú Thuận, ít nói nhưng có thừa khí phách, ở lì trong phòng bệnh xá, thầy Đồng Minh gọi mãi không ra. Cuối cùng thầy Trùng San nói: “Chú Thuận ơi, tùy thuận chúng sanh là cúng dường chư Phật nghe chú!”. Bấy giờ chú mới xô cửa bước ra, vắt vai chiếc áo vạt hò nhanh đến nỗi quất vào mặt một binh sĩ đang đứng chĩa súng sát trước cửa, làm cho anh ta bất thần tá hỏa, không kịp phản ứng. Rồi chẳng nói chẳng rằng, chú đi một mạch xuống hướng chánh điện. Vị chỉ huy lắc đầu, trao đổi với hai thầy một hồi nữa rồi giải tán. Chúng tôi nhìn nhau thở phào, nhẹ nhõm. Từ đó, ngày nào cũng có biểu tình dưới phố. Công nhân đình công, học sinh bãi khóa, tiểu thương bãi thị v.v..., các phong trào đấu tranh cứ thế mà ngùn ngụt lên cao, lan rộng đến tận thôn làng, nhưng bạo chúa vẫn mơ màng, chưa hề thức tỉnh!

5. Đêm dài tận lực

Đối với đám điệu nhóc nhóc chúng tôi, có thể nói đêm 1/11/1963 là một đêm dài tận lực. Tôi còn nhớ rõ, khoảng 5 giờ chiều hôm ấy, thầy Đồng Minh, giáo thọ sư của chúng tôi, từ cốc của thầy qua viện Hải Đức, gọi chúng tôi lại, khoảng chục điệu, điệu giọng hỏi:

- Các chú ăn tối chưa?
- Dạ thưa ăn rồi, bạch thầy.
- Tốt!... Ngay giờ phút này, các chú vào

phòng, cài chặt cửa, mặc áo tràng, ngồi xoay mặt vào vách, tay lần chuỗi niệm Phật cho đến giờ ngủ. Tuyệt đối không được ra ngoài. Nghe rõ chưa?

- A Di Đà Phật, chúng tôi đồng chấp tay xá xá.

Nếu ai thấy cảnh trí Phật học viện lúc bấy giờ thì buồn lắm, vắng vẻ lắm! Các thầy các chú phần lớn đều được phái đi các nơi, đặc biệt là chi viện nhân lực cho năm tỉnh cao nguyên Trung phần. Chúng tôi còn nhỏ, ở lại công phu bái sám và chấp tác hằng ngày. Tuân lệnh thầy giáo thọ, chúng tôi vào phòng, anh nào cũng áp dụng tư thế “Cửu niên diện bích” của Tổ Bồ-đề Đạt-ma mà tha hồ suy diễn về chuyện chẳng lành sắp xảy ra. Riêng tôi, tác ý hung lắm! Thầy Đồng Minh ít khi nói lời nhỏ nhẹ âu yếm với chúng điệu như vậy! Thương điệu, lo từng cái ăn cái mặc, bút nghiên đèn sách cho Tăng chúng, nhưng thầy lúc nào cũng đề cao quy tắc: “Khẩu lệnh như sơn. Đánh điệu cúng dường Tam bảo!”. Chẳng lẽ, tôi chột nghĩ đại: “Chỉ còn đêm nay nữa thôi, mai chúng ta... ôi rồi cuộc đời!...”. Tôi lại quay nhìn các pháp hữu và thắm ý cười lớn lên một mình. Có điều... tình hình căng thẳng như thế nhưng chúng tôi không hề sợ hãi, vẫn hồn nhiên chan hòa trong cơn hoạn nạn. Thời gian cứ lặng lẽ trôi qua, gần đến nửa đêm, tôi mở mắt nhìn quanh, thấy các chú ngồi theo nhiều kiểu dáng khác nhau như chính mình, có chú gập người xuống giường nhưng mặt vẫn xoay vào vách chứ không dám nằm. Uy danh và mệnh lệnh của thầy Đồng Minh lớn như vậy đó. Tôi lại khởi niệm: “Chắc là quý huynh đệ đang tụng kinh Di Đà, đang thâm nguyện cho “Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ” và đặc ý cười thâm. Định tâm một lát, tôi lên tiếng:

- Sao mà yên ắng thế? Để mình xuống hậu liêu xem thử nhé?
- Đúng đúng, anh đi đi!... Một chú thúc giục với giọng ngái ngủ.



Đoàn biểu tình trên đường Nguyễn Hoàng ngang qua tiệm thuốc bắc Dân Khang (nay là Ngô Gia Tự - NT)

Tôi vừa tới tam cấp đầu trai đường thì thấy anh Kim Phú đang rửa tay tại vòi nước. Nghe tiếng động, anh quay mặt khẽ quát: “Điều mô giờ này mà còn lò mò đó!... Đi lên!... Xuống đây tui đá một đá chết chừ!”. Tôi rụt cổ quay lui, chạy nhẹ về phòng, giật mạnh cánh cửa, các chú hỏi:

- Sao đi mau thế?

- Trời ơi, suýt nữa là ăn phải cái đập của ngài “Mã Tổ”! Xuống sâu tí nữa là bị anh Kim Phú đá rồi! Nhưng mà có chuyện gì bí mật lắm. Hình như các thầy đang nghe Radio. Thôi, chúng mình nằm ngủ đi. Ngồi như vậy là chư Phật Bò-tát, Hộ pháp Thiện thần cũng đã mật thù chứng minh gia hộ rồi!

- Phải đấy!... Sức khỏe là vàng!... Ngủ đi anh em!... Việc gì đến sẽ đến!... Chúng mình vô sản thuần túy thì có chi mà sợ!

Thế là chúng tôi nằm đánh một giấc ngon lành tới sáng.

Đến khi thức dậy, nghe tin đảo chánh, quân đội đã lật đổ chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Đã quá, chúng tôi cùng nhau nhảy cẫng, reo mừng: “Hết chết rồi anh em ơi! Qua cơn Pháp nạn rồi! Đúng là: “Nhân từ giả thọ, hung bạo giả vong” (Nhân từ hẳn được sống lâu, hung bạo ắt phải nát đầu phân thây). Ngôn hạnh hơi bông bột nhưng cũng dễ hiểu cho kẻ bị oan ức.

6. Ngũ diệu thiên môn

Một hôm, trong lúc đại chúng xuống phố biểu tình, ở chùa chỉ còn có diệu Tùng, còn gọi là diệu Bông, có lẽ do làn da trắng mượt và khuôn mặt xinh như con gái, và diệu Tèo, cháu thầy Trường San; cả hai khoảng mười tuổi. Bảy giờ có ông Tỉnh trưởng và mấy người cận vệ cải dạng thường dân lên chùa quan sát tình hình. Thấy chùa trong ngoài vắng vẻ, họ ghé vào hành lang dẫn đến nhà Tổ. Hai chú đang ngồi, đứng lên chấp tay chào khách. Chú Tùng nhanh nhẹn hỏi:

- Chẳng hay quý khách viếng chùa hay có chuyện gì?

- Viếng chùa, ông Tỉnh trưởng cười đáp, nhưng sao chẳng thấy người lớn!

- Ở kia!... Các bác không hay biết gì sao? Quý thầy và đại chúng đi biểu tình chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Họ đã ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo trong mùa Phật đản năm nay và đàn áp dã man các phong trào đòi quyền bình đẳng tôn giáo.

- Sao các chú không đi?

- Chúng con còn nhỏ, không được đi; và lại đi hết thì giờ này ai tiếp quý bác?

- Các chú học lớp mấy?

- Dạ lớp nhì (nay là lớp bốn).

- Các chú giỏi lắm, thông minh lắm! Ông Tỉnh trưởng đưa tay nựng cằm hai chú rồi cáo từ.

Sau ngày giải phóng, ông Tỉnh trưởng, một Phật tử, lên chùa thăm ngài Giám viện, tức là Thượng tọa Thích Trí Thủ lúc bấy giờ, kể lại đầy đủ chi tiết về cuộc gặp gỡ và đối thoại khó quên đó. Thượng tọa Giám viện cười nói: “Đã là đệ tử Phật, thì dù tại gia hay xuất gia, đều có tinh thần vô úy và khả năng biến hóa trong mọi tình huống.” Ông Tỉnh trưởng cười rạng rỡ và hẳn là vô cùng mát lòng với câu tán dương vi tế đó.

III. ĐÔI DÒNG CẢM KẾT

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, ta thấy chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ tồn tại được chín năm, một thời hạn ngắn ngủi, nhưng đã để lại cho đời, cho hậu thế một vết tích khó phai; một chấm đen trong dòng lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam. Nguyên nhân chính là do độc tài và cuồng tín về cái gọi là mặc khải (incarnation), tuyển trạch (elect) từ một quyền năng siêu nhiên. Ngô Đình Diệm xuất

thân từ một gia đình khoa bảng, học hành thành đạt, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại dưới triều vua Bảo Đại, ấy thế mà khi nắm được quyền lực trong tay thì quên hẳn đạo lý sơ đẳng của Nho giáo:

Bình sinh hành thiện thiên gia phước,

Nhược thị ngu ngoan thọ họa ương.

Thiện ác đảo đầu chung hữu báo,

Cao phi viễn tẩu dã nan tàng.

(Suốt đời làm thiện trời ban phước,

Gàn bướng ngu ngang chịu tai ương.

Lành dữ cuối cùng đều báo ứng,

Xa chạy cao bay khó lánh đường.)

Còn Phật giáo thì:

“Không trời cao biển rộng,

Không hang động núi rùng,

Đã tạo nghiệp ác độc,

Trên đời hết chỗ dung”.

(Pháp Cú 127)

Tóm lại, theo trải nghiệm dân gian:

Trạm trạm thanh thiên bất khả khi,

Vị tăng cử ý ngã tiên tri.

Khuyến quân mạc tác khuy tâm sự,

Cổ vãng kim lai phóng quá thù.

(Thăm thăm trời cao khó đối thay,

Mới vừa nảy ý đã liền hay.

Chớ nên học thói gây ngang trái,

Nhân quả xưa nay chẳng thứ ai.)

Vâng, “Chớ nên học thói gây ngang trái”,

vì “Nhân quả xưa nay chẳng thứ ai”. ○

Ghi chú:

(1) “Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963

Hình 1 và hình 4: Biểu tình trước Ty Thông tin hướng ra

Đông Đé

Hình 2: Biểu tình trên đường Độc Lập (Thống Nhất)

Hình 3: Biểu tình trên đường Yersin

Đoàn biểu tình
trên đường
Yersin - NT



NHA TRANG NHỮNG NGÀY GIÔNG BÃO

NT. Huệ Như

Vào thập niên 50 của thế kỷ XX, trong phong trào chấn hưng Phật giáo, mà ở đó “đào tạo Tăng tài là trước hết trong các Phật sự”, chư tôn đức tông lâm thạch trụ trên đường tìm kiếm một nơi chốn lý tưởng để thiết đặt một trung tâm giáo dục Phật giáo lớn thuận lợi cho các vùng miền về tu học, và quý Ngài đã dừng chân tại Nha Trang - một thành phố biển hiền hòa thơ mộng. Ở đó từ miền Trung vào, từ miền Nam ra và từ cao nguyên xuống đều hết sức thuận tiện. Từ đó, Phật học viện Trung phần Hải Đức ra đời, tiếp đó Ni trường cũng được thành lập và Nha Trang vụt sáng trên bản đồ Phật học cả nước với sự có mặt của chư Tôn đức đạo hạnh thâm sâu, trí tuệ uyên bác, biện tài vô ngại. Rời Tăng Ni khắp nơi cũng lũ lượt kéo về theo học. Trong dòng chảy đó, năm 1960 tôi cũng đặt chân lên Thành phố Nha Trang này.

Thật khó có thể diễn tả hết được cảm giác của tôi về những ngày tháng này. Đó là khoảng thời gian quý báu hơn cả vàng ngọc đối với người tu sĩ, khi mà được chiêm ngưỡng, được thân cận thị giả, được học hỏi và hít thở chung một bầu không khí với chư tôn đức vào hàng long tượng của Phật giáo thời bấy giờ cả bên Tăng lẫn bên Ni.

Bên Tăng như ngài Giác Nhiên, ngài Trí Thủ, ngài Trí Quang, ngài Thiện Minh, ngài Huyền Quang, ngài Đồng Minh, ngài Trí Nghiêm, thầy Tuệ Sỹ, thầy Mạnh Thát...

Bên Ni thì có các vị như sư bà Diệu Không, Thê Quán, Thê Thanh, Viên Minh...

Nhưng rồi những ngày tháng yên bình, hạnh phúc đó mau chóng trôi qua, khi mà tin tức về sự kỳ thị, chèn ép Phật giáo của chính quyền ông Ngô Đình Diệm mỗi lúc một dội về nhiều hơn.

Cuối cùng thì cái không khí yên bình giả tạm đó bất chợt nổ tung vào một buổi chiều, khi tin tức từ Sài Gòn đưa về, 8 em nhỏ GDPT Huế bị bắn chết tại đài phát thanh Huế ngay trong đêm rằm Phật đản tháng tư. Tiếp đó là những ngày tháng quay cuồng, hối hả, đau thương chưa từng thấy khi mà những hình ảnh khủng bố, bắt bớ, đàn áp, đánh đập dã man Tăng Ni Phật tử từ Sài Gòn gửi về ngày một nhiều hơn.

Thành phố Nha Trang hiền hòa nhỏ bé thơ mộng mà tôi yêu mến những năm tháng trước đây giờ đã như một lò lửa, nóng từ trong tâm can nóng ra, nóng từ hoàn cảnh thời cuộc dội vào khi thấy, biết được sự oan khiên, tang tóc, đau thương mà người con Phật đang gánh chịu trên khắp miền Nam Việt Nam và ngay tại Nha Trang này. Lẽ thường khi chứng kiến những cảnh tượng đáng sợ đó thì theo bản năng, con người sẽ lo sợ, nhút nhát, co cụm và trốn tránh, nhưng chúng tôi thời đó thì ngược lại hoàn toàn.

Thế là tôi đi biểu tình.

Những ngày đó cứ biểu tình, diễu hành rồi tuyệt thực liên miên. Không ăn uống gì được, đã thế trời Nha Trang mùa hè nắng như thiêu như đốt, đầu trần, chân đất lấm lóc khắp các ngã đường, từ Ni trường đi bộ lên Long Sơn, rồi xuống Ty Thông tin, ra dinh Tỉnh trưởng... nhưng tôi không hề thấy mệt mỏi, đau ốm hay nao núng gì, ngược lại trong lòng trào dâng khí thế và đầy cảm xúc mỗi khi nghe tin thêm một vị Thánh tử đạo nữa bước lên phía trước.

Trong suốt những ngày tháng biểu tình đó, tôi nhớ rõ nhất là 2 lần tuyệt thực, mà trong thâm tâm tôi là dự định tuyệt thực đến chết mới thôi.

Lúc này, lãnh đạo Phật giáo tại Khánh Hòa là ngài Đức Minh. Theo sự hiệu triệu của Ngài, chúng tôi kéo về Long Sơn để biểu tình, rồi tuyệt thực. Bên Ni được bố trí tuyệt thực nơi nhà Tổ, còn phía trước Chánh điện thì dành cho chư Tăng, ra phía ngoài nữa là Phật tử. Nhưng người tuyệt thực mỗi lúc một đông lên, không còn chỗ nữa, chư Ni phải dời lên chỗ thất Ôn Đức Minh (tức là thất của Ôn Thiện Bình sau này) nằm, ngồi la liệt hết cả con đường từ chùa lên đến thất Ôn Trí Nghiêm. Những ngày đó chùa Long Sơn bị bao vây bởi dây thép gai và lực lượng cảnh sát, mật vụ của ông Diệm, nên không có Phật tử nào ra vô, điện nước thì bị cắt hoàn toàn, đói khát quá thì Ôn trụ trì mang cho một ít nước uống. Lúc đó cơ thể rã rời nhưng tinh thần lên rất cao, ai cũng hăng hái không chịu bỏ cuộc. Tuyệt thực được khoảng vài hôm thì được lệnh về chùa. Nhưng tôi không chịu về, lên ra phía sau chùa, chỗ rừng cây vắng vẻ quyết định tuyệt thực đến chết mới thôi, nhưng Ôn trụ trì tình cờ phát hiện được nên cho người bắt đem về Ni viện ngay.

Lần thứ 2 là tuyệt thực dưới Ty Thông tin. Tình hình dưới Thông tin có khá hơn ở chùa Long Sơn, vì ở giữa chốn đông người họ cũng không dám làm khó mình nhiều, nên được Phật tử tiếp tế nước non, hồ, thậm chí

Đoàn biểu tình trước Ty Thông tin



có người còn mang cả sấm ra cho quý Tăng Ni dùng. Lần này tôi đi tuyệt thực trong đầu quyết định là không về nữa, nên mặc vào người đến mấy lớp quần áo (tôi cũng không hiểu tại sao lại nghĩ ra như thế, và để làm gì). Xuống đó tuyệt thực phản đối được một hai hôm thì có lệnh về lại chùa. Vì đã có dự định từ đầu nên tôi không chịu về, sư bà Kim Quang sai 3 - 4 người khiêng cỗ lên xe chở về Ni trường. Như vậy là hai lần dự định tuyệt thực đến chết không thành công.

Thật ra thì chết ai không sợ, nhưng lúc đó không biết sao tinh thần hăng hái nhiệt tình lắm, nhất là khi nhìn thấy qua sách báo những hình ảnh Tăng Ni, Phật tử bị đánh đập, đàn áp tàn nhẫn thì tôi không còn sợ nữa, đặc biệt là khi nghe tin về Bồ tát Quảng Đức tự thiêu hết sức ly kỳ, hùng tráng và bi ai thì mọi người đều được tiếp thêm sức mạnh. Gần nhất là nghe tin sư cô Diệu Quang tự thiêu ở Ninh Hòa rồi bị cướp xác đem đi thủ tiêu, đã thế chính quyền còn bảo rằng đó là xác của người điên thì không chỉ riêng tôi, mà rất nhiều người lòng tràn đầy bi phẫn và quả cảm, cứ bắt chấp lao lên

phía trước mà không còn biết sợ là gì, dù rằng dùi cui, báng súng, lựu đạn cay... cứ liên tục trút xuống đầu chúng tôi.

Nói về sư cô Diệu Quang, tôi có những ấn tượng hết sức tốt đẹp. Khi đó tôi được mẹ dẫn từ Quảng Trị vào Nha Trang nhờ Ôn Đức Minh hướng dẫn cho đi tu, nhưng đang là mùa an cư, nên Ôn bảo đợi hết 3 tháng hạ Ôn sẽ dẫn lên chùa Linh Phong ở Đà Lạt xin sư bà Từ Hương cho đi tu, và Ôn cho tôi xuống ở tạm tại chùa Vạn Thạnh. Đây chính là cơ duyên để tôi gặp gỡ và tiếp xúc với sư cô Diệu Quang - Thánh tử đạo trong phong trào Phật giáo năm 1963. Cô người Huế, dáng người cao ráo, tính tình hiền lành, ít nói nhưng hết sức chu đáo, tử tế với mọi người, luôn quan tâm giúp đỡ kẻ khác. Khi nghe tin sư cô tự thiêu để bảo tồn Phật pháp tôi cứ cảm kích và xót xa không nguôi.

Lúc đó, Ni viện Diệu Quang được gọi là Ni trường, thuần túy là một ngôi trường cả trong nội dung lẫn hình thức, vì ở đây chỉ có các dãy phòng học dành cho Ni chúng. Tôi dùng giấy viết dòng chữ thật to “Ni

trường” đem treo ở phía trước cho mọi người biết. Mãi đến năm 1990 tiến hành trùng tu mới có được nơi thờ tự lễ bái tu tập cho Ni chúng và Phật tử, tức lúc đó nó mới mang hình thức một ngôi chùa, nên Ôn Thiên Siêu và quý Ôn quyết định đặt tên Ni trường là Ni viện Diệu Quang - thật vinh dự khi được mang tên vị Thánh tử đạo.

Lại nói về sư cô Diệu Tri thế danh Lê Thị Hiến đệ tử sư bà Diệu Ân - Ninh Thuận, tự thiêu trước sân chùa ngày 03/06/1966 (15/04 năm Bính Ngọ). Lúc này sư cô đang nhập chúng tu học tại Ni trường, người cần mẫn siêng năng, chịu khó chịu thương, không nề hà chuyện nặng nhọc. Khuya đó sau khi công phu xuống, tầm khoảng 4giờ30 - 5giờ sáng, tôi đang đứng xếp y trước cửa phòng thì bay mùi cháy khét, nhìn ra phía trước thì thấy lửa bốc lên thành ngọn phủ khắp cả người. Tôi vội vàng rung

chuông tập chúng và đi nhiễu quanh niệm Phật vang dội cả xóm làng. Phật tử kéo đến mỗi lúc một đông và cùng đi nhiễu quanh niệm Phật. Đến khoảng 7giờ sáng tôi cho người lên Tỉnh hội báo cáo tình hình và thỉnh Giáo hội xuống chủ trì hậu sự.

Mới đó mà 60 năm đã trôi qua, những người thời đó giờ chắc cũng không còn mấy, mà nếu còn thì trí nhớ chắc cũng chập chùng chuyện được chuyện quên, tôi đây cũng vậy, nên cố gắng viết ra đây những gì còn có thể nhớ được về những ngày tháng giông bão mà mình đã có mặt, như là một lời tưởng niệm dâng lên chư vị Thánh tử đạo.

Tận sâu trong tâm, chúng con mang ơn và nhớ ơn chư vị Thánh tử đạo rất nhiều. Nếu không có chư vị quên mình vì đạo pháp thì ngày hôm nay chúng con không biết sẽ như thế nào, cơ đồ Phật giáo sẽ trôi dạt về đâu. ○



Một đoàn biểu tình xuất phát từ chùa Long Sơn - NT

Kỷ sự ? ẢNH

Cùng với loạt bài “Cà Sa Vương Khói” của tác giả Nhất Nguyên và “Nha Trang Những Ngày Giông Bão” của NT. Huệ Như, từng thuật lại những ngày tháng xuống đường tranh đấu cho tự do - bình đẳng tôn giáo cũng như bị đàn áp dã dội, Ban biên soạn xin gửi đến quý độc giả loạt ảnh về cuộc tranh đấu của Phật giáo đờ ở Nha Trang, Khánh Hòa năm 1963.



Một đoàn biểu tình xuất phát từ chùa Long Sơn - NT



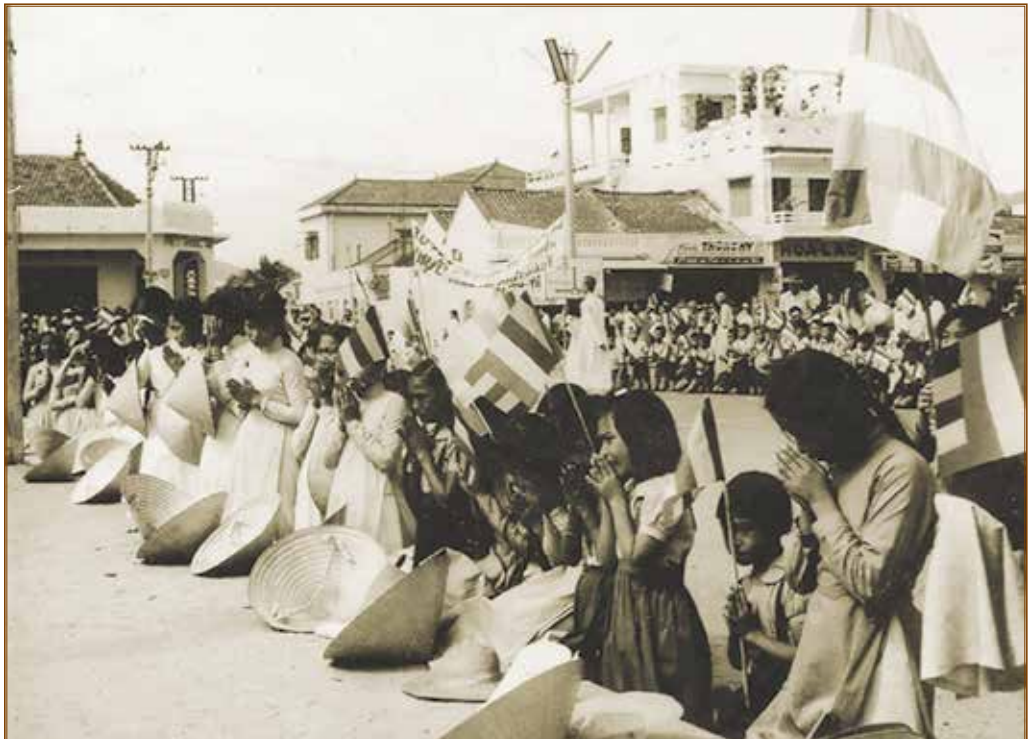
Đoàn biểu tình trên đường Độc Lập (Thống Nhất) gần ngã tư đường Hai Chùa (Tô Vĩnh Diện hiện nay)



Đoàn biểu tình trước Ty Thông tin hướng ra phía Bắc



Chư Tăng tổ chức tuyệt thực tại chùa Long Sơn - NT



Phật tử tổ chức tuyệt thực trước Ty Thông tin



Tuyệt thực trước Ty Thông tin



Đoàn biểu tình ủng hộ tuyệt thực trên đường Độc Lập (Thống Nhất - NT)



Tuyệt thực tại công viên Trình Minh Thế (nay là công viên Võ Văn Kỳ) đối diện ga xe lửa



Đoàn biểu tình trên đường Độc Lập (Thống Nhất)



Đoàn biểu tình trước Ty Thông tin



Đoàn biểu tình trên đường Nguyễn Hoàng (nay là Ngô Gia Tự)



Đoàn biểu tình trên đường Độc Lập (Thống Nhất)



Đoàn biểu tình trên đường Hai Chùa hướng ra Độc Lập (Thống Nhất)



Đoàn biểu tình trên đường Nguyễn Hoàng (nay là Ngô Gia Tự)



Đoàn biểu tình xuất phát từ chùa Long Sơn - NT



Đoàn biểu tình đường Yersin - NT



為法燒身

Viếng tượng đài
SƯ CÔ DIỆU QUANG

Đạo Châu

Là người con sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Ninh Hòa, tôi đã nghe kể, đọc sách báo về nhiều sự kiện và nhân vật vĩ đại trên ngay quê hương mình. Có những chứng tích lịch sử vẫn âm thầm tồn tại, mặc dù trải bao phong sương tuế nguyệt, nhìn từng lớp người đi qua rồi khuất bóng dần sau hoàng hôn cổ độ. Ngay tại trung tâm thị xã Ninh Hòa, có một chứng tích nhỏ bé nhưng mang trong mình một giá trị lịch sử hùng hồn như vậy. Đó chính là tượng đài sư Cô Diệu Quang.

Một buổi sáng cuối xuân, tôi đến viếng tượng đài sư cô Diệu Quang, một khu tưởng niệm khiêm tốn, nằm khuất sâu trong con hẻm 447, đường Trần Quý Cáp, thị xã Ninh Hòa. Rẽ xe máy vào hẻm, đài tưởng niệm đã hiện ra trước mắt. Vẫn con hẻm đó, bây giờ nhà cửa đã mọc lên san sát, gần khuất hết tầm nhìn, chứ không còn trống trải như lúc xưa. Bước vào trong khuôn viên, đứng ngắm nhìn thật lâu bức tượng bán thân và đạo bước nhẹ khung cảnh xung quanh, hình ảnh một vị sư cô đang ngồi tụng niệm được tái hiện trong tâm trí tôi. Nhẹ nhàng đặt lẵng hoa lên bệ dưới đài, tôi thắp 3 nén hương thành kính tưởng niệm Người - một vị Thánh tử đạo của phong trào tranh đấu Phật giáo năm 1963.

Sau khi viếng xong, tôi ghé vào nhà bác Phật tử bên cạnh, người thường xuyên trông coi hương khói nơi tượng đài. Được bác mời uống trà, tôi gọi ra vài câu hỏi, để bác từ từ kể lại những gì bác biết. Sau đó, nhiều điểm khuất vẫn còn bị che mờ, tôi bắt đầu đi thăm hỏi thêm vài vị cao niên, dần dần, câu chuyện về nguồn gốc của tượng đài, và sự kiện tụng niệm hùng tráng của sư cô năm xưa được sáng tỏ hơn.

Buổi sáng mùa hè ngày 15/8 (26/6 âm lịch) năm 1963, khi trời còn tờ mờ sáng, chuyên xe đồ khởi hành từ Nha Trang đi Ninh Hòa từ từ lăn bánh. Giữa những hành khách

đang ngồi nói chuyện rôm rả, có một vị sư cô trẻ, gương mặt hiền từ phúc hậu, nhưng toát lên vẻ uy nghiêm, đôi mắt khép nhẹ, như đang tập trung vào một vấn đề quan trọng nào đó. Chuyên xe đồ dừng lại phía trong ngã ba bùng binh (nay là ngã tư trung tâm thị xã), cạnh nhà ga xe lửa. Vị sư cô trẻ xuống xe, trên tay xách theo một can nhựa trống. Sau khi mua xăng ở cây xăng gần đó, sư cô đưa mắt nhìn quanh một chập, đi đi lại lại một lúc khá lâu trên con đường phía trước ga xe lửa như đang muốn tìm một nơi nào đó, rồi đi vào con hẻm lớn đối diện nhà ga. Đoạn, sư cô từ từ ngồi kiết già, cầm can xăng tự tưới lên mình, và...

“Sư cô tụng niệm rồi!”

Tiếng người dân xung quanh hô hoán. Một ngọn lửa bùng lên, bao trùm thân hình vị sư cô đang ngồi kiết già. Người dân vừa chạy đến xem vừa truyền tai nhau, chẳng mấy chốc đã truyền đến những làng xã xa hơn, nhiều đám đông người dân hiếu kỳ kéo đến bao quanh nơi vị Sư cô trẻ đang ngồi tụng niệm. Theo bác Trần Đặng (nguyên Ủy viên Ban Văn hóa của Ban Đại diện Phật giáo huyện Ninh Hòa, đã mất), sư cô trước khi thiêu có để lại một bức tâm thư. Người ta nhìn thấy nó bị cháy xém một góc do gần lửa, nhưng không ai đọc được nội dung trong đó viết gì. Và, bức thư ấy bị cảnh sát lấy đi rồi thủ tiêu mất cùng với số phận của di thể sư cô.

“Nghe mọi người nói có Sư cô tụng niệm gần trường Hòa Nguyên, tôi cũng chạy đến xem. Lúc xuống đến nơi thì người Sư cô cháy đen hết rồi, vẫn còn ngồi kiết già, người hơi ngã về sau.” - bác Hồ Thôn, khi đó là một anh nông dân đang làm ruộng phía trên ga xe lửa chạy xuống xem, kể lại - “Cảnh sát đông lắm, họ bao quanh không cho người dân tiến lại gần. Lúc đó chỉ có người dân hiếu kỳ và Phật tử đến xem thôi chứ không có quý thầy.”

“Cảnh sát toàn người dân tộc Ê Đê được điều chuyển từ Khánh Dương xuống, chứ không có người Kinh, họ chen vào giữa đám đông, yêu cầu giải tán, rồi nhanh chóng đưa di thể của sư cô vẫn đang còn ngún khói lên chiếc xe Dodge chở đi.” - Cô Võ Thị Thìn, năm nay 83 tuổi, xúc động kể lại - “Họ đưa di thể sư cô đi đâu đến nay vẫn không ai biết.”

Sau này, người ta mới biết vị Ni trẻ đó chính là sư cô Thích Nữ Diệu Quang. Sư cô thế danh Ngô Thị Thu Minh, sinh ngày 11/01/1936, tại xã Phù Cát, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Năm 21 tuổi, sư cô



Tượng đài sư cô Diệu Quang ở Ninh Hòa

xuất gia với Ni trưởng Thích Nữ Như Hoa tại chùa Vạn Thạnh - Nha Trang. Sau khi thọ giới Sa-di-ni và theo học các lớp nội điển tại Phật Học Viện Nha Trang, năm 26 tuổi, sư cô thọ giới Thức-xoa-ma-na. Sau đó, sư cô tham gia giảng dạy tại các lớp tu thực Thiện Tài do tỉnh Giáo hội Khánh Hòa quản lý.

Năm 1963, Phật giáo đối mặt với một cơn Pháp nạn khốc liệt do chính quyền Ngô Đình Diệm gây ra. Tuy chính quyền nhà Ngô ra thông cáo chung, hứa thực hiện “5 nguyện vọng” nhằm xoa dịu giới Phật tử, nhưng họ lại không thực hiện, hoặc thực hiện cho có, khiến tình hình càng trở nên xấu hơn. Phong trào tranh đấu tiếp tục dâng cao, đỉnh điểm cuộc đấu tranh đòi chính quyền thực thi tự do tôn giáo là sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11/6/1963 tại Sài Gòn. Tiếp nối ngọn đuốc Tam Muội của Bồ tát, các cuộc tự thiêu khác của giới Tăng Ni, Phật tử tiếp tục diễn ra. Ngày 4/8/1963, Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu trước tỉnh đường Bình Thuận. Ngày 13/8/1963, Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu trước chùa Phước Duyên, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Và ngọn đuốc thứ tư chính là ngọn đuốc của sư cô Thích Nữ Diệu Quang vào ngày 15/8/1963 tại quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Năm đó, sư cô vừa tròn 27 tuổi.

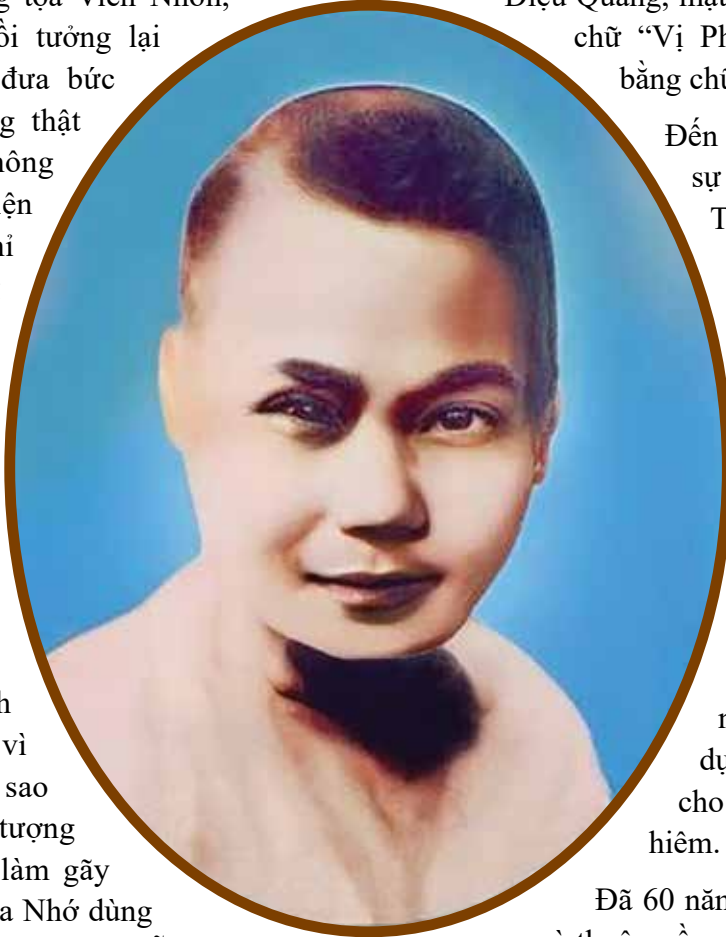
Tin tức sư cô Diệu Quang tự thiêu để đấu tranh bảo vệ đạo pháp, từ Ninh Hòa nhanh chóng được loan vào Nha Trang và khắp nơi trong tỉnh.

Một vài ngày sau, dưới sự chỉ đạo của Thượng tọa Thích Đức Minh – chánh Hội trưởng Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, cùng với Thượng tọa Thích Viên Nhơn - Hội trưởng Chi hội Phật giáo Ninh Hòa, việc xây dựng đài tưởng niệm sư cô Diệu Quang gấp rút được thực hiện. Ngay tại mảnh đất nơi sư cô tự thiêu, một đài cao hình chóp tứ giác được xây lên.

“Bức tượng sư cô Diệu Quang được mang ra từ Nha Trang. Đây vốn là một bức tượng bán thân có sẵn, tạc hình một ai đó còn dang dở, được đắp và sửa lại thành dung mạo của Sư cô Diệu Quang.” – Bác Nguyễn Ngọc Châu, một huynh trưởng Gia đình Phật tử năm nay 85 tuổi, lúc ấy đang làm thư ký cho Thượng tọa Viên Nhơn, nghẹn ngào hồi tưởng lại

– “Quá trình đưa bức tượng lên cũng thật gian nan, vì không có phương tiện hỗ trợ, nên chỉ đưa bức tượng lên bằng cách khiêng bộ. Tội nhất là anh ba Nhớ (bác Đặng Hữu Nhớ), lúc đó anh em đã đưa được bức tượng lên đến gần đỉnh chóp, nhưng vì trượt tay hay sao đó, nên bức tượng đã rơi xuống, làm gãy giàn gỗ. Anh ba Nhớ dùng vai mình gánh cây đòn gỗ đỡ nguyên phần giàn phía trên, nhờ vậy mà bức tượng không bị rơi xuống đất”.

Qua lời kể của bác Châu, tôi được biết thêm, bác Trần Mùi - một Phật tử kỳ cựu, làm nghề thợ xây - cùng một nhóm Phật tử thân cận của thầy Viên Nhơn và các anh em trong Gia đình Phật tử, là những người trực tiếp xây dựng tượng đài. Tuy có nhiều khó khăn và vội vã, nhưng với sự quyết tâm và sức mạnh tinh thần to lớn, bức tượng đã được đưa lên, an trí cố định trên đỉnh



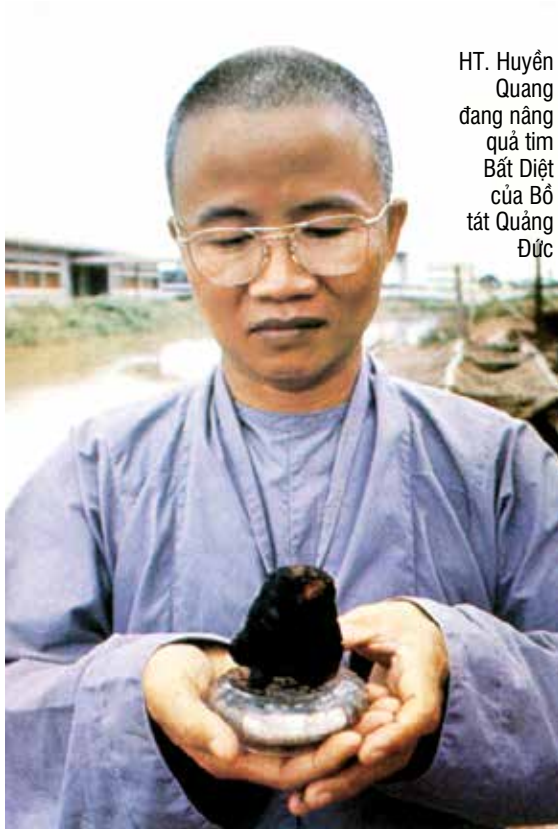
chóp đài. Như thế, chỉ một khoảng thời gian ngắn sau sự kiện sư cô Diệu Quang tự thiêu, đài tưởng niệm đã được hoàn thành ngay chính tại nơi người đã ngồi. Khuôn viên tượng đài ước chừng 60m², được rào tam bằng dây kẽm gai. Đài cao khoảng gần 5m, bên trên đặt tượng bán thân của sư cô Diệu Quang, mặt trước đài đề bốn chữ “Vị Pháp Thiêu Thân” bằng chữ Hán.

Đến năm 1991, dưới sự chỉ đạo của HT. Thích Ngộ Tánh, Chánh Đại diện Phật giáo huyện Ninh Hòa thời bấy giờ, khuôn viên tượng đài được trùng tu lại, thêm phần tường rào kiên cố, đài tưởng niệm vẫn giữ nguyên trạng như lúc mới xây dựng, chỉ sơn lại cho thêm trang nghiêm.

Đã 60 năm trôi qua, những gì thuộc về quá khứ như trang sách cũ được khép lại. Trong tập sách lịch sử ấy, dù có nhiều chữ bị nhòe không đọc được, nhưng nội dung của nó vẫn in đậm trên từng trang viết lại một cách hùng hồn. Và một trong những trang sách hào hùng bi tráng ấy, vẫn còn ngự trị sâu sắc trong lòng người dân Ninh Hòa nói riêng và Phật tử khắp nơi nói chung, cuộc tự thiêu của một vị trưởng nữ Như Lai, và biểu tượng còn lưu dấu hiện tồn chính là tượng đài “Vị Pháp Thiêu Thân” của sư cô Thích Nữ Diệu Quang. ○

TỔNG HỢP NHỮNG THÔNG TIN VỀ BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

Vĩnh Hữu (Tổng hợp)



HT. Huyền
Quang
đang nâng
quả tim
Bất Diệt
của Bồ
tát Quảng
Đức

Trái tim bất diệt của Bồ tát hiện giờ ở đâu

Sự kiện tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức để bảo vệ Chánh pháp và cầu nguyện hòa bình, qua truyền thông, lập tức đã gây chấn động thế giới, làm thay đổi cục diện ở Việt Nam sau đó.

Sau khoảng 15 phút an nhiên thiêu định trong biển lửa, nhục thân của Ngài đã được thỉnh về chùa Xá Lợi làm tang lễ, rồi cung thỉnh về làm lễ trà tỳ (hoả thiêu) tại đài hỏa táng An Dương Địa ở Phú Lâm (Sài Gòn), sau khi nhục thân biến thành tro thì quả tim vẫn còn. Quả tim lại được đưa trở lại lò thiêu với ngọn lửa trên 4.000 độ, trong nhiều giờ

liền, nhưng vẫn không cháy, trở thành một khối rắn như đá với hình dáng nguyên vẹn một cách huyền diệu, lạ thường.

Chư tôn đức trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo đã hội ý và quyết định cung thỉnh “Trái tim bất diệt” của Bồ tát trở về chùa Xá Lợi để tôn thờ, rồi chuyển qua thờ tại Việt Nam Quốc Tự.

Sau đó, khi Hòa thượng Thích Từ Nhơn được Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết giao nhiệm vụ thiêng liêng là bảo quản tôn thờ Trái tim bất diệt, vì lo sự an toàn, Hòa thượng Từ Nhơn đã đề nghị được gửi vào một Ngân hàng Pháp quốc tại Sài Gòn để được bảo mật. Trái tim bất diệt đã được tôn trí trong một tháp bằng đồng và dán niêm phong có chữ ký của Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết. Quả tim vẫn còn nằm trong chiếc hộp, trên hộp có bảo quản bằng một sợi dây bằng đồng hình chữ thập và có hai hàng chữ: “Lệnh niêm phong của Đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất. Nghiêm cấm không ai được mở khi chưa có lệnh”.

Sau năm 1975, theo quy định chung, Ngân hàng Nhà nước tiếp quản các ngân hàng ở Sài Gòn, trong đó có việc tiếp nhận và gìn giữ trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức đang được gửi bảo mật tại Ngân hàng Pháp Quốc, bây giờ đã trở thành Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 1991, một lần nữa, Trái tim bất diệt được giao lại Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh phía Nam Thành phố Hồ Chí Minh

gìn giữ trước sự chứng kiến của đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), chính quyền, ngân hàng...

Văn bản bàn giao - ký gửi lúc 11 giờ trưa ngày 26-4-1991, bên đứng tên ký gửi là Hòa thượng Thích Thiện Hào (lúc bấy giờ là Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự (HĐTS) GHPGVN, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh Hòa thượng Thích Từ Nhơn (lúc đó là Phó Trưởng ban Tăng sự Trung ương) và Thượng tọa Thích Giác Toàn (lúc đó là Ủy viên Kiểm soát Trung ương GHPGVN).

Bên cạnh còn có các vị đại diện: ông Trịnh Thanh Tùng - Vụ phó Vụ Phát hành kho quỹ Ngân hàng Nhà nước, bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thủ kho Ngân hàng Nhà nước, bà Trần Thị Kim Liên - Kế toán Ngân hàng Nhà nước, ông Nguyễn Văn Ngọc - Vụ phó Vụ Tôn giáo Trung ương, ông Phạm Văn Hùng - Giám đốc Bảo tàng Cách mạng TP. Hồ Chí Minh, ông Bùi Văn Hàn - Cục phó Bộ Nội vụ, ông Đỗ Quốc Dân - Phó ban Tôn giáo TP. Hồ Chí Minh.

Nhị vị HT. Thích Thiện Hào và HT. Thích Từ Nhơn đã viên tịch, nay còn một nhân chứng duy nhất đại diện Giáo hội trong lễ bàn giao ký gửi trên là HT. Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Hòa thượng cho giới truyền thông biết:

“Tôi nhớ lúc có đủ mọi người, đại diện ngân hàng đã cẩn thận mang một chiếc tháp bằng đồng, cao chừng gần nửa thước, rộng khoảng 0,3 đến 0,4 mét; còn nguyên niêm phong có chữ ký và khuôn dấu của Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết và Hòa thượng Thích Từ Nhơn. Đại diện của ngân hàng cho biết Nhà nước đã bảo quản tốt từ sau ngày 30/ 4/ 1975, nay chuyển lại cho đại diện Phật giáo. Chư tôn đức giáo phẩm sau hơn một giờ bàn bạc đã đi đến thống nhất là gửi lại Ngân hàng Nhà nước để bảo quản. Bảo tháp bằng đồng bên trong tôn trí xá lợi Trái tim Bồ tát được giữ nguyên niêm phong và bàn giao gửi lại theo văn bản trước sự chứng kiến của nhiều người”.

Từ đó đến nay, Trái tim bất diệt vẫn ở trong Kho lưu trữ đặc biệt của Ngân hàng, chưa một lần mở cửa, hoặc được cung thỉnh để Tăng Ni, Phật tử, người tôn kính Ngài được đánh lễ, chiêm bái.

Cho đến sáng ngày 23/ 5/ 2019 (nhằm 19/4 âm lịch), Chư tôn đức Hội đồng Chứng minh (HĐCM), HĐTS do Trưởng lão HT Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ HĐCM; HT Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch HĐTS dẫn đầu đã đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. - nơi đang gìn giữ xá lợi Trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức - để đánh lễ tưởng niệm.

Bức ảnh lịch sử



Bức ảnh “Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu” thật là một hình ảnh bi hùng bi tráng, vô cùng thiêng liêng của lịch sử Phật giáo toàn thế giới!

Bức ảnh do Malcolm Browne, phóng viên của Hãng thông tấn AP Hoa Kỳ, cơ quan báo chí hàng đầu của thế giới, chụp được khi ông kịp có mặt tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, vào lúc 10 giờ sáng ngày Chủ nhật 11 tháng 6 năm 1963.

Vào sáng đó, phóng viên Malcolm Browne cùng một đồng sự người Việt tên Trần Văn Hà thuộc Associated Press (AP) có mặt tại chùa Từ Nghiêm. Ngoài hai người của AP còn có phóng viên của Agence France Presse (AFP, Pháp) và United Press International (UPI, Mỹ) tuy nhiên chỉ có phóng viên AP mang theo máy ảnh. Browne là phóng viên chứ không phải là nhiếp ảnh viên vì vào thời điểm ấy, AP không có phóng viên

ảnh nên các nhà báo phải tự chụp hình. Tối hôm trước (10/6/1963), Malcolm Browne và một số phóng viên nước ngoài làm việc tại Sài Gòn đã nhận được điện thoại từ chùa Xá Lợi báo tin sẽ có một “sự kiện đặc biệt quan trọng diễn ra tại ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt”.

Khi sự kiện được diễn ra trước mắt, Malcolm Browne bấm liên tục chụp từ cùng một góc độ nhìn rồi sau đó công bố đến 9 bức ảnh đen trắng, ghi lại khá chi tiết và trung thực diễn tiến động thái tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, và ông đã chọn một bức điển hình nhất để công bố trên phương tiện truyền thông thời bấy giờ.

Phóng viên Browne trở về văn phòng của AP lúc 10 giờ 45, những cuộn phim được chuyển ngay qua Phi Luật Tân. Trong cuộc phỏng vấn của Patrick Witty, biên tập viên hình ảnh của tạp chí Time, Malcolm Browne tiết lộ nhiều điều thú vị khi thực hiện loạt hình tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức. Được hỏi về những chi tiết của buổi sáng ngày 11/6/1963 Browne tiết lộ:

“Tôi sử dụng một máy ảnh rẻ tiền của Nhật Bản có tên là Petri. Tôi đã sử dụng nó rất thành thạo, nhưng tôi muốn chắc chắn rằng tôi không chỉ cài đặt đúng chế độ chụp trên máy ảnh mỗi khi chụp và tập trung vào sự kiện một cách thích đáng, mà còn phải thay phim một cách nhanh chóng để theo kịp với những gì đang diễn ra. Hôm đó tôi chụp hết khoảng mười cuộn phim, bởi vì tôi đã chụp liên tục...”

Về việc chuyển các cuộn phim đã chụp ra khỏi Việt Nam để tránh kiểm duyệt (vì lúc này chính quyền Ngô Đình Diệm đang cho kiểm soát gắt gao và tiêu huỷ tất cả những gì liên quan đến sự kiện tự thiêu), Browne cho biết: “Chúng tôi đã sử dụng chim bồ câu để gửi đến Manila, Philippines. Ở Manila người ta có thiết bị để gửi đi bằng sóng vô tuyến... Chim bồ câu ở đây là một hành khách trên một chuyến bay thương mại bình thường mà mình đã thuyết phục để họ nhận chuyển gói đồ nhỏ cho mình. Thời gian là

vấn đề cốt yếu trong việc này, tôi đã nhanh chóng đem các cuộn phim ra sân bay, và được chuyển đi trên một chuyến bay đến Manila không lâu sau đó”.

Khi bức ảnh xuất hiện trên trang nhất của các tờ báo lớn trên khắp thế giới, khiến cho vị Tổng thống Hoa Kỳ là ông Kennedy đã phải thốt lên: “Không một bức ảnh thời sự nào trong lịch sử thế giới lại tạo ra nhiều cảm xúc như thế!”.

Bức ảnh của Malcolm Browne đoạt giải World Press Photo năm 1963, và giải Pulitzer năm 1964 về sự kiện tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức.

Chiếc xe chở Hoà thượng Quảng Đức vào sáng 11-6-1963



Xem các bức ảnh ghi nhận sự kiện “Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu”, chúng ta sẽ thấy phía sau là chụm Tăng Ni và một xe ô-tô đang đậu mở nắp máy. Được biết, chiếc xe nhãn hiệu Austin Westminster, mang biển số DBA-599, thuộc diện xe đẹp và sang trọng hiếm hoi thời bấy giờ, là của một vị cư sĩ Phật tử tên là Trần Quang Thuận. Ông người gốc Huế, là đệ tử của Hoà thượng Thích Đôn Hậu ở chùa Thiên Mụ.

Là người nhiệt thành trong các Phật sự, nhất là tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo. Vào tháng 3 năm 1963, ông đang bị nhà cầm quyền quản thúc tại Thủ Đức, vợ của ông là Phật tử Tôn Nữ Túy Thiện đã cho chụm tôn đức Tăng mượn chiếc xe hơi để chở Hoà thượng Thích Quảng Đức.

Sau buổi sáng lịch sử đó, Nha cảnh sát Sài Gòn đã thu giữ chiếc xe như một vật chứng. Phải đến gần 2 năm sau, gia đình cúng dường chiếc xe lên Bốn sư là Hòa thượng Đôn Hậu ở chùa Thiên Mục, nhà chùa đã làm đơn xin mang chiếc xe về trưng bày, chiếc xe mới được đưa từ Sài Gòn ra Huế, rồi nằm lại ở chùa trong một gian nhà trưng bày kỷ vật vô giá suốt thời gian 60 năm cho đến hôm nay.

Những công viên, tượng đài, tháp, nhà tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức

- Ngôi Tháp vọng thờ Bồ tát Thích Quảng Đức - nơi Ngài tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt đô thành Sài Gòn (nay là ngã tư Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám, TP. Hồ Chí Minh.). Và ngôi tháp Lửa Từ Bi thờ Bồ tát Quảng Đức Chùa Quán Thế Âm tọa lạc ở số 90 đường Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, trong đó thờ tôn tượng Ngài bằng đồng cao 1,82m, nặng 1 tấn, an vị tại bảo tháp vào năm 1999.



Tháp tưởng niệm Bồ tát nơi Ngài tự thiêu



Tháp lửa thờ Bồ tát tại chùa Quán Thế Âm (Phú Nhuận)

Công viên - Tượng đài tưởng niệm Bồ tát Thích Quảng Đức tại ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Cách Mạng Tháng Tám (Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt cũ, nơi Ngài tự thiêu). Công trình khánh thành vào ngày 18/09/2010



Công viên - Tượng đài Bồ tát Quảng Đức nơi Ngài tự thiêu

Công viên - Tượng đài Bồ tát Thích Quảng Đức trong khuôn viên đối diện chùa Long Sơn, trên đường Đường 2 tháng 4 TP. Nha Trang.

Phù điêu Bồ tát Thích Quảng Đức cùng với phù điêu 6 vị Thánh tử Đạo khác dưới đài sen bát giác Kim thân Phật Tổ trên đồi Trại Thủy.



Công viên Bồ tát Quảng Đức tại chùa Long Sơn - NT.



Tượng đài Bồ tát tại chùa Long Sơn (Phú Cang)



Phù điêu Bồ tát Quảng Đức tại Kim thân Phật Tổ - chùa Long Sơn

Tượng đài Bồ tát Quảng Đức ở chùa Long Sơn – Phú Cang, Vạn Ninh.

Nhà lưu niệm Bồ tát Quảng Đức ở chùa Linh Sơn - Hiền Lương, Vạn Ninh, tôn trí pho tượng Bồ tát bằng đồng, kích cỡ như người thật.

Nhà tưởng niệm Bồ tát Quảng Đức tại chùa Phước Long - Cam Ranh

Đặc biệt, ở miền Bắc, tại ngôi chùa cổ Hoè Nhai, tên chữ là Hồng Phúc Tự, tọa lạc tại số 19 phố Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, TP. Hà Nội, từ năm 1963 đã được Thành hội Phật giáo Hà Nội xây dựng tháp Ấn Quang vào ngày 20 tháng 7, để hướng vọng về miền Nam phụng kính và tưởng niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức, vị pháp thiêu thân vào ngày 11 tháng 6 cùng năm.



Tháp Ấn Quang vọng thờ Bồ tát tại chùa Hòe Nhai (Hà Nội)

Những con đường mang tên Bồ tát Quảng Đức

Đường Thích Quảng Đức chạy dài theo khu đô thị Hà Quang, TP. Nha Trang (trước đây là đường A4).

Đường Quảng Đức thuộc phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, chạy song song với đường Phú Đức, nơi có chùa Phú Đức.

Đường Thích Quảng Đức ở thị xã Ninh Hoà.

Đường Thích Quảng Đức chạy ngang qua chùa Quan Thế Âm (di tích cuối cùng của Bồ tát), quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Đường Thích Quảng Đức thuộc địa bàn phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đường Thích Quảng Đức thuộc phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, nằm trong khu dân cư tái định cư Hoà Mỹ.

Đường Thích Quảng Đức, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Đường Thích Quảng Đức, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Những tự viện mang tên Bồ Tát

Theo thông kê chưa đầy đủ, trong và ngoài nước có những ngôi chùa, tu viện, thiền viện trang nghiêm mang phước danh của Bồ tát, như:

Chùa Quảng Đức tọa lạc tại thôn Bến Khế, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Đây là ngôi Ni tự đầu tiên ở vùng kinh tế mới trụ lại với dân nghèo để truyền bá Chánh pháp. Chùa do HT. Thích Trùng Thi khai sơn năm 1992

Chùa Quảng Đức tọa lạc tại thôn Tân Quảng - xã ÊaKênh - huyện Krông Păk - tỉnh Đắk Lắk. Cách trung tâm TP. Buôn Ma Thuột 22 km, về hướng Đông.

Thiền viện Quảng Đức (Văn phòng II - TƯ GHPGVN tại TP.HCM)



Chùa Quảng Đức tọa lạc tại thôn 08, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Pah, tỉnh Gia Lai, do Hoà Thượng Thích Giác Tâm khai sơn năm 2019.

Thiền viện Quảng Đức tọa lạc ở số 294 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, thuộc phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Thiền viện được Hòa thượng Thích Thiện Minh thành lập vào năm 1964. Nay là Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN.

Chùa Quảng Đức tọa lạc tại 193D quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12. TP. Hồ Chí Minh.

Chùa Quảng Đức có tên cũ là Niệm Phật Đường, tọa lạc tại số 117/2A đường Bàn Cờ, phường 3, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.. Đây là khu Vườn Bàu ngày xưa.

Tu viện Quảng Đức tọa lạc tại số 33 đường Đặng Văn Bi, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức do Hòa thượng Thích Quảng Liên thành lập vào năm 1966.

Tu viện Quảng Đức tọa lạc tại xã Đức Bình, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

Chùa Quảng Đức tọa lạc tại số 139 Lê Lợi, phường Phước Hội, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Chùa Quảng Đức có tên cũ là chùa Phật Học, là một trong những ngôi chùa đầu tiên của đất La Gi, Hàm Tân.

Chùa Quảng Đức tọa lạc tại Ấp 8 xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ (gần ngã tư Sông Ray) tỉnh Đồng Nai.

Tịnh Viện Quảng Đức tọa lạc tại số 352A đường Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tịnh Viện theo hệ phái Bắc Tông. Do Ni trưởng Thích Nữ Bích Liên khai sơn lập tự năm 1965.

Tu viện Quảng Đức Thành phố Melbourne thuộc vùng Fawkner phía Tây Bắc của tiểu bang Victoria, Úc Đại Lợi, do Thượng tọa Thích Tâm Phương (người gốc Nha Trang, Khánh Hòa) khai sơn từ năm 1990. Đây là nơi có chùa mang tên Bồ tát đầu tiên ở nước ngoài. ○

60 năm Ngọn lửa vẫn sáng

Lưu Đình Long

LGT: Sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức, vị pháp thiêu thân ngày 11/06/1963 tại ngã tư đường Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt đô thành Sài Gòn (nay là Nguyễn Đình Chiểu - Cách Mạng Tháng Tám, quận 3, TP. Hồ Chí Minh) trở thành sự kiện chấn động toàn cầu, thể hiện tinh thần đấu tranh bất bạo động của Phật giáo, và mở đường cho sự sụp đổ của một chế độ bạo quyền, kỳ thị tôn giáo.

Hình ảnh ngọn lửa thiêng và trái tim bất diệt của Ngài như là một biểu tượng cho tinh thần đấu tranh chống lại sự bất công, xung đột, chia rẽ, hận thù... mở đường cho hiểu biết yêu thương, là biểu tượng cho sự gắn bó giữa đạo pháp và dân tộc, là niềm tin vào sự mâu nhiệm của Phật pháp.

Nhân kỷ niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức, vị pháp thiêu thân, chúng tôi xin gửi đến quý độc giả phóng sự của tác giả Lưu Đình Long ghi nhận suy nghĩ, cảm nhận của các vị Tăng Ni trẻ theo nhiều truyền thống tu học, cũng như quý Phật tử về sự kiện tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức năm ấy.



Tỳ kheo GIÁC MINH TUỜNG
(Giáo đoàn III, Hệ phái Khất sĩ):

“Mỗi cá nhân Tăng Ni phải hướng đến con đường Bồ tát”

Bản thân chúng tôi sinh sau năm 1975, không trực tiếp sống trong những ngày Pháp nạn, không tận mắt tận tai nghe về gương vô úy của Bồ tát Thích Quảng Đức cũng như chư Tôn đức tiền nhân. Tuy nhiên, ngay lần đầu nghe về Bồ tát Thích Quảng Đức, thì câu chuyện vị Pháp thiêu thân của ngài đã in động trong tâm trí qua những lời thơ của cố Ni trưởng Huỳnh Liên.

*Tôi yêu Phật giáo Việt Nam,
Là vì Phật giáo nhiều hàng Hiền Tăng
Trước ngài Quảng Đức thiêu thân,
Quảng Hương, Thiện Mỹ vân vân nói nguyện
Kế chư Thượng toạ hiện tiền,
Nắm xe chuyển pháp cảm quyền hoá dân
Hy sinh vì chúng trông “nhân”,
“Quả” thành Bồ-tát xuất thân cõi phàm.*

(Tôi yêu Phật giáo Việt Nam).

Lúc đó, tuy chỉ là cậu bé Phật tử chưa hết lớp 3 nhưng tâm trí tôi đã kịp ghi nhớ lời kể của Ni trưởng Siêu Liên, sau khi đọc bài thơ này. “Hồi năm 1962-1963, chính phủ Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, triệt hạ cờ Phật giáo, gây nên nhiều đau khổ, bức xúc cho Tăng Ni, Phật tử. Trước cảnh Phật giáo bị áp bức cực độ, Bồ tát Thích Quảng Đức đã châm xăng tự thiêu để phản đối.

Tuy nhiên, lửa tuy cháy hết xác thân, nhưng trái tim của Ngài vẫn còn, và dù có nung thế nào cũng không cháy...”

Sau này khi xuất gia, ngẫm lại lời thơ của Ni trưởng Huỳnh Liên viết về Ngài Quảng Đức lại càng thấy hay. Tôi nghĩ rằng: Phật pháp tại thế gian quả thật như cỗ xe, được chư Tăng Ni đương thời chuyển vận, rồi những thế hệ kế thừa tiếp nối sự nghiệp chuyển vận ấy để bánh xe Chánh pháp lăn mãi từ quá khứ, đến hiện tại và về tương lai.

Vào thời điểm đầu thập niên 1960, bánh xe Phật pháp tại miền Nam bị mắc kẹt và nguy cơ gãy đổ, thì chư vị Tôn Đức đương thời, mà tiêu biểu nhất là Bồ tát Thích Quảng Đức đã đồng mãnh không tiếc thân mình để đưa Phật Pháp vượt qua trở ngại đó.

Hy sinh thân mệnh, tự thiêu mình, làm phương cứu độ

Lập hạnh vô úy, đưa Phật pháp, vượt qua khổ nạn.

Việc làm ấy phải là hùng tâm của bậc Đại sĩ (đồng nghĩa với Bồ tát) mới có thể làm được.

Sau này, khi đã xuất gia, có một lần đọc kinh Phổ Môn đến đoạn:

*“... Chúng sanh vương tại nàn
Thân khó bức gian nan
Quán Âm sức trí diệu
Năng cứu khổ thế gian
Thân thông lực phi thường
Quán Âm nhiều phương tiện
Các quốc độ mười phương
Không cõi nào chẳng hiện”.*

Tôi liền nghĩ đến Bồ tát Quảng Đức. Và rồi khái niệm “Bồ tát thị hiện” bỗng trở nên hiện thực và gần gũi hơn đối với tôi.

Đối với cá nhân mỗi người tu sĩ, ngoài chí nguyện giải thoát của tự thân, ai cũng phải ý thức trách nhiệm đối với trọng trách chuyển vận bánh xe Chánh pháp. Và để làm được việc đó, mỗi cá nhân Tăng Ni phải hướng đến con đường Bồ tát, phải chuẩn bị sẵn một tâm thế hy sinh cho Đạo pháp, phải lập hạnh kiên cố như gương của Bồ tát Thích Quảng Đức thuở trước.

Sư cô THÍCH NỮ NHUẬN BÌNH:

“Tri ân Ngài bằng cách đem đạo vào đời”

Có thể nói, phong trào đấu tranh bất bạo động của Phật giáo Việt Nam năm 1963 nổi bật nhất là sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức - vị pháp thiêu thân, góp phần mang lại bình đẳng tôn giáo, hòa bình cho đất nước tại miền Nam Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã có những đối xử bất công với Phật giáo, nên đã tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội. Khi sự kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật giáo lên tới đỉnh điểm của gia đình trị họ Ngô, lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng đã ghi dấu rất nhiều tấm gương “*quyết tử để đạo pháp tồn sinh*”. Có 24 vị Thánh tử đạo, cùng 57 vị bị sát hại, thủ tiêu... Phật giáo mới qua được Pháp nạn năm 1963.

Sự kiện này đã ghi vào lịch sử Việt Nam và lịch sử Phật giáo Việt Nam những trang sử vẻ vang, những tấm gương sáng, những bài học để đời cho hàng ngàn thế hệ con cháu noi theo. Điều này đã tạo ra sức mạnh phi thường đến từ bên trong, một cuộc đấu tranh không dùng vũ khí, không cần đến sự giết hại, chỉ dùng trí tuệ, sự vô úy, năng lượng từ bi, vô ngã vị tha để tạo nên sức mạnh tiềm tàng từ nội tại vốn có trong mỗi người con Phật. Ngọn lửa từ bi của Bồ tát Thích Quảng Đức và rất nhiều ngọn lửa bi hùng khác đã kết tinh thành sức mạnh “đại hùng, đại lực, đại từ bi” để chiến thắng bạo lực, hung tàn, cường đạo và hận thù. Điều đó được thể hiện rõ nét qua lời nói, hành động, đặc biệt là những di thư thâm trầm tinh thần từ bi nhằm thức tỉnh lương tri hệ thống chính trị Ngô Đình Diệm của Bồ tát



Thích Quảng Đức trước ngày vị pháp thiêu thân.

Tròn 60 năm qua (1963 - 2023), “Quả tim bất diệt” của Bồ tát Thích Quảng Đức là minh chứng hùng hồn để biết rằng. Cái gì là tà bại, cái đó rồi sẽ bị diệt vong. Cái gì là bất thiện, cái đó sẽ bị đào thải trong một sớm một chiều. Bồ tát Thích Quảng Đức đã ra đi, xác thân tứ đại của Ngài đã trả về cát bụi theo tiến trình sinh diệt, diệt sinh của vũ trụ, chỉ còn lại trần gian quả tim bất diệt theo thời gian và những di bút được kết tinh từ hạnh nguyện vô ngã vị tha, tâm từ bi sống quên mình vì người và tấm lòng hướng về đạo pháp, chúng sanh vô lượng.

Là thế hệ hậu bối, chúng tôi luôn tự hào khi là con của Đức Phật, được kế thừa tư tưởng đạo đức, nhân văn của Ngài, cũng rất vinh hạnh vì được là hậu bối của chư vị lịch đại Tổ sư hữu công, đặc biệt là Bồ tát Thích Quảng Đức. Tâm nguyện “vị pháp thiêu thân” của Ngài luôn nhắc nhở chúng tôi phải có trách nhiệm với con đường tu học và hành đạo của mình, phải làm sao để ngôi nhà chánh pháp được trường lưu và phát triển vượt bậc. Sự tri ân không đến từ ngôn ngữ, sự tri ân nên bắt đầu bằng hành động thực tế cho việc đem đạo vào đời và làm cho đời sáng tươi.



Đại đức THÍCH TUỆ NHẬT (Phó Văn phòng Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương):

“Ngài là biểu tượng của tinh thần hộ quốc an dân”

Bồ tát Thích Quảng Đức là một trong những bậc cao tăng bậc nhất của Phật giáo Việt Nam thời cận đại. Hình ảnh của Bồ tát Thích Quảng Đức, nhất là ngọn lửa và trái tim bất diệt mà Ngài đã để lại cho cuộc đời, đó là công hạnh rất lớn mà Tăng Ni, Phật tử tri ân. Và là bài học lớn về tinh thần đại hùng, đại lực, đại từ bi - sẵn sàng xả bỏ thân ngũ uẩn này để cúng dường Phật pháp, vì Phật pháp hi sinh thân mạng.

Riêng bản thân tôi, vào ngày 20/ 4/ Mậu Dần (1998), đúng 35 năm sau ngày Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân, đã có thiện duyên bước chân vào thiền viện Sơn Thắng (Vĩnh Long) để công quả, xuất gia tu hành. Chúng tôi nghĩ rằng, mình cũng được ân hưởng một phần công đức của ngày lễ vía Bồ tát Thích Quảng Đức.

Cuộc đời, công hạnh của Bồ tát Thích Quảng Đức để lại nhiều bài học cho chúng ta noi theo. Đầu tiên đó là tinh thần tu học của Bồ tát Thích Quảng

Đức. Ngài rất chú trọng đến tinh thần chuyên tu. Tu cho sáng đạo và hoằng pháp không mệt mỏi, đi khắp nơi, từ miền Trung đến miền Nam để khai sơn, tạo tự, phục dựng những ngôi chùa đã bị mai một.

Một trong những bộ kinh mà Bồ tát Thích Quảng Đức rất tâm đắc là kinh Pháp Hoa. Trong bộ kinh này có hình ảnh của Bồ tát Dược Vương, tiền thân của Bồ tát Dược Vương là Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến - ai thấy cũng đều hoan hỷ. Và chính vị Bồ tát này đã phát nguyện thiêu thân để cúng dường Tam bảo. Chúng tôi nghĩ rằng, Bồ tát Thích Quảng Đức cũng là một hình ảnh của Bồ tát Dược Vương, sẵn sàng vị pháp thiêu thân, đòi quyền tự do, bình đẳng tôn giáo.

Ngày nay, mỗi dịp Phật đản, chúng ta kính mừng Đức Phật đản sinh, cũng không quên hình ảnh Bồ tát Thích Quảng Đức. Nhờ có Bồ-tát và các vị Thánh tử đạo cũng như chư vị tiền bối hữu công mà hôm nay chúng ta có mùa Phật đản diễn ra trang nghiêm, gắn liền với lá cờ Phật giáo và tinh thần từ bi, trí tuệ, bình đẳng, hòa hợp, nhân ái của đạo Phật.

Một bài học Bồ tát Thích Quảng Đức để lại cho Phật giáo Việt Nam, đó là tinh thần hộ quốc an dân. Khi đạo pháp cần, dân tộc cần thì chúng ta sẵn sàng đứng lên, bảo vệ đạo pháp, bảo vệ dân tộc, vì cái chung, bỏ đi cái riêng.

Ngày hôm nay, Phật giáo Việt Nam đã phát triển trong nước và ở nước ngoài, ra khắp các châu lục. Noi gương Bồ tát Thích Quảng Đức, chư tôn đức vân du mọi nơi, không quản ngại khó khăn, gian khổ, vất vả, hi sinh cá nhân phụng sự Tam bảo, làm sao để Phật giáo Việt Nam trường tồn, không phụ lòng các thế hệ tiền bối, trong đó có Bồ-tát Thích Quảng Đức...



Đại đức MINH GIẢI (tu sĩ Phật giáo Nam Tông, chùa Huyền Không, TP.Huế):

“Thừa hành Phật sự, giữ giới và trau dồi trí lực để phụng sự”

Với sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức - vị pháp thiêu thân, tôi nghĩ bất kỳ Tăng Ni, Phật tử nào cũng ghi nhớ, rất trân trọng công ơn của Ngài. Nếu không có sự kiện đó, chắc chắn chúng ta sẽ không có một nền Phật giáo, cùng một quốc độ độc lập như bây giờ để tu tập.

Bản thân chúng ta là hàng hậu học, luôn ghi nhớ công ơn các bậc tiền bối, đặc biệt

là sự kiện liên quan đến Bồ tát Thích Quảng Đức. Đây là một trong những sự kiện ảnh hưởng lớn đến tâm thức của tôi, nhất là trước khi xuất gia. Hình ảnh Bồ tát Thích Quảng Đức ngồi giữa đường và lửa rừng rực cháy như một bó đuốc từ thân của Ngài là một trong những hình ảnh rất ấn tượng, gây xúc động.

Sau khi xem lại các tư liệu và những thước phim của Ngài chúng tôi càng cảm phục hơn hành trạng cũng như quyết định của Bồ tát liên quan đến sự kiện chấn động lịch sử đó.

Khi trở thành một tu sĩ, sự kiện của Ngài có tác động sâu sắc đến con đường tu tập của mình. Chúng tôi cũng có may mắn là có một vị sư phụ luôn dõi theo, giáo giới các câu chuyện liên quan đến Bồ tát Thích Quảng Đức để môn đồ đệ tử của mình được lắng nghe, hiểu hơn về hành trạng của Ngài. Chúng tôi thực sự muốn lấy giáo pháp làm thầy, chia sẻ những điều thuộc về giáo pháp, do đó chúng tôi nghĩ rằng mình phải nỗ lực hơn trong quá trình tu và học, cả nội và ngoại điển, pháp học lẫn pháp hành, cũng như những trải nghiệm khác với các tu sĩ đồng tu, với cư sĩ tại gia.

Nghĩ về Ngài, chúng tôi nguyện giữ giới, bảo hộ cho tự thân và trau dồi trí lực phụng sự cho cộng đồng xã hội.



Phật tử NGUYỄN THÁI HIỆP (Phật tử Đạo tràng Pháp Hoa, trưởng nhóm từ thiện Quang Đức):

“Hành trạng của Bồ tát Thích Quảng Đức sách tấn tôi trong lúc thối chí, nản lòng”

Mùa sen nở tháng tư, mỗi người con Phật dù bất cứ nơi đâu cũng hân hoan. Không ít Phật tử còn bồi hồi, xúc cảm nhớ về sự kiện Pháp nạn của Phật giáo Việt Nam năm 1963, mà đỉnh điểm là sự kiện Đức Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu chấn động năm châu.

Là người trẻ sinh sau năm 1975, không chứng kiến trực tiếp diễn biến của cuộc tranh đấu vì Đạo Pháp bằng con đường bất bạo động của những người con Phật lúc bấy giờ. Nhưng qua tài liệu, sách, ảnh - tất cả như quay ngược lại thời gian, làm sống dậy tinh thần hy sinh, bảo vệ giàn giáo của Chánh pháp Phật đà.

Cuộc tranh đấu năm 1963 hoàn toàn là cuộc tranh đấu bất bạo động cho quyền bình đẳng tôn giáo. Trong tận sâu gốc rễ chur vị Tổ sư tiền bối và qua những gì quý ngài đã làm hoàn toàn không vì tính kỳ thị, ghét bỏ hay loại trừ một tôn giáo nào mà chỉ một mong mỏi là bình đẳng giữa các tôn giáo với nhau. Ngày hôm nay cũng vậy, hồi tưởng, ôn lại lịch sử là để thế hệ tiếp bước tự hào vì sự hy sinh cao quý của tiền nhân và tránh đi vết xe đổ của quá khứ, phấn đấu phụng sự Tam bảo làm cho Phật pháp huy hoàng.

Hình ảnh tự thiêu của Đức Bồ tát Thích Quảng Đức như ngọn lửa thiêng sống mãi trong lòng những người con Phật dù ở nơi đâu. Ngọn lửa của hòa bình và bình đẳng. Ngọn lửa ấy là bài học là tinh thần Đại hùng, Đại lực, Đại trí, Đại từ và Đại bi của Phật giáo. Nó không phải là phép màu mà là có thật bằng sự thật tu, thật học với tinh thần bất bạo động cao cả của nhà Phật.

Tấm gương ngời sáng của bậc chân tu - Bồ tát Thích Quảng Đức, là minh chứng sống



động cho lớp lớp Tăng Ni, Phật tử hướng về quy kính và hết lòng vì đạo pháp. Ngọn lửa thiêng cháy trên thân Ngài là ngọn lửa của từ bi và trí tuệ của nhà Phật. Hình ảnh ấy luôn là niềm tự hào vô cùng to lớn đối với cá nhân tôi và của chung những người con Phật. Đạo pháp và dân tộc Việt Nam luôn đồng hành cùng nhau, quốc hưng thì đạo thịnh - quốc kiệt thì đạo mòn. Đạo tuy có lúc mòn nhưng không hề mất. Trái tim của Ngài Quảng Đức để lại như một minh chứng cho Phật giáo, cho niềm tin về sự tu tập có kết quả và đạo Phật sẽ phát triển huy hoàng như những lời Ngài di chúc. Mỗi lúc thối chí, xiêu lòng, nhờ hình ảnh Bồ-tát Quảng Đức mà tôi có thể vực dậy và tiếp tục tu tập. Niềm tin vào kinh Pháp Hoa mà Ngài thường hành trì ngày càng lớn thêm.

Sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963 đối với cá nhân tôi là vô cùng thiêng liêng, đây tự hào mỗi khi nhắc lại. Hình ảnh ấy như một liều thuốc nhắc nhở mỗi cá nhân phải tự thân tu tập, hành trì theo pháp hành của mình để có sự thành tựu trong quá trình tu tập. Như một lời nhắc nhở, chỉ có con đường bất bạo động mới mang lại hạnh phúc tối thượng cho cả đôi bên. Mỗi khi nhắc về cuộc Pháp nạn của Phật giáo năm 1963, tận sâu thâm tâm tôi đều kính phục và biết ơn sâu sắc đối với các vị tiền nhân, chur Thánh tử đạo năm ấy mà điển hình là Bồ-tát Thích Quảng Đức.

Ca sĩ, Phật tử SA HUỲNH (quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh):

“Lắng lòng mỗi lần đi ngang tượng đài của Bồ tát Thích Quảng Đức”

Là một người hoạt động nghệ thuật, cũng là Phật tử nên tôi được nghe rất nhiều câu chuyện về các vị Tổ sư, trong đó có hành trạng Bồ tát Thích Quảng Đức. Mỗi lần đi ngang ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Cách Mạng Tháng Tám (Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.), tôi đều lắng lòng lại, nghĩ về công hạnh của Bồ-tát. Ngọn lửa thiêng của 60 năm trước vẫn cháy sáng trong lòng Phật giáo đồ Việt Nam. ○

Tháng Tư, mùa Phật đản vì vậy là mùa nhắc nhớ sự Đản sinh của Đức Phật cũng là dịp để Phật tử Việt Nam thấp ngọn lửa Chánh pháp trong mình. Đức Phật dạy, trong mỗi người đều có Phật tánh, nhớ Phật, nhớ các vị Bồ tát, những bậc xuất trần thượng sĩ trong đời là cách để mình trở về với hạt giống thanh tịnh ấy.

Lòng tri ân các vị Tổ sư, chư Thánh tử đạo nuôi dưỡng tâm mình, để mình nỗ lực hơn trên bước đường hoàn thiện bản thân. Dịp kỷ niệm năm nay, xin được hát dâng Ngài ca khúc “Kính lạy Bồ tát Thích Quảng Đức” của nhạc sĩ Chúc Linh:

Kính lạy Thầy

Dù nguy nan oan khiên, dù thân tâm đau xót
Chúng con vẫn một lòng

Chúng con vẫn bền lòng

Chúng con vẫn nguyện lòng

Vẫn nguyện lòng giữ trọn niềm tin

Ôi uy linh!

Trái tim Bồ tát

Lửa Kim cang sáng chói từ bi

Ôi thiêng liêng!

Hóa thân bất diệt

Vì chúng sanh phát nguyện độ đời...



Lương y, Phật tử PHÁP LẠC - LÂM TRUNG KIÊN (Long An):

“Gìn giữ ngọn lửa trí - bi trong mình”

Là thế hệ trẻ, khi xem lại thước phim Bồ tát Thích Quảng Đức - vị pháp thiêu thân, tôi không khỏi chấn động từ tận trong tâm. Ngài từng bước chân nhẹ nhàng nhưng đầy uy dũng, sự tĩnh lặng trong ngọn lửa của Ngài trở thành âm thanh chấn động cả thế giới về tiếng gọi hòa bình, về yêu thương, tôn trọng quyền con người, quyền tự do tôn giáo. Ngọn lửa của Ngài đã biểu hiện rõ nhất tinh thần “Bi - Trí - Dũng” của một bậc xuất trần thượng sĩ, “Thiệu Long Thánh Chủng”.

Ở cuộc đấu tranh năm 1963 của Phật giáo mà đỉnh cao là ngọn lửa Bồ-tát Thích Quảng Đức còn nêu cao tinh thần bất bạo động người con Phật. Đồng thời, nhấn nhủ nhân loại rằng, mọi áp bức, cường quyền đều không thể tồn tại, sẽ bị chính ngọn lửa “Bi - Trí - Dũng” cảm hóa, thiêu rụi.

Nhớ về Bồ tát Thích Quảng Đức, bản thân tôi ứng dụng tinh thần bất bạo động trong mọi ứng xử với các mối quan hệ của mình. Qua đó, giữ gìn ngọn lửa trí tuệ để phủi bớt tham chấp trong lòng mình.

TRANG Thơ

60 năm ngọn lửa thiêng Bồ tát

Nguyễn Hoàn

60 năm cận đại
Phật giáo Việt Nam tranh đấu sử
Lửa Kim Cương, lửa đại định
Ngọn lửa thiêng Bồ tát
Sáng bừng lên rực rỡ uy hùng
Đã làm cho thế giới loài người
Khắp bốn bể, năm châu rúng động
Bởi ngọn lửa thiêng, tấm lòng vô úy
Từ Pháp thân linh diệu cực thái hư
Sáng soi Ta-bà đến các cõi vô dư
Điểm linh quang sáng ngời Bi - Trí - Dũng
Ngọn lửa thiêng mở khai minh triết
Cho cuộc đời tỏ ngộ si mê
Là ánh hào quang soi sáng mọi nẻo về
Và mặc định cho cuộc đấu tranh lịch sử
Bởi quả tim Ngài là quả tim bất diệt
Nên đã trở thành mẫu nhiệm thiêng liêng
Là chân lý sáng ngời soi tỏ vô biên
Làm rúng động đất trời thay đổi
Với lịch sử 60 năm
Trong bất khả tư nghì chuyển hóa
Ngọn đuốc thiêng là thực thể tuyệt vời
Và quả tim thường hằng bất diệt cao siêu
Đã mặc khải cho nhiệm mầu chân lý
Kính lạy Bồ tát hôm nay ngày tưởng niệm
60 năm Bồ tát vị pháp thiêu thân
Con đã và đang đi theo đại nguyện của Ngài
Dù gian khổ con cũng chẳng hề chùn bước
Giữ lòng nung nấu quả tim bất diệt
Vững đường trần con từng bước đi lên
Phụng sự Đạo mầu cao cả thiêng liêng
Ngọn lửa Dũng trong tim con không còn nguội lạnh.

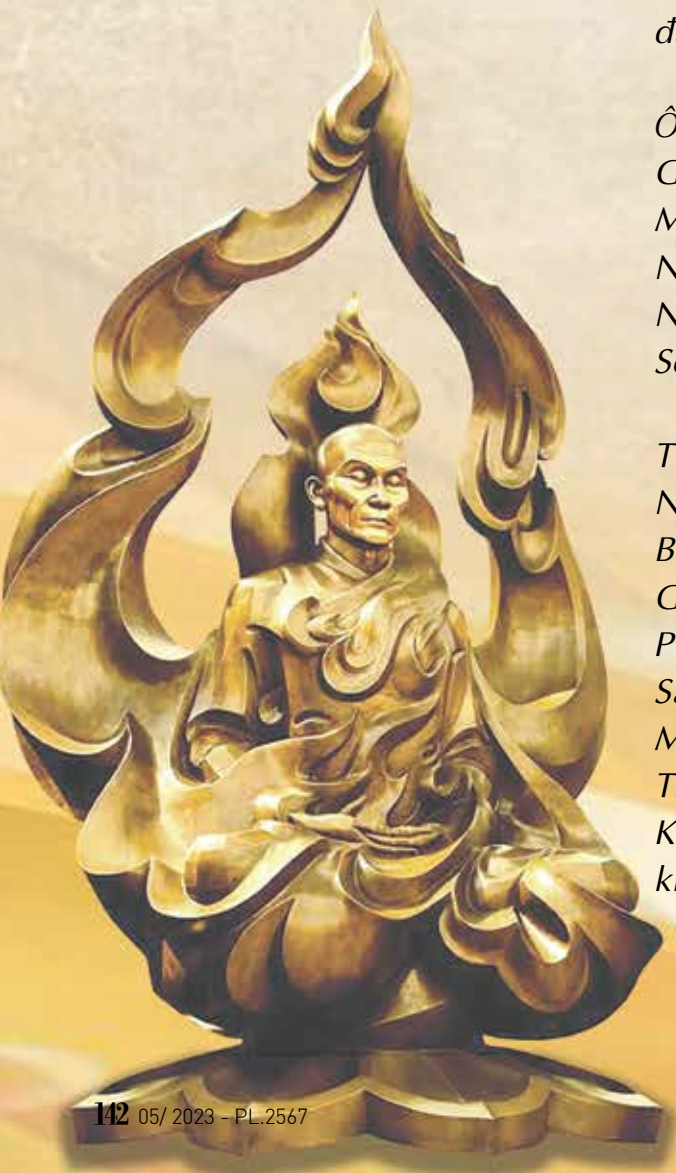
LỬA TỪ BÌ

Lửa!

*Lửa cháy ngất Tòa Sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm
hiện thành Thơ, quỳ cả xuống.
Hai Vầng Sáng rưng rưng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc,
Ánh Đạo Vàng phơi phới
đang bùng lên, dâng lên...*

*Ôi, đích thực hôm nay Trời có Mặt!
Giờ là giờ Hoàng-Đạo nguy nga.
Muôn vạn khối sân-si vừa mở mắt
Nhìn nhau: tình huynh-đệ bao la.
Nam-mô ĐỨC PHẬT DI ĐÀ
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?*

*Thương chúng sinh trầm luân bể khổ,
NGƯỜI rẽ phăng đêm tối đất dày
Bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây
Gọi hết LỬA vào xương da bỏ ngỏ
PHẬT-PHÁP chẳng rời tay...
Sáu ngã luân hồi đâu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay.
Không khí vụn mình theo
khóc òa lên nổi gió*



NGƯỜI siêu thăng...
giông bão lắng từ đây.
Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây BỒ-ĐỀ.

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi!
Chỗ NGƯỜI ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô-hình sáng chói nét TỬ-BI .

Rồi đây, rồi mai sau, còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tro
lụa tre dần mục nát
Với Thời-Gian lê vết máu qua đi.
Còn mãi chứ! Còn TRÁI TIM BỒ-TÁT
Gội hào quang xuống tận ngục A-tỳ

Ôi ngọn LỬA huyền vi!
Thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
Từ cõi Vô-Minh
Hương về Cực Lạc.
Vấn điếu của thi-nhân chỉ còn là rơm rác
và chỉ nguyện được là rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời Kinh;
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh-đệ này.

Thổn thức nghe lòng Trái Đất
Mong thành Quả Phúc về Cây.
Nam-mô THÍCH CA MẦU NI PHẬT
Đồng loại chúng con
nắm tay nhau tràn nước mắt
Tình thương hiện Tháp Chín Tầng xây.

Thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

(Viết tại Sài Gòn, ngày 15 tháng 7 năm 1963
để tưởng niệm Bồ tát Thích Quảng Đức)



QUẢNG ĐỨC *hực lửa thiêng*

*Xứ trầm hương vườn xưa từ thuở nọ
Người lớn lên văng vẳng tiếng chuông chùa
Kim cang Bát-nhã hòa cốt tử
Thấm tận nguồn pháp vũ thấu sau xưa*

*Đường du hóa qua mọi miền đất Việt
Dầm nắng mưa giữa vô số đoạn trường
Điều linh thống khổ vì bạo chúa
Khiến dân lành máu lệ chảy tang thương*

*Trước độc tài vô minh đầy thảm hại
Chúng sinh chìm trong bóng tối lo âu
Chút thân tứ đại người nguyện đốt
Ôi thiêng liêng bùng ngọn lửa nhiệm mầu!*

*Lửa từ bi thành trái tim Bồ tát
Cho nhân gian thấp lại những nụ cười
Mãi sáng ngàn năm tâm chí thiện
Ánh đạo vàng muôn thuở chiếu muôn nơi.*

Thi sĩ **Tâm Nhiên**

Kính dâng BỒ TÁT

Ánh Đạo Vàng soi sáng muôn triệu niềm tin
Trong ngàn ngàn thế giới sáu cõi ta bà
Nhưng địa ngục trần gian đầy súc sanh chế ngự
Phút giây này Bồ tát vội ra tay
Dem nhục thân làm ngọn đuốc soi đường
Cho gục ngã bao ưu phiền tăm tối
Ngọn lửa bùng lên thiêu cháy cường quyền
Ngọn Đuốc Sống rạng ngời không một ai làm được
Ngọn lửa thiêng rực cháy để mê lầm gục ngã
Mà tham, sân, si ngự trị suốt ngàn năm
Ngọn lửa bùng lên chừ Thiên cũng cúi đầu
Muôn triệu triệu trái tim đau cùng đôi mắt đẫm lệ
Ngọn lửa bùng lên cho thế giới bàng hoàng
Cho đất trời rung động sáu ngả đường quê
Cho những trái tim chúng con nhỏ bé u mê thẳng thốt bừng tỉnh
Cho Chân - Thiện - Mỹ quay về
Ngài là Bồ tát hiện thân
Mang trái tim bất diệt
Là Bồ tát nguyên hình
Là thiên thu diễm tuyệt!

Nguyễn Phước
(Nguyễn thị Xuân Mãn - Thủ Đức)

Đất Phật trời Thơ

Đất Phật trời Thơ, một phen bĩ cực
Xót đạo thương đời, lòng đau rưng rức
Bồ tát thiêu thân, đêm tan đáy vực
Thế giới nghiêng mình, Việt Nam bùng thức
Kìa tháp Đoàn Viên, này bia Hùng Lực
Đá hiện thời gian, khắc sâu ký ức
Thông điệp Từ Bi: Trái tim sáng rực
Bốn ngã hành hương, đều nghe thơm nức
Dòng máu lửa thiêng, sôi lên trong ngực
Vững một niềm tin: Ngàn Tay giúp sức
Bèo bọt sông Mê, tìm ra lẽ Thực
Phá vỡ cô đơn, thoát ly áp bức
Ruột thịt hoà vui, trên đường chính trực
Đồng thanh nam mô: Bồ tát QUẢNG ĐỨC

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương

Khí phách Kim Cang

*Khi Ngài thiêu thân con chữa ra đời
Lớn lên rồi nghe bao lời huyền thoại
Một đoá hoa sen trong lửa hồng sáng chói
Giữa ngã tư chính chỗ Ngài ngồi*

*Hoa sen lửa toả hào quang chói lợi
Đốt hết hận thù gây dựng lại niềm tin
Dùng ánh sáng soi rọi lòng tăm tối
Lấy từ bi thức tỉnh sự vô minh*

*Cao cả thay nhân nhục hy sinh
Tiếp bước Như Lai lấy thân giáo làm minh chứng
Dùng bạo lực ấy thật là hoang tưởng
Bởi vì chúng? Thế sự vốn vô thường
Chỉ có công bằng, chỉ có tình thương
Là có thể trường tồn mãi mãi*

*Bồ tát hạnh vô cùng vĩ đại
Chẳng lửa nào của thế gian thiêu nổi trái tim Ngài
Thân tứ đại mà khí phách Kim Cang
Lấy thân mình hộ pháp độ nhân gian
Giữa biển lửa đáng từ bi ung dung, thanh thản.*

Đồng Thiện

Hoa Sen Lửa Cúng Đường

Lửa bùng lên bọc nhục thân Bồ tát
Lửa từ bi át nhật nguyệt quang minh
Lửa nhiệm mầu trời đất quý thần kinh
Lửa nghiệt ngã nổi điêu linh quốc độ

Hà khắc trị khiến dân tình đau khổ
Tàn độc thay bách hại Phật giáo đồ
Một sớm mai ngòi ở giữa thành đô
Ngài bắt ấn nhập vô tam muội hỏa

Biển lửa hồng Ngài thiêng liêng hiển hóa
Đóa sen vàng trong lửa hiện pháp tòa
Siêu Đông Tây, khắp pháp giới chói lòa
Cõi nhân quần mắt lệ nhòa khắp bãi

Người Nam Việt cõi lòng đau tê tái
Cung kính Ngài đấng trưởng tử Như Lai
Lửa thiêu thân soi sáng đường ngày mai
Gọi người mê trên vũ đài chính trị

Hoa sen lửa vững tinh thần vô úy
Thượng cúng dường, hạ hóa độ từ bi
Nhục thân Ngài dù cháy chẳng hề chi
Tim bất diệt không có gì hoại được!

*Thân tứ đại thân oai nghi dũng lược
Tinh tấn tu cả huệ, phước nhị nghiêm
Trong thiên môn tri túc với cung khiêm
Bồ tát ẩn thật khó tìm giữa chúng*

*Thọ pháp nạn lòng không hề nao núng
Giữa hận thù tâm rất mực bao dung
Lượng Bồ tát mênh mông quá không trung
Ngọn đuốc sáng soi muôn trùng tăm tối*

*Tất hết thấy đồng vây quanh quỳ gối
Đảnh lễ Ngài giữ gìn mỗi Phật môn
Từ thành đô đến hoang dã sơn thôn
Trần cảm khái ngập tâm hồn kính ngưỡng*

*Thân từng bách khí khái đại tượng vương
Bóng cà sa lồng lộng phủ miếu đường
Hoa sen lửa bạc Bồ tát cúng dường
Hạ chúng sanh, thượng thập phương chư Phật.*

Steven Nguyễn

(Ất Lăng thành, 03/2023)

Giọt nắng thiêng

(Kính dâng Bồ tát Thích Quảng Đức)

*Trong lửa. Người ngồi rất tự nhiên
Bóng trắng toả mát xuống rừng thiên
Nhạn bay một thoáng trong như nước
Sưởi ấm cho đời giọt nắng thiêng.*

Thi sĩ **Đinh Hội Tường**

Non sông áo Phật

*Ngoài ngô một nụ hoa
Nở tròn vành tâm đức
Nụ hoa vàng áo Phật
Duy nhất một nụ hoa!
Tôi yêu Thích Quảng Đức
Trong lửa thiêu sáng rực
Để lại một trái tim
Cho non sông áo Phật.*

Nguyễn Thái Hòa

Bên chiếc xe chở Bồ tát

(Xe được trưng bày tại Chùa Thiên Mục - Huế)

*Kim cương
Ngọn lửa
hiện về
Sáng lòa pháp giới
Chuyến xe đại từ
Lửa hồng rực cháy thiên thu
Trái tim bất diệt
Trời mù đã quang*

*Ngũ châu chấn động bàng hoàng
Tam thiên rực sáng
Đạo vàng thiêng liêng
Từng trang phương sử uyên huyền
Hiển linh Bồ tát cõi thiên đại bi*

*Chuyển pháp về
Xuất bóng đi
Như như bất khứ bất lai
Vĩnh hằng.*

Phật tử Tâm Không

TIỂU SỬ **CHƯ THÁNH TỬ ĐẠO**

Trong Pháp nạn năm 1963, ngoài ngọn lửa gây chấn động thế giới của Bồ tát Quảng Đức còn có 6 vị Thánh tử đạo tiếp tục bước lên phía trước, dùng thân mình làm ngọn đuốc để cảnh tỉnh bạo quyền, soi đường cho cuộc tranh đấu của Phật giáo...



1. Đại đức THÍCH NGUYÊN HƯƠNG - 23 tuổi

Tự thiêu ngày 4/ 8/ 1963 tại công trường chiến sĩ
Trước tòa Tỉnh trưởng Phan Thiết.

Đại đức Thích Nguyên Hương hiệu là Đức Phong, tục danh là Huỳnh Văn Lễ, sanh năm 1940, tại làng Long Tỉnh, xã Liên Hương, quận Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận. Thân phụ là Huỳnh Thân, thân mẫu là Trương Thị Lang, chỉ sanh một mình Đại đức. Trong thời thơ ấu, vì nhà ở sát chùa, nên Đại đức thường được mẹ dẫn dắt tới lui cảnh thiền môn để lễ Phật nghe kinh. Do đó, năm vừa lên 6, lòng mến đạo đã thấm nhuần trong tâm tưởng, Đại đức được cha mẹ cho xuất gia học đạo, và được Thượng tọa Thích Quang Trí, tọa chủ chùa Linh Bửu cho thọ Tam qui, pháp danh là Nguyên Hương. Năm 12 tuổi, Đại đức được thọ Ngũ giới. Từ đó Đại đức chuyên tâm tu niệm, dốc lòng phụng sự Tam bảo. Năm 20 tuổi, Đại đức thọ Cụ túc giới, được hiệu là Đức Phong. Thọ giới xong, đạo tâm của Đại đức ngày một thêm tinh tấn. Và trên bước đường vân du hóa đạo, Đại đức đã được rất nhiều người cảm mến kính trọng. Nhưng vì thâm nguyện an tâm tu niệm, nên Đại đức dừng bước vân du và nhận chức trụ trì tại chùa Bảo Tạng. Từ ngày Phật giáo bị đại nạn, Đại đức đã thấu triệt sự tồn vong của Đạo pháp là vấn đề trọng đại, còn tám thân ngũ uẩn này là tạm bợ, nên sau 2 ngày tuyệt thực tại chùa Tỉnh hội Phật giáo Bình Thuận, Đại đức bèn noi gương Bồ Tát Quảng Đức, dũng cảm hiến thân cho Đạo pháp bằng cách tự thiêu hồi 12 giờ ngày 04/ 08/ 1963, tức là ngày rằm tháng 6 âm lịch, trước tòa Tỉnh trưởng Bình Thuận.

Huyền thân tuy mất, nhưng Đại đức còn để lại trong lòng người một đạo nghiệp bất diệt.



2. Đại đức THÍCH THANH TUỆ - 18 tuổi

Tự thiêu ngày 13/ 8/ 1963 tại chùa Phước Duyên
Tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Đại đức Thích Thanh Tuệ, tục danh Bùi Huy Chương, sinh năm 1945 tại Ba Khê, quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Thân phụ là Bùi Dư, thân mẫu là Hoàng Thị Phục. Mẹ mất từ lúc Đại đức lên 10 tuổi. Cụ Dư ở vậy nuôi con. Đại đức có 2 chị gái và 1 anh trai là Bùi Cầu 23 tuổi, quân nhân, sau Đại đức còn 1 em trai út. Vì hâm mộ đạo lý nhà Phật, nên năm 1960 Đại đức vào quy y Hòa thượng Đăng Lễ chùa Phước Duyên, thuộc xã Hưng long, quận Hương Trà, tỉnh Thừa thiên, được pháp danh là Thanh Tuệ. Năm 1963, Đại đức đỗ bằng trung học Đệ Nhất cấp với hạng bình thứ. Vì tính ôn hòa và hiền hậu, nên Đại đức được rất nhiều người yêu quý. Đặc biệt là Đại đức rất hiếu thảo với cha mẹ, thường tỏ ý thương tiếc từ mẫu đã quá vãng sớm. Hằng năm đến ngày rằm tháng 6 là ngày giỗ Mẹ, dầu cho bận việc thế nào, Đại đức cũng về quê tại Hải Lăng, tụng kinh niệm Phật ngày đêm để cầu siêu cho mẹ. Trước ngày tự thiêu 9 hôm, tức là ngày mùng 4/8/1963, nhằm ngày rằm tháng 6 là ngày giỗ Mẹ, Đại đức cùng ngài trụ trì là Thích Đăng Lễ về quê nhà. Đại đức tụng niệm suốt đêm ngày, để cầu siêu cho mẹ và cũng là lần chót Đại đức từ giã gia đình về cõi Phật.

Vì thấy Phật giáo bị đại nạn, đứng trước sự tồn vong của Đạo pháp, Đại đức phát nguyện tự thiêu vào đêm 12 rạng 13/ 8/ 1963 để cứu nguy Đạo pháp.



3. Sư cô Thích Nữ DIỆU QUANG - 27 tuổi

Tự thiêu ngày 15/ 8/ 1963 tại Ninh Hòa.

Sư cô Thích Nữ Diệu Quang tục danh là Ngô Thị Thu Minh, tự Minh Nguyệt, sinh ngày 11/ 1/ 1936, tại xã Phù Cát, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên và nơi đây cũng là chánh quán. Thân phụ là Ngô Đình Hòe và thân mẫu là Nguyễn Thị Nghĩa, gia đình của sư cô cư trú tại Nha Trang. Sinh trưởng trong một gia đình nề nếp gia phong, thiếu thời sư cô đã là một người chị gương mẫu trong gia đình (cô là con thứ 2, chị đầu của sư cô là tu sĩ Huệ Thành tu tại chùa Từ Nghiêm, Sài Gòn). Nhận thấy cuộc đời là giả tạm, năm 21 tuổi, Sư cô đã cắt ái từ thân, mở đầu cuộc hành trình đi tìm Đạo pháp. Thấu được lòng thành khẩn của sư cô, Ni sư Thích Nữ Như Hoa, trụ trì chùa Vạn Thạnh ở Nha Trang, đã thân nhận sư cô làm đệ tử. Tinh thần quyết chí tu học và nhờ trợ duyên ngoại điển (học xong ban trung học) sư cô đã thọ Sa-di-ni giới năm 21 tuổi và được theo học các lớp nội điển tại Phật học viện Nha Trang.

Năm 26 tuổi, sư cô được thọ giới Thức-xoa-ma -na. Để đóng góp vào phần nào công việc xây dựng thể hệ mai sau và thể hiện được tinh thần lợi tha của Phật pháp, sư cô đã phát tâm theo dạy các lớp sơ học Thiện Tài miễn phí, do tỉnh Giáo hội Phật giáo Khánh Hòa quản trị.

Đến năm 1963, sư cô được 27 tuổi, vì thấy Đạo pháp lâm nguy nên tự mình tảo xướng tự thiêu, để cảnh tỉnh sự mê muội của nhà Ngô và cứu nguy Đạo pháp.

Sư cô đã tự thiêu vào lúc 8 giờ 30 ngày 26/ 6 năm Quý Mão, tức ngày 15/8/1963, cạnh trường Hòa Nguyên, quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngọn đuốc Diệu Quang là ngọn đuốc thứ tư của Pháp nạn 1963.



4. Thượng Tọa THÍCH TIÊU DIÊU - 71 tuổi.

Tự thiêu ngày 16/ 8/ 1963 (27/6 Quý Mão)
Tại chùa Từ Đàm, tỉnh Thừa Thiên - Huế

Thượng tọa Thích Tiêu Diêu hiệu là Tâm Nguyên, tục danh là Đoàn Mễ, sinh năm 1892 tại làng An Truyền tức là Chuồn, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Trước khi xuất gia, Thượng Tọa có 9 người con, hai người cũng đã xuất gia tu hành là Đại đức Thích Thiên Ân (đậu bằng tiến Sĩ ở Nhật) và Đại đức Thích Đức Tường, tu học tại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang. Thượng tọa Tiêu Diêu xuất gia năm 1930 và tu tại chùa Tường Vân, làng Dương Xuân Thượng. Thượng tọa là đệ tử của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất. Năm 1952, Ngài thọ Cụ túc giới. Vì muốn tu trong cảnh thanh vắng, nên Thượng tọa đã lập một cái cốc trên ngọn đồi bên chùa Châu Lâm, để tiện nhập thất tu niệm.

Thượng tọa rất chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp qua kinh sách và đã dự các lớp Phật pháp tại Phật học viện Tây Thiên, Linh Quang. Thượng tọa tu theo hạnh Đầu đà.

Khi cuộc tranh đấu của Phật giáo phát khởi, Thượng tọa thường đến ở chùa Từ Đàm Huế, để tham dự các cuộc cầu siêu và tuyệt thực.

Thượng tọa dự định sẽ tự mổ bụng hoặc tuyệt thực cho đến chết. Đến ngày 16/8/1963, Thượng Tọa đã tự thiêu vào lúc 4 giờ sáng tại chùa Từ Đàm (Huế), để bảo vệ Đạo pháp.



5. Đại đức THÍCH QUẢNG HƯƠNG - 37 tuổi

Tự thiêu ngày 5/ 10/ 1963
trước công trường Diên Hồng, chợ Bến Thành (Sài Gòn).

Đại đức Thích Quảng Hương tục danh là Nguyễn Ngọc Kỳ, đạo hiệu là Bảo Châu, sanh ngày 28/ 7/ 1926 tại xã An Ninh, quận Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Năm 1940, anh ruột của Đại đức xuất gia đầu Phật, nên Đại đức thường xuyên lui tới chùa để tụng kinh sám hối và học kinh. Năm 1943, Đại đức xuất gia tu học, làm đệ tử của Hòa thượng trụ trì chùa Kim Cang, Phú Yên. Năm 1947, Đại đức cùng với 5 vị Đại đức khác trong xã An Đức, quận An Thành, lập chi hội Phật học tại quận này.

Năm 1949, Đại đức cầu Pháp và thọ Cụ túc giới với Hòa thượng Liễu Tôn, trụ trì chùa Quảng Sơn và nhận chức Thư ký của chi hội Phật giáo An Hiệp.

Năm 1950, Đại đức đến Phan Thiết chữa bệnh. Sau khi bình phục, Đại đức vào học tại Phật Học viện Hải Đức (Nha Trang).

Năm 1959, Đại đức được Thượng tọa Giám viện - Phật học viện Nha Trang cử làm Giảng sư tại Tỉnh hội Phật giáo Đà Lạt.

Năm 1961, Đại đức được Hòa thượng Hội chủ cử kiêm nhiệm trụ trì và giảng sư tại Tỉnh hội Phật giáo Buôn Mê Thuột. Đại đức đã ở đây cho đến ngày tự thiêu.

Vì thấy Phật giáo bị đại nạn, nên Đại đức phát nguyện tự thiêu vào lúc 12 giờ 25 ngày 5/ 10/ 1963, tại bùng binh chợ Bến Thành (Sài Gòn), để thực thi 5 nguyện vọng chân chính của Phật giáo.



6. Đại đức THÍCH THIỆN MỸ - 23 tuổi

Tự thiêu ngày 27/ 10/ 1963 tại công trường Hòa Bình (Sài Gòn).

Đây là ngọn lửa thiêng thứ 8, đốt lên trong lúc
phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến Sài Gòn.

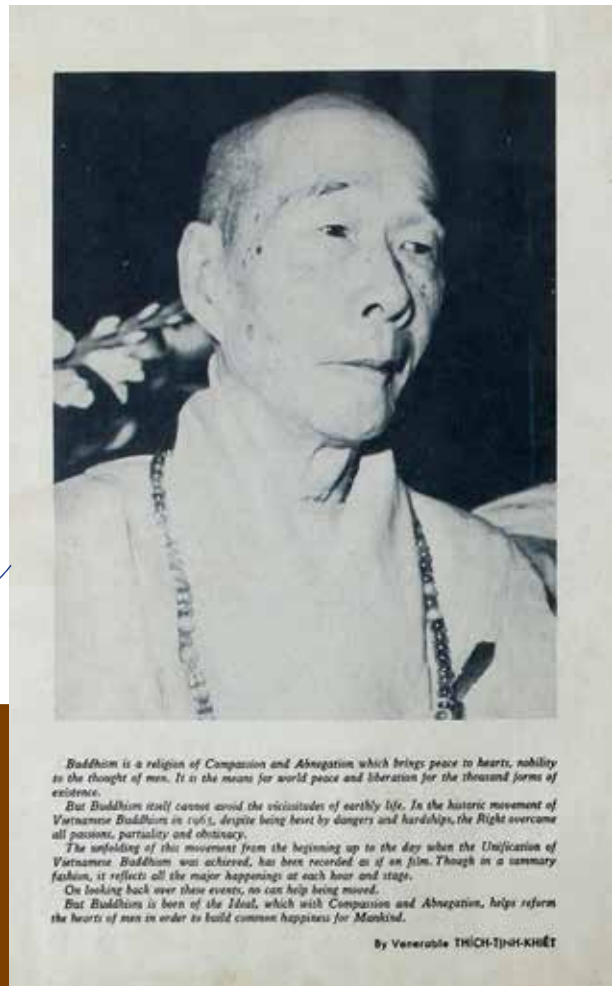
Đại đức Thích Thiện Mỹ, thế danh là Hoàng Miều, sinh năm 1940 tại Bình Định. Đại đức xuất gia từ nhỏ, thọ giới Sa di năm 16 tuổi và thọ đại giới năm 20 tuổi. Đại đức từ Đà Lạt vào Sài Gòn giữa tháng mười năm 1963 và cư ngụ tại chùa Vạn Thọ. Đại đức Thích Thiện Mỹ chờ đúng ngày 27/ 10/ 1963, cùng giờ phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc trên đường tới thăm chùa Ấn Quang, thì Đại đức tự thiêu tại công trường Hòa Bình (đối diện Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn). Đại đức Thích Thiện Mỹ đã tự thiêu ngay dưới cột đèn, có gắn bảng đường Tự Do. Lúc Đại đức mới châm lửa vào áo tấm xăng sẵn, thì có một số đồng bào Thiên Chúa giáo từ trong nhà thờ đi ra, và người đi đường xúm lại bao quanh lễ ngài. Một phút sau, cảnh sát ập lại, lấy mền đè Đại đức ngã xuống. Nhưng ngọn lửa bùng lớn, làm cháy luôn cái mền. Cảnh sát vùng chạy, Đại đức lại từ từ ngồi dậy, Chắp tay vái lạy những Phật tử bên đường đang lễ ngài, cho đến lúc ngài tịch diệt.

Sự hy sinh cao cả và phi thường của Đại đức Thích Thiện Mỹ đã gây xúc động mạnh toàn Thế giới, gây khó khăn cho chính quyền Ngô Đình Diệm và cũng thúc đẩy phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc mau chóng hoàn tất nhiệm vụ, đối với dân tộc Việt Nam.

Ngọn lửa tự thiêu thứ 8 của Phật giáo Việt Nam đã là ngọn lửa thiêng châm vào bể cảm hờn âm ỉ trong lòng quân dân Việt Nam khiến ngọn lửa này bùng lên dữ dội, bốc thành biển lửa cách mạng ngày 1/ 11/ 1963, đốt thiêu một chế độ tàn bạo đen tối.

Sự hy sinh của Đại đức Thích Thiện Mỹ, quả đã đưa cuộc đấu tranh đầy nguy hiểm gian nan khổ cực của Phật giáo Việt Nam đến chỗ toàn thiện và toàn mỹ.

Kỷ sự ? ANH*



Pháp nạn của Phật giáo tại miền Nam Việt Nam năm 1963 đã trở thành sự kiện lịch sử gây chấn động toàn cầu. Bằng tinh thần từ bi - bất bạo động Phật giáo đã mở đường cho sự sụp đổ của một chế độ bạo quyền, kỳ thị tôn giáo...

60 năm đã trôi qua với biết bao vật đổi sao dời, nhiều biểu tượng đã không còn sức sống, nhiều hào quang đã không còn ánh sáng, nhiều câu chuyện đã trở thành hoài niệm xa xôi. Thế nhưng ở chiều ngược lại, vẫn có những giá trị tồn tại mãi với thời gian.

Trong phụ trương của ấn phẩm này, BBS xin trích đăng một số hình ảnh tiêu biểu đã đăng trên các tạp chí thời bấy giờ, xem như nhắc nhớ về dấu ấn của chư vị tiền bối hữu công trong phòng trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963.

- Ghi chú: (*) Theo Nam Thanh - Cuộc Tranh Đấu Lịch Sử Của Phật Giáo Việt Nam

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

VÀI LỜI CỦA ĐỨC TĂNG THỐNG



PHẬT GIÁO LÀ ĐẠO TỬ BI HÍ XÁ ĐEM LẠI THANH THÁI CHO TÂM HỒN, CAO THƯỢNG CHO TƯ TƯỞNG CỦA LOÀI NGƯỜI, CỨU CẢNH CHO HÒA BÌNH THÈ GIỚI VÀ GIẢI THOÁT CHO MUÔN LOẠI CHỨNG SINH.

NHUNG PHẬT GIÁO CŨNG KHÔNG TRÁNH KHỎI SỰ THẮNG TRẮM CỦA THÈ SỰ. TẠI VIỆT NAM, CUỘC VẬN ĐỘNG LỊCH SỬ CỦA PHẬT GIÁO 1963, TUY VẠN PHẤN GIAN KHỔ VÀ NGUY HIỂM NHUNG ĐÃ THÀNH TỰU; LỄ PHẢI THẮNG MỌI MỀ MỜ THIÊN CHẬP.

HÌNH ẢNH CUỘC VẬN ĐỘNG TỪ LÚC SƠ KHỞI CHO TỚI NGÀY THỰC HIỆN NÊN THÔNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐƯỢC GHI LẠI NHƯ MỘT CUỐN PHIM, TUY GIẢN LƯỢC NHUNG THEO ĐÚNG THỜI GIAN VÀ TỪNG GIAI ĐOẠN.

NHÌN HÌNH ẢNH KHÔNG AI KHỎI MÙI LÒNG.

NHUNG «NHẤT THÈ DUY TÂM TẠO», ĐEM CHÂN TÂM CẦU MONG TINH THẦN TỬ-BI HÍ-XÁ CẢI TẠO ĐƯỢC LÒNG NGƯỜI ĐỂ XÂY DỰNG HANH PHÚC CHUNG CHO NHÂN LOẠI.

NAM MỘ ĐỒN SƯ THÍCH CA MẬU NI PHẬT.



淨業記

HÒA THƯỢNG
THÍCH - TỊNH - KHIẾT

NGUYÊN NHÂN TRANH ĐẤU

tinh-thần tranh-đấu của Phật-Giáo ngọn lửa hồng âm-ỉ từ lâu, cho tới n

CUỘC tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam
sở dĩ mà có là bởi Phật Giáo Việt Nam
bị chèn ép ngay từ khi tổ quốc bị xâm
lược và đã bùng nổ trong thời « kỳ thị tôn giáo »
của chánh quyền Ngô Đình Diệm.

Nguyên nhân sâu xa chính yếu chính là âm
muru triệt hạ Phật Giáo Việt Nam.

Sau khi nhà độc tài Ngô Đình Diệm thanh toán
các nhóm chính trị đối lập để củng cố địa vị
xong, họ đã âm thầm thi hành âm mưu thâm độc
trên.

Họ đã tự ý chuyển ngày Phật Đản từ mùng
8 tháng 4 sang ngày 8 tháng 12 âm lịch. Việc này
đã bị Tổng Hội Phật Giáo phản kháng, mãi sau
hai năm họ mới sửa chữa.

Trong những thời gian sau, việc triệt hạ Phật
Giáo của họ đã đến chỗ lộ liễu và quá trớn. Họ
đã chôn sống Phật Tử miền Trung, kim hãm việc
mở mang chùa chiền, trường học Phật giáo, cấm
đoán hoặc bóp nghẹt mọi tổ chức Phật Giáo.

Mọi hành động đen tối của họ đã không qua
được mắt Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, nên
ngày 20-2-1962, Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh
Khiết đã gửi một giác thư phản kháng, nhưng
chính quyền độc tài Diệm đã lờ đi.

Họ không gặp một phản ứng nào của đồng bào,
nên họ lại được thề lán át.

Bất chấp cả quyết nghị của Đệ Lục Hội Nghị
Phật Giáo Thế Giới nhóm họp tháng 11 năm 1961
trong điều 18 đã quyết định Thế Giới Phật Giáo
tây chạy cuốn phim Sakya xuyên tạc đời sống
Phật Tò, nên họ đã cho nhập cảng cuốn phim này.

Dùng cuốn phim này để bôi xấu Phật Giáo,
đi song song với tà thuyết « Nhân Vị » hồng âm
muru phá hủy Phật Giáo.

Trước sự kiện quá hiểm nguy cho tiền đồ Phật
Giáo Việt Nam, Thượng Tọa Thích Tâm Châu
Phò Hộ Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đã
liên kết các nhà lãnh đạo trong các môn phái
Phật Giáo Việt Nam để thành lập Ủy Ban Liên
Phái chống phim Sakya.





THƯỢNG TỌA TÂM CHÂU, CHỦ TỊCH ỦY BAN LIÊN PHẢI CHỐNG PHIM SAKYA

Việt-Nam như ngày Phật-Đản 2.507 vạt biến thành bão tố.

Thượng Tọa Thích Tâm Châu, Chủ tịch Ủy Ban, đã gửi thư cho chánh quyền Diệm yêu cầu cấm chiếu cuốn phim Sakya. Đồng thời, Thượng Tọa Chủ tịch đã gây nên một cuộc tranh luận gay go trên báo chí Việt Nam, với mục đích thức tỉnh quốc dân trước âm mưu phá hoại Phật Giáo của nhà độc tài Ngô Đình Diệm.

Âm mưu đen tối của nhà độc tài Diệm lại càng không thể che dấu nổi, khi họ đã liều lĩnh ra lệnh cấm treo cờ Phật Giáo trong ngày lễ Phật Đản 2507 (8-5-1963).

Dĩ nhiên lần này họ đã gặp phải phản ứng mãnh liệt của dân chúng có hơn 80% là Phật Tử truyền thống, được sự lãnh đạo kiên trì của Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, Thượng Tọa Phó Hội Chủ Thích Tâm Châu và chư Hòa Thượng, Tăng Ni đã gây thành một cuộc tranh đấu vang động hoàn cầu.

Những trang sau đây ghi lại một số hình ảnh quan trọng trong cuộc đấu tranh lịch sử của Phật Giáo Việt Nam năm 1963.

In nine consecutive years — 1954 to 1963 — the Diem regime resorted to every maneuver possible to undermine Vietnamese Buddhism. The Diem government burned alive Buddhists in the Central Area, exiled a great number of Buddhists to remote and unhealthy areas, restricted worship, hampered the building of pagodas, Buddhist schools and other social welfare facilities run by Buddhists.

It tried to import the film « Sakya » and show it in the country to distort the life of Buddha and cast discredit on Buddhism in Vietnam.

The Venerable Thich Tâm Châu had set up an Inter-sect Committee to oppose the film and through the press denounced the religious discrimination by the Diem regime.

But the Diem regime proved its obstinacy in maintaining this discrimination and even going so far to forbid the flying of the Buddhist flag on the occasion of Buddha's Birthday. This action was protested by the whole Vietnamese people, 80 percent of whom are Buddhists. This was the beginning of the seven-month struggle for the defense of Buddhism. The following pages highlighted this glorious struggle.



Ễ PHẬT-ĐẢN 2.507

(8-5-1963 tại cố-đô Huế)



08

máu đã đổ !

Dại lễ Phật Đản 2.507, theo chỉ thị của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam sẽ được tổ chức long trọng trang nghiêm, nhưng ít tốn kém để dành tiền tổ chức ấy đem cứu trợ nạn nhân hỏa hoạn ở Vinh Hội Saigon.

Trong tinh thần ấy, Phật giáo đô tại thành phố Huế hoan hỷ sẽ thực lễ Phật đản gần khắp mọi nhà, mọi ngõ đường đều có treo cờ, treo đèn, bày hương án bài vọng 17 giờ 30 ngày 14 tháng 4 âm lịch (7-5-63) Cảnh sát thành phố Huế thừa khải lệnh thường cấp đã triệt để bắt buộc tín đồ Phật giáo và dân chúng triết hạ cơ Phật giáo. Nhưng đa số đồng bào cương quyết không chịu. Hòa Thượng Hộ Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đã dẫn một phái đoàn vào phản kháng với tỉnh trưởng thành phố Huế.

Trên 5.000 người đã đến trước Tỉnh đường chờ đợi quyết định của Tỉnh trưởng. Tỉnh trưởng Thừa Thiên đã cấp thời tạm bãi bỏ lệnh cấm treo cờ. Phái đoàn Phật giáo và đồng bào vui vẻ ra về trong vòng rất trật tự.

Sáng ngày rằm tháng 4 âm lịch (8-5-63) từ 4 giờ sáng, tất cả thành phố Huế đều thức dậy sửa soạn cuộc rước Phật từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm là lễ đại chính.

6 giờ 30 sáng, các tín đồ Phật giáo đã tập trung đông đảo tại chùa Diệu Đế để rước Phật lên chùa Từ Đàm.

Tại sân chùa Từ Đàm, trước sự hiện diện đông đảo của Gia đình Phật tử, Sinh viên Phật tử, Hương Đạo, các đoàn thể tiêu thương, các khuôn bô và quần nhân Phật tử, Thượng Tọa Thích Trí Quang, Hội trưởng Phật giáo Trung Việt, đã lên diễn đàn bày tỏ ý kiến rằng: nguyện vọng của các Phật giáo đô đòi hỏi hải lệnh treo cờ và yêu cầu Chính phủ hủy bỏ dự số 10 đề thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo, là những nguyện vọng chính đáng, có tinh cách xây dựng, không những lợi riêng cho Phật giáo cùng các tôn giáo khác, mà còn lợi ích cho Chính quyền nữa. Thượng Tọa Hộ sẽ chuyển đạt nguyện vọng đó lên chính quyền địa phương và Tổng Thống.

Sau đó Thượng Tọa Đôn Hậu cử hành phần lễ Phật và rời đoàn rước Phật vui vẻ phân tán.

Buổi lễ đã được thu thanh để truyền thanh vào tối hôm ấy, lúc 20 giờ như chương trình đài phát thanh Huế loan báo. Tối đến, các Phật tử cùng quần chúng đã đưa gia đình con cháu hoặc đi nghe thuyết pháp ở chùa Diệu Đế, hoặc đi lễ ở các chùa, còn số đông khác đến chờ nghe phát thanh ở trước sân đài phát thanh, nơi thường dành cho công chúng tụ tập để nghe phát thanh. Nhưng ai nấy đều ngạc nhiên chỉ nghe được những bài nhạc không dính dáng gì đến lễ Phật Đản.

Các Phật giáo đô ở nhà không thấy phóng sự truyền thanh của đài phát thanh Huế, cũng đã đến đài để tìm hiểu nguyên do. Lúc đó 20 giờ 15 phút, Phật giáo đô càng lúc càng đông nước lượng độ 10 ngàn người.

Thiếu tá Đặng Sĩ Phó Tỉnh trưởng Nội An và tiểu khu Thừa Thiên hay động lực lượng Thiết giáp cùng đại bác và xe cứu hỏa của Cảnh sát thành phố Huế, cũng ắt đông Cảnh sát, Quân cảnh và Hiến binh bảo vây đảm đông đồng bào.

Thượng Tọa Thích Trí Quang đã thân đến đài phát thanh hư hỏng vì kỹ thuật và sau cùng thì cho biết chính quyền không cho phát thanh. Đồng bào lên phản đối.

Xe cứu hỏa Cảnh sát xịt nước, vào Phật giáo đô làm cho đám đông là lối om xòm và chen lấn nhau tránh các vòi nước. Phật giáo đô yêu cầu ngưng để được thông thả ra về, nhưng xe cứu hỏa vẫn tiếp tục xịt nước. Liên đó, Thiếu tá Đặng Sĩ ra lệnh bắn nhiều phát đại bác mà tử. Phật giáo đô náo động. Tiếp đó là lưu đạn cay, lưu đạn nổ, và súng trường bắn si vào Phật giáo đô.

Phật giáo đô chen lấn chạy tháo lui, một số khác chạy vào đài phát thanh nấp trốn. 15 phút sau, kiểm điểm lại thấy đài phát thanh hư hại bên ngoài, và ba xe Hồng thập tự đã chất đầy một số người đầy máu me chạy về bệnh viện Huế.

Kết quả sau này được biết có 14 người bị thương, 8 người bị giết bằng súng lưu đạn và xe thiết giáp, trong số 8 người chết có 6 thành thiếu nhi, 2 em bị cán mắt nửa đầu, xương sọ bị vụn tan không nhìn được mặt, và một em bị nát hẳn đầu.

Thế là máu của Phật giáo đô đã đổ vì lý tưởng bảo vệ Chánh pháp trên đất nước Việt Nam.

Đây là kết quả của một hành động bất công, gian ác, thêm một tội ác trên lương tâm những kẻ vô lương sỉ.

★ On the 2507th anniversary of Buddha's birth celebrated in Huế, a procession of Buddhists carried relics from the Diệu Đế Pagoda to the Tu Dam Pagoda (Photo 1 - 4)

In Tu Dam Pagoda Courtyard, the Venerable Thích Trí Quang collected petitions from the Buddhist faithful asking the authorities to cancel the order banning the flying of the Buddhist flag on the occasion of Buddha's Birthday and that the Buddhists be free to worship and propagate their faith as the Catholics (Ph. 5)

Not only did the authorities not agree to the just demands, they even cancelled a broadcast scheduled for the night of May 8, 1963, on the significance of the Buddha's Birthday celebration.

As a result, crowds gathered before the Radio Station to protest the order and ask the station to broadcast the program.

The Diem authorities retaliated by sending tanks and troops to attack the faithful, which resulted in eight people crushed by tanks or killed by gunfire, plus 14 wounded. Among the eight dead were seven young Buddhists of Huế.

5 NGUYỆN VỌNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

MÁU đã chảy, nhân mạng đã bị hy sinh, Phật giáo đã đặt nguyện vọng này lên Chính phủ, yêu cầu thực thi năm điểm :

1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ của Phật Giáo.
2. Yêu cầu Phật Giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10
3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bớ, khủng bố tín đồ Phật Giáo.
4. Yêu cầu cho Tăng, Tin đồ Phật Giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

Những điểm trên đây là những nguyện vọng tối thiểu và tha thiết nhất của toàn thể Tăng và Tin đồ Phật Giáo trong cả nước. Phật giáo đã sẵn sàng hy sinh cho đến lúc nào những nguyện vọng hợp lý trên được thực hiện.

*Phật giáo đưa ra 5 nguyện vọng chính đáng trên, không có ý nghĩa ganh tị với các tôn giáo, hoặc gây thành một phong trào đấu tranh lật đổ một chánh phủ, song mục đích chính là đòi hỏi các nhà cầm quyền phải bần lộ và thi hành nghiêm chỉnh một chánh sách bình đẳng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo tại Việt Nam.
Ý kiến của Thượng Toạ THÍCH TRÍ QUANG, người phát động cuộc tranh đấu của Phật giáo tại Trung Phần.*

Blood had been shed
★ Buddhism was obliged to fight to defend itself, to survive and to preserve the 2.000-year old freedom of worship of the Vietnamese people, 80 per cent of whom are Buddhists.

The five demands put forth by the Buddhists were :

- 1 — Cancel the order forbidding the flying of the Buddhist flag.
- 2 — Vietnamese Buddhists must be allowed to enjoy the privileged status granted to Catholic missions by Du n° 10.
- 3 — The government must stop arresting and persecuting the Buddhists.
- 4 — Buddhist priests and laymen must be allowed to worship and propagate their own faith freely.
- 5 — The government must pay adequate compensation to the victims of the May 8 bloody repression and punish those responsible for it.



10

TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO
VIỆT-NAM

SAIGON, ngày 9 tháng 5 năm 1963

TÂM THU

của Thượng-tọa THÍCH-TÂM-CHÂU
Phó Hội-Chủ Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam

Kính gửi :

Quý Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng, Ni
cùng toàn thể Phật-Tử Việt-Nam

Kính thưa Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức.

Ngày Phật đản năm nay tôi có tuyến 17 vào tới mũi Cà Mau, Quý Ngài đã thấy gì xảy ra đối với lịch sử Phật Giáo Việt Nam chúng ta, chắc Quý Ngài đã chứng kiến việc là có Phật Giáo Quốc Tế bị bắt buộc phải hạ xuống tới công điện số 9195, phát xuất từ Phủ Tổng Thống ngày 6-5-1963, nghĩa là trước ngày Phật đản 2 ngày và nhất là 7 Phật tử bị giết, mấy chục Phật tử bị thương vì bảo vệ là có Phật giáo trong ngày Phật đản (8-5-63) tại Huế. Trong tình trạng bị đất ấy Quý Ngài nghĩ sao? Quý Ngài ngồi yên để nhìn sự trôi xuôi, cho thân tâm thư thái chăng? Chắc chắn không, nếu những vị thực tâm tha thiết vì đạo. Nhìn lại 80 năm thuộc Pháp, mấy năm kháng chiến, mấy năm đất nước chia đôi, Phật Giáo chúng ta luôn luôn bị bóc lột, đàn áp mà Quý Ngài đâu phải dễ quên theo cuộc sống. Nhất là mấy năm gần đây, Phật tử chúng ta (cả xuất gia và tại gia) có nơi bị chôn sống, bị vu khống, bị tù đầy, bị thêm cư, bị nhục mạ; ngày nay lại bị thêm một cái tát đau đớn hơn nữa là là có Phật giáo Quốc tế - linh hồn Phật giáo - bị hủy bỏ ngay vào ngày kỷ niệm đấng Giáo Chủ chúng ta để đến nỗi cuộc hy sinh vì đạo đã phải diễn ra tại Huế, dưới họng súng của viên Thiếu tá Đặng Sĩ Phó Tỉnh trưởng Thừa Thiên. Quý Ngài nghĩ sao?

Các anh chị em Thanh niên Tăng, Ni nghĩ sao?

Với tình thân hy sinh cao cả bỏ tục xuất gia, với trí thông minh, nguồn hy vọng tràn trề nơi tuổi đang lên của anh chị em, với kỷ luật cương đường sâu dầy của thiện tín đối với anh chị em, nhất là với dòng máu của Như Lai đã chứa đựng bao đời hiệp nơi huyết quản anh, chị em, chỗ lẽ anh chị em tìm kiếm bất đồng trước sự thực mắt, còn của Phật giáo Việt Nam chúng ta ngày nay chăng? Anh, chị em tự nghĩ.

Với tình trạng trên, Quý Phật tử tại gia có ý niệm gì? sự yên ổn chăng? Quý Phật tử nhà thờ tình quá hay sao? Các Phật tử phải tự hào rằng thì tiến chúng ta theo Phật giáo gần hai nghìn năm nay đã đóng góp bao công trình văn hóa, chính trị, quân sự, đạo đức, đem lại độc lập vinh quang cho đất nước này, mà một cho sự lực thời đại nhục mạ, phá hủy, mặc cho là con em sau này học võ lực lòng không biết nhất làm gì trong quá khứ để đặt định một nếp sống trong đời sống dân tộc thuần túy trong lai chăng? Quý Phật tử tự nghĩ.

Gio đây, toàn thể Phật giáo đồ, không phân biệt xuất gia, tại gia, người Việt hay Ngoại kiều, hãy ai có nhiệt tâm vì đạo, chúng ta hãy tự bình tĩnh, muốn người như một, sẵn sàng bảo vệ đạo, chết vì đạo. Các vị xuất gia - nhất là anh, chị em thanh niên Tăng Ni, - phải in sâu kinh hồng đức Phật nơi tâm chúng ta, sẵn sàng mặc áo Cà sa, chấp tay hướng lên đức Phật, bước dài trên đường từ đạo, để bảo vệ chính pháp trong trật tự, hòa bình, bất bạo động. Các vị tại gia không phân biệt giai cấp, nghề nghiệp, già, trẻ, gạt sạch những tư tưởng danh lợi ngoài đời, ghi đậm nét có Phật giáo trong tâm, chấp tay hướng lên đức Phật, hướng lên Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, hướng về Hòa Thượng Hội Chủ, các Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức cùng các Phật tử đang hy sinh cho đạo tại Cố đô Huế mà nguyện rằng: - Chúng ta sẵn sàng bình tĩnh, trật tự, quyết hy sinh cho đạo theo sự hướng dẫn của Tổng Hội Phật Giáo và noi gương các Phật tử Huế bỏ mình vì là có Phật Giáo.

Toàn thể Phật giáo đồ bình tĩnh, tiến! Lịch sử Phật giáo Việt Nam sẽ ghi lên Quý vị

Phật Giáo Việt Nam bất diệt.

Thân ái,

Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam

Ký tên: THÍCH-TÂM-CHÂU



★

May 8, 1963

Buddhist blood has been shed in Huế. Buddhism was obliged to struggle to preserve freedom of worship.

May 9, 1963

The Ven. Thích Tâm Châu wrote a Letter-from-the-heart (Ph. 1) calling on monks, nuns and Buddhists to unite themselves in the struggle for the defense of Buddhism. At the same time, an Intersect Committee for the Defense of Buddhism has been set up with the Ven. Thích Tâm Châu as Chairman.

91



ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO



Dể lãnh đạo cuộc tranh đấu có hiệu lực, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật Giáo Việt Nam đã được thành lập, và đặt trụ sở hoạt động tại chùa Xá Lợi.

Thành phần Ủy ban như sau: 1) Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết lãnh đạo tối cao; 2) Thượng Tọa Thích Tâm Châu, Chủ tịch Ủy ban; 3) Thượng Tọa Thích Thiện Hoa; 4) Thượng Tọa Thích Tâm Giác; 5) Thượng Tọa Bửu Chơn là Phó Chủ tịch; 6) Thượng Tọa Huyền Quang, Văn phòng trưởng; 7) Thượng Tọa Thích Quảng Liên, Ủy viên nhân sự; Ban cố vấn gồm có: 8) Hòa Thượng Thích Minh Trực; 9) Thượng Tọa Thích Trí Quang; 10) Thượng Tọa Thích Pháp Trí; 11) Hòa Thượng Lâm Em; 12) Thượng Tọa Thích Thiện Minh; 13) Thượng Tọa Thanh Thái; 14) Đại Đức Thích Đức Nghiệp, Ủy viên Ngoại giao; 15) Đại Đức Thích Quảng Độ, Phụ tá Ủy viên Ngoại giao; 16) Đại Đức Thích Giác Đức, Ủy viên Nội an, kiêm Giảng huấn; 17) Đại Đức Thích Chánh Lạc, Thư ký; 18) Đại Đức Thích Hồ Giác, Phụ tá Giảng huấn; 19) Đạo hữu Chánh Trí, là Tổng Thư ký.





15-5-1963

**PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO THỦ-ĐỒ
DIỆN KIẾN TỔNG-THỐNG DIỆM
để trình-bày về 5 nguyện-vọng.**

HỒI 10 giờ 45 ngày 15-5-63, một Phái đoàn Phật Giáo gồm có : Thượng tọa Thích tâm Châu, Thượng tọa Thích thiện Hòa, Thượng tọa Thích thiện Hoa, Đại Đức Dũng Chí, Thượng tọa Thanh Thái, Cư sĩ Chánh Trí, đã vào Dinh Gia Long, diện kiến với Tổng Thống Ngô đình Diệm để đưa ra bản nguyện vọng của Phật giáo yêu cầu chánh quyền giải quyết.

Tất cả mọi nguyện vọng của Phật Giáo đã không được giải quyết thỏa đáng, mà lại còn bị đối gạt quanh co đồ cả cho Việt cộng.

Vì vậy, ngày hôm sau là 16-5-63 Phái đoàn Phật Giáo đã mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi để tường thuật buổi tiếp xúc trên, và Phái đoàn tuyên bố sẽ tham khảo ý kiến ban trị sự Phật Giáo toàn quốc để tranh đấu đòi Chánh phủ giải quyết 5 nguyện vọng chánh đáng của Phật giáo đồ.



Trong cuộc họp báo 16-5-1963 tại chùa Xá Lợi, Thượng Tọa Thích Tâm Châu tuyên bố : « Phật Giáo không thỏa mãn những luận điệu giải quyết quanh co của Tổng Thống Ngô Đình Diệm ».

ĐOẠN 1

13

ĐÒI HỎI GIẢI QUYẾT



BIỂU-TÌNH TẠI ĐÀ-LẠT

BIỂU TÌNH để đòi hỏi giải quyết 5 nguyện vọng



BIỂU-TÌNH TẠI HUẾ



Lê thị Kim-Không — Trần thị Phước-Tự — Huyền tôn nữ Tuyết -
Nguyễn thị Ngọc-Lan—Nguyễn-thị-Phúc—Nguyễn-thị-Yến—Nguyễn-và

A
Hòa Thượng
Mộ Chủ
Thích Tịnh Khiết
đã long trọng
cử hành lễ truy điệu
các Phật tử
đã hy sinh vì đạo
tại Huế

với sự tham dự
đông đảo Chư Tăng
và Phật tử

Rước linh
tại chùa Ấn Quang
sông Xá Lợi
đề cầu siêu
do Thượng tọa
Thích Quảng Liên
điều khiển

21-5-1963

★ A Memorial was set up
at the Tu Dam Pagoda
in honor of the Buddhist Mar-
tyrs

The Venerable Superior
Bonze Thích Tịnh Khiết pre-
sided at a prayer service in
memory of those who sacri-
ficed their lives for the religion
(Phật) in presence of a large
assembly of Hue monks and
nuns (Phật).

In Saigon, the Venerable
Thích Quang Liên in person
led the procession which car-
ried memorial tablets of the
Martyrs from the An Quang
Pagoda to the Xa Loi Pagoda
(Phật).



15

VANG lệnh Ngài Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, vào lúc 14 giờ ngày 30-5-63 các vị lãnh đạo của 6 tập đoàn Phật Giáo toàn quốc đã tuyệt thực trong 46 tiếng đồng hồ, đề yêu cầu Chánh Phủ giải quyết gấp rút 5 nguyện vọng của Phật Giáo đã ghi trong tuyên ngôn ngày 10-5-1963.

Tại Saigon ngày 30-5-1963 đã có cuộc biểu tình tuyệt thực vĩ đại của quý vị Tăng Ni trong 48 giờ tại 3 địa điểm: Tại Quốc Hội có 352 vị Tăng đã giảng nhiều khẩu hiệu đại ý yêu cầu Chánh Phủ giải quyết gấp 5 nguyện vọng của Phật Giáo, tại chùa Xá Lợi có 405 vị và tại chùa Ấn Quang 200 tuyệt thực chung một mục đích trên.

Từ 1 đến 6-6-1963 tại các tỉnh Nha Trang, Đà Lạt, Huế, Bình Định, Phan Rang v.v... đã tổ chức nhiều buổi biểu tình bất bạo động và tuyệt thực, đề tranh đấu với mục đích trên.



BIỂU-TÌNH TRƯỚC QUỐC-HỘI, SAIGON



★ As part of the struggle to compel the Ngo Dinh Diem administration to meet the five just Buddhist demands, monks and nuns demonstrated in Dalat (Ph. 1), Hue (Ph. 2) and before the National Assembly in Saigon (Ph. 3, 4, 5, 6 and 7).





Hơn 400 Chư Tăng tuyệt thực tại chùa Xá Lợi, trong 48 giờ, do Thượng tọa Thích Quảng Liên điều khiển (hình 1 và 2).

Hơn 200 Ni Cô tuyệt thực tại chùa Ân Quang, để trình đấu đòi hỏi Chính phủ Diệm giải quyết 5 nguyện vọng chính đáng của Phật giáo.

★ A 48 hour hunger strike was staged by 400 monks at the Xá Lợi Pagoda (Ph. 1, 2) and by over 200 nuns at the Ân Quang Pagoda as part of the struggle for the satisfaction of the five demands.



TUYỆT THỰC để đòi hỏi giải quyết 5 nguyện vọng



18

TỰ THIÊU

11-6-1963

đề đòi hỏi giải quyết 5 nguyện vọng



18 Trước khi tôi nhắm mắt về cảnh Phật tôi trân trọng gởi lời cho Tổng Thống Ngô đình Diệm nên lấy lòng Bác ái, từ bi mà đối xử với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thưở.

Lời của Hòa Thượng Thích Quảng Đức

SÁNG 11-6-1963, hồi 8 giờ, trên 800 vị Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni đã tập trung tại Phật Bửu Tự, sau lưng Tam Tông Miếu để làm lễ cầu siêu cho 8 Phật Tử tử vì Đạo trong ngày Phật Đản 2507 tại Huế.

Sau buổi lễ tất cả đã diễn hành trong trật tự, im lặng qua đường Phan Đình Phùng. Dẫn đầu cuộc diễn hành là một chiếc xe hơi du lịch hiệu Austin số TBA 599, chở vị Hòa Thượng Thích Quảng Đức.

Khi đến ngã tư đường Phan Đình Phùng gặp Lê Văn Duyệt, chiếc xe dừng lại như để sửa chữa. Các Tăng, Ni mở thành một vòng tròn bao chặt lấy ngã tư này. Hòa Thượng Thích Quảng Đức từ trong xe hơi bước ra ngồi xuống ngã tư, một vị Tăng già đã giúp Hòa Thượng Thích Quảng Đức tằm ết sắng vào áo và sau hết Hòa Thượng Quảng Đức tự đánh lửa tự thiêu. Trong khi lửa bốc cao nóng dữ dội, Hòa Thượng vẫn ngồi yên rất vững vàng, chấp tay niệm Phật.

Hòa Thượng Thích Quảng Đức 73 tuổi, nguyên quán Khánh Hòa, hiện trụ chỉ tại chùa Quan Âm Phú Nhuận. Hòa Thượng tu hành từ nhỏ, trong suốt cuộc đời tu hành Hòa Thượng đã sáng lập và tu bổ trên 30 cảnh chùa ở Trung và Nam Việt.

Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự nguyện thiêu thân để yêu cầu Chánh Phủ giải tỏa cấp tốc chùa Từ Đàm Huế vì hiện bảy giờ có trên 300 sinh mạng gồm Hòa Thượng Hội Chủ và các Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni, Hương Đạo, Sinh Viên, Gia đình Phật Tử sống khấp khoải trong đó; và Hòa Thượng cũng đã gửi một bức thư yêu cầu Tổng Thống giải quyết cấp thời 5 nguyện vọng chính đáng của Phật Giáo Việt Nam.

Nhục thân Hòa Thượng được đưa về nhập quan tại chùa Xá Lợi để làm lễ và dời ngày hỏa táng theo nghi lễ Phật Giáo.

★ As protest demonstrations and hunger strikes left the Diem administration unmoved the Venerable Thích Quang Duc resolved to burn himself to death on June 11, 1963, in downtown Saigon to compel the Diem regime to meet the five demands as soon as possible.



★ To increase the effectiveness of the struggle, the Venerable Thích Tinh Khiết, Supreme leader of the Vietnamese General Buddhist Association came in Saigon from Hue. Here he is shown praying before the altar dedicated to the late Venerable Thích Quang Duc at the Xa Loi Pagoda.



Hòa Thượng Hội Chủ đến chùa Xá Lợi cử hành lễ cầu siêu trước góc linh Hòa Thượng Thích Quảng Đức.

13 giờ 30 ngày 11-6-63, Hòa Thượng Hội Chủ đã cùng Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Thích Mật Nguyên, Thích Huyền Quang v.v... vào Saigon, để lên lĩnh đạo cuộc tranh đấu tới cùng.

Hòa Thượng Hội Chủ đã chủ lễ và cùng toàn thể Giáo phẩm Phật Giáo Việt Nam vinh tôn Hòa Thượng Thích Quảng Đức lên hàng Bồ Tát.

Mặc dầu Ngài Hòa Thượng Hội Chủ mới tuyệt thực 5 ngày xong và lại đi máy bay tại Huế vào còn một mổ, nhưng ngày 14-6-63 Ngài đã đề cử một Phái đoàn chính thức của Phật giáo gặp gỡ Ủy ban Liên bộ để thảo luận đi đến thỏa thuận chung 5 điểm yêu cầu chính đáng của Phật giáo.

12-6-1963





CÔNG KHAI ĐÀN ÁP

Thông Cáo Chung kỷ chưa ráo mực, chính phủ

THÔNG CÁO CHUNG đã được ký kết vào 1 giờ 30 đêm, ngày 16-6-63 sau khi đệ khán Hòa Thượng Hội Chủ Phật Giáo Việt Nam và tướng trình Tổng Thống Ngô đình Diệm duyệt ý, đã được loan truyền ngay giữa đêm đó bằng xe phóng thanh của Thông Tin, điện tín ánh tới tập đi các tỉnh, và đài phát thanh của Chính phủ loan đi khi trời sáng mờ sáng.

Toàn quốc vui mừng khi hay tin này, vì như vậy qua 5 điểm trong Thông Cáo Chung có sự duyệt ý bút phê và dấu của Tổng Thống Diệm đã xác nhận tội lỗi gây ra ở Huế, chính quyền chịu bồi thường, nhất là dụ 5, 10 phải được sửa đổi, và thả hết các Phật tử Tăng, Ni bị bắt giữ.

Tại Thủ đô 700.000 đồng bào kéo nhau ra đường Phan Thanh Giản tụ tập chờ đợi đưa đám đám Bồ Tát Thích Quảng Đức. Theo dự định thì đám tang cử hành vào ngày 16-6-63 sẽ hỏa táng tại An Dương Địa, như vậy lộ trình đưa đám sẽ qua đường Phan Thanh Giản và Phú Lâm.

Ủy ban Liên phái đã quyết định hoãn ngày đưa đám lại, được đại Phát thanh của Chính phủ loan đi nhưng không ai tin — mọi phương tiện thông tin bị bóp méo quá nhiều đến nỗi nói sự thật cũng không ai tin cả.

Vì vậy, đồng bào tụ tập ngày một đông. Chính quyền lo sợ trước biến người này có thể trở thành bạo động, nên đã khẩn khoản mời các chư tăng ra giải thích.

Thượng Tọa Thích Tâm Giác là nhà Thiên tăng danh tiếng du học ở Nhật về, rất được sự yêu mến của mọi người nhất là thanh niên, nên khi Thượng



Phụ nữ che áo chịch tránh khỏi lựu đạn.



Đường phố bị phong tỏa bằng giầy thép gai.

23

Thượng tọa Thích Tâm Giác loan tin hoãn ngày đưa đám tang Hòa Thượng Thích Quảng Đức, để đồng bào hoãn hý giải tán. Trong khi đồng bào đang giải tán, Cảnh sát Chiến đấu đã xô đẩy và hành hung một bà già. Phụ nữ la ó phản đối và lấy guốc đập nếm Cảnh sát. Cảnh sát thẳng tay đàn áp phụ nữ bằng roi gậy. Thanh niên phản uối nhét đá ở đường xe lửa ném vào Cảnh sát. Cảnh sát liệng lựu đạn cay khùng bố Phật tử.



PHẬT GIÁO ĐỒ

Diệt dã ngang nhiên vi phạm

17-6-1963

Tọa ra giải thích được mọi người hoan hô. Thượng Tọa đứng lên trên nui xe du lịch do biên người tự động đẩy đi. Lời nói của Thượng Tọa đã được đồng bào tin ngay và lục tục kéo nhau ra về. Nhưng số đông khác cứ bám đầy theo xe Thượng Tọa. Khi đến đường Phan Thanh Giản gặp Lê Văn Duyệt xe chở Thượng Tọa về chùa Xá Lợi, đồng bào cùng theo để muốn vào chùa chiêm bái giác linh Hòa Thượng Thích Quảng Đức.

Nhưng Cảnh sát chiến đấu đứng là chắn cản lại, dúi cui đánh vào một bà già, vì vậy cuộc xô sát đã xảy ra. Đồng bào cầm gậy rút guốc giầy đập Cảnh sát. Cảnh sát đã dùng lựu đạn cay và thẳng tay đánh đập để giải tán.

Khi đám đông đã tan, Cảnh sát cho rào giầy kẽm gai các đường lân cận Phan Thanh Giản, Phan Đình Phùng. Sau đó, Cảnh sát lùng bắt các Phật tử trong vùng này đem đi tra tấn hành hạ.

★ The venerable Thích Tâm Giác announced the decision of the Intersect Committee for the Defense of Buddhism to postpone the funeral of the late Ven. Thích Quang Đức and urged the mourning crowds to disperse (Ph. 1).

While the crowds of Buddhist were dispersing, Diem's police attacked and arrested an old woman. Youths immediately came to her rescue and stoned the police. The police threw tear-gas grenades and brutally assaulted the crowds (Ph. 2). Women and girls scught to protect themselves from the grenades (Ph. 3). The police blocked the streets in order to round up the youths (Ph. 4, 5 and 6).



Cảnh Sát Chiến Đấu chặn bắt thanh niên.



TRAI ĐOÀN 2

Đòi hỏi thực thi

16-7-1963



Điện của Tổng Thống Phủ ra lệnh đàn áp Phật giáo đồ.

THÔNG CÁO CHUNG ký kết chưa ráo mực, thì về phần Chánh phủ Diệm đã mặc nhiên vi phạm.

Tổng đoàn Thanh niên Cộng hòa của Ngô đình Nhu đã ra một Thông cáo số 3 để đã phá Thông cáo chung.

Trên thực tế các chùa chiền ở Quảng Trị vẫn bị phong tỏa, các cán bộ Phật tử bị bắt bớ nhiều hơn trước.

Tỉnh Phan Rang cấm các chùa treo cờ rủ để tang Cố Bộ Tật Quảng Đức.

Các trục giao thông về thủ đô bị kiểm soát ngặt nghèo, ngăn chặn sự liên lạc giữa Tăng, Ni các tỉnh với Văn phòng Ủy ban Liên phái.

Các Phật tử đi lễ chùa Giác Minh, Ấn Quang và Xá Lợi bị theo dõi và hăm dọa.

Cũng trong thời gian này, bản Thông cáo chung được Ủy ban Liên phái in lại nguyên văn có kiểm duyệt số 1.380-HDRDTU-NB, trên đường gửi về Huế đều bị tịch thu tại Quý Nhơn.

Hơn thế nữa Chánh quyền còn chính thức giúp đỡ máy bay trực thăng di chuyển một số các thầy cũng ở các tỉnh về đại hội cùng với Mặt vụ đội lốt nhà sư với danh nghĩa Lục Hòa Tăng, để đánh điện cho Hội Phật Giáo Thế Giới và cáo Ủy ban Liên phái làm chánh trị.

Hòa Thượng Hội chủ Phật Giáo Việt Nam đã phản kháng mọi hành động gian manh trên với Tổng Thống Diệm, nhưng không đi đến sự cải thiện thật sự nào về phía đương cuộc Tổng Thống Diệm.

Trái lại, Phủ Tổng Thống đánh một mắt điện đi toàn quốc chuẩn bị cuộc đàn áp mới và thành trưng các phần tử Phật giáo trong các cấp Quân Dân Chính. Một bản sao mặt điện này đã bị lọt vào tay Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo.

Trước sự ngoan cố của Chánh phủ Diệm thì hành kế « tri hoãn chiến » và « đánh tía » để điều tiết dân môn Phật giáo, ngày 12-7-63 Ủy ban Liên phái đã cấp thời nhóm họp một phiên họp quan trọng để tuyên bố một quyết nghị đồng lòng hợp sức trong cuộc vận động hợp pháp bất bạo động cho đến khi nào nguyên vọng chung của Phật giáo được thực hiện.

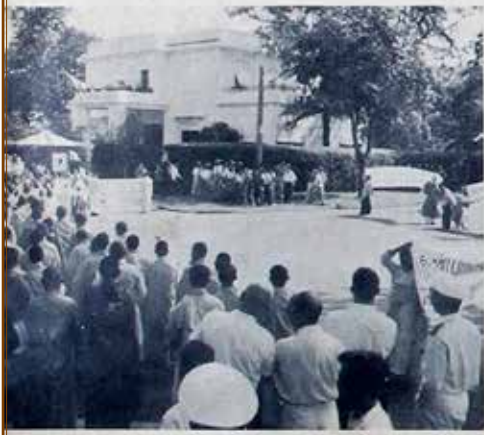
Ngày 14-7-63 Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đã ra một Thông Bạch và Thương Tọa Thích Tâm Chân Chủ tịch Ủy ban Liên phái cũng gửi một bức thư cấp thời cho Tập đoàn Lãnh đạo Ủy ban Liên phái các Giáo hội cùng Phật hội toàn quốc phát động lại ngay một phong trào đòi thực thi Thông cáo chung.

Trong dịp phát động lại này, Ủy ban Liên phái đã chú trọng nhiều đến cuộc vận động cho khắp thế giới thấy rõ bộ mặt dã man tàn bạo ngang bướng của Chánh phủ gia đình Diệm trong việc đàn áp Phật Giáo Việt Nam.

Vì thế, ngày 16-7-63, Thượng Tọa Thích Tâm Châu, Chủ tịch Ủy ban Liên phái đã đích thân hướng dẫn Tăng Ni đến biểu tình trước tư dinh Đại sứ Ngoại, yêu cầu Hoa kỳ là nước đã giúp Việt Nam vũ khí để đánh Cộng sản đừng để đem vũ khí và xe tăng đó sát hại Phật giáo. Thượng Tọa cũng yêu cầu Thế giới Tự do phải có thái độ trước hành động vi phạm nhân quyền của Chánh phủ Diệm.

Cuộc biểu tình này đã được trực tiếp truyền thanh quay phim chiếu công khắp thế giới, làm cho các nhà chánh trị lớn trên thế giới phải lên tiếng kết án chánh phủ dã man Diệm trắng trợn vi phạm tự do tín ngưỡng.

BIỂU TÌNH trước tư dinh Đại sứ Hoa Kỳ





Thông Cáo Chung

Thượng tọa Thích Tâm Châu Chủ tịch Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo cầm đầu cuộc biểu tình, yêu cầu Thế giới Tự do và Hoa Kỳ can thiệp để Chính phủ Diệm chấm dứt hành động « Kỳ thị Tôn giáo » tại Việt Nam.

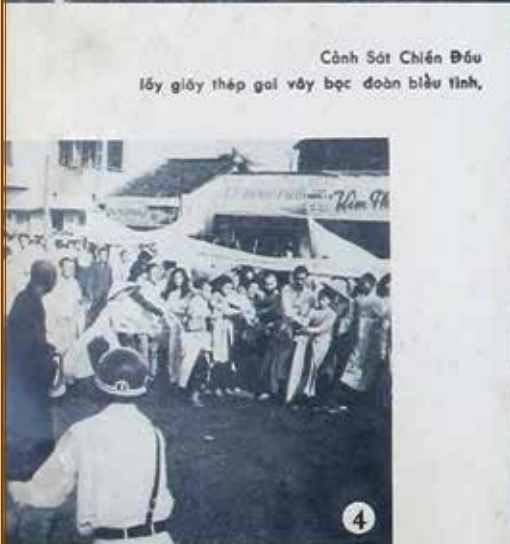
★ Despite the signing of the June 16 Joint Communique, two days later, the Diem Presidency Office sent a secret order to administrative and military services urging them to prepare for the repression of monks and nuns (Ph. 1) but a copy of the telegram fell in the hands of the Intersect Committee for the Defense of Buddhism.

As a result, on July 16, 1963, the Ven. Thích Tâm Châu, Chairman of the Intersect Committee in person headed a demonstration in front of the U.S ambassador's private residence in Saigon to denounce the Diem administration's dark schemes and ask the United States to take a clear stand and not allow the Diem administration to make use of American weapons destined for the anti-communist war to repress Buddhism (Ph. 2, 3, 4 and 5).



Đội Đức Thích Giác Đức đang tổ cáo tội ác của Chính phủ Diệm trong văn đề Phật giáo.

17-7-1963



Cảnh Sát Chiến Đấu
lấy giấy thép gai vây bọc đoàn biểu tình,

SÁNG sớm ngày 17-7-63, từng đoàn Tăng Ni Đố Phật Giáo tại các vùng phụ cận kéo nhau về chùa Giác Minh để đi thăm quý Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni tuyệt thực tại chùa Xá Lợi.

Đúng 8 giờ 30 sáng trên 1.000 Phật tử khởi hành trương lên khẩu hiệu : « Chúng tôi thăm thầy chúng tôi. Tuyệt thực đề đòi hỏi thực thi đúng dân bản Thông cáo chung » và nhiều khẩu hiệu khác, Cảnh sát, Công an, Mật vụ vô trang bao vây đoàn Phật tử lại và cản lại bằng những vòng giây kẽm gai.

Phật tử đã cố gắng phá vỡ được hàng rào kẽm gai, song Cảnh sát lại bao vây nhiều lớp kẽm khác dày đặc, song vì tôn trọng lời hô hào các cấp lãnh đạo thực hành « tranh đấu » bất bạo động nên tất cả ngồi xuống đường yên tĩnh niệm Phật, ở ngay đường Phan Thanh Giản cách chùa Giác Minh 100 thước.

Thừa cơ này, đoàn Cảnh sát chiến đấu đã hành hung các Tăng Ni, xô đẩy hành hung đàn bà trẻ con, cướp giật các biểu ngữ.

Đoàn biểu tình sau hết rút về chùa Giác Minh.

Cảnh sát chiến đấu đặt giấy thép gai chắn kín cổng chùa Giác Minh và Từ Quang mở đầu cho cuộc phong tỏa 600 Tăng Ni và Tín đồ suốt 54 tiếng đồng hồ.

★ On July 17, 1963 monks, nuns and Buddhist laymen demonstrated along Phan Thanh Giang Street to support the demand that the Diem government correctly implement the Joint Communique (Ph. 1). The Director of the National Police in Saigon ordered the police to attack the demonstrators (Ph. 2). Combat police fenced in the demonstrators with barbed wire (Ph. 3 and 4) beat up Buddhist followers (Ph. 5), stripped off monks' robes (Ph. 6) and so seriously wounded many monks that they had to be treated for weeks (Ph. 4).



rồi đón ập Tăng Ni và Phật tử.



2

Giám Đốc Cảnh sát Đô thành ra lệnh tấn công Tăng

BIỂU TÌNH TẠI ĐƯỜNG 20 để đòi hỏi thực thi thông cáo chung



6

Cảnh Sát Chiến Đấu xé nát quần áo chư Tăng.



7

Tăng Ni bị thương được UBLPBVPG đem về ch
Ấn Quang điều trị.

34



Thượng tọa
Thích Thiện Hoa
chủ lễ

18-8-1963

CUỘC tranh đấu bất bạo động của Phật Giáo đã đến hồi gay go quyết liệt.

Lòng Phật Tử đã sôi lên cực độ trước mọi hành động dã man bịp bợm của Chánh Phủ Ngô Đình Diệm.

Bên phía Chánh Phủ Diệm đưa ra yêu cầu cùng Phật Giáo tổ chức Ủy Ban Hòa Hợp để giải quyết mọi vấn đề vi phạm tự do tín ngưỡng của Chánh Phủ Diệm đối với Phật Giáo.

Bên phía Ủy Ban Liên Phái đặt vấn đề tiên quyết buộc Chánh Phủ Diệm phải thực thi thông cáo chung, mới nói chuyện thỏa hiệp.

Đồng thời Ủy Ban Liên Phái tích cực hướng dẫn Phật Tử muốn người như một quyết tranh đấu bất bạo động để bảo vệ chánh pháp đến thành công.

Sáng ngày 11-8-1963, và ngày 18-8-1963 hơn 10 ngàn đồng bào Phật Tử đã đến đặc nghệt trong ngoài chùa Xá Lợi và cả đoạn đường phía trước chùa, tuyệt thực làm lễ cầu siêu cho các Tăng Ni đã hy sinh vì chánh pháp.

Tham dự buổi lễ này phần đông là nam nữ sinh viên, thanh niên, và đủ mọi lớp tuổi, đủ mọi nghề nghiệp công cũng như tư.

Tất cả đã quên ngoài nắng và kẻ cá lúc mưa, mọi người vẫn đầu trần chịu nắng mưa, dề chấp tay tụng niệm.

Thượng Tọa Thích Thiện Hoa chủ trì, phân nghi lễ vĩ đại này.



Phật tử đứng đặc nghệt trong chùa...



...kín cỏ hè...

**TUYỆT
THỰC
CẦU
SIÊU**

để
đòi hỏi
thực thi thông cáo chung



85

Đại Đức Thích Giác Đức đã lớn tiếng phản đối hành động đàn áp Phật Giáo của chính phủ và diễn giải một cách rõ ràng, vô cùng hấp dẫn, về ý nghĩa cuộc đấu tranh chính đáng của Phật Giáo Việt Nam làm thế giới khám phục truyền thống «vũ bất năng khuất» của dân tộc ta.

Thượng Tọa Thích Tâm Châu, Thượng Tọa Thích Trí Quang, và quý vị lãnh đạo trong Ủy Ban Liên Phái đã lần lượt đi khắp chỗ thăm viếng các Phật Tử đang can trường tham dự cầu siêu metting tuyệt thực.

Ngay giữa rừng người này là ba vị tu sĩ đã nguyện sẵn sàng tự thiêu nếu chánh quyền Diệm dụng vào bất cứ ai trong cuộc lễ cầu siêu tuyệt thực này.

The fighting spirit of Buddhism grew rapidly and was soon shared by all the masses of the people. On August 11 and 18, 1963 tens of thousands of Buddhists went to the Xa Loi Pagoda to pray for the souls of the Martyrs. The services were conducted by the Ven. Thích Thiên Hoa (Ph. 1) and the Ven. Thích Giác Đức (Ph. 2) and a capacity crowd filled the Pagoda (Ph. 3), both sides (Ph. 4) the courtyard (Ph. 5) and adjacent streets (Ph. 6 and 7).



Đại Đức Thích Giác Đức, điều khiển cuộc Tuyệt Thực và Cầu Siêu.



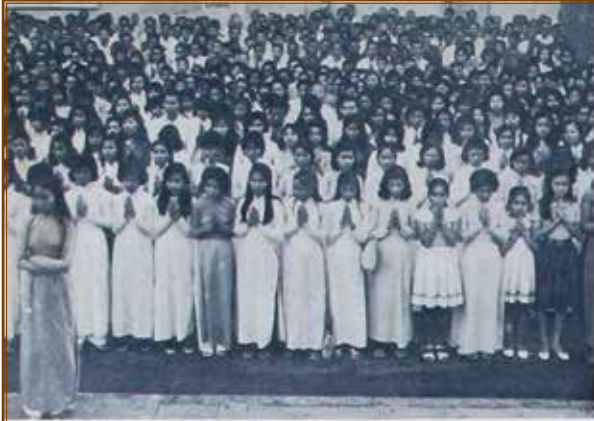
đầy sân...



...chật chùng...

...và nghẹt cả những con đường bao quanh chùa.





Muôn người chung về một tâm niệm,
cùng chấp tay cầu nguyện. Muôn bàn
tay cùng chung một ý tưởng: QUYẾT
TÂM TRANH ĐẤU ĐỂ BẢO VỆ PHẬT
PHÁP TỚI CÙNG.



36



Chúng tôi nguyện đem xương máu
trạng trại cho Phật Pháp, và nếu chết là chết
như cái chết của CHÂN LÝ trước bạo lực
chứ không phải bạo lực này chết vì
kém bạo lực khác

20-8-1963



6

TÀN SÁT PHẬT

18 GIỜ 20-8-1963, chùa Xá Lợi nhận được mật tin Chánh Phủ Diệm sẽ càn quét chùa, nên Ủy Ban Liên Phái đã cấp thời mật hội tìm giải pháp đối phó.

Giải pháp cuối cùng là chỉ cắt đầu trái tim Hòa Thượng Thích Quảng Đức còn tất cả Tăng, Ni vẫn tiếp tục hành lễ mặc cho Nhu Diệm thi hành qui kế, để họ hết đường bịp bợm trước dư luận.

Khuya 20-8-1963, quân đội đặc biệt của Nhu bao vây và tấn công các chùa, bắt các Tăng, Ni mang đi.

Tất cả Ủy Ban Liên Phái đều « được » chúng bắt. Hòa Thượng Hội Chủ bị chúng mời đi bệnh viện Cộng Hòa.

Đêm 20 rạng 21-8-1963, Tổng Thống Diệm ban bố lệnh giới nghiêm trên toàn quốc, để đề phòng phản ứng nhân dân trước hành động tàn bạo ngu dại của họ đã dám cả gan chiếm chùa hại sư.

Trong thời gian này, Chánh Phủ Diệm đã bày ra một Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuận Tụy, do Thích Nhật Minh là phát ngôn viên điều động mọi việc theo chỉ thị của Nhu để hòng che mắt thế giới.

Hơn thế nữa Nhu còn bắt Thanh Niên Cộng Hòa tổ chức biểu tình hoan nghênh giới nghiêm và quyết định sáng suốt của Tổng Thống Diệm đã phá chùa hại sư và sát hại đồng bào Phật Tử.



1



2



Nơi giam giữ các nhà lãnh đạo Phật giáo (đã được trang bị đầy đủ tiện nghi để che mắt Phái đoàn Liên Hiệp Quốc).



3

Diệm và Nhu tiếp Thích Nhất Minh, cũng âm mưu thành lập Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Tủy để chống lại Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.



Thích Nhất Minh phát ngôn trong cuộc họp báo tại chùa Ấn Quang công kích Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.



GIÁO

★ To cope with this tide-raising spirit which grew stronger and stronger, the Ngo Dinh Diem family made two moves :

1 — They decreed Martial Law, ordering the troops to guard the streets (Ph. 1) and arrested the leaders and members of the Intersect Committee for the Defense of Buddhism (Ph. 2, 3, 4 and 5)

2 — Diem and Nhu contacted bonze Thích Nhất Minh and bribed him into setting up the so-called Union Committee for Pure Buddhism (Ph. 6 and 7). They ordered him to hold a press-conference (Ph. 8). They forced the Republican Youths to stage a demonstration in support of Martial Law. (Ph. 9)



Thanh Niên Cộng Hòa và người-Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn bị cưỡng bách đi biểu tình tại công trường Lam Sơn, để hoan hô lệnh giới nghiêm 20-8-1963.



CHIAI ĐOẠN 3

Cứu Nguy PHẬT GIÁO

PHẬT NẠN : 2.507

TRÀO nước mắt qua dòng tim tế tái
 Chông hai tay cầu nguyện giữa thương đau
 Ôi! Còn chi là đạo cả nhiệm mầu
 Còn chi nữa, cửa thiên đàng nhuộm máu!
 Chúng giết thầy lười lẽ đây sắc máu
 Giữa lời kinh tắc nghẹn trở về tim
 Suốt một đời người đạo lý mãi tìm
 Nay gục xuống dưới bàn chân Đức Phật
 Trên vũng máu lũ bạo tàn tự đắc
 Cát tiếng cười kinh động cửa Từ Bi
 Chúng là người sao chẳng có lương tri
 Chúng là quỷ đội lốt người có phải?
 Chín tầng phép sáng, mây mờ nắng quái
 Xá Lợi ôi! Tan nát còn đâu?
 Cùng dân con tay chấp lạy cúi đầu
 Miệng niệm Phật kéo nhau vào ngục tối
 Sáng hôm sau một lớp người ngu muội
 Không phải đâu! Một lũ quỷ vô thường
 Cát tiếng cười ghê rợn giữa đau thương
 Giữa tiếng khóc của muôn người Phật Tử
 Ôi! Đức Phật vô cùng hỷ xả
 Tha cho con tội uất hận hôm nay
 Những tâm hồn trụ lại trong tay
 Thành những nắm gơ cao bất diệt!

Trích tâm thư
 của
 Thượng Tọa THÍCH TÂM CHÂU
 trong lao tù gửi ra
 cho Phật Tử Việt Nam.

Bài Khóa * Biểu Tình * Bài Khóa * Biểu Tình * Bài Khóa



CHỮA CHIẾN bị tàn phá. Các nhà Sư lãnh đạo bị bắt cả. Xe tăng quân đội vô trang gác khắp ngã đường nhưng không thể ngăn nổi cuộc vùng dậy của Sinh Viên và Học Sinh Việt Nam, tranh đấu để cứu nguy Phật Giáo.

Các trường Đại Học, Trung Học thi nhau bãi khóa.

Học Sinh trường Chu Văn An đập phá trường, kéo cờ Phật Giáo biểu tình trong sân trường, đòi chính phủ phải thả ngay các Tăng, Ni và Phật Tử bị bắt giữ đêm giới nghiêm 20 tháng 8 năm 1963 (hình 1).

Học Sinh trường Võ Trường Toản ngang nhiên nêu cao nhiều khẩu hiệu đã đảo gia đình họ Ngô (hình 2).

Nữ Sinh trường Trưng Vương thực tế hơn, họ biểu tình kêu gọi Quân Đội hưởng ứng để đập đổ chế độ Ngô Đình Diệm.

Trong cuộc biểu tình đặc biệt của Học Sinh và Sinh Viên ngày 25 tháng 8 năm 1963 tại chợ Bến Thành, em Quách Thị Trang đã bị bắn ngã (hình 4) và số khác bị Công an bắt về điều tra giam giữ.

Tuy vậy, Học Sinh vẫn liên tiếp bãi khóa biểu tình tranh đấu (hình 5) để bảo vệ Tôn Giáo truyền thống cao đẹp của dân tộc.



★ Pagodas were raided and damaged. All leading bonzes were arrested. Tanks and troops stood on all streets. But these measures could not prevent Vietnamese University and High-School students from taking part in the struggle to save Buddhism. Strikes spread to colleges and High Schools.

Students of the Chu Van An High School wrecked their classrooms, defiantly hoisted the Buddhist flag in the school yard and demanded the release of all monks, nuns and Buddhists arrested on the night of August 20 when Martial Law was proclaimed (Ph. 1).

Students of the Vo Trường Toản High School courageously displayed this banner reading : • Down with the Ngo family ! • (Ph. 2)

More realistic, the girls of the Trưng Vương High School demonstrated to appeal to the armed forces to topple the Ngo Dinh Diem regime.

During a demonstration by University and High School students on August 25, 1963 in front of the Ben Thanh Market, girl student Miss Quach Thi Trang was shot down by Diem's Combat Police (Ph. 4) while a great number of other students were rounded up and jailed.

Notwithstanding this, the students continued to strike and demonstrate (Ph. 5), thus displaying a fighting spirit worthy of our people's heritage.



TỰ THIÊU

tại Bùn binh chợ Bến Thành

ĐẠI ĐỨC Thích Quảng Hương, đạo hiệu Bảo Chân, tục danh Nguyễn ngọc Kỳ sinh ngày 28-7-1926 tại xã An Ninh quận Tuy Hòa tỉnh Phú Yên.

Năm 1940, anh ruột của Đại Đức xuất gia đầu Phật, nên từ đó Đại Đức thương lui tới chùa để tụng kinh sám và học kinh kệ.

Năm 1943, Đại Đức đã xuất gia tu học, làm đệ tử của Hòa thượng tọa chủ chùa Kim Cang Phú Yên.

Năm 1947 Đại Đức cùng với 5 vị Đại Đức khác trong xã An Đức, quận An Thành lập Chi Hội Phật Học tại quận này.

Năm 1949 Đại Đức cầu Pháp và thọ cụ túc giới với Hòa thượng Liễu Tôn, trụ trì chùa Quảng Sơn, và nhận chức Thư ký của Chi Hội Phật Giáo An Hiệp.

Năm 1950 vị trụ trì chùa Thôn Phú Nhuận từ trần, Đại Đức tới thay thế và sáng lập khuôn Hội Phật Giáo Thôn Phú Nhuận.

Năm 1956, Đại Đức tới Phan Thiết chữa bệnh, khi lành Đại Đức vào tông học tại Phật Học Viện Nha Trang.

Năm 1959, Đại Đức được Thượng Tọa Giám Viện ủy nhiệm làm giảng sư tại tỉnh Hội Phật Giáo Dalat.

Năm 1961, Đại Đức được Hòa Thượng Hội Chủ cử kiêm nhiệm Trụ trì và Giảng sư tại tỉnh Hội Phật Giáo Ban Mê Thuột. Đại Đức ở đây cho tới ngày tự thiêu.

Hồi 12 giờ 25 ngày 5-10-1963, Đại Đức tự thiêu tại bùn binh chợ Bến Thành để tranh thủ cho 5 nguyện vọng chân chính của Phật Giáo.

CỨU NGUY PHẬT GIÁO CỨU NGUY PHẬT GIÁO

BÊN
BA
NƯỚC
NGOÀI

42



THƯỢNG TỌA Pháp Trì (hình 4) cùng một phái đoàn lên trên sang Cam Bốt.

Tại Cam Bốt, phái đoàn Phật Giáo Việt Nam đã được Vua sai gióng hoàng tộc (hình 5) và Vua sai nhân dân (hình 6) tiếp đón niềm nở và giúp đỡ mọi phương tiện.

Phái đoàn đã nói hai buổi trên đài phát thanh, vạch tội ác

43

★ The struggle waged by the Buddhist leaders was not restrained by Martial Law instead. It became more determined.

On October 5, 1963, the Ven. Quang Huong burned himself to death in front of the Ben Thanh Market (Ph. 1).

The Superior Bonze Thich Tinh Khiet on returning from the hospital to the An Quang Pagoda (Ph. 2) managed to send a letter to the United Nations asking it to intervene to end the grave violations of human rights in VietNam.

The Ven. Thich Tri Quang (Ph. 3) sought refuge at the US Embassy. He told the US Ambassador all the crimes committed by the Diem regime against Vietnamese Buddhism and expressed the indignation of the Vietnamese Buddhists, who make up 80 per cent of the population, at the Diem's policy of religious discrimination.

The Ven. Thich Tri Quang urged the United States to take conscience of their responsibilities as the nation supplying aid to Vietnam and intervene to help change the situation. He argued that any government of the Republic of Vietnam must follow a policy of real freedom and equality for the people if it wants to win their hearts.

The Ven. Phap Tri (Ph. 4) and a delegation fled to Cambodia. In Cambodia the Vietnamese delegation was warmly welcomed by the Chief monk of the Royal Family (Ph. 5) and the Chief monk of the people (Ph. 6) and given all necessary assistance.

In Phnom Penh, the delegation delivered two talks over the radio to denounce the Ngo family's crimes and urge all Buddhists inside and outside the country to courageously continue the struggle until the end.

At the same time, the delegation's members gave their own blood to write a letter to the United Nations asking its intervention to help stop violations of human rights in Vietnam by the Diem regime.



CỨU NGUY PHẬT GIÁO

TỶ NẠN TÒA ĐẠI SỨ HOA KỲ

THƯỢNG TỌA Tri Quang trốn khỏi nhà giam vào tị nạn tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Thượng Tọa đã trình bày với Đại Sứ Hoa Kỳ về mọi hoạt động tàn ác của Chính Phủ Diệm đối với Phật Giáo Việt Nam. Hơn tám mươi phần trăm dân số Việt Nam căm phẫn chính sách kỳ thị Tôn Giáo của Chính Phủ Diệm. Thượng Tọa yêu cầu Hoa Kỳ phải có trách nhiệm và ý thức về sự viện trợ của họ. Hoa Kỳ phải can thiệp cấp thời để thay đổi cục diện chính trị ở Saigon, hãy đúng hơn là Việt Nam Cộng Hòa phải có một chính sách tự do bình đẳng thực sự mới mong thu phục được nhân tâm.



CỨU NGUY PHẬT GIÁO



gia đình họ Ngô, và kêu gọi Phật Tử trong và ngoài nước hãy hăng hái tiếp tục tranh đấu không ngừng.

Đồng thời, phái đoàn đã trích máu để viết một bức thư gửi cho Liên Hiệp Quốc, yêu cầu cơ quan này can thiệp cấp thời để chấm dứt mọi hành động vi phạm nhân quyền tại Việt Nam.

LIÊN HIỆP QUỐC CAN THIỆP



7 vị trong Phái đoàn Liên Hiệp Quốc
(hình 2).

Phái đoàn Liên Hiệp Quốc viếng chùa Xá
Lợi (hình 3).

Điều tra U.B.L.H.P.G.T.T. (hình 4).

Điều tra Ngô Đình Diệm (hình 5).

44

O giờ 30 ngày 24-10-63, Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc đã tới Việt Nam.

Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc gồm có 7 người :

- 1° Ông Pashawak, đại diện Ả Phú Hân, Trưởng Phái đoàn.
- 2° Ông Đại sứ Sergio Correa Da Costa (Ba Tây).
- 3° Ông Đại sứ Fernando Valio Jimenez (Costa Rica).
- 4° Ông Đại sứ Louis Ignacio Pinto (Dahomay).
- 5° Ông Đại sứ Mohammed Amor (Maroc).
- 6° Ông Đại sứ Matrice Probat Koirala
- 7° Ông Đại sứ Senegat Gnanassone (Tích Lan).

Nhiệm vụ Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc là điều tra tận nơi, thăm hỏi các nhân chứng có liên quan đến vụ đàn áp Phật giáo đồ của chánh quyền Diệm.

Ngày 24-10-63, Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc đã đến Bộ Nội vụ nghe đại biểu Chánh phủ Diệm thuyết trình, và cùng ngày này Phái đoàn đã tới Dinh Gia Long điều tra tư tưởng Ngô đình Diệm.

Ngày 25-10-63, Phái đoàn đã gặp Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ, ông Ngô đình Nhu, và Phái đoàn cũng đã tới viếng chùa Xá Lợi.

Tại chùa, Phái đoàn, sau khi chiêm bái xong, Phái đoàn đã hồi hân riêng từng Thượng Tọa, Đại Đức.

Ngày 28-10-63, Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã chính thức điều tra Ủy ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuận Tây, và cũng đã tới chùa Ấn Quang phỏng vấn Hòa Thượng Hội Chủ.

11 giờ ngày 28-10-63, Phái đoàn vào vái chào Hòa Thượng Hội Chủ, Ngài đã chào lại và mời ngồi ghế.

Qua ít lời giới thiệu thông lệ, ông Pashawak Trưởng phái đoàn xin phép được đặt vài câu hỏi quanh vấn đề Phật giáo vừa qua, Ngài hoan hỉ.

Mở đầu, ông vấn an sức khỏe của Hội Chủ, ông ngỡ ý rằng hôm kia 25-10-63 Phái đoàn đến đây muốn được tiếp xúc với Hội Chủ, nhưng Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Thuận tây đã từ chối vì Ngài đã quá già và đau yếu.

Hòa Thượng mỉm cười. Ông Pashawak tiếp tục : « Kính thưa Hòa Thượng, Hòa Thượng có bằng lòng với tất cả cư xử của Chánh phủ Diệm đối với vấn đề Phật giáo hiện tại không ? Ngài có cảm tưởng đang bị Chánh phủ Diệm đàn áp không ?

— Việc ấy nếu trả lời thì chỉ là ý kiến riêng cá nhân tôi.

Sự thực của vấn đề xin nhường lại cho Tăng, Ni và Phật tử, Sinh viên, Học sinh, tin đồ và dân chúng sẽ đáp rõ và đầy đủ với quý ngài.

— Chúng tôi rất hân hạnh muốn thỉnh ý kiến Hội Chủ ?



— Vâng. Dĩ nhiên là có đàn áp — đàn áp quá đáng — nên buộc chúng tôi phải đứng đây tranh đấu đòi hỏi năm nguyện vọng chính đáng của chúng tôi và giữ vững lập trường đó cho đến hôm nay. Hiện giờ Tăng, Ni, Sinh viên, Học sinh, Gia đình Phật tử, Tín đồ, dân chúng đang chịu đựng nhiều gian khổ : phần bị bắt trước, phần bị bắt trong và sau ngày giới nghiêm đang bị tra tấn giam giữ, phần ở ngoài bị khủng bố đe dọa đủ mọi hình thức, hết lời ta thán.

Tiếp đó, một phái viên hỏi : « Có phải Phật giáo bắt đầu tranh đấu to lớn có công điện triệu hạ Giáo kỳ không ? Và phong trào phát động mạnh mẽ từ sau vụ tàn sát ở đài phát thanh Huế không ? »

— Từ lâu, Phật giáo chúng tôi đã nhẫn nại chịu đựng mọi sự ngược đãi áp bức do Chính quyền Diệm gây ra, nhưng mãi đến hôm 8-5-1963 trước sự triệt hạ cờ Phật giáo quốc tế, tượng trưng cho tín ngưỡng thiêng liêng của người Phật tử, buộc chúng tôi phải đứng đây tranh đấu, và tranh đấu mạnh mẽ sau ngày Chính phủ Diệm tàn sát Phật tử ở đài phát thanh Huế. Việc làm trước hàng ngàn con mắt như thế mà Chính phủ Diệm còn ngoan cố cho bọn Việt cộng đến đặt chất nổ đồ quý phá.

— Ngài có muốn có sự cao thấp lớn nhỏ giữa Phật kỳ và Quốc kỳ không ?

— Không, tôi muốn bằng nhau và ngang nhau.

— Ngài có muốn Việt Nam thành một nước Phật giáo không ?

— Tôi muốn Chính phủ Diệm thực sự ban hành tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo.

Một phái viên khác hỏi tiếp :

— Xin Ngài cho chúng tôi bằng chứng là có sự bất bình đẳng tôn giáo dưới Chính quyền Diệm.

— Vâng, bằng chứng thì nhiều lắm, chúng tôi xin Phái đoàn xem lại lá thư trước đây tôi gửi cho ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc và ông Trưởng phái đoàn đây sẽ rõ. Muốn biết nhiều chi tiết hơn, Phái đoàn nên vào trong nhà giam phỏng vấn các vị chư tăng lãnh đạo Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo. Và, tôi cũng trân trọng lưu ý quý Ngài hãy hoan hỷ tiếp xúc nhiều với Sinh viên, Học sinh, Gia đình Phật tử ở nhà giam hay đang trốn tránh ở ngoài và với một tầng lớp dân chúng, sự thực mới được cởi mở.

12 giờ 05 Phái đoàn từ giả.

Ngài thay mặt toàn thể Phật giáo ngũ lời cảm ơn Phái đoàn và Liên Hiệp Quốc đã lưu ý đến vấn đề Phật giáo nước nhà và bước xuống đón tiễn chân Phái đoàn. Các phái viên xúc động ôm siết chặt tay Ngài, thỉnh Ngài lưu lại trên bề đoàn, họ lấy làm mừng rỡ bạch Ngài : « Chúng tôi rất cảm kích Ngài đã quá già cả mà tinh thần vẫn còn minh mẫn. »

Trong những ngày sau, theo lời yêu cầu của Hòa Thượng Hối Chủ, Phái đoàn đã đến phỏng vấn các cấp lãnh đạo Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, và Sinh viên, Học sinh trong các trại giam.



★ The determined struggle of the Vietnamese Buddhists which was waged under many forms and with all available means, except violence, had moved the U.N. and compelled it to intervene.

The U.N sent a 7-member delegation here (Ph. 2) led by Amb. Pazhawak of Afghanistan. The delegation visited the Xa Loi Pagoda (Ph. 3), interviewed the Intersect Committee for the Defense of Buddhism (Ph. 4) met with Diem (Ph. 5) and also called on the Ven. Superior Bonze Thich Tinh Khiet (Ph. 6).

The Superior Bonze gave them evidence of the Ngo family's inhuman policy towards Buddhists, that is 80 percent of the Vietnamese population.

The Ven. Superior Bonze insisted that the U.N intervene at once to save the Vietnamese people from the Ngo family's inhuman persecution.



TRANH
ĐẦU
TỚI
CÙNG



1

Đại Đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trên đường Tự Do, đang bị Cảnh sát dùng vải bố đè ngã xuống.



2

★ While the U.N delegation was in Viet Nam, the Ven. Thien My burned himself to death at Hoa Binh Square (Ph. 1). Policemen tried to extinguish the blaze with pieces of canvas, causing the Ven. Thien My to fall down (Ph. 2). But the flames burst through the canvas and forced the policemen to flee, while the Ven. martyr slowly regained his sitting position (Ph.3). After responding to the sympathy of the crowd, he fell down again and died (Ph. 4).

N GÀY 27-10-63, cùng giờ Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc tới thăm chùa Ân Quang, thì Đại Đức Thích thiện Mỹ đã tự thiêu tại Công trường Hòa Bình (đối diện Vương Cung Thánh Đường Saigon).

Đại Đức Thích thiện Mỹ đã tự thiêu ngay dưới cột đèn có gắn biển đường Tự Do. Lúc Đại Đức mới châm lửa vào áo có tằm sần ét-săng.

Đại Đức Thích Thiện Mỹ là vị Tăng thứ 7 tự thiêu đã đưa cuộc

1.11.1963 NGÀY LỊCH SỬ



Trước sự phẫn nộ của toàn dân, Quân Đội đã đứng lên diệt gia đình tàn bạo Ngô đình Diệm (Hình A).

Quân Đội Việt Nam (trong đó hơn 80% là Phật giáo) đã hoàn thành cuộc cách mạng lịch sử 1-11-1963.

Trang sử đen tối đã lật qua. Thượng Tọa Chủ tịch Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và các cấp lãnh đạo đã trở về chùa trong sự mừng đón của dân chúng (Hình B).

★ With the people's indignation at its climax, the Armed Forces rose to crush the barbaric Ngo Dinh Diem regime (Ph. A). The people and the Army-80 per cent of whom are Buddhists-achieved the historic Nov. 1 Revolution.

The darkest episode of VietNam's history had ended. The Ven. Chairman of the Intersect Committee for the Defense of Buddhism and all Buddhist leaders returned to the pagodas on a wave of joy felt by the whole people. (Ph. B).

46

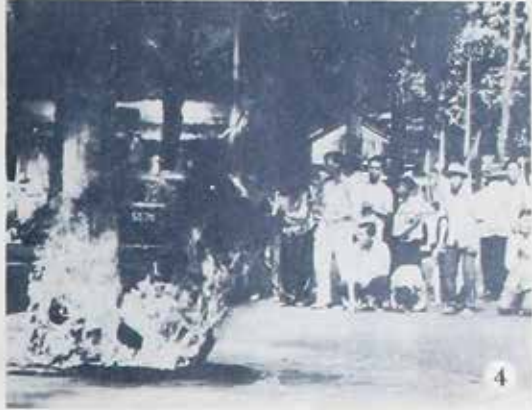


Ngon lửa quá mạnh bốc cháy cả vải bố. Cảnh sát vùng chạy, Đại Đức lại từ ngồi dậy.



3

Đại Đức dập tắt đồng bào, đoạn ngã xuống.



4

Thì một số đồng bào từ trong nhà thờ đi ra và người đi đường xúm lại bao quanh lễ Người. Một phút sau, cảnh sát ập lại, lấy chiếc mền để Đại Đức ngã xuống. Nhưng ngọn lửa bùng lớn, làm cháy luôn chiếc mền. Cảnh sát vùng chạy. Đại Đức lại từ từ ngồi ngay dậy, chấp tay vái lại những Phật tử bên đường đang lễ Người, cho đến lúc Người tịch diệt.

Sự hy sinh cao cả và phi thường của Đại Đức Thích thiện Mỹ đã gây xúc động mạnh toàn thể giới gây khó khăn cho chính quyền Diệm và cũng đã thúc đẩy phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc mau chóng hoàn tất nhiệm vụ để cứu vớt dân tộc Việt Nam.

Ngọn lửa thiêu vị Tăng thứ 7 của Phật Giáo Việt Nam đã là ngọn lửa thiêu châm vào bề cảm hờn âm ỉ

trong lòng quần dân Việt Nam bùng lên dữ dội, bốc thành cuộc cách mạng 1-11-63, đốt tan một chế độ bạo tàn.

Sự hy sinh của Đại Đức Thích thiện Mỹ quả đã đưa cuộc đấu tranh gian nan khổ cực của Phật Giáo Việt Nam đến **Toàn Thiện và Mỹ Mãn**.

tranh đấu lịch sử của Phật Giáo đến toàn thiện và mỹ mãn

B



47

TỔNG HỢP CHUỖI SỰ KIỆN

Tưởng niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân tại Khánh Hòa (1963 - 2023)

A. Tổng quát

Để tưởng nhớ công đức to lớn của Bồ tát Quảng Đức đối với đạo pháp - dân tộc, đặc biệt năm nay tròn một hoa giáp - 60 năm Bồ tát vị pháp thiêu thân, là quê hương của Bồ tát, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa quyết định tổ chức trọng thể lễ tưởng niệm Ngài trong 3 ngày 18 - 20 tháng 04 âm lịch (nhằm ngày 5 - 7/ 06/ 2023) tại chùa Long Sơn, trụ sở GHPGVN tỉnh Khánh Hòa với những hoạt động như sau: 1. Triển lãm; 2. Hội thi tìm hiểu lịch sử Bồ tát Quảng Đức; 3. Xuất bản ấn phẩm chuyên đề về Bồ tát Quảng Đức; 4. Hành hương về nơi Bồ tát đản sanh; 5. Đem hoa đăng cúng dường; 6. Văn nghệ - tọa đàm; 7. Chính lễ tưởng niệm

B. Cụ thể

1. Triển lãm: Với chủ đề “Ngọn lửa thiêng”, triển lãm đã tập hợp và giới thiệu đến đông đảo công chúng qua ba nhóm chủ đề chính:

1.1. Những kỷ vật, pháp khí, pháp bảo... liên quan đến cuộc đời của Bồ tát Quảng Đức.

1.2. Những bức ảnh tư liệu về phong trào tranh đấu của Phật giáo năm 1963, đặc biệt là giới thiệu lần đầu đến công chúng chùm ảnh về hoạt động tranh đấu của Phật giáo Khánh Hòa tại Nha Trang năm 1963.

1.3. Bên cạnh đó triển lãm còn giới thiệu đến công chúng những sáng tác Mỹ thuật lấy cảm hứng từ cuộc đời và hành trạng vĩ đại của Bồ tát Quảng Đức, cũng như những sáng tác Mỹ thuật Phật giáo nói chung của 14 họa sỹ đến từ nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Triển lãm khai mạc vào lúc 09giờ sáng ngày 12/04 và kéo dài đến hết ngày 20/4 năm Quý Mão (30/05 - 07/06/2023)

2. Hội thi

Nhằm phổ biến rộng rãi lịch sử của Bồ tát Quảng Đức đến với các em thanh thiếu niên Gia đình Phật tử (GDPT) nhân kỷ niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa đã phát động hội thi “Tìm Hiểu Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Bồ Tát Quảng Đức” dành cho các em thanh thiếu niên, và Hội thi “Em Kể Chuyện Về Cuộc Đời Bồ Tát Quảng Đức” dành cho các em thiếu nhi.

Hội thi diễn ra hai vòng, trong đó vòng loại tại các huyện thị, thành vào ngày 10/4/ âm lịch (28/05), và vòng chung kết diễn ra tại chùa Long Sơn, Nha Trang vào ngày 17/04 âm lịch (04/06/2023)

Hội thi đã thu hút sự tham gia đông đảo của con em các GDPT trong toàn tỉnh, trong đó Cam Ranh có 14 đội (mỗi đội 5 em) và 14 em nhỏ đăng ký dự thi; Cam Lâm có 21 đội và 21 em đăng ký dự thi; Khánh Sơn có 7 đội và 7 em đăng ký dự thi; Diên Khánh có 16 đội và 16 em đăng ký dự thi; Khánh Vĩnh có 5 đội và 5 em đăng ký dự thi; Nha Trang có 22 đội và 22 em đăng ký dự thi; Ninh Hòa có 17 đội và 17 em đăng ký dự thi; Vạn Ninh có 9 đội và 8 em đăng ký dự thi...

3. Xuất bản ấn phẩm: Bồ tát Quảng Đức - 60 năm ngọn lửa vẫn sáng

Đây là ấn phẩm chuyên đề về Bồ tát Quảng Đức với những nội dung như: Tiểu sử của Bồ tát và những năm tháng hành đạo ở Khánh Hòa; Những ngôi chùa Bồ tát trụ trì, trùng kiến, khai sơn trên quê hương Khánh Hòa; Sự kiện tự thiêu gây chấn động thế giới của Ngài tại Sài Gòn vào ngày 11/6/1963; phong trào tranh đấu của Phật giáo đồ năm 1963...

Sách do HT. Thích Minh Thông chủ biên với sự cộng tác của nhiều tác giả uy tín, cũng như tổng hợp nhiều nguồn tư liệu quý báu đã từng công bố trước đây. Sách dày gần 200 trang, in với số lượng 4000 bản, phát hành vào đúng dịp kỷ niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức - vị pháp thiêu thân...

4. Hành hương về nơi Bồ tát dẫn sanh

Nằm trong chuỗi sự kiện tưởng niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức - vị pháp thiêu thân, vào sáng ngày 18/04 âm lịch (05/06/2023), Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức chương trình hành hương về nơi Bồ tát Quảng Đức chào đời như một dịp nhắc nhở mọi người về thông điệp “Uống nước nhớ nguồn”. Đặc biệt, qua hình thức một đoàn hành hương khởi đi từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh (từ Cam Ranh ra Vạn Ninh) để lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng về đạo nghiệp to lớn của Bồ tát.

Đoàn hành hương có tất cả 60 xe tương ứng với con số 60 năm, đại diện cho tất cả thành, thị, huyện trong tỉnh. Đoàn khởi đi từ chùa Phước Long, TP. Cam Ranh, một ngôi chùa có liên quan đến cuộc đời của Bồ tát Quảng Đức, ra đến chùa Long Sơn, Nha Trang - trụ sở của GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, tiếp đó đoàn hướng ra Vạn Ninh, dâng hương tưởng niệm nơi nhà thờ tổ phụ của Bồ tát, và cuối cùng là dâng hương tưởng niệm tại chùa Long Sơn ở Phú Cang, nơi Bồ tát xuất gia nhập đạo.

5. Chương trình văn nghệ, tọa đàm

Tối ngày 18/04 âm lịch (05/06/2023) tại lễ đài chính, chùa Long Sơn TP Nha Trang - trụ sở của GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, đã diễn ra chương trình văn nghệ - tọa đàm với chủ đề: Bồ tát Quảng Đức - 60 năm ngọn lửa vẫn sáng, với sự quan tâm tham dự của chư tôn đức trong Ban Chứng minh, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, chư tôn đức Tăng Ni và khoảng 2000 Phật tử tham dự.

Đây là một chương trình lồng ghép giữa văn nghệ và kể chuyện lịch sử theo một kịch bản thống nhất. Một bản nhạc gọi lên một câu chuyện lịch sử và ngược lại, một câu chuyện lịch sử gọi lên một bản nhạc, qua đó tái hiện lại không khí, tinh thần, bối cảnh, diễn tiến

của giai đoạn lịch sử trước, trong và sau sự kiện tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức.

6. Lễ thấp nền tưởng niệm và tri ân

Nằm trong chương trình đại lễ tưởng niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức - vị pháp thiêu thân, tối ngày 19/04 âm lịch (06/06/2023) tại lễ đài chính, chùa Long Sơn TP Nha Trang - trụ sở của GHPGVN tỉnh Khánh Hòa đã diễn ra Lễ thấp nền tưởng niệm và tri ân Bồ tát Quảng Đức với sự tham dự đông đảo của chư tôn thiên đức Tăng Ni và hơn 2000 Phật tử.

Tại buổi lễ, ngoài phần nghi thức tụng kinh cầu nguyện, ôn lại những kỷ niệm về Bồ tát, đại chúng còn được nghe lại bài thơ bát hủ “Lửa từ bi” của thi sĩ Vũ Hoàng Chương viết ngay sau ngày Bồ tát tự thiêu để ca ngợi công đức, hạnh nguyện và sự vĩ đại của Ngài...

7. Lễ chính thức tưởng niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức - vị pháp thiêu thân.

Đây là lễ chính trong chuỗi sự kiện tưởng niệm 60 năm Bồ tát Quảng Đức - vị pháp thiêu thân.

Buổi lễ diễn ra vào lúc 06 giờ ngày 20/04 năm Quý Mão (07/06/2023) tại chùa Long Sơn - trụ sở Ban Trị sự với số lượng tham dự trên 3000 Tăng Ni, Phật tử. Ban tổ chức hân hạnh được cung đón chư tôn Trưởng lão Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự GHPGVN; chư tôn đức lãnh đạo Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành; Ban Trị sự và Tăng Ni các tự, viện trong tỉnh Khánh Hòa, chư Tôn đức Tăng Ni các tự, viện mang tôn hiệu của Bồ tát trên toàn quốc, quý quan khách thuộc các cấp chính quyền địa phương. Nội dung lễ Tưởng niệm gồm: cung tuyên Tiểu sử, lời tưởng niệm về hành trạng Bồ tát Quảng Đức của Ban Trị sự Phật giáo Khánh Hòa, lễ dâng hoa, chư Tôn Hòa thượng Chứng minh và quan khách dâng hương tưởng niệm, cuối cùng là cử hành nghi thức thiêu môn.

Buổi lễ khép lại trong niềm tự hào và hạnh phúc vô biên cho những người con Phật trên quê hương Khánh Hòa, nơi đã sản sinh ra một vị Bồ tát giữa thời hiện đại, đã đem xương máu mình giữ vững cơ đồ ngàn năm của Phật giáo nước nhà. ○

(Như Từ tổng hợp)

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Số 248 Trần Phú, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa

Điện thoại: (0237) 3852281 - 3723797 - 3853548

Fax: (0237) 3853548 - Email: nxbthanhhoa@yahoo.com

QUẢNG ĐỨC

TẬP 06 Tháng 5/ 2023

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Ths. HOÀNG VĂN TÚ

BIÊN TẬP:
Ths. VŨ QUỐC OAI
Ths. LÊ QUÝ PHƯƠNG

THIẾT KẾ BÌA & TRÌNH BÀY
GIANG PHONG

SỬA BẢN IN:
TỊNH TU

In lần thứ nhất. Số lượng: 4000 cuốn, khổ 19 x 27 cm.

Tại:

Địa chỉ:

Số xác nhận ĐKXB: 1431 - 2023/CXBIPH/ 4 - 38/ ThaH, ngày 10 tháng 5 năm 2023

QĐ xuất bản số: 95/ QĐ-NXB ThaH, ngày 11 tháng 5 năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.